JONATHAN SWIFT

GULLIVER DU KÝ

AMun vh

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Lới Giới Thiệu

Chương 1
Tác giả rời Luggnagg và đi đến Nhật bản - Từ đây tác giả quay về Amsterdam trên một con tàu Hà Lan và từ Amsterdam về nước Anh.
Chương 2
Ngựa-người dẫn tác giả đến nhà ở của mình - Mô tả căn nhà này - Cuộc đón tiếp với tác giả - Thức ăn của Ngựa-người - Tác giả băn khoăn là mình sẽ ăn gì ở đất nước này - Lối thoát khỏi tình thế khó xử - Ở đây tác giả đã ăn uống như thế nào.
Chương 3
Tác giả chăm chỉ học tiếng đại phương. - Ngựa-người chủ nhân của tác giả giúp ông học tập. - Ngôn ngữ Houyhnhnm. - Nhiều Ngựa-người quý tộc đến xem tác giả. - Ông kể vắn tắt các chuyến du lịch của mình cho chủ nhân.
Chương 4
Khái niệm của Người-ngựa về chân lý và sự giả dối. - Câu chuyện của tác giả dẫn tới sự công phẫn của chủ nhân. - Chuyện kể chi tiết hơn của tác giả về mình và các chuyến đi của mình.
Chương 5
Theo đề nghị của chủ nhân tác giả giới thiệu cho ông về tình hình đất nước Anh. - Các nguyên nhân chiến tranh giữa các quốc gia châu Âu. - Tác giả bắt đầu trình bày về hiến pháp Anh.
Chương 6
Tiếp tục mô tả nước Anh. - Vai trò của thủ tướng hay người đứng đầu cung đình châu Âu.
Chương 7
Tình yêu của tác giả với Tổ quốc. - Các nhận xét của chủ nhân với chính thể Anh. - Các quan sát của ông đối với bản chất con người.
Chương 8
Tác giả mô tả một số đặc điểm của Yahoo. - Những Ngựa-người tốt bụng vĩ đại. - Sự giáo dục thế hệ trẻ. - Tổng Hội đồng của các Ngựa-người.
Chương 9
Các cuộc thảo luận lớn của hội đồng Ngựa-người. - Những công việc của Ngựa-người. - Các công trình của họ. - Các nghi lễ mai táng. - Những thiếu sót trong ngôn ngữ của họ.

eBook by Đào Tiểu Vũ

Chương 10

Công việc nội trợ của tác giả và cuộc hạnh phúc của ông giữa Ngựa-người. - Ông hoàn thiện các phẩm hạnh. - Chủ nhân báo cho tác giả biết ông cần phải rời khỏi đất nước này. - Nỗi tuyệt vọng của tác giả khi nghe tin này. - Nhờ sự giúp đỡ của những người hầu tác giả sửa chữa con thuyền cho mình. - Tác giả ra khơi tùy vào may rủi.

Chương 11

Chuyến du lịch nguy hiểm. - Tác giả đến New Zealand và dự định ở lại đó. - Một thổ dân đã bắn tên khiến ông bị thương. - Ông bị bắt và cưỡng bức nhốt trong con tàu Bồ Đào Nha. - Thuyền trưởng đối xử tử tế với ông. - Tác giả quay trở lại nước Anh.

Chương 11

Sự ngay thật của tác giả. - Các mục tiêu mà ông đeo đuổi khi công bố tuyển tập này. - Ông chỉ trích các nhà du lịch xa rời chân lý. - Tác giả chứng minh mình không có ý định xấu khi viết cuốn sách này. - Trả lời lại một phản đối. - Phương pháp thiết chế thực dân. - Ca ngợi Tổ quốc. - Quyền lực hiển nhiên của vương miện ở các nước mà tác giả mô tả. - Khó khăn khuất phục họ. - Tác giả chia tay hoàn toàn với các độc giả. - Ông trình bày kế hoạch sống tương lai của mình, đưa ra những lời khuyên tốt và kết thúc cuốn sách.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Phần I: Cuộc Du Lịch Đến Xứ Lilliput

Phần I: Cuộc Du Lịch Đến Xứ Lilliput - Chương 1

ha tôi có một trang trại nhỏ tại vùng Nottingham. Cha tôi có năm con trai, tôi là thứ ba. Năm mười bốn tuổi, tôi đến Cambridge theo học trường Emanuel. Ba năm trời, tôi học chăm chỉ. Chẳng may, số tiền nuôi tôi ăn học tuy chẳng đáng là bao, nhưng số tiền ấy cũng đã trở thành một gánh nặng cho gia đình vốn nghèo túng. Thế là tôi bị gửi đi tập việc tại nhà giải phẫu danh tiếng của ông James Bates, một nhà giải phẫu nổi tiếng ở Luân Đôn. Tôi tập việc ở đấy bốn năm. Thỉnh thoảng, cha tôi gửi cho tôi ít tiền. Tôi dùng số tiền này để học nghề hàng hải và những môn toán cần thiết cho người đi biển, bởi vì tôi luôn luôn nghĩ rằng, một ngày mai đây, đó phải là số mệnh của tôi. Sau khi từ biệt ông Bates, tôi trở về nhà. Cha tôi, chú tôi là John cùng vài ba người họ hàng thân thân nữa gom góp cho tôi món tiền bốn mươi sterling và hứa hằng năm sẽ cung cấp cho tôi ba mươi sterling để tôi ăn học ở Leyden. Tôi học ngành thuốc trong thời gian hai năm, bảy tháng, tôi biết rằng nghề chữa bệnh này rất cần thiết cho những cuộc du lịch lâu dài.

Ở Leyden về nhà chẳng được bao lâu, tôi được ông Bates giới thiệu cho làm một chân thầy thuốc trên tàu Con Nhạn, dưới quyền chỉ huy của thuyền trưởng Abraham Pannel. Tôi làm việc với ông ta ba năm ruỡi, đi một vài chuyến sang vùng biển phương Đông và vài ba nơi khác trên thế giới. Về đến nhà, tôi quyết định ở lại Luân Đôn. Ông Bates khuyến khích tôi ở lại, giới thiệu cho tôi nhiều bệnh nhân của ông. Tôi thuê một ngôi nhà nhỏ ở xóm Jewry. Nghe lời mọi người khuyên nên lấy vợ, tôi cưới cô Mary Burton, con gái thứ hai ông Edmund Burton, một người làm nghề khâu mũ vải ở phố Newgate. Tôi được hưởng của hồi môn trị giá bốn trăm sterling.

Nhưng hai năm sau, ông Bates - thầy học của tôi - qua đời. Tôi vốn ít giao thiệp nên công việc bắt đầu sút dần, vì lương tâm không cho phép tôi bắt chước dùng những mánh khóe như một số bạn đồng nghiệp. Sau khi bàn bạc với vợ tôi và mấy người bạn, tôi quyết định lại đi biển. Tôi nhận chân thầy thuốc trên hai con tàu. Và trong sáu năm trời, tôi đã đi nhiều chuyến sang Nam Dương và sang Mỹ. Nhờ vậy mà số tiền tôi để dành đã được kha khá. Những lúc rỗi, tôi có đọc các tác giả cổ kim hay nhất, vốn lúc nào tôi cũng mang theo sách bên mình. Khi lên đất liền, tôi quan sát phong tục tập quán của người địa phương và học tiếng nói của họ, vì trí nhớ của tôi rất tốt nên tôi học khá dễ dàng.

Chuyến đi cuối cùng của tôi không may mắn lắm, nên tôi chán nghề đi biển và quyết định ở nhà với vợ con. Tôi dời nhà khỏi khu Old Jewry, sang khu Fetter Lane, rồi sang khu Wapping, với niềm hy vọng kiếm được nhiều việc làm với anh em thủy thủ. Nhưng tôi đã tính toán sai. Sau ba năm cố gắng thu xếp công việc không có kết quả, tôi nhận lời thuyền trưởng William Prichard, chỉ huy tàu Antelope đi về biển phương Nam. Ngày 4 tháng 5 năm 1699, chúng tôi dời bến Bristol. Thoạt đầu, chuyến đi rất thuận buồm xuôi gió.

Tôi sẽ làm bạn đọc khó chịu nếu tôi kể tỉ mỉ với các bạn những cuộc phiêu lưu trên mặt biển phương Nam. Bạn đọc chỉ cần biết rằng, khi chúng tôi đang tiến về phía quần đảo Nam Dương, thì một cơn bão dữ dội cuốn thuyền chúng tôi về hướng tây bắc miền Van Diemen. Khi định được phương hướng, chúng tôi thấy mình đang ở vĩ tuyến nam 30 độ 2 phút. Mười hai người trong đoàn thủy thủ đã chết vì kiệt sức và thiếu ăn, những người còn sống trông rất thảm hại. Ngày 5 tháng mười một nghĩa là vào đầu mùa hè ở cái phần quả địa cầu này, qua màn sương mù dày đặc một thủy thủ bỗng thấy một mỏm đá cách tàu có một sải tay. Nhưng gió thổi mạnh quá, tàu đâm sầm vào tảng đá. Sáu anh em chúng tôi thả được chiếc sà-lúp xuống biển, cố sức bơi xa con tàu và mỏm đá. Chèo mãi, chèo mãi, chúng tôi đi được ba dặm. Nhưng kiệt sức vì những công việc chống chọi trên con tàu lúc trước nên chúng tôi không còn hơi để chèo nữa và chúng tôi mặc cho sóng cuốn di. Khoảng nửa giờ sau, một cơn gió giật lật úp sà-lúp.

Số phận năm người bạn và những thủy thủ mắc ở mỏm đá, tôi không biết ra sao. Nhưng chắc họ chết cả rồi. Một mình tôi cứ thế bơi theo hướng gió thổi và thủy triều. Nhiều khi tôi đưa chân quờ quạng xem đã tới đất chưa, nhưng chẳng thấy gì. Đúng lúc tôi đã kiệt sức, định bỏ cuộc chiến đấu, thì chân tôi chạm tới đất, lúc này bão đã ngớt. Dốc thoai thoải kéo dài nên tôi phải lần đi gần một dặm mới tới bờ. Lúc ấy chắc đã tám giờ tối. Tôi tiếp tục đi gần nửa dặm nữa mà chẳng thấy dấu vết nhà cửa hay bóng người. Hoặc, vì mệt quá nên tôi chẳng trông thấy gì. Đã kiệt sức lại thêm nóng bức, và tôi đã uống nửa chai rượu mạnh lúc dời bỏ con tàu, nên lúc này tôi buồn ngủ quá. Tôi nằm lăn xuống bãi cỏ rất mịn, ngủ một giấc say như chết khoảng chín tiếng đồng hồ, vì lúc thức dậy, trời đã hửng sáng. Tôi cố ngồi dậy nhưng không sao động đậy được. Đúng thế, lúc ấy tôi nằm ngửa, tôi thấy hai tay hai chân tôi bị trói chặt xuống đất, cả cái mớ tóc dài và rậm của tôi cũng bị buộc chặt xuống đất. Cả mình tôi, suốt từ nách đến đùi, đầy những dây rợ mỏng manh chằng chịt. Tôi chỉ có thể nằm ngửa nhìn trời mà thôi. Mặt trời đã lên cao làm tôi chói cả mắt. Tôi nghe thấy tiếng rì rầm, nhưng tôi nằm kiểu ấy nên chẳng thấy gì ngoài bầu trời. Một lát sau, tôi thấy một cái gì động đậy, bò bò trên chân trái tôi, nhẹ nhàng tiến lên đến ngực, rồi đến cằm. Tôi cố hết sức cúp mắt nhìn xuống thì thấy đó là một người bé tí xíu cao độ 6 inch, tay cung, tay tên, lưng đeo một cái ống đựng tên. Cùng lúc ấy, tôi đoán phỏng chừng bốn mươi người khác, cũng cỡ ấy đang đi theo anh ta.

Kinh ngạc hết sức, tôi gầm lên làm cả toán khiếp hãi bỏ chạy tán loạn. Sau này, người ta kể cho tôi biết số người tí hon ấy xô nhau nhảy từ sườn tôi xuống đất đã bị thương. Nhưng rồi họ quay trở lại và một người liều mình đến tận mặt tôi xem cho rõ, rồi mắt nhìn lên trời, hai tay giơ cao lên, ra vẻ thán phục lắm và kêu lên một tiếng tuy the thé nhưng rõ ràng: Hekinah degul. Những người khác nhắc lại nhiều lần những tiếng ấy, nhưng tôi chẳng hiểu gì hết. Trong khi ấy, tôi cứ nằm trong cái thế rất bất tiện, như bạn đọc có thể hình dung được. Sau cùng, tôi lấy hết sức bình sinh để tự giải phóng, may thay những dây trói và cọc buộc tay trái tôi đứt bung. Tôi giơ tay lên mặt và biết cách họ đã trói tôi như thế nào. Cùng lúc ấy, tôi lắc đầu mạnh một cái và thấy đau điếng. Những dây buộc tóc tôi về phía trái chùng lại một chút, thế là tôi có thể ngóc đầu được vài phân. Nhưng, những chú bé tí hon ấy lại ù té chạy, tôi chẳng bắt được chú nào. Rồi những tiếng hò vang dậy. Sau đó một người hô to: tolgo phonac. Bỗng tôi thấy hàng trăm mũi tên cắm phập vào bàn tay trái, như hàng trăm mũi kim. Họ còn bắn một loạt súng lên không, như thể ta bắn đại bác vậy. Nhiều mũi tên bắn trúng người tôi (mặc dù tôi chẳng cảm thấy gì), bắn trúng mặt tôi, tôi vội vàng đưa bàn tay trái lên che mặt. Khi cơn mưa tên chấm dứt, tôi rên lên vì buồn bực và đau đớn. Tôi cố giằng cho đứt dây trói một lần nữa, tức thì lại một trận mưa tên vèo vèo, mau hơn đợt trước. Một số kẻ còn lấy giáo đâm vào sườn

tôi. Cũng may tôi mặc cái áo da trâu, nên không sao cả. Tôi nghĩ không nên động đậy nữa là khôn hơn cả và định cứ nằm ì ra đó đến tận đêm tối, khi đó tôi sẽ dùng tay trái để cởi tất cả dây trói. Còn đối với dân cư xứ này, tôi tính một mình tôi có thể đương đầu với một đoàn quân lớn, miễn là người nào cũng bé nhỏ như những người tôi vừa trông thấy. Tôi có ý định như vậy, nhưng số phận lại quyết định cách khác. Thấy tôi nằm im, họ thôi không bắn nữa. Nghe tiếng ầm ầm, tôi biết là họ kéo đến ngày một đông hơn. Cách tôi chừng hai fathom [1] về bên tay phải, tôi nghe thấy tiếng những người thợ đang đóng cái gì. Tôi cố hết sức ngoái đầu lại và nhìn thấy một cái bục cao có bốn người đứng và có hai hay ba cái thang.

Đứng trên bục, một người có vẻ quyền cao chức trọng đang đọc một bài diễn văn dài cho tôi nghe, nhưng tôi chẳng hiểu được đến một chữ. Nhưng trước tiên, cần biết rằng trước khi đọc bản hiệu triệu, nhân vật này đã kêu lên ba lần: lang ro dehul san (những tiếng này, cũng như những tiếng tôi đã kể bên trên, sẽ được nhắc lại và sẽ được giải thích ở bên dưới). Sau bài diễn văn, chừng năm chục người đến cắt những sợi dây buộc phía đầu bên trái tôi, thế là tôi tha hồ ngoảnh sang bên phải để quan sát dáng điệu của người vừa đọc diễn văn. Có lẽ anh ta trạc tuổi trung niên và trông có vẻ bệ vệ hơn ba anh kia. Một anh là người hầu, bởi vì tôi thấy anh này nâng vạt áo sau của anh trước và chỉ nhỉnh hơn ngón tay giữa của tôi một chút. Hai người khác thì kẻ đứng bên phải, người đứng bên trái để giúp anh ta. Quả anh ta là một nhà hùng biện có tài, tôi có thể nhận thấy nhiều đoạn đe dọa và nhiều đoạn hứa hẹn, rộng lượng và khoan dung. Tôi đáp lại vài ba lời bằng một giọng quy phục, tay trái giơ lên và mắt ngước nhìn mặt trời như thể muốn là trời làm chứng giám. Tôi đói gần chết, bởi vì trước khi dời con tàu, từ lâu tôi không được ăn uống gì. Thôi thì mặc những phép tắc của lối xã giao tối thiểu, bởi vì dạ dày tôi lúc đó đang gào thét, tôi nóng lòng nóng ruột đưa ngay mấy ngón tay vào mồm, ra ý đòi ăn. Viên quan hurgo (tiếng gọi viên quan đại thần, theo như tôi hiểu từ ấy) hiểu ngay. Ông ta xuống đất và ra lệnh cho bắc nhiều thang bên sườn tôi. Trên một trăm người leo lên thang, tiến về phía miệng tôi, họ vác những thúng thịt đầy ăm ắp. Những thức ăn đó đã được chuẩn bị và cung cấp theo lệnh của nhà vua, ngay từ khi vua được tin tôi đến xứ sở của ngài. Tôi nhận ra các loại thịt của một thú vật, nhưng không phân biệt được đích xác thịt gì. Có thịt vai, có chân giò, lườn, thái từng miếng như thịt cừu, làm rất khéo nhưng nhỏ hơn cánh chim cắt. Tôi nhai hai ba miếng một lần và chén một miếng ba khoanh bánh to bằng viên đạn súng hỏa mai. Những người tí hon ra sức xúc rất nhanh cho tôi, ai nấy đều tỏ vẻ hết sức thán phục và ngạc nhiên trước cái thân hình khổng lồ và sức ăn ghê gớm của tôi. Sau đó tôi ra hiệu muốn uống nước. Thấy tôi ăn nhiều như thế, những người tí hon đoán chắc tôi uống không ít. Rất khéo léo và tài tình, họ đưa được lên bàn tay tôi cái thùng ton-nô to nhất rồi tháo nắp ra. Tôi uống một hơi cạn thùng, cái đó chẳng có gì lạ, bởi vì nó chỉ bằng một chén nước, vị gần giống như rượu vang Burgundy hảo hạng và ra hiệu còn muốn uống nữa, nhưng không còn thùng nào. Sau khi thấy tôi lập những chiến công lừng lẫy như vậy, họ hò reo vui vẻ và vừa nhảy múa trên ngực tôi vừa nhắc lại nhiều lần mấy tiếng lúc trước: hekinah degul. Họ ra hiệu cho tôi ném hai cái thùng xuống. Họ hét lên mấy tiếng: borach mevolah để bảo mọi người tránh ra xa. Khi thấy mấy cái thùng tung lên trời, họ đồng thanh reo lên: hekinah degul. Thú thật là khi họ đi đi lại lại trên người tôi, lắm lúc tôi muốn túm lấy bốn, năm chục chú, vứt xuống đất. Nhưng nhớ lại sự đau đớn, và chắc đó chưa phải là những đòn đau nhất họ có thể dành cho tôi, và nhớ lại lời hứa danh dự khi tôi có vẻ quy phục, tôi vội vàng bỏ cái ý định điên rồ ấy đi. Thêm nữa, bây giờ tôi tự coi như đã bị ràng buộc vào những quy tắc của một người khách đối với một dân tộc đã đón tiếp tôi một cách khoan dung và trang trọng như vậy. Và, càng suy nghĩ, tôi càng khâm phục lòng can đảm của những chú bé tí hon

đã có gan trèo lên mình tôi, đi đi lại lại trong khi một tay tôi không bị trói, và họ không hề run sợ khi trông thấy một sinh vật kỳ dị như tôi. Một lát sau, thấy tôi không đòi ăn nữa, một viên quan đại thần, nhân danh đức vua, ra trước mắt tôi. Ông ta trèo lên chân phải tôi, cùng mười hai người tùy tùng tiến lên mặt tôi.

Ông quan đại thần mở ra một giấy ủy nhiệm có áp triện rồng rồi đặt trước mặt tôi, ông ta nói một hồi đến mười phút, giọng không có gì giận dữ nhưng rất kiên quyết, nhiều lần giơ tay về một phía - sau này tôi mới hiểu là phía thủ đô, cách khoảng nửa dặm, nơi hoàng thượng cùng Hội đồng đã quyết nghị dời tôi về đấy. Tôi đáp lại vài ba tiếng, nhưng mất công toi. Tôi liền lấy tay trái làm hiệu tôi muốn được hoàn toàn tự do, bằng cách áp tay trái vào cánh tay phải - cố tránh giơ tay qua đầu viên quan, sợ đụng phải ông ta và đoàn tùy tùng. Hình như ông ta hiểu cả, bởi vì ông ta lắc đầu và lấy tay làm hiệu cho tôi biết rằng tôi sẽ bị khiêng đi như một người tù. Song, ông ta lại ra hiệu cho tôi biết, tôi sẽ được ăn uống đầy đủ và sẽ được đối đãi tốt. Thấy vậy, một lần nữa, tôi muốn dứt những dây trói. Nhưng nghĩ đến nhưng mũi tên cắm tua tủa trên mặt và tay, nay nhiều nốt đã sưng vù và còn nhiều mũi tên vẫn cắm chặt vào thịt, tôi đành quyết định phải quy phục không điều kiện. Thế là viên Hurgo và đoàn tùy tùng rút lui với những lễ nghi rất lịch sự. Một lát, tôi nghe thấy tiếng hò reo, mấy tiếng: peplom selan luôn luôn được nhắc lại. Tôi cảm thấy một đoàn người rất đông đang nới bớt dây trói cho tôi ở phía sườn bên trái. Thế là tôi có thể quay mình sang bên phải, cứ thế đái một bãi to tướng, nhẹ hẳn người. Những người xung quanh hết sức ngạc nhiên, họ thấy tôi cử động và đoán được tôi sẽ làm gì, nên tức khắc giạt ra hai bên để tránh con suối cứ tồ tồ và dữ dội phun ra từ người tôi. Trước đó, họ xoa lên mặt và tay tôi một thứ dầu thơm mát, làm cho chỉ vài phút sau những vết thương dịu hẳn đi. Đã dễ chịu như thế, lại thêm một bữa ăn uống no nê, nhiều chất bổ, nên tôi buồn ngủ díp mắt lại. Tôi đánh một giấc tám tiếng đồng hồ liền - sau này người ta bảo tôi như vậy. Cái đó chẳng có gì lạ, bởi vì, theo lệnh của nhà vua, thầy thuốc đã pha thuốc ngủ vào hai thùng rượu.

Hình như vừa thấy tôi nằm ngủ trên bờ biển, người ta báo tin ngay cho đức vua. Hội đồng họp và quyết nghị tôi sẽ bị trói như đã kể bên trên (tôi bị trói lúc ban đêm, khi tôi ngủ li bì), thức ăn và đồ uống được đưa đến cho tôi và người ta chuẩn bị một cái xe để chở tôi về thủ đô.

Theo tôi, quyết định cuối cùng này táo bạo và nguy hiểm. Và tôi tin rằng, trong những trường hợp tương tự, không một ông vua nào ở châu Âu dám làm như thế cả. Song, theo tôi nghĩ, đó là một hành động khôn ngoan và độ lượng. Bởi vì, giả dụ những người tí hon này định giết tôi bằng cung tên và giáo mác trong lúc tôi ngủ, tôi có thể bị đau mà thức dậy, lúc ấy, tôi sẽ phát cáu lên, và sức khỏe có thể tăng gấp bội, đủ để dứt tung dây trói. Thế là, họ đâu có đủ sức chống lại tôi, họ có thể bị giết sạch.

Những người tí hon là những nhà toán học tuyệt vời và có một kỹ thuật hoàn hảo, bởi vì đức vua của họ vốn nổi tiếng là ưu đãi các nhà khoa học, thường khuyến khích nghiên cứu các công trình kỹ thuật. Vua có nhiều máy đặt trên bánh xe để chuyên chở gỗ và các đồ vật nặng khác. Nhiều khi, vua cho đóng tàu chiến lớn ở ngay trong rừng (có những chiếc tàu dài tới chín mươi foot[2]) và cho vận chuyển đến tận biển, cách đó có khi tới một trăm rưỡi hay hai trăm fathom.

Năm trăm thợ mộc và kỹ sư tức khắc được huy động để làm ngay một cái máy đồ sộ nhất. Đó là một cái khung bằng gỗ, cao hơn mặt đất ba inch dài chừng bảy foot, rộng bốn foot, đặt trên hai mươi hai bánh xe. Những tiếng hò reo tôi nghe thấy lúc nãy là do người ta thấy cái máy ấy được chuyển tới. Cái máy được hoàn thành không quá bốn tiếng đồng hồ. Người ta đặt nó song song với chiều tôi nằm. Điều

khó nhất là nhấc được tôi và đặt lên xe. Hai mươi hai cái cọc cao một foot đã được nối bằng những cái móc, móc vào nhưng dây băng dài quấn quanh cổ, tay, chân và mình tôi. Chín trăm người được lựa chọn cẩn thận, có trách nhiệm kéo những dây thừng buộc vào cột có bánh xe. Thế là chưa đến ba tiếng đồng hồ, người ta nhấc được tôi lên và đặt trên xe, rồi trói chặt tôi lại. Tất cả những câu chuyện này, về sau tôi được nghe kể lại, bởi vì lúc ấy tôi ngủ li bì. Một nghìn rưỡi con ngựa khỏe nhất của vua - mỗi con cao chừng bốn inch rưỡi - kéo tôi về thủ đô, ở cách đấy một nửa dặm, như tôi đã nói.

Chúng tôi lên đường được chừng bốn giờ thì bất thần một việc làm ngu ngốc đánh thức tôi dậy. Lúc ấy, chiếc xe dừng lại một lát để sửa một bộ phận bị trục trặc, ba hay bốn cậu thanh niên tò mò muốn xem tôi lúc ngủ. Các cậu leo lên xe, rón rén tiến đến mặt tôi. Một cậu - một sĩ quan cận vệ - lấy ngọn giáo thọc khá sâu vào lỗ mũi bên trái của tôi. Tôi thấy buồn buồn như có cọng rơm cù lỗ mũi, liền hắt hơi một cái. Thế là các cậu nhanh nhẹn lủi mất. Ba tuần lễ sau tôi mới biết tôi bị đánh thức dậy như thế nào. Suốt ngày hôm ấy, chúng tôi đi như vậy. Đêm đến, năm trăm người canh gác tôi, cả bên phải và bên trái, kẻ cầm đuốc, người cầm tên và nỏ, tư thế sẵn sàng nhả tên nếu tôi động đậy. Khi mặt trời mọc, chúng tôi lại đi, đến giữa trưa, thì còn cách cổng thành chừng một trăm fathom. Hoàng thượng và cả triều đình ra đón chúng tôi nhưng các vị tướng cao cấp nhất định không để cho hoàng thượng leo lên mình tôi, sợ nguy hiểm đến tính mệnh.

Nơi cỗ xe đỗ có một ngôi đền cổ, là nơi rộng nhất vương quốc. Cách đây mấy năm, ở nơi này xảy ra một vụ giết người gớm ghiếc, nên theo tôn giáo của xứ sở nơi đó bị coi là một nơi uế tạp. Bởi vậy, nó chỉ còn dùng vào việc bình thường, mọi vật trang hoàng, bàn ghế đều bị mang đi hết. Đấy, tôi phải ở nơi như thế. Cái cổng lớn quay về phương bắc, cao bốn foot, rộng gần hai foot tôi có thể bò toài vào một cách dễ dàng. Hai bên cổng có cửa sổ cao hơn mặt đất gần sáu inch. Những thợ rèn của nhà vua đã luồn qua cửa sổ bên trái chín mươi mốt cái xích to bằng dây đeo đồng hồ của phụ nữ châu Âu, người ta quấn dây xích vào cổ chân tôi rồi khóa lại bằng ba mươi sáu cái khóa. Bên kia đường cái, trước mặt ngôi đền, cách xa chừng hai mươi foot, có một cái tháp cao ít nhất là năm foot. Vua thường leo lên đấy cùng với các quan đại thần để nhìn tôi - sau này người ta kể lại cho tôi biết, bởi vì tôi không thể trông thấy họ. Người ta ước tính có đến trên mười vạn dân thủ đô ra ngoại thành để xem tôi. Và mặc dù lính gác ngăn cản, tôi tính có đến một vạn người dùng thang leo lên mình tôi. Về sau, một sắc lệnh cấm mọi người làm như vậy, ai vi phạm sẽ bị xử tử. Khi những người thợ chắc chắn rằng tôi không thể dứt xiềng xích ra được, người ta mới cởi mọi dây trói. Thế là tôi ngồi dậy, lòng buồn tê tai. Thấy tôi ngồi dậy, mọi người tỏ vẻ sửng sốt và ngạc nhiên không sao tả được. Xích quấn chân trái tôi dài khoảng sáu foot, khiến tôi không những đi lại được một nửa vòng tròn, mà còn có thể bò toài được vào ngôi đền và nằm dài trong đó.

Chú thích [1] 1 fathom bằng 1, 82m.

[2] 1 foot bằng 30, 48 cm

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift
www.dtv-ebook.com

Chương 2

ứng dậy, tôi nhìn chung quanh, phải công nhận rằng tôi chưa hề thấy cảnh tượng nào xinh xắn nhường ấy. Vùng chung quanh giống như một khu vườn, đồng ruộng mỗi bề bốn mươi foot, có rào bao vây, trông như những luống hoa. Xen vào đồng ruộng là những khu rừng thưa rộng chừng nửa cây sào, cây to nhất hình như cao không quá bảy foot. Bên trái là thành phố, giống duy nhất trong đời. tôi làm một việc bẩn thỉu như vậy. Nhưng rồi chẳng thể không nghĩ rằng, bạn đọc yêu mến sẽ tha thứ cho tôi, sau khi suy nghĩ nghiêm chỉnh và vô tư về hoàn cảnh của tôi và cái bi đát trong trường hợp này. Từ hôm ấy, tôi tập thói quen làm cái nhu cầu tự nhiên ấy vào lúc mới dậy, ở giữa trời, sau khi đi hết sợi xích. Mỗi sáng người ta xúc cái của quý ấy vào mấy cái xe đóng kín. Hai người tí hon được chỉ định làm việc này. Tôi sẽ không miêu tả dài dòng việc này, thoạt đầu có vẻ chẳng quan trọng vì: nếu tôi không coi là cần thiết phải làm cho mọi người có một ý niệm chính xác về đức tính sạch sẽ của tôi. Bởi vậy, người ta kể rằng có những kẻ muốn ám hại tôi, thích thú làm cho mọi người nghi ngờ cái đức tính này của tôi.

Việc xong xuôi, tôi ra khỏi nhà hít thở không khí mát mẻ. Vua đã từ trên tháp bước xuống, ngài cưỡi ngựa, tiến về phía tôi. Ngài suýt phải trả một giá đắt. Mặc dù con ngựa rất tinh khôn, nhưng nó chưa hề trông thấy con quái vật như tôi. Trước cái núi biết động đậy, nó lồng lên. Đức vua, mặc dù cưỡi ngựa tài giỏi, chỉ có thể ngồi trên yên cho đến khi đoàn người hầu chạy đến ghì ngựa lại. Khi ngài đã xuống ngựa, ngài ngắm nhìn tôi, vẻ rất khâm phục, nhưng vẫn đứng ngoài tầm với của tôi. Ngài ra lệnh cho những tay đầu bếp và những người hầu mang cỗ bàn, rượu thịt ra cho tôi. Tức khắc, mấy xe được- chở đến. Tôi nhanh nhảu mang mọi thứ xuống. Khoảng hai chục xe chất đầy thịt và một chục xe chở nước uống. Mỗi xe thịt tôi ăn hai, ba miếng là hết, tôi đổ mười cái chum sứ chứa trong một xe vào miệng và tu một hơi. Những xe khác, tôi cũng làm như vậy. Hoàng hậu và các hoàng tử, công chúa, cùng đoàn nữ tì, dừng lại khá xa trên kiệu.

Khi xảy ra cái việc không hay cho con ngựa của vua, họ mới bước cả xuống đất và đến bên vua mà tôi xin miêu tả bây giờ. Vua cao hơn tất cả triều thần một cái móng tay của tôi, như thế cũng đủ làm cho mọi người phải khiếp sợ. Nét mặt cương nghị và cường tráng, cái miệng kiểu dân nước Áo, mũi khoằm, nước da ngăm ngăm, dáng đứng thẳng, thân mình, tay chân cân đối, cử chỉ duyên dáng và tư thế oai nghiêm. Ngài hai mươi tám tuổi, đã qua tuổi hoa niên và đã trị vì bảy năm đầy hạnh phúc, bởi vì ngài chỉ có chiến thắng. Để nhìn ngài được rõ hơn, tôi nằm nghiêng, mặt tôi ngang với mặt ngài. Ngài đứng cách tôi chỉ một fathom rưỡi. Song, từ ngày ấy, đã biết bao lần tôi cầm ngài trong tay, nên tôi miêu tả ngài chả thể sai lầm được. Y phục của ngài rất giản dị, cắt kiểu nửa châu Âu, nửa châu Á. Ngài đội một cái mũ bằng vàng nạm ngọc, cắm một cái lông chim. Ngài cầm trong tay một thanh kiếm, sẵn sàng tự vệ nếu tôi bẻ gẫy xích. Kiếm dài tài ba inch, đốc kiếm và bao kiếm bằng vàng nạm kim cương. Giọng nói thanh, rất trong và rõ ràng, ngay khi tôi đứng tôi cũng nghe rõ từng

tiếng một. Các công chúa cùng các cung tần mỹ nữ và triều thần ăn mặc lộng lẫy, nên nơi họ đứng làm ta hình dung như một cái váy thêu hoa vàng và bạc, trải xuống đất. Đức vua luôn miệng nói chuyện với tôi và tôi đáp lại, nhưng chúng tôi không hiểu nhau đến một tiếng. Một số nhà tu hành và luật gia (tôi đoán vậy, theo y phục của họ) dự vào câu chuyện của chúng tôi. Họ được lệnh nói chuyện với tôi, tôi đáp lại bằng tất cả mọi thứ tiếng mà tôi biết loáng thoáng, tiếng Đức bình dân, tiếng Đức bác học, tiếng Latin, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng ý, tiếng pha tạp Franca[1] nhưng đều vô hiệu. Khoảng hai giờ sau, các vị rút lui. Tôi được một đội cận vệ canh giữ không cho đám người đông đảo hỗn xược và độc ác cứ định đổ ào vào tôi. Có kẻ táo bạo nhằm bắn tôi mấy mũi tên lúc tôi ngồi ở bậc cửa, có mũi suýt trúng mắt trái. Viên sĩ quan chỉ huy tức khắc cho bắt sáu kẻ cầm đầu, và nghĩ rằng cách trừng phạt tốt nhất là trói họ lại, nộp cho tôi. Những người lính lấy ngọn giáo đẩy họ vào đến tầm với của tôi. Tôi túm lấy cả bọn, nhét năm chú vào túi áo. Còn chú thứ sáu, tôi làm ra vẻ muốn nhai sống. Chú ta thét lên khủng khiếp. Viên sĩ quan chỉ huy và các sĩ quan khác rất lo lắng nhất là khi thấy tôi rút con dao ở túi ra. Nhưng họ hết sợ hãi ngay khi thấy tôi nhẹ nhàng cắt dây trói và khẽ đặt chú ta xuống đất. Chú ta chạy bán sống bán chết. Tôi móc ở túi ra từng chú một và làm y hệt như vậy. Tôi nhận thấy vẻ xúc động mạnh mẽ trên nét mặt những người lính và dân chúng trước lòng rộng lượng của tôi. Câu chuyện này đến tai vua cùng triều đình, và có lợi cho cuộc đời tôi sau này.

Tối đến, tôi buồn bã trườn vào căn nhà và nằm dài trên đất. Cứ như vậy độ mười lăm ngày. Trong khi đó, vua hạ lệnh đóng cho tôi một cái giường. Sáu trăm cái nệm giường bình thường được mang đến và chất trong nhà. Một trăm năm mươi cái khâu liền với nhau đủ làm nệm cho tôi. Người ta chất bốn tầng nệm như thế, gọi là tạm đủ để tôi khỏi phải nằm trên nền đá cứng. Họ còn tính toán, làm cho tôi khăn trải giường, chăn đắp, chăn phủ chân, khá dễ chịu cho những kẻ như tôi, từ lâu nay vẫn phải gối đất nằm sương.

Cái tin tôi đến xứ sở này đã lan tràn vương quốc. Những người giàu có, nhàn rỗi hay tò mò đến xem tôi đông vô kể. Làng mạc khắp xứ vắng tanh vắng ngắt. Nếu đức vua không ngăn chặn trước bằng những pháp lệnh cần thiết thì việc đồng áng và cuộc sống hằng ngày sẽ bị thất thiệt nhiều. Những ai đã được thấy tôi phải trở về nhà ngay và không được đến gần tôi quá hai mươi lăm fathom nếu không có giấy phép đặc biệt. Vì vậy, các vị tổng trưởng tha hồ kiếm chác.

Trong khi đó, vua mở nhiều hội nghị thảo luận cách đối xử với tôi. Sau này, tôi được một người bạn chí thiết - một viên quan quý tộc biết mọi bí mật - cho biết triều đình rất lúng túng. Một mặt, họ sợ tôi có thể bẻ gãy xiềng xích, mặt khác, họ sợ việc nuôi tôi tốn kém quá, có thể gây nên nạn đói trong nước. Có lúc họ thiên về ý định để mặc cho tôi chết đói, hoặc ít nhất cũng bắn nhưng mũi tên tẩm thuốc độc vào mặt, vào tay tôi cho tôi chết. Nhưng như vậy cái xác khổng lồ của tôi thối rữa ra, có thể gây nên nạn dịch trong thành phố, rồi lan ra toàn quốc. Giữa lúc bàn cãi ấy, mấy viên sĩ quan đến trình diện ở cái cửa lớn của phòng hội nghị, hai người được đưa vào phòng, kể lại đầu đuôi sự việc đã xảy ra với sáu kẻ dại dột như tôi trình bày bên trên. Báo cáo này làm đức vua và tất cả hội nghị xúc động, vì vậy vua ban lệnh ngay tức khắc: những người ở năm trăm fathom chung quanh thành phố có nhiệm vụ cung cấp mỗi sáng sáu con bò, bốn mươi con cừu và các thứ thịt khác, với một tỷ lệ tương ứng bánh mì, rượu vang và đồ uống khác. Vua sẽ phát phiếu ngân khố để trả tiền số lương thực, thực phẩm ấy. Vua sống về lợi tức đất đai riêng của mình, chỉ khi có những sự việc lớn mới thu thuế của thần dân. Người dân phải đóng góp và phụng sự nhà vua những khi có chiến tranh. Riêng tôi được sáu trăm người hầu hạ, những người này được hưởng lương bổng. Hai bên cửa nhà tôi, người ta căng những lều vải cho họ ở, rất thuận tiện. Ba trăm thợ may được lệnh may cho tôi một bộ

quần áo kiểu xứ sở, và sáu nhà bác học uyên thâm bậc nhất sẽ dạy tôi học tiếng Lilliput.

Sau cùng, ngựa của vua và của cả hoàng tộc thường được dắt đến gần tôi để chúng trông cho quen mắt. Tất cả các lệnh được nghiêm chỉnh chấp hành. Chỉ ba tuần lễ, tôi đã tiến bộ nhiều trong việc học tiếng địa phương. Thời gian đó, đức vua hạ cố đến thăm tôi luôn và ngài rất vui thích giúp đỡ các giáo sư của tôi. Chúng tôi bắt đầu trao đổi với nhau được vài ba câu chuyện. Những tiếng tôi học đầu tiên là để: "Xin hoàng thượng cho tôi được tự do". Hằng ngày, tôi quỳ xuống nhắc lại lời van xin ấy. Vua đáp lại rằng - tôi cố gắng hết sức để hiểu được như vậy - "Đó là vấn đề thời gian, và không thể giải quyết nếu không có ý kiến của Hội đồng và trước hết tôi phải "lumos Kelmin pesso desmar lon Emposo", tức là phải tuyên thệ gìn giữ hòa bình với vua và xứ sở của Ngài. Trong khi chờ đợi, tôi được đối xử rất tốt. Ngài khuyên tôi nên lấy lòng kiên trì và đức hạnh mà chinh phục lòng yêu mến của Ngài và của dân chúng.

Ngài tỏ ý muốn tôi chớ phật lòng khi có lệnh cho những viên chức có thẩm quyền khám xét tôi. Bởi vì, chắc chắn là tôi có mang khí giới, mà khí giới nếu tương ứng với thân hình tôi, thì thật đáng sợ vô cùng. Tôi lắp bắp mấy tiếng và ra hiệu rằng, để làm đẹp lòng ngài, tôi sẵn sàng tự tước hết vũ khí và lộn mọi túi trước mặt ngài. Vua trả lời rằng, theo pháp luật của xứ sở, hai viên chức sẽ khám xét tôi, mà cần phải được sự đồng ý và sự giúp đỡ của tôi. Ngài đánh giá khá cao lòng rộng lượng và ý thức tự giác của tôi, nên mới dám trao họ cho tôi. Ngài nói thêm: tất cả mọi thứ bị tịch thu sẽ được trả lại cho tôi khi tôi từ biệt xứ sở ra đi, hoặc được bồi thường bằng số tiền do tôi quyết định.

Thế là tôi cầm lấy hai vị viên chức nhét vào túi áo ngoài, rồi vào tất cả các túi khác, trừ hai cái và một cái túi bí mật mà tôi không muốn bị lục lọi, bởi vì những túi này đựng một vài thứ cần thiết cho tôi. Một túi đựng đồng hồ, một túi đựng tiền và ít vàng.

Các viên chức lấy bút mực làm một bản kiểm kê tất cả những gì họ thấy. Viết xong, họ tỏ ý muốn được đặt xuống đất để trình bản kiểm kê với đức vua. Tôi đã dịch nguyên văn bản này, từng chữ một:

"Trong túi phải áo ngoài của Người-Núi khổng lồ, sau khi quan sát kỹ lưỡng, chúng tôi chỉ tìm thấy một tấm vải thô, rất to, đủ dùng làm thảm trải phòng lớn trong cung điện. Trong túi trái, chúng tôi tìm thấy một cái hòm bằng bạc, có nắp cũng bằng bạc. Chúng tôi không đủ sức mở, phải nhờ Người-Núi giúp đỡ. Một trong chúng tôi chui vào trong hòm, thấy đầy một thứ bụi, thụt đến nửa bắp chân. Một ít bụi bay lên, làm cả hai chúng tôi hắt hơi mãi. Trong túi phải áo gi-lê, chúng tôi tìm thấy một cái hộp kỳ diệu có những chất trắng và mịn, xếp cái nọ lên cái kia, bằng ba người một, đóng liền với nhau bằng một dây cáp, có những dấu đen, chúng tôi nghĩ rằng đó là chữ viết, mỗi chữ to bằng lòng bàn tay. Trong túi trái, có một đồ vật bèn bẹt: đâm ra tua tủa hai mươi cái cọc to bằng cọc hàng rào trước sân cung điện. Chúng tôi hình dung Người-Núi chải đầu bằng đồ vật ấy. Chúng tôi không muốn hỏi Người-Núi nhiều quá, sợ làm phiền ông ta. Trong túi to bên phải quần đùi, chúng tôi thấy có một cái cột rỗng bằng sắt, cao bằng một người, gắn vào một miếng gỗ chắc chắn to hơn cái cột. Một phía bên của cái cột có những miếng sắt hình thù kỳ dị, to và nổi. Bên túi trái cũng có cái đồ vật như thế. Trong cái túi áo bé nhất bên phải, có nhiều đồng tròn tròn bằng kim khí trắng hoặc đỏ, to nhỏ khác nhau: những đồng trắng hình như bằng bạc, to và nặng quá, hai chúng tôi khó nhọc lắm mới nhấc lên nổi. Trong túi trái, chúng tôi thấy hai cái cột đen hình không đều, khó khăn lắm mới leo được tới đầu, bởi vì chúng tôi ở đáy túi. Một cái cột hở đầu nhưng ở đầu cái cột kia có một vật gì tròn và trắng, to gấp đôi đầu chúng tôi. Ở bên trong cột có một miếng thép. Chúng tôi ra lệnh cho Người-Núi mang ra cho chúng tôi xem, bởi vì chúng tôi nghĩ rằng những đồ vật

ấy có thể nguy hiểm. Ông ta rút ra và giải thích cho chúng tôi biết ở nước ông ta, ông ta hay cạo râu bằng một cái và thái thịt bằng cái kia. Có hai túi chúng tôi không sao vào được, gọi là túi lưng quần. Đó là hai cái khe ở phía trên quần đùi, bị súc ép của bụng khép chặt. Một cái xích to tướng bằng bạc thò ra khỏi cái túi phải, đầu buộc một cái máy kỳ diệu. Chúng tôi ra lệnh cho ông ta phải kéo cái xích ra, mặc dù xích giữ bất cứ cái gì. Đó là một cái máy hình tròn, nửa bằng bạc, nửa bằng kim khí trong suốt. Về phía kim khí trong suốt, chúng tôi thấy những hình kẻ vòng tròn. Chúng tôi tưởng mở được những hình ấy nhưng cái chất trong suốt ngăn bàn tay chúng tôi lại, ông ta áp cái máy ấy vào tai chúng tôi. Nó phát ra một tiếng kêu đều đều như tiếng cối xay lúa. Chúng tôi nghĩ rằng đó là một con vật chưa được biết tới, hoặc là một vị thần mà ông ta thờ cúng. Nhưng chúng tôi thiên về ý nghĩ thứ hai, bởi vì ông ta bảo chúng tôi (ông ta diễn đạt rất tồi, không biết chúng tôi có hiểu hết không) thường thường trước khi làm việc gì ông ta đều hỏi ý kiến nó. Ông ta gọi là cái cẩm nang và bảo nó chỉ thời gian của mỗi hành động trong cuộc đời. ông ta rút ở túi trái ra một tấm lưới to gần bằng cái lưới đánh cá, nhưng lại mở ra, đóng vào được như cái ví, đúng là ông ta dùng nó làm ví đựng tiền. Chúng tôi tìm thấy ở trong ví nhiều đồng tiền to tướng bằng kim khí màu vàng, nếu quả là bằng vàng thật thì hẳn là có giá trị rất lớn.

Sau khi lục soát tỉ mỉ các túi, theo đúng mệnh lệnh của hoàng thượng, chúng tôi nhận thấy cái thắt lưng quấn quanh mình ông ta, làm bằng một loại da thú kỳ dị. Ở dây lưng bên trái đeo lủng lẳng một thanh kiếm dài bằng năm người và ở bên phải có một cái túi hai ngăn, mỗi ngăn có thể chứa ba thần dân của hoàng thượng. Một ngăn đựng những hòn tròn hoặc những quả hình cầu bằng một thứ kim khí rất nặng to bằng đầu người, phải chắc tay lắm mới nhấc lên nổi. Ngăn kia thì đầy những viên màu đen nhỏ và nhẹ, chúng tôi có thể cầm năm mươi viên trong lòng bàn tay.

Đây là bản kiểm kê chính xác tất cả những gì chúng tôi đã thấy trên Người-Núi. Ông ta tỏ vẻ rất lịch sự và tôn trọng đoàn làm nhiệm vụ của hoàng thượng giao cho.

Ký tên và đóng triện.

Ngày thứ tư, tuần trăng thứ tám mươi chín thời thịnh trị của hoàng thượng.

Ký tên: Clê-pho-ranh Phơ-ranh Phơ-ri-lốc Mác-xi Phơ-ri-lốc"

Khi vua xem bản kiểm kê này, ngài thân ái ra lệnh cho tôi đưa cho ngài tất cả các đồ vật kiểm kê. Trước tiên, ngài hỏi đến thanh kiếm, tôi tháo kiếm ra. Trong khi đó, ngài ra lệnh cho ba nghìn quân lính thiện chiến nhất dàn thế trận cách đó không xa, cung tên sẵn sàng bắn vào tôi. Nhưng tôi không biết, bởi vì lúc đó mắt tôi đăm đăm nhìn vua. Ngài bảo tôi rút kiếm khỏi bao. Mặc dù nước biển đã làm cho kiếm han gỉ đôi ba chỗ, nó vẫn sáng loáng. Toàn đội quân thét lên những tiếng khủng khiếp và kinh ngạc, ánh nắng phản chiếu trên lưỡi kiếm làm mọi người lóa mắt.

Tôi đưa lưỡi kiếm sang phải rồi sang trái. Vua là một người hết sức dũng cảm, không khiếp sợ như người khác, làm tôi phải ngạc nhiên. Ngài ra lệnh cho tôi tra kiếm vào bao và nhẹ nhàng vứt xuống đất, cách xiềng buộc tôi chừng sáu foot. Sau đó, ngài hỏi đến cái cột ống bằng sắt, tức là cái súng lục. Tôi rút súng ở túi ra và, theo yêu cầu của ngài, tôi thử cho ngài xem cách sử dụng. Tôi nhồi ít thuốc súng. Thuốc không bị ướt bởi vì túi của tôi rất kín - điều mà mọi thủy thủ có đôi chút khôn ngoan đều phòng xa khi đi biển. Tôi báo trước cho nhà vua đừng sợ và tôi bắn chỉ thiên. Lần này, mọi người chết khiếp. Hàng mấy trăm người ngã xuống như bị quật chết, và ngay đức vua,

tuy vẫn đứng vững, nhưng bàng hoàng cả người. Tôi đưa cho ngài cả hai khẩu súng với thuốc súng và những viên đạn như đã đưa nộp thanh kiếm. Tôi xin ngài chớ để một tia lửa nhỏ bắn vào thuốc súng nếu ngài không muốn cả cung điện của ngài nổ tung. Tôi đưa cái đồng hồ cho vua. Ngài xem xét kỹ lưỡng, có vẻ thú vị.

Ngài ra lệnh cho hai người lính cận vệ khỏe nhất luồn đồng hồ vào một cái gậy, khiêng lên vai như thể những người đánh xe ngựa ở bên Anh khiêng một thùng bia vậy. Ngài ngạc nhiên thấy tiếng phát ra từ cái máy cứ đều đều liên tục, và chiếc kim chỉ phút cứ quay, bởi vì con mắt của người tí hon tinh hơn mắt của chúng ta nhiều. Ngài hỏi các nhà bác học, ý kiến của họ rất khác nhau và khá xa sự thật, như bạn đọc có thể dự đoán được. Nhưng nói thật, tôi không hiểu được họ nhiều lắm. Tiếp đó, tôi đưa những đồng tiền bạc và đồng, cái ví tiền, chín đồng tiền to bằng vàng và vài đồng tiền nhỏ hơn, con dao và dao cạo, cái lược và hộp thuốc lá, khăn mùi soa và sổ nhật ký. Người ta chất kiếm, súng lục, túi thuốc súng và đạn lên xe, chở về kho vũ khí của nhà vua, còn những thứ khác thì trả lại cho tôi.

Như tôi đã nói, tôi giấu không cho lục soát một cái túi. Túi này dựng một cặp kính (mắt tôi kém, đôi khi phải dùng kính), một cái ống nhòm và vài ba thứ cần thiết, không ích lợi gì cho nhà vua. Vì vậy tôi thấy không đưa ra cũng chẳng phạm đến danh dự: và tôi sợ người ta làm hỏng hay đánh mất nếu tôi không giữ nó trong mình.

Chú thích [1] Một thứ tiếng pha tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, dùng trong việc buôn bán ở Cận Đông. (N. D.)

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift
www.dtv-ebook.com

Chương 3

ính tình hiền lành và đức hạnh của tôi được nhà vua và cung đình yêu mến. Thật ra, tất cả quân đội và nhân dân nữa, nên tôi bắt đầu hy vọng sắp sửa được tự do. Tôi tìm mọi cách để gìn giữ mối cảm tình ấy. Dần dần, dân chúng ít sợ tôi hơn. Đôi khi tôi nằm xuống đất, để cho năm, sáu người nhảy múa trong lòng bàn tay. Sau cùng, đám nam nữ thanh niên tổ chức chơi ú tim trong tóc tôi. Tôi lại hiểu thêm tiếng họ nói và có thể nói chuyện với họ. Một hôm, nhà vua cho tôi xem nhiều trò chơi của xứ sở để tôi giải trí. Về mặt này, người Lilliput vượt hẳn các nước mà tôi đã biết, vì tài khéo léo và sự lộng lẫy. Tôi khâm phục nhất những người nhảy múa trên dây. Họ làm trò vui trên một sợi chỉ trắng rất mảnh, dài chừng hai foot, căng cách mặt đất mười hai inch. Tôi sẽ kể tỉ mỉ câu chuyện này, mong bạn đọc hãy kiên nhẫn cho phép tôi được nói.

Chỉ những người có hy vọng lĩnh những chức vụ quan trọng và được triều đình ưu đãi mới luyện tập trò chơi này. Họ luyện tập từ ngày còn ít tuổi, và không phải ai cũng thuộc dòng quý tộc hay được sự giáo dục tự do. Khi khuyết một chức vụ quan trọng vì có người chết hoặc bị cách chức (điều này thường xảy ra luôn), năm hoặc sáu người gửi đơn lên đức vua, xin phép được giải trí cho đức vua và triều đình bằng một điệu múa trên dây. Ai nhảy cao nhất mà không ngã là người trúng tuyển. Nhiều khi các vị tổng trưởng cũng được mời đến để bày tỏ sự khéo léo của mình, để chứng tỏ cho nhà vua biết họ còn lanh lẹn. Flimnap, tổng trưởng tài chính, đã khéo léo nhảy trên dây cao hơn tất cả các quan đại thần trong nước một inch. Tôi nhiều lần thấy ông ta nhảy lộn vòng trên một tấm ván nhỏ buộc vào một sợi dây không to hơn sợi chỉ ở nước chúng ta. Ông Reldresal, bạn tôi và là bí thư thứ nhất Hội đồng tư vấn, là người xếp thứ hai sau tổng trưởng tài chính, theo ý tôi, và nếu tôi thật sự vô tư. Còn những quan đại thần khác thì sức ngang nhau.

Tai nạn thường xảy ra trong nhưng cuộc biểu diễn như vậy. Nhiều tai nạn đã được ghi chép trong sổ lưu trữ hoàng tộc. Chính mắt tôi đã thấy hai, ba trường hợp gãy chân, gẫy tay. Nhưng nguy hiểm hơn, nếu chính các vị tổng trưởng được mời ra thi thố tài năng. Trong khi cố gắng để vượt qua sức mình và vượt được đồng nghiệp, họ gắng quá, nên chẳng mấy khi không có người ngã. Có người ngã đến hai, ba lần. Người ta nói với tôi, trước đây một hay hai năm, Flimnap đáng lẽ đã ngã gãy xương nếu không rơi vào cái gối của nhà vua, tình cờ lại ở ngay đó, làm cho vị tổng trưởng đỡ đau.

Có một trò giải trí khác dành riêng cho vua, hoàng hậu và thủ tướng vào những dịp đặc biệt. Vua đặt lên trên bàn ba sợi chỉ lụa dài sáu inch một màu xanh lơ, một màu đỏ và một màu xanh lá mạ. Những sợi chỉ ấy là những giải thưởng vua dành cho người mà vua muốn ưu đãi đặc biệt. Cuộc đua tài được tổ chức trong phòng lớn nhất của cung đình. Những người dự cuộc vui phải thi thố tài mềm dẻo: rất khác trò vui đã kể trên, mà tôi chưa trông thấy ở một nước nào ở Tân thế giới hoặc Cựu thế giới. Vua cầm ngang một cái gậy trong tay. Những

người dự cuộc tiến lên theo hàng một, khi thì nhảy qua, khi bò trườn bên dưới, bò lên hay thụt lùi, tùy theo chiếc gậy tiến lên hay lùi lại. Có khi vua cầm đầu này, thủ tướng cầm đầu kia. Cũng có khi một mình thủ tướng cầm cái này. Ai tài giỏi nhất – tức là bền bỉ nhất trong cuộc đua nhảy và bò toài - thì được thưởng sợi chỉ lụa màu xanh lơ, người thứ nhì sợi chỉ đỏ, và người thứ ba sợi chi xanh lá mạ. Họ quấn hai lần quanh mình và hầu hết các quan trong triều đều có những sợi chỉ ấy.

Ngựa trong quân đội và ngựa của nhà vua hằng ngày được luyện tập trước mặt tôi, nay đã bớt sợ hãi và tiến tận sát chân tôi mà không lồng lên. Những kỵ mã cho ngựa phi qua bàn tay tôi đặt sát mặt đất, một thiện xạ của nhà vua cưỡi một con ngựa đua tài giỏi nhảy được qua giày của tôi - quả là một bước nhảy kỳ diệu. Chính tôi cũng có dịp may mắn hiến vua một trò giải trí thật kỳ lạ. Tôi bày tỏ ý kiến xin vua cung cấp cho tôi một số cọc cao hai foot, to bằng cái gậy của ta. Vua ra lệnh cho viên tổng thanh tra kiểm lâm thực hiện. Sáng hôm sau, sáu người thợ đốn cây cùng sáu cái xe tới nơi, mỗi xe do tám ngựa kéo. Tôi lấy chín cái cọc, đóng xuống đất thành một ô vuông, mỗi cạnh hai foot rưỡi. Tôi lấy thêm bốn cái gậy, buộc ngang vào các cọc khác, cách mặt đất chừng hai foot. Rồi tôi buộc cái mùi soa vào chín cái cọc, kéo cho thật căng như mặt trống, thấp hơn các cọc ngang năm inch những cọc này dùng làm hàng rào ở bốn mặt. Công việc xong xuôi, tôi đề nghị vua cho hai mươi bốn kỵ sĩ giỏi nhất lên cánh đồng này để luyện tập. Vua chấp thuận. Tôi liền nhấc từng kỵ sĩ vào tay, kể cả ngựa va vũ khí, cùng với những sĩ quan chỉ huy. Khi tất cả mọi người đã chỉnh tề đội ngũ, họ chia làm hai tốp và bắt đầu cuộc tập trận. Họ bắn nhau bằng những mũi tên không có đầu nhọn, họ rút kiếm ra, đuổi nhau, xung phong rút lui. Nói tóm lại, họ biểu thị một tấm gương đẹp nhất về tinh thần kỷ luật quân sự tôi chưa từng thấy bao giờ. Những cái gậy ngang giữ cho họ khỏi ngã từ trên cao xuống đất. Vua thích thú quá, bắt diễn lại trò giải trí này mấy hôm liền. Một lần, ngài muốn được tôi nhấc lên vũ dài với các kỵ sỹ để ra lệnh bắt đầu cuộc chiến đấu. Khó khăn lắm ngài mới thuyết phục được hoàng hậu cho phép tôi được nhấc kiệu của hoàng hậu cách vũ đài một fathom để xem cho rõ. Cũng may là không có việc gì không hay xảy ra. Chỉ một lần, con ngựa quá hăng của một sĩ quan chỉ huy phi mạnh quá, nó ngựa đạp thủng mùi soa, chân nó thụt xuống lỗ hổng và làm ngã người cưỡi ngựa. Nhưng, tôi nhấc cả người lẫn ngựa lên ngay tức khắc. Tôi lấy tay che lỗ hổng, còn tay kia nhấc từng người xuống, như tôi đã nhấc họ lên. Con ngựa bị ngã hơi đau vai bên trái, nhưng kỵ sĩ không can gì. Tôi cố sức vá chỗ rách của chiếc mùi soa lại. Nhưng từ đó, tôi không dám tin ở sức bền của mùi soa có thể tránh những nguy hiểm như thế nữa.

Hai hay ba ngày trước khi tôi được tự do, trong khi tôi đang bày những trò tiêu khiển cho triều đình, thì một người đưa tin báo cho vua biết mấy người nhân lúc đi chơi bờ biển, đến nơi tìm thấy tôi dạo trước trông thấy một vật gì to tướng, màu đen, nằm trên mặt đất, vành to bằng căn phòng nhà vua, trên chỏm phồng ra cao bằng cả một người. Không phải con gì, như lúc đầu người ta nghĩ, nó nằm chết gí một chỗ, nhiều người đã đi vòng quanh. Họ làm một cái thang ngắn, trèo lên chỏm, thấy chỏm bẹt và phẳng, nhảy mấy cái thì biết vật này cong. Họ nghĩ rằng có thể đó là một vật gì của Người-Núi, và nếu nhà vua cho phép, họ chỉ cần cho năm con ngựa kéo về. Tôi biết ngay vật đó là cái gì và rất sung sướng. Hình như sau khi bơi ngoài biển, lúc tới bờ, tôi rất xúc động, thành thử tôi đã đánh rơi mất cái mũ trước khi đến nơi tôi nằm lăn ra ngủ. Tôi còn nhớ trong khi tôi bơi thuyền, tôi còn buộc mũ vào cổ bằng một sợi dây, và lúc tôi bơi một mình mũ vẫn còn trên đầu. Chắc là cái dây đã đứt lúc tôi lên bờ, nhưng tôi lại tưởng đã mất mũ từ ngoài biển rồi. Tôi đề nghị vua ra lệnh kéo ngay về cho tôi, và tôi cắt nghĩa cách dùng cái vật ấy cho vua biết. Ngày hôm sau mấy người đánh ngựa kéo về cái mũ đã thảm hại lắm rồi.

Cách mép viền vành mũ một inch rưỡi người ta chọc thủng hai lỗ để luồn hai cái móc có dây kéo buộc vào ngựa. Như vậy, mũ của tôi bị kéo lê dưới đất khoảng nửa dặm, nhưng đất ở xứ sở này phẳng nên nó không đến nỗi tệ hại lắm như tôi tưởng.

Hai ngày sau câu chuyện ly kỳ ấy, vua ra lệnh cho quân đội đóng trong thành phố và xung quanh phải sẵn sàng, ai ngờ ngài lại ưa cái trò kỳ lạ như vậy. Ngài bảo tôi phải đứng xoạc hai chân rộng ra giống như một anh chàng khổng lồ. Rồi ngài hạ lệnh cho viên tướng của ngài (một vị chỉ huy dày dạn kinh nghiệm, một trong những người che chở tôi sắp xếp quân đội thành đội ngũ chỉnh tề và diễu hành qua dưới chân tôi, bộ binh dàn thành hàng hai mươi bốn người, kỵ binh thành hàng mười sáu người, quân nhạc inh ỏi, cờ phất lên và giáo mác giơ cao. Đoàn quân gồm ba nghìn bộ binh, hàng nghìn kỵ binh. Đức vua hạ lệnh cho quân lính lúc diễu quân phải hết sức tôn trọng tôi, nếu không sẽ bị xử tử. Tuy vậy, không tránh khỏi có một số sĩ quan trẻ tuổi, lúc diễu qua dưới chân tôi, ngước mắt nhìn lên và, thôi cứ nói thật, quần tôi đã rách bươm, nên có tiếng khúc khích cười, và ra vẻ thán phục lắm.

Tôi đã gửi lên nhà vua không biết bao nhiêu đơn từ để xin được tự do, vì vậy vua đành lòng nêu vấn đề, trước hết ở Hội đồng tư vấn, sau ở hội nghị họp phiên toàn thể. Ngài không gặp một sự phản đối nào, trừ ý kiến của ông Skyresh Bolgolam, coi tôi là một kẻ tử thù, tuy tôi không hề trêu ghẹo ông ta một tí nào. Nhưng tất cả những người khác đều tán thành và vua cũng ủng hộ. Cái lão Bolgolam này là galbet, nghĩa là đô đốc thủy quân. Lão được vua tin cẩn, cư xử khéo léo, nhưng tính tình khoằm khoặm và hay chua chát. Dần dần, lão cũng chịu theo ý kiến của toàn thể Hội đồng, nhưng với điều kiện là chính lão phải là người thảo những khoản và những điều kiện mà tôi phải tuân theo. Những điều khoản này đã được đích thân Bolgolam cùng hai viên thư ký và nhiều viên chức cao cấp khác đọc cho tôi nghe. Sau đó, tôi phải tuyên thệ, trước hết, theo tục lệ của xứ sở, rồi theo phương thức mà luật pháp nước Lilliput quy định. Tôi phải lấy tay trái cầm lấy bàn chân phải, đặt bàn tay phải trên đầu, ngón tay cái chạm vào tai bên phải. Chắc bạn đọc muốn biết văn phong và cách dùng tiếng của nhân dân xứ này, và muốn biết những điều khoản tôi phải tuân theo để được tự do, nên tôi cố gắng hết sức dịch toàn bộ bản hợp đồng như sau:

"Golbasto Momarem Evlame Gurdilo Shefin Mully Ully Gue, hoàng đế vô cùng dũng mãnh nước Lilliput, niềm hạnh phúc và sự khủng khiếp của toàn vũ trụ, của tất cả các vương quốc kéo dài tới năm nghìn clustrugs[1] đến mãi tận cùng thế giới, vua của những ông vua, vĩ đại hơn tất cả những người vĩ đại, chân đạp đến tận trung tâm trái đất, đầu đụng mặt trời, chỉ gật đầu một cái là đầu gối các vua chúa phải run rẩy, đáng yêu như mùa xuân, dễ chịu như mùa hè, mát mẻ như mùa thu, đáng sợ như mùa đông, hoàng đế cao cả đề nghị Người-Núi vừa đến vương quốc chúng ta phải tuân theo những điều khoản sau đây, sau buổi lễ tuyên thệ long trọng này:

I. Người-Núi không được ra khỏi xứ sở của ta nếu không được giấy phép có áp triện của ta.

II. Ông ta không được vào thủ đô nếu không được lệnh. Khi có lệnh nhân dân thành phố sẽ được báo trước hai giờ, để ở trong nhà.

III. Người-Núi sẽ chỉ được đi chơi trên đường quốc lộ và không được đi hoặc nằm trên đồng cỏ và trên ruộng lúa.

IV. Khi đi trên đường quốc lộ, ông ta phải hết sức chú ý tránh giẫm lên những thần dân yêu quý của ta cũng như những xe cộ, xe ngựa trên đường, và không được bắt một người nào cầm trong tay nếu không được người ấy ưng thuận.

V. Khi có một công văn khẩn cấp, Người-Núi sẽ có nhiệm vụ để người giao liên và ngựa của anh ta vào túi đi sáu ngày, mỗi tuần trăng một lần, và mang trả lại ta người giao liên không sứt mẻ gì cả.

VI. Ông ta sẽ là bạn đồng minh của ta chống lại kẻ thù của ta trên đảo Blefuscu, và làm hết sức mình để tiêu diệt đoàn chiến hạm mà họ đang xây dựng để chống lại ta.

VII. Người-Núi sẽ dùng thời giờ nhàn rỗi giúp thợ thuyền trong việc nhấc những hòn đá rất nặng để hoàn thành những bức tường vườn thượng uyển và nhà cửa nơi cung đình.

VIII. Người-Núi trong trong hai tuần trăng nữa sẽ vẽ xong một bản đồ chính xác về đường biên giới các vương quốc của ta, bằng cách đo bước chân dọc theo bờ biển.

Sau cùng, sau khi tuyên thệ tuân theo tất cả điều khoản trên đây, Người-Núi sẽ được cung cấp hằng ngày số thịt và đồ uống bằng khẩu phần cảa 1728 thần dân của ta, được tự do đến gần ta, và được hưởng mọi quyền ưu đãi.

Giấy này làm tại cung Belfaborac, ngày thứ mười hai, tuần trăng thứ chín mươi mốt triều đại ta trị vì.

Tôi tuyên thệ và chấp nhận các điều khoản trên, thật là sung sướng và thỏa mãn, tuy rằng một vài điều khoản chẳng có gì vinh dự cho tôi lắm. Đó là kết quả việc làm của lão đô đốc Bolgolam tinh ma. Xong đâu đấy, người ta mở xích cho tôi và tôi được tự do. Đích thân đức vua tới dự buổi lễ. Tôi quỳ xuống dưới chân ngài bày tỏ lòng biết ơn. Song ngài ra lệnh cho tôi đứng dậy và sau nhiều lời rất dễ thương mà tôi không kể lại ở đây vì sợ có người cho là khoe khoang, ngài bảo hy vọng tôi sẽ là một người đày tớ có ích, tôi sẽ được hưởng nhiều ưu đãi hiện tại cũng như sau này.

Bạn đọc đã nhận thấy điều khoản cuối cùng trong bản giao ước cho tôi được tự do, quy định số lượng thịt và đồ uống đủ nuôi 1728 người Lilliput. Ít lâu sau, tôi hỏi một người bạn ở triều đình xem người ta làm thế nào mà tính được một con số chính xác như vậy. Tôi được biết những nhà toán học của đứa vua dùng cái thước một góc hình tròn để đo chiều cao của tôi, và thấy tỉ lệ chiều cao giữa tôi với họ là mười hai trên một. Và, dựa trên tính đồng dạng giữa các hình, họ kết luận thân hình của tôi chứa được ít nhất bằng 1728 người Lilliput, bởi vậy dạ dày tôi cần số lương thực, thực phẩm bằng 1728 người Lilliput. Qua ví dụ trên đây, bạn đọc có thể thấy tài năng của dân tộc này, tinh thần tiết kiệm, lo xa và chính xác của một ông vua vĩ đại như vậy.

Chú thích [1] Tức là mười hai dặm đường chu vi.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 4

ược tự do, việc đầu tiên của tôi là xin phép đi thăm thành phố Mildendo, thủ đô Lilliput. Vua vui lòng cho phép, nhưng yêu cầu tôi không được làm gì phương hại đến nhân dân và nhà cửa trong thành phố. Người ta công bố cho dân chúng biết tôi sẽ đi thăm thành phố. Bức tường bao quanh thành phố cao hai foot rưỡi, và rộng ít nhất là mười một inch, xe ngựa có thể đi trên bờ thành một cách dễ dàng. Cách mười foot lại có chòi vững chãi. Tôi bước qua cổng lớn phía tây và bước đi rất chậm chạp trên hai phố chính. Tôi mặc áo gi-lê, sợ tà áo khoác làm hỏng mái nhà, ống máng. Tôi thận trọng đặt từng bước chân để tránh giẫm bẹp người nào chưa kịp về nhà mặc dù đã có lệnh nghiêm ngặt cấm mọi người ở ngoài phố, sợ nguy hiểm cho họ. Cửa sổ các căn nhà thấp và trên mái nhà đầy ăm ắp những người tò mò đứng xem. Tôi có cảm tưởng không ở đâu dân cư lại đông đúc như thành phố này. Thành phố là một hình vuông hoàn chỉnh, mỗi cạnh năm trăm foot. Hai phố lớn cắt nhau ở trung tâm thành phố phân chia thành bốn khu phố đều nhau, phố rộng năm foot. Những con đường và phố hẻm khác không rộng quá mười hai hay mười tám inch, nhỏ quá tôi không bước vào được, nhưng tôi có thể nhìn thấy lúc đi qua. Thành phố có thể chứa được năm mươi vạn người, nhà cao từ ba đến năm tầng, cửa hiệu và chợ búa đông đúc.

Cung điện nhà vua ở trung tâm thành phố, tức là ở ngã tư hai phố lớn. Cung điện có bức tường cao hai foot bao vây, và tường cách xa những nhà chung quanh hai mươi foot. Vua cho phép tôi bước qua bức tường, thành thử tôi có thể nhìn cung điện từ tứ phía. Cái sân bên ngoài hình vuông, mỗi cạnh bốn mươi foot, lại có hai sân nhỏ. Lâu đài của vua ở sân trong cùng.

Tôi rất muốn xem lâu đài này song hết sức khó khăn, bởi vì từ sân này qua sân kia là những cái cổng chỉ cao mười tám inch rộng bảy inch. Vả lại những ngôi nhà ở sân ngoài cao ít nhất là năm foot, tôi không thể bước qua mà không gây nên những hư hại không hề lường được mặc dù tường xây bằng đá phiến rất vững vàng, dày tới bốn inch. Một mặt khác, vua rất muốn phô vẻ lộng lẫy của cung điện. Nhưng phải ba ngày sau tôi mới có thể xem được, sau khi tôi lấy con dao nhỏ cắt một hai cây cổ thụ trong vườn hoàng gia ở cách thành phố khoảng năm mươi fathom. Tôi lấy cây làm hai cái ghế đẩu cao chừng ba foot và đủ sức chịu đựng được tôi. Nhân dân thành phố đã được loan báo tôi đến thăm thành phố lần thứ hai. Tôi đến tận cung điện nhà vua, tay cầm hai cái ghế đẩu. Đến sân ngoài, tôi trèo lên mặt ghế đẩu, một tay cầm cái ghế kia đưa qua các mái nhà, rồi nhẹ nhàng đặt xuống quãng trống giữa sân thứ nhất và sân thứ hai, rộng chừng tám foot. Thế là tôi bước được sang phía bên kia lâu đài một cách dễ dàng bằng cách trèo từ ghế này qua ghế khác. Khi đã ở bên trong, tôi dùng cái móc bằng gỗ để kéo ghế lên. Cứ như vậy tôi đến được sân trong cùng. Tôi bèn nằm nghiêng xuống úp mặt vào cửa sổ tầng hai đã mở sẵn cho tôi nhìn vào trong. Quả là những căn phòng lộng lẫy không thể tưởng tượng được. Tôi thấy hoàng hậu và các hoàng tử trong buồng riêng, có đoàn tùy tùng quây quần chung quanh. Nhà vua ban cho tôi một nụ cười tươi tắn và chìa tay qua cửa sổ cho tôi

hôn.

Nhưng bây giờ tôi chẳng muốn miêu tả dài dòng, tôi dành cho một cuốn sách quan trọng hơn, có thể sắp sửa đem in. Bạn đọc sẽ thấy những trang miêu tả đầy đủ xứ sở này từ khi thành lập đến ngày nay, qua một loạt những triều vua, chuyện chiến tranh và những phong trào chính trị, luật pháp, khoa học và tôn giáo này, cây cỏ và động vật, phong tục và tập quán của nhân dân, cùng với rất nhiều vấn đề lạ lùng và hữu ích khác. Bây giờ, mục đích duy nhất của tôi là kể cho bạn đọc những sự kiện công và tư đã xảy ra trong thời gian chín tháng tôi trú ngụ ở đất nước này.

Một buổi sáng, độ nửa tháng sau khi tôi được tự do. Reldresal, tổng trưởng Bộ việc riêng tư (theo như họ gọi), chỉ có một người theo hầu, đến nhà tôi ông ra lệnh cho xe ngựa đợi ông cách khá xa, và xin tôi cho ông nói chuyện một giờ. Tôi vội vàng ưng thuận, bởi vì ông là người quyền cao chức trọng lại có đức hạnh, và cũng bởi vì ông đã giúp đỡ tôi nhiều khi tôi gửi những bản thỉnh nguyện lên triều đình. Tôi đề nghị cho tôi được nằm xuống để ông nói gần tai tôi, nhưng ông muốn tôi cầm ông trên tay trong khi hai người chuyện trò. Trước hết ông chúc mừng tôi đã được tự do, ông hài lòng vì đã góp một phần công sức vào việc này. Rồi ông cho tôi biết, nếu hoàn cảnh khác đi thì chưa chắc tôi đã được tự do sớm như hiện nay. Ông nói, mặc dù trước con mắt mắt người nước ngoài, nước chúng tôi có vẻ phồn vinh, nhưng chúng tôi phải chiến đấu chống hai tai họa, một phe phái bên trong và sự đe dọa xâm lược của một kẻ thù hùng mạnh bên ngoài. Về tai họa thứ nhất, ngài cần biết rằng, từ trên bảy mươi tuần trăng nay, hai phe phái đối địch nhau, một là phái Tramecksan và một là phái Slamecksan, tức là phái "gót giầy cao" và "gót giầy thấp". Người ta cho rằng phái "gót giầy cao" theo đúng hiến pháp cũ của chúng tôi nhưng mặc dù vậy, nhà vua chỉ quyết định sử dụng "gót giày thấp" nắm giữ các chức vụ như ngài đã thấy. Và đặc biệt, gót giày của đức vua thấp hơn gót giày của cả triều đình ít nhất là một drurr. Mâu thuẫn giữa hai phái sâu sắc đến mức họ không muốn ăn uống với nhau, nói chuyện với nhau. Chúng tôi cho rằng phái Tramecksan đông hơn phái chúng tôi: nhưng quyền hành thì hoàn toàn ở trong tay chúng tôi. Nhưng tôi e rằng thái tử có khuynh hướng thiên về phái "gót giày cao". Dẫu sao, rõ ràng là một gót giày của ngài cao hơn gót kia, thành thử ngài đi hơi khập khiễng.

Trong khi nội bộ có những việc xâu xé như thế, thì chúng tôi bị đảo Blefuscu đe dọa xâm lược. Đó cũng là một nước lớn, gần rộng và mạnh bằng nước của đức vua đây. Bởi vì tôi phải nói với ngài rằng, những nhà triết học của chúng tôi còn nghĩ đến sự tồn tại của các quốc gia có những người to lớn như ngài - theo lời khẳng định của ngài. Họ thiên về ý cho rằng ngài rơi từ cung trăng hoặc từ một ngôi sao nào xuống. Bởi vì, nếu quả như vậy chỉ một trăm người to như ngài, trong một thời gian ngắn, sẽ xơi sạch lương thực, thực phẩm ở vương quốc của đức vua. Vả lại, lịch sử nước chúng tôi từ hàng sáu nghìn tuần trăng nay, chỉ ghi chép hai nước lớn là Lilliput và Blefuscu. Như tôi đã thưa chuyện cùng ngài, hai cường quốc này đã chiến tranh dữ dội với nhau từ ba mươi sáu tuần trăng nay. Lý do như thế này: mọi người đều công nhận rằng, muốn ăn trứng, cách cổ xưa là đập vỡ đầu to quả trứng. Song, ông nói của đức vua hiện nay, thời còn trẻ, có một lần ăn trứng, đập trứng theo kiểu ấy, bị đứt tay. Sau việc này, vua cha ngài ban một sắc lệnh cho tất cả thần dân phải đập trứng đầu nhỏ, nếu không sẽ phải chịu trọng tội. Nhân dân lấy làm bất bình đến mức vì luật lệ đó mà xảy ta sáu vụ nổi loạn, một ông vua bị giết chết và một ông vua mất ngôi - theo các nhà sử học nước chúng tôi ghi lại. Bao giờ những cuộc xâu xé tương tàn ấy cũng do những ông vua nước Blefuscu âm mưu xúi giục. Khi cuộc nổi loạn bị dập tắt, những người thất trận lại sang trú ngụ tại nước này. Người

ta tính tất cả có đến trên một vạn một nghìn người thà chết chứ không chịu đập đầu trứng nhỏ. Hàng mấy trăm quyển sách lớn đã được viết để tranh luận về vấn đề này. Nhưng sách của những người "Đầu trứng to chủ nghĩa" một thời gian dài bị cấm, và những người theo phái này không có quyền nhận chức vụ gì của nhà nước. Trong thời kỳ lộn xộn kéo dài ấy, những ông vua nước Blefuscu, qua tiếng nói của các viên đại sứ, hay trách móc và kết án chúng tôi đã gây nên một cuộc chia rẽ tôn giáo, vì chúng tôi vi phạm châm ngôn cơ bản của nhà tiên tri vĩ đại Lustrog, ghi ở chương năm mươi tư, cuốn Blundecral. Người ta cho đó là sự xuyên tạc. Câu châm ngôn ấy như sau:"Mọi tín đồ chân chính muốn đập trứng đầu nào cho tiện tùy ý". Theo ý tôi thì người ta phải để cho mọi người tùy theo lương tâm, muốn đập trứng đầu nào thuận lợi nhất cũng được. Song, những người theo "Chủ nghĩa Đầu trứng to" được vua nước Blefuscu tín nhiệm vì được phái của họ ủng hộ và khuyến khích, nên một cuộc chiến tranh đã chia rẽ hai nước từ ba mươi sáu tuần trăng này. Chúng tôi mất bốn mươi tàu chiến lớn và một số lượng tàu chiến nhỏ nhiều hơn thế, cùng ba vạn thủy thủ và lính tinh nhuệ. Người ta ước tính quân địch còn tổn thất nhiều hơn thế. Nhưng hiện nay họ xây dựng một đội hải quân hùng hậu và chuẩn bị một cuộc đổ bộ vào bờ biển nước chúng tôi. Đức vua tin ở tài năng và sức khỏe của ngài, cho tôi đến báo cáo với ngài tình hình hiện nay như thế.

Tôi đề nghị ông tổng trưởng dâng lên vua lòng kính trọng của tôi và tâu với ngài rằng tôi thiết nghĩ một người nước ngoài như tôi không có quyền tham gia những cuộc đấu tranh của các phe phái, nhưng tôi sẵn sàng hy sinh để bảo vệ ngài và xứ sở của ngài, chống lại bất cứ kẻ xâm lăng nào.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift
www.dtv-ebook.com

Chương 5

ước Blefuscu là một hòn đảo ở phía đông bắc nước Lilliput. Hai nước cách nhau bằng một eo biển rộng bốn trăm fathom. Tôi chưa thấy nước ấy. Bây giờ, được biết ý định xâm lăng của Blefuscu, tôi tránh đi về phía đó, sợ bị một chiếc tàu địch phát hiện ra, bởi quân địch chưa hề biết tôi đang ở đây. Tất cả mọi việc giao thiệp giữa hai nước đều bị cấm, ai vi phạm sẽ bị tử hình. Nhà vua không cho phép bất cứ tàu nào dời bến. Tôi tâu với hoàng thượng kế hoạch của tôi định bắt sống toàn bộ đội thủy binh của quân địch. Theo tin tình báo, đoàn tàu địch còn cắm neo ở cảng, đợi gió sẽ căng buồm.

Tôi hỏi các thủy thủ kinh nghiệm nhất về chiều sâu của biển mà họ thường đo. Tôi được biết lúc thủy triều lên, nơi giữa eo biển sâu tới bảy mươi glumgluff, tức là bằng sáu foot những chỗ khác sâu nhất không quá năm mươi glumgluff. Thế là tôi đi ra phía đông bắc, nơi bờ biển đối diện với nước Blefuscu. Tôi nấp sau một quả đồi, lấy ống nhòm ra quan sát đoàn tàu chiến địch đang cắm neo. Tôi thấy độ năm mươi chiến hạm lớn và rất nhiều tàu vận chuyển. Tôi trở về nhà và ra lệnh (tôi được phép ra mệnh lệnh) làm thật nhiều dây cáp thật chắc và đúc những thanh sắt. Mỗi dây cáp to bằng sợi dây gai và mỗi thanh sắt bằng chiếc kim đan. Tôi quấn ba dây cáp làm một cho chắc và chập từng ba thanh sắt lại, bẻ đầu cong thành cái móc. Sau khi buộc năm mươi dây cáp vào từng ấy móc, tôi quay trở ra bờ biển phía đông bắc. Tôi cởi áo và tháo giày, bỏ bít tất ra, chỉ mặc cái quần đùi bằng da, rồi lội xuống biển trước lúc thủy triều lên độ nửa giờ. Tôi đi hết sức nhanh dưới biển. Đến giữa biển, tôi bơi độ mười lăm fathom thì chân đặt được tới đất. Đi chưa đến nửa giờ tôi đến nơi đoàn tàu đỗ. Quân địch chợt trông thấy tôi, phát khiếp lên, nhảy ào xuống biển, bơi vội vào bờ. Trên bờ có tới ba vạn người. Tôi lấy dây cáp móc vào từng tàu chiến một, rồi buộc tất cả đầu dây vào nhau. Trong khi ấy, quân dịch nhằm tôi bắn hàng mấy nghìn mũi tên, nhiều mũi trúng tay, trúng mặt tôi, làm tôi đau quá, đâm lúng túng. Tôi sợ nhất cho hai con mắt nếu tôi không chợt nhớ tới cặp kính để trong túi áo gi-lê không bị khám xét trước kia thì chắc chắn tôi đã bị bắn mù mắt. Tôi kẹp rõ chắc cặp kính vào mũi, được vũ trang như vậy, tôi gan góc tiếp tục công việc, mặc cho quân địch bắn, nhiều mũi tên đập tanh tách vào kính của tôi nhưng không hề gì. Buộc xong nắm dây cáp, tôi cầm cái nút ra sức kéo. Nhưng không một chiếc tàu nào chuyển động, vì neo cắm rất sâu dưới đáy biển. Thành thử tôi còn phải làm một phần việc nguy hiểm nhất. Tôi buông dây cáp ra, móc vẫn để nguyên ở mũi tàu, tôi lấy dao cắt dây neo, có đến hai trăm mũi tên cắm vào tay, vào mặt tôi. Tôi lại cầm lấy đầu nút dây cáp buộc vào các móc và dễ dàng kéo đi năm chục chiếc tàu địch.

Những người Blefuscu thoạt tiên chưa hiểu tôi định làm gì, họ hết sức hãi hùng. Thấy tôi cắt dây neo, họ tưởng tôi sẽ để mặc những con tàu trôi lênh đênh trên mặt biển hoặc va vào nhau cho vỡ. Nhưng khi thấy tôi dẫn đoàn tàu ra đi một cách có trật tự, họ thét lên những tiếng thất vọng và bất lực. không bút nào tả xiết, không sao tưởng tượng nổi. Khi tôi thoát được ra ngoài vòng nguy hiểm, tôi

dừng lại một lát để rút những mũi tên cắm vào tay và mặt rồi lấy dầu xoa - dầu nhà vua cho khi tôi mới đến Lilliput, như bạn đọc đã biết. Tôi tháo kính ra, đợi khoảng một tiếng đồng hồ cho nước thủy triều xuống, thế rồi tôi bơi qua eo biển với tất cả đoàn chiếm hạm. Tôi đến được bến cảng của vua Lilliput mà không sao cả.

Nhà vua và tất cả triều đình đứng trên bờ biển chờ đợi chiến công của tôi. Họ thấy đoàn tàu chiến tiến lên theo hình vòng cung nhưng không thấy tôi, vì tôi lội nước đến ngực, khi đoàn tàu đến giữa eo biển, họ vẫn còn khiếp sợ, vì chỉ có đầu tôi là nhô lên khỏi mặt nước. Vua kết luận tôi đã chết đuối, và đội thủy quân địch đang tiến vào đánh hải cảng. Nhưng rồi ngài bớt lo sợ, mỗi lúc nước một nông hơn, tôi đi nhanh hơn, và người trên bờ đã có thể nghe tiếng tôi kêu. Tôi giơ túm dây cáp buộc cả đoàn tàu chiến lên cao, hét to: "Hoàng đế vô cùng dũng mãnh Lilliput muôn năm!". Vua nghênh tiếp tôi và hết lời khen ngợi. Ngay tức khắc ngài phong cho tôi tước Nardac, tước danh dự cao quý nhất của đất nước này.

Vua đề nghị tôi làm thế nào để mang về cho ngài tất cả đoàn tàu địch còn lại. Tham vọng của các ông vua thật vô hạn như thế đấy. Vua Lilliput chỉ nghĩ đến một điều là chiếm được nước Blefuscu làm một tỉnh của nước mình, do một phó vương cai trị. Ngài muốn diệt tất cả những người theo "Chủ nghĩa Đầu trứng to" trốn sang nước láng giềng và bắt mọi người phải đập đầu trứng nhỏ, để một mình ngài trị vì cả trái đất. Nhưng tôi quyết tâm thuyết phục ngài bỏ nhưng ý định ấy bằng nhiều lý lẽ dựa trên cơ sở chính trị và lẽ công bằng, tôi kiên quyết từ chối không chịu đứng ra làm công cụ để bắt một dân tộc dũng cảm và tự do phải cúi đầu làm nô lệ. Việc này gây nên một cuộc bàn cãi trong Hội đồng một số đông những người khôn ngoan nhất đã tán thành ý kiến của tôi.

Lời tuyên bố thẳng thắn và cương quyết của tôi đi ngược lại đường lối và mưu toan của nhà vua, cho nên không bao giờ vua có thể tha thứ cho tôi được. Ngài tìm cách nói rất khéo léo ở Hội đồng hình như những người khôn ngoan nhất ở Hội đồng, bằng sự im lặng của mình tỏ ý tán thành ý kiến của tôi. Nhưng những người khác, là kẻ thù của tôi, chẳng thể không nói thêm vài lời xúc xiểm. Từ ngày ấy, giữa nhà vua, một số tổng trưởng có âm mưu chống lại tôi một cách độc ác đã âm ỉ trong ngót hai tháng, suýt nữa thì tôi toi mạng. Thế mới hay rằng, những việc phục vụ nhà vua dù là to lớn nhất cũng chẳng có giá trị gì lắm, nếu người ta không chịu mù quáng chiều theo dục vọng của ngài.

Khoảng ba tuần lễ sau chiến công của tôi, nước Blefuscu cử một đoàn đại biểu long trọng sang cầu hòa. Việc hòa nghị được giải quyết nhanh chóng, với những điều kiện rất có lợi cho vua Lilliput. Tôi sẽ chẳng kể dài dòng việc này, có sáu vị đại diện và một đoàn tùy tùng khoảng năm trăm người. Các ngài tiến vào, rất lộng lẫy, xứng đáng với đức vua vĩ đại của họ và với nhiệm vụ nặng nề mà họ đảm nhiệm. Với tư cách là người được đức vua tín nhiệm, hay ít ra là ra vẻ được tín nhiệm, tôi nhiều lần đã can thiệp, bênh vực các vị đại diện nước Blefuscu. Được ai đó cho biết tôi là một người có lòng rộng lượng, thân thiện và giúp đỡ họ nhiều, nên các vị đại diện đến thăm hỏi tôi rất long trọng. Trước hết, các ngài khen ngợi tôi dũng cảm và bao dung. Nhân danh đức vua, họ mời tôi sang nước họ. Các ngài đề nghị tôi biểu diễn một vài cử chỉ chứng tỏ sức mạnh kỳ diệu của tôi mà các ngài đã được nghe tán dương. Tôi làm ngay, nhưng chẳng kể chi tiết với bạn đọc. Sau khi làm trò vui cho các ngài, tôi đề nghị các ngài cho tôi vinh dự được dâng lên đức vua Blefuscu, mà đức độ lừng lẫy được cả vũ trụ khâm phục, những lời chào mừng trân trọng. Các ngài lấy làm ngạc nhiên và hài lòng lắm. Tôi còn nói, tôi quyết định trước khi trở về nước tôi, thế nào cũng sang chầu hoàng thượng. Bởi vậy, khi tôi được vinh dự gặp vua Lilliput, tôi xin phép ngay được sang

dâng lên đức vua Blefuscu những lời chào mừng. Ngài cho phép nhưng có vẻ lạnh lùng, tôi có thể nhận thấy được, nhưng không hiểu nguyên nhân vì sao. Sau, một người cho biết Flimnap và Bolgolam nói rằng cuộc gặp gỡ giữa tôi và các vị đại diện nước Blefuscu là dấu hiệu của lòng bất kính. Sự thật trong thâm tâm, tôi đâu có như vậy. Từ ngày ấy, tôi bắt đầu lờ mờ nhận thấy triều đình, nhà vua và các ngài tổng trưởng có thể tồi tệ như thế nào...

Các vị đại diện và tôi nói chuyện với nhau qua người thông ngôn, bởi vì tiếng nói của hai nước rất khác nhau, tựa như tiếng nói hai nước ở châu Âu vậy. Mỗi nước đều tự hào về truyền thống lâu đời về cái hay, cái đẹp của tiếng nước mình, và khinh rẻ tiếng nước láng giềng. Song, vua của chúng tôi, cậy đã bắt được đội thủy chiến, bắt buộc các vị đại diện trình quốc thư và đọc diễn văn bằng tiếng Lilliput. Trên thực tế, do hai nước có quan hệ thương mại, luôn luôn trao đổi những người lưu vong sang nước khác, và tầng lớp quý tộc, đại tư sản thường gửi con cái sang nước láng giềng để rèn luyện, mở rộng tầm mắt nên chẳng có mấy người ở tầng lớp trên, thương gia hoặc thủy thủ thuộc miền duyên hải không biết hai thứ tiếng. Điều này, tôi được biết sau mấy tuần lễ, khi tôi sang chào mừng vua nước Blefuscu, giữa những nỗi khốn khổ mà kẻ thù độc ác gây cho tôi. Đó là một câu chuyện vui sướng, sau này tôi sẽ kể với bạn đọc.

Bạn đọc chắc còn nhớ mấy điều khoản về việc giải phóng tôi, làm cho tôi không hài lòng vì tính chất nô dịch của nó. Nếu không vì hoàn cảnh bó buộc, không một sức mạnh nào có thể khuất phục được tôi. Nhưng bây giờ, tôi là một Nardac, tước vị cao nhất triều đình, những điều kiện nô dịch ấy được coi là không phù hợp với tước vị của tôi - và nói cho công bằng, nhà vua không bao giờ nói tới. Ít lâu sau, tôi có dịp giúp được vua một việc đáng kể, ít ra lúc ấy tôi nghĩ như vậy. Nửa đêm hôm ấy, trước cửa nhà tôi, có hàng trăm người kêu cứu khẩn cấp. Bất thình lình bị đánh thức và hốt hoảng, tôi nghe thấy nhắc đi nhắc lại liên hồi tiếng: burglum. Nhiều vị triều thần đang rẽ đám đông, vào xin tôi đến ngay cung điện nhà vua đang bốc cháy vì sự bất cẩn của một nữ tỳ ngủ quên khi đọc một quyển truyện tình. Chỉ một nháy mắt, tôi đứng dậy, lệnh ban ra bảo dân chúng nhường lối cho tôi đi. Lúc ấy sáng trăng, nên tôi không giẫm phải ai. Tôi thấy nhiều thang đã được bắc lên tường, xô đựng nước đã sẵn sàng, nhưng nước ở xa đấy. Xô không to hơn cái đê khâu, những người khốn khổ hết sức nhanh tay đưa xô cho tôi, nhưng ngọn lửa bốc to quá nên không có hiệu quả gì. Tôi có thể dùng áo khoác của tôi để dập tắt đám cháy, nhưng thật không may, trong lúc vội vàng, tôi đã quên ở nhà, chỉ mặc độc cái quần đùi. Tình thế đã có vẻ thất vọng, và cung điện sẽ biến thành đống tro, nếu lúc ấy tôi không nghĩ ra một kế do sự mau trí - việc này cũng ít khi xảy đến với tôi.

Tối hôm trước, tôi uống no nê một thứ rượu vang ngon gọi là glimigrim, (người Blefuscu gọi là flunec) rất lợi tiểu. Thật là may mắn, từ tối tôi chưa đi tiểu. Sức nóng của ngọn lửa, lại thêm gắng sức mãi để dập tắt đám cháy, làm cho rượu chóng trở thành nước tiểu. Thế là tôi phun một tia nước tồ tồ vào những nơi cần phun. Chỉ ba phút lửa hoàn toàn bị dập tắt. Những dinh thự còn lại, công lao của bao năm xây dựng đã được cứu thoát.

Lúc này, trời đã sáng, tôi trở về nhà, không kịp gặp nhà vua. Sự thật, tôi đã giúp vua được một việc to lớn. Nhưng tôi khó hình dung được là nhà vua lại không chấp nhận cách tôi cứu hỏa như thế. Bởi vì luật lệ nghiêm khắc của nước này cấm tất cả mọi người, mặc dù giữ chức vị gì, đi tiểu chung quanh cung điện, ai vi phạm sẽ bị xử tử. Nhưng tôi hơi yên tâm, vì vua cho tôi biết ngài sẽ ra lệnh cho viên quan tư pháp ân xá cho tôi. Nhưng, lệnh này không được thực hiện. Có người bí mật cho tôi biết, hoàng hậu rất ghê sợ về việc tôi đã làm, đã rút lui về nơi xa nhất trong cung đình và quyết định không bao giờ cho sửa chữa cung hoàng hậu nữa. Trước mặt những người thân cận

nhất, hoàng hậu không giấu giếm ý định trả thù của mình.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 6

ôi có ý định dành mọi việc miêu tả xứ sở này trong một tác phẩm khác, nhưng tôi vui lòng thỏa mãn các bạn đọc một phần. Những người Lilliput cao gần sáu inch, súc vật, cây cỏ có tỉ lệ tương ứng. Chẳng hạn, ngựa và bò to khỏe nhất do được từ bốn đến năm inch, cừu độ một inch rưỡi, ngỗng thì bằng con chim sẻ, và cứ như vậy đến những con vật nhỏ li ti, mắt tôi không trông thấy. Nhưng tự nhiên phú cho người Lilliput con mắt tinh tường. Để chứng minh con mắt rất tinh của họ, tôi đã thấy một người làm bếp vặt lông một con chim cắt to chưa bằng một con ruồi, và một thiếu nữ xâu một cái kim mắt tôi không trông thấy, sợi chỉ lụa, mắt tôi cũng không trông thấy. Cây to nhất cao độ bảy foot, đó là những cây trong vườn thượng uyển, bàn tay tôi nắm lại vừa cao bằng ngọn cây. Cây cối khác có tỉ lệ tương ứng. Nhưng thôi, để bạn đọc tưởng tượng lấy.

Bây giờ tôi nói đôi chút về khoa học Lilliput đã phát triển trong mọi ngành, từ nhiều đời nay. Nhưng chữ viết của họ rất đặc biệt. Không phải từ trái sang phải như cách viết của người châu Âu, không phải từ phải sang trái như cách viết của người Ả-rập, cũng không phải từ trên xuống dưới như của người Trung Quốc, mà chéo từ góc này sang góc khác như cách viết của các bậc quý phái ở nước Anh.

Người Lilliput chôn người chết ngược đầu xuống dưới đất, bởi vì họ tin rằng một vạn một nghìn tuần trăng sau, tất cả mọi người chết sẽ sống lại. Trong thời gian ấy, trái đất (họ tưởng trái đất dẹt) sẽ quay ngược trở lại, và như vậy, những người chết sẽ đứng sẵn, chờ ngày tái sinh. Những người có học thức thấy lòng tin ấy là phi lý, nhưng tục lệ vẫn tồn tại để khỏi đi ngược lại ý kiến của kẻ bình thường.

Một số luật pháp và phong tục của nước này rất lạ. Có lẽ tôi sẽ cố gắng bảo vệ nó, nếu nó trái ngược hẳn với luật pháp và phong tục nơi Tổ quốc thân yêu của tôi. Chỉ mong sao nó được thực hiện một cách nghiêm chỉnh. Trước hết tôi xin nói đến là pháp luật đối với những kẻ vu khống. Ở nước này, tội chống lại nhà nước bị trừng phạt nặng nhất. Nhưng nếu bị cáo chứng minh được mình vô tội, người tố cáo tức khắc bị xử tử. Bị cáo sẽ được bồi thường gấp bốn lần. Số tiền bồi thường lấy ở của cải, ruộng đất của người tố cáo, vì số thời giờ đã mất, vì sự nguy hiểm đe dọa vì đã phải chịu khổ cực trong nhà giam và vì đã tiêu tốn trong khi chạy chọt. Nếu người tố cáo không đủ tiền bồi thường sẽ lấy của cải của nhà vua bù đắp. Vua công khai cho bị cáo một chứng cớ nào đó về sự ưu đãi của vua và người ta công bố cho mọi người khắp thành phố biết người đó là vô tội.

Người Lilliput coi gian lận là một tội nặng hơn tội trộm cắp, và ít khi không trừng trị bằng tử hình. Họ khẳng định rằng sự thận trọng và tính cảnh giác của mọi người bình thường đủ để bảo vệ của cải, chống lại trộm cắp, nhưng người ngay thật không thể tự bảo vệ chống lại kẻ lừa lọc. Trong thực tế, luật cung cầu tất yếu liên quan đến người mua kẻ bán và lòng tin lẫn nhau, nếu sự gian lận được tha thứ và cho phép, nếu không có luật pháp trừng trị, thì bao giờ người lương thiện cũng bị lừa lọc và kẻ lưu manh có lợi. Tôi còn nhớ một lần đã can

thiệp với vua để bênh vực một kẻ phạm pháp đã lừa một ông chủ, lấy một số tiền lớn của chủ giao cho rồi bỏ trốn. Để giảm tội của hắn, tôi thưa với vua rằng, dù sao, đó cũng chỉ là tội lợi dụng lòng tin của kẻ khác. Vua cho đó là một lý lẽ quái gở, bởi vì chính lý lẽ ấy làm tội nặng thêm, mà tôi lại viện ra để xin giảm tội cho bị cáo. Tôi chẳng biết đáp lại làm sao ngoài cách biện bạch rằng ở mỗi nước đều có những tập quán riêng, nhưng thú thực trong thâm tâm, tôi rất lấy lâm xấu hổ.

Thông thường, chúng ta đều coi nhưng việc khen thưởng và trừng phạt là hai cái trục của một chính quyền, nhưng chưa bao giờ và chưa ở đâu tôi thấy châm ngôn ấy được thực hiện, trừ ở Lilliput. Bất kỳ ai chứng minh được mình đã nghiêm chỉnh tuân theo mọi luật pháp của xứ sở trong bảy mươi ba tuần trăng, đều có quyền hưởng một số quyền lợi, nhiều ít tùy theo dòng dõi và chức vụ, với một số tiền tương đương trích ở một quỹ đặc biệt. Người đó gọi là snilpall, tức là hợp pháp, kèm theo tên mình, nhưng không cha truyền con nối. Người Lilliput cho rằng muốn cho mọi người tuân theo pháp luật mà chỉ có trừng phạt, không có khen thưởng, là một sai lầm. Do nguyên lý ấy mà hình ảnh của công lý được biểu hiện trong các tòa án bằng sáu con mắt, hai mắt ở đằng trước, hai mắt ở đằng sau, và mỗi con mắt ở mỗi bên - tượng trưng của sự chú ý toàn diện, với một túi vàng ở tay phải, một thanh kiếm ở tay trái, để cho mọi người thấy rõ rằng công lý thiên về khen thưởng hơn là trừng phạt.

Trong việc lựa chọn những người đảm nhiệm công việc của quốc gia, người Lilliput coi trọng đạo đức hơn là tài năng. Bởi vì họ nghĩ rằng, không ai có thể không cần đến chính phủ nên một trí tuệ bình thường có thể làm được bất cứ nhiệm vụ nào. Thượng đế không bao giờ có ý muốn biến công việc trị quốc thành một điều bí ẩn, mà chỉ một vài thiên tài hiếm có mới hiện được. Mà những thiên tài ít khi sản sinh được lấy ba người trong cùng một thời đại. Người Lilliput cho rằng sự thật, sự công bằng, tính ôn hòa và những đạo đức ấy trong thực tiễn, thêm vào đó kinh nghiệm và thiện ý: là đủ tư cách để phụng sự quốc gia, trừ khi nó đòi hỏi một trình độ học vấn cần thiết. Họ thấy rằng tài năng không thể bù đắp được cho người thiếu đạo đức, nên họ không giao nhiệm vụ quốc gia vào bàn tay nguy hiểm của những kẻ đó. Và chí ít thì nhưng lỗi lầm do sự dốt nát gây nên, nhưng có thiện ý, không bao giờ tạo ra những kết quả ảnh hưởng đến quyền lợi chung, như hành động của một người xấu xa nhưng rất có tài tổ chức để che giấu, bảo vệ những hành động tội ác của mình.

… Nhắc đến những luật pháp đã kể trên hoặc sẽ kể dưới đây, đó là tôi nói đến những quy chế cổ xưa và bỏ qua sự suy đồi đáng quyền rủa mà dân tộc này mỗi ngày một sa vào, theo lẽ tự nhiên của bản chất thoái hóa của loài người. Cái tục lệ đáng ghét là nhảy múa trên dây để chiếm những địa vị quan trọng trong triều, hoặc nhảy qua cái gậy và bò toài dưới đất để được hưởng quyền ưu đãi và phẩm tước, bạn đọc nên hiểu là những cách thức ấy mới được ông nội của nhà vua hiện nay thực hiện lần thứ nhất, và nó chỉ phát triển khi ngày càng có nhiều phe phái.

Sự vô ơn là tội nặng nhất đối với người Lilliput. Lịch sử cho ta biết ở nhiều nước khác cũng vậy. Họ lập luận như sau: những người đối đãi không ra gì với ân nhân của mình, thì chắc hẳn sẽ là kẻ thù chung của những người khác, là những người sẽ không nhận được sự giúp đỡ nào hết. Vì vậy, kẻ vô ơn không đáng sống.

Cách xem xét quan hệ cha con khác hẳn cách xem xét của chúng ta. Quan hệ nam nữ vốn dựa trên cơ sở một quy luật của tự nhiên để phát triển nòi giống. Người Lilliput cho rằng đàn ông và đàn bà sống với nhau chẳng qua cũng như những loài sinh vật khác, chỉ nhằm mục đích phát triển nòi giống... Với những lập luận ấy và những lập luận khác tương tự như vậy, đưa người ta đến ý nghĩ cho rằng cha mẹ

không cần chăm lo, dạy dỗ con cái. Thành phố nào cũng có những trung tâm giáo dục con trẻ. Các bậc cha mẹ - trừ thợ thuyền và dân cày - phải đưa con cái mình đến đó để người ta nuôi nấng, dạy dỗ, khi trẻ tròn hai mươi trăng tròn, tức là khi các cháu biết nghe lời. Có nhiều loại trường dành cho con trai và con gái, và tùy theo dòng dõi. Thầy giáo, cô giáo lành nghề trong việc đào tạo trẻ em có lối sống phù hợp với hoàn cảnh gia đình và cha mẹ, với năng khiếu và khuynh hướng của từng đứa trẻ. Trước hết, tôi nói đến những trung tâm giáo dục con trai, rồi đến những trung tâm giáo dục con gái.

Trường học đào tạo thiếu nhi thuộc gia đình quý tộc có những giáo viên nghiêm túc và uyên bác, có học thức, và có nhiều trợ lý giúp đỡ. Quần áo và thức ăn đơn giản nhưng đầy đủ. Họ dạy cho các cháu biết thế nào là danh dự, công bằng, dũng cảm, khiêm tốn, độ lượng, tôn giáo và lòng yêu nước. Lúc nào các cháu cũng hoạt động, trừ những thời gian rất ngắn dành cho bữa ăn và giấc ngủ. Có hai giờ giải trí dành cho việc tập thể dục. Người hầu đàn ông mặc quần áo cho các cháu đến khi các cháu lên bốn tuổi, sau đó, các cháu tự mặc lấy không phân biệt dòng dõi thế nào. Giờ chơi các cháu tự tập lại thành từng nhóm lớn, nhỏ tùy thích, và bao giờ cũng có thầy giáo hay trợ lý coi sóc. Thành thử, các cháu tránh được việc tiếp xúc thói hư tật xấu mà trẻ em nước chúng ta không tránh được. Mỗi năm, cha mẹ chỉ được đến thăm con hai lần. Mỗi lần không quá một giờ. Cha mẹ không được hôn con lúc đến trường cũng như lúc đi, bao giờ cũng có một thầy giáo giám sát các cuộc gặp mặt ấy, để cấm tiếng thì thầm thân ái giữa hai bên, cấm cha mẹ cho con đồ chơi, quà bánh hoặc một thứ gì khác. Nếu cha mẹ không đóng tiền cho con, sẽ có nhân viên nhà nước thu số tiền theo quy định.

Những trường dành cho con cái gia đình trung lưu - người buôn bán, thương gia và thợ thủ công - cũng được tổ chức theo những nguyên tắc trên, chỉ khác một điều là ở các trường thương mại, trẻ con tập sự đến năm mười một tuổi, còn ở các trường khác, việc tập sự kéo dài cho đến năm mười lăm tuổi - tương đương với tuổi hai mươi mốt ở nước chúng ta. Ở ba năm cuối cùng, những điều bó buộc ngày càng đỡ ngặt nghèo hơn.

Trong những trường dạy các cháu gái, các cháu dòng dõi quý tộc được nuôi nấng cũng như các cháu trai, chỉ khác một điều là những người hầu gái mặc quần áo cho các cháu, nhưng bao giờ cũng do thầy giáo hay trợ lý coi sóc, cho đến khi năm tuổi, các cháu biết mặc quần áo lấy. Nếu các bà vú nuôi tự ý kể cho các cháu gái nghe những chuyện phi lý hay rùng rợn, hoặc giở những trò khỉ ra như thường thấy ở các chị hầu phòng nước chúng ta thì sẽ bị đòn ba lần, công khai, cho mọi người ở thành phố đều biết, bị tù một năm và bị đày đến một nơi khổ nhất của xứ sở. Vì vậy, cũng như các em trai, các em gái thấy xấu hổ nếu bị coi là hèn nhát hoặc hư thân. Các cô gái này đều khinh bỉ sự ngụy biện và trang sức bề ngoài, nên họ chỉ lo lắng làm sao sống cho lịch sự và sạch sẽ. Tôi không thấy có gì khác biệt lắm trong sự giáo dục con trai và con gái, con gái tập thể dục nhẹ nhàng hơn cung cách làm việc nội trợ được dạy bảo và trình độ học vấn cũng thấp hơn. Họ cho rằng một người đàn bà quý tộc không thể trẻ mãi suốt đời nên bao giờ cũng cần phải là một người biết điều và dễ mến. Khi các cô gái đến tuổi mười hai - là đến tuổi lấy chồng - các cô trở về gia đình với cha mẹ hoặc người đỡ đầu và ít khi những cuộc chia tay giữa cô gái và bạn bè của cô không có nước mắt. Còn cha mẹ hoặc người đỡ đầu thì rất biết ơn những thầy giáo đã dạy dỗ con mình.

Ở những trường dành cho các cháu gái địa vị xã hội thấp hơn, các cháu được học tập tất cả mọi việc hợp với giới tính và tùy theo tầng lớp xã hội. Những cháu nào phải đi học nghề thì dời trường từ năm lên bảy, còn các cháu khác được giữ lại đến năm mười một tuổi.

Mỗi gia đình có con gửi đến trường, ngoài tiền ăn ở đóng hằng năm, được quy định thấp đến mức tối thiểu, còn phải đóng cho trường một phần nhỏ thu nhập hằng tháng, dành dụm làm của hồi môn cho con. Như vậy, luật pháp hạn chế cả các món chi tiêu của các bậc cha mẹ. Người Lilliput quan niệm rằng, không gì bất công hơn là đẻ con ra mà lại bắt nhà nước nuôi nấng, lấy cớ là cần phải thỏa mãn những nhu cầu của mình. Những người quý tộc gửi mỗi đứa con phải để một số tiền bảo đảm, nhiều ít tùy theo chức vị. Quỹ này được quản lý rất tiết kiệm và công bằng.

Con cái thợ thuyền và dân cày ở nhà với cha mẹ. Nghề của các cháu sau này là cày cấy ruộng vườn, nên đối với họ, sự giáo dục là không cần thiết lắm. Có bệnh viện từ thiện dành cho người nghèo, già cả, ốm đau, nên ở xứ này không hề có ăn mày.

Và bây giờ, có lẽ bạn đọc tò mò muốn biết cuộc sống hằng ngày của tôi ở nước này như thế nào. Vốn tôi là người ưa những công việc chân tay, vả lại do nhu cầu đòi hỏi, tôi đã lấy những cây to nhất trong vườn thượng uyển để làm một cái bàn và một cái ghế khá tốt. Hai trăm cô thợ khâu may áo sơ-mi và khâu những khăn trải giường, khăn bàn cho tôi bằng thứ chỉ dai nhất, cứng nhất có thể tìm thấy ở đây. Các cô phải khâu nhiều lớp vải xếp lên nhau, bởi vì thứ vải dày nhất còn mỏng hơn the ở nước chúng ta. Một tấm vải thường rộng ba inch, dài ba foot. Tôi nằm xuống đất cho các cô đo để may áo. Một cô đứng trên cổ tôi, một ở giữa thân, mỗi cô cầm một đầu cái dây thừng cho cô thứ ba lấy thước đo. Sau đó các cô đo ngón tay cái của tôi, thế là xong. Các cô làm một con tính, tính được vòng cổ tay, dài bằng hai ngón tay cái. Ba trăm thợ may được dùng vào việc may quần áo cho tôi, họ đo bằng cách khác. Tôi quỳ xuống đất, họ bắc thang cao đến cổ. Một người trèo lên thang, dùng dây dọi thả từ cổ xuống đất. Thế là được chiều dài áo khoác. Còn tôi tự đo lấy vòng thân và cánh tay. Việc may quần áo làm ngay ở nhà tôi (bởi vì dù là nhà to nhất của họ, cũng không chứa nổi bộ quần áo này), nhìn bộ quần áo chẳng khác gì những mảnh vá chi chít mà các ba phụ nữ như ở bên Anh vẫn thường làm, chỉ khác một điều là những mảnh vá này đồng màu.

Nấu ăn cho tôi, là ba trăm đầu bếp ở với gia đình họ trong những túp lều dựng quanh nhà tôi. Mỗi người cung cấp hai đĩa thức ăn. Tôi cầm hai mươi người đặt lên bàn, khoảng một trăm người đứng ở dưới đất, tay cầm đĩa thức ăn, hoặc khiêng những thùng rượu và đồ uống. Những người hầu bàn dùng dây kéo lên rất khéo, như thể chúng ta kéo nước ở giếng. Mỗi đĩa thức ăn, tôi chén vừa đủ một miếng, và mỗi thùng rượu - một hớp kha khá. Thịt cừu không ngon bằng thịt cừu ở nước chúng ta, nhưng thịt bò thì ngon tuyệt. Một lần, tôi được một miếng lườn to kếch sù, ăn đến ba miếng mới hết, nhưng những miếng như vậy rất hiếm. Ngỗng và gà tây cũng mỗi con một miếng ngon lành, phải thú thật rằng thịt ngỗng và gà tây ngon hơn ở nước chúng ta. Còn những con chim thì tôi lấy đầu dao xâu hai mươi hoặc ba mươi con một lúc.

Biết cách sống của tôi như vậy, một hôm đức vua đề nghị tôi vui lòng (vua có nhã ý nói như vậy) để cho vua đến dự bữa cơm với tôi, có cả hoàng hậu, hoàng tử và công chúa nữa. Cả đoàn đến, tôi bưng tất cả ngồi lên bàn của tôi, kể cả đội cận vệ, Flimnap: quan đại thần giữ kho bạc, cũng có mặt, tay cầm cái gậy trắng ông ta nhìn tôi chẳng có thiện cảm gì cả, nhưng tôi mặc kệ. Tôi ăn nhiều hơn mọi ngày để làm vinh dự cho nước tôi và cũng làm cho họ phải khâm phục. Tôi có những lý do riêng để tin rằng cuộc đi thăm này của nhà vua là dịp để Flimnap làm hại tôi. Ông tổng trưởng này vẫn là kẻ thù giấu mặt của tôi, mặc dù bề ngoài ông ta vẫn tỏ ra ân cần niềm nở khác với cái tính ít nói tự nhiên của ông. Ông ta trình lên đức vua tình hình nguy ngập của kho bạc, khiến ông ta đã phải vay tiền với lãi suất cao, rằng

những phiếu công khố đã sụt giá tới chín phần trăm và tôi đã tiêu tốn của nhà vua tới một triệu rưỡi sprug (đồng tiền vàng lớn nhất, to bằng hạt tấm), và tốt hơn hết nhà vua cần phải tìm cách tống cổ tôi đi.

Ở đây tôi phải bảo vệ danh dự cho một vị phu nhân đáng kính đã vì tôi mà trở thành một nạn nhân vô tội. Vì những lời gièm pha độc địa, ông tổng trưởng sinh ra ghen tuông. Ông ta tưởng vợ ông mê tôi và ở cung đình người ta phao tin là bà ta lén lút đến nhà tôi chơi. Tôi trịnh trọng tuyên bố rằng đó chỉ là lời vu khống hèn hạ nhất, hoàn toàn không có cơ sở gì, chỉ có điều là bà ta thích đối xử tự do, thân mật với tôi, điều đó chẳng có gì là tội lỗi. Tôi công nhận bà năng đến chơi nhà lôi, nhưng đến công khai, bao giờ trong xe ngựa cũng có ít nhất là ba người: cô em, con gái và một bạn gái. Tôi yêu cầu những người hầu của tôi khẳng định rằng chưa bao giờ họ thấy một xe ngựa đến cổng nhà tôi mà không biết đó là xe của ai. Những khi có khách, được tin báo, tôi ra ngay cổng và sau lời chào hỏi, tôi nhấc cả xe và ngựa lên tay, cẩn thận đặt lên bàn, bàn có quây một cái rào hình tròn, cao năm inch để đề phòng tai nạn. Nhiều khi tôi có tới cả bốn người và ngựa trên bàn, tôi ngồi ghế, ngả đầu xuống phía khách. Khi tôi nói chuyện với nhóm khách này thì xà ích ngoan ngoãn đưa nhóm khách khác dạo quanh bàn. Nhiều buổi chiều, tôi đã được vui vẻ tiếp khách như vậy. Tôi thách ông tổng trưởng và hai kẻ đưa tin của ông ta (tôi cứ gọi tên ra ở đây, rồi ra sao thì ra) là Clustril và Drunlo đưa ra bằng chứng rằng có người lén lút đến nhà tôi - thì ông bí thư Reldresal, được đức vua đặc phái đến, như tôi đã kể bên trên. Tôi sẽ không kể lể chi tiết việc này nếu đó không phải là câu chuyện danh dự của một bà phu nhân quý phái có tên tuổi. Mặc dù tôi là một Nardac, mà ông tổng trưởng kia mới chỉ là một glumglum, như mọi người đều biết, tức là còn kém tôi một bậc - cũng như từ tước công đến tước hầu ở nước Anh. Tuy nhiên tôi công nhận là ông ta có thế lực hơn tôi vì chức vụ nắm tiền bạc của nhà nước. Những tin đồn nhảm ấy khiến ông ta khổ sở vì ghen tuông và căm thù tôi. Ít lâu sau đó, ông ta đã nhận ra là mình đã bị người ta lừa nên đã làm lành với vợ, song ông ta không còn tin ở tôi nữa. Sau đó, tôi nhận thấy cả nhà vua cũng ngày một xa lánh tôi, bởi vì sự thật, ngài đã bị ông tổng trưởng chi phối.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 7

rước khi kể với các bạn việc tôi dời bỏ xứ sở này như thế nào, tôi xin cung cấp cho bạn đọc những tin tức về một âm mưu bí mật từ hai tháng nay, nhằm ám hại tôi.

Cho đến lúc ấy, tôi không biết gì về cuộc sống của cung đình, và do xuất thân thấp kém của mình nên tôi chẳng ưa gì lối sống ấy. Nói thật, tôi đọc và nghe nói không ít về những tính khí thất thường của vua chúa và của các vị tổng trưởng. Song chưa bao giờ tôi có thể tưởng tượng đến những hậu quả ghê gớm ở một xứ sở xa xôi như ở đây, một xứ sở được cai trị - theo tôi nghĩ - bằng những nguyên tắc khác xa những nguyên tắc ở châu Âu.

Trong khi tôi sửa soạn đi thăm vua nước Blefuscu thì một quan đại thần (tôi giúp ông ta một việc trọng đại khi ông ta đã mất hết mọi sự ưu đãi của nhà vua) đến nhà tôi lúc nửa đêm, ngồi trong một cái kiệu bịt kín, và xin phép được vào trong nhà không hề cho biết tên tuổi. Những người khiêng kiệu bị đuổi ra ngoài. Tôi cầm lấy kiệu, có cả quan đại thần ngồi trong, nhét vào túi áo, tôi bảo một người đày tớ trung thành nói rằng tôi bị mệt và muốn đi ngủ. Tôi khóa trái cửa hai lần, đặt cái kiệu lên bàn, lấy ghế ngồi trước mặt như thường lệ. Sau những lời chào hỏi thông thường, nhận thấy vẻ mặt vị quan đầy lo âu, tôi hỏi ông lý do. Ông bảo tôi phải lắng nghe nghe ông kể lại một câu chuyện có liên quan đến danh dự và cuộc đời tôi. Khi ông ra về tôi tức khắc ghi lại như sau:

"- Ngài cần biết rằng - ông nói - gần đây, nhiều cuộc họp của Hội đồng đã được bí mật triệu tập về việc của ngài. Cách đây hai hôm, đức vua đã quyết định "Không phải là ngài không biết Bolgolam - chức galbet hoặc đô đốc - là kẻ tử thù của ngài ngay từ khi ngài đặt chân lên đất nước này. Nguyên nhân sâu xa của sự thù ghét này thì tôi không biết. Song từ khi ngài chiến thắng quân Blefuscu: làm lu mờ cái địa vị đô đốc của ông ta, sự hằn thù ngày càng tăng. Vị quan ấy cùng với ông Flimnap, quan phụ trách kho bạc, mà mọi người đều biết là rất căm ghét ngài vì việc vợ ông ta, Limtoc, đại tướng, Lalcon, quan thị vệ, và Balmuff, tổng trưởng Bộ tư pháp, đã chuẩn bị buộc ngài vào tội phản bội và những trọng tội khác.

Lời mào đầu ấy làm tôi sốt cả ruột, tôi tự nhận thức rằng mình là người có nhiều công lao và là người vô tội, tôi định ngắt lời ông ta, thì ông ta bảo tôi đừng nói, để ông ta trình bày tiếp:

- Tôi ghi lòng những việc ngài giúp tôi, nên tôi quyết tâm tìm hiểu đầu đuôi vụ án và tìm cách lấy được bản sao. Vì ngài mà tôi sẵn sàng hy sinh cả tính mệnh.

NHỮNG KHOẢN KẾT ÁN

FLESTRIN, NGƯỜI-NÚI

Khoản I

Xét theo quy chế từ triều hoàng thượng Calin Deffar Plune, thì bất cứ ai tiểu tiện bên cạnh cung điện nhà vua đều phải chịu những hình phạt như kẻ phản bội. Xét rằng tên Flestrin coi thường pháp luật ấy lấy lý do dập tắt đám cháy nơi cung điện hoàng hậu, đã phun nước tiểu một cách độc ác, bẩn thỉu và nhơ nhuốc vi phạm quy chế đã được quy định, v. v… vi phạm nhiệm vụ, v. v...

Khoản II

Xét rằng tên Flestrin, sau khi kéo được những chiến hạm nước Blefuscu vào hải cảng và nhận được lệnh hoàng thượng phải cướp tất cả tàu bè khác của nước Blefuscu, biến nước này thành một tỉnh thuộc địa do một phó vương cai trị, lệnh tiêu diệt những người theo "Chủ nghĩa Đầu trứng to" lưu vong và tất cả những kẻ theo tà thuyết này ở Blefuscu nữa, nhưng tên Flestrin đã chống lại hoàng thượng vô cùng anh minh và sáng suốt của chúng ta, hắn như một kẻ phản bội nổi loạn, bằng cách trình lên một bản thỉnh nguyện để từ chối nhiệm vụ, viện lý do rằng hắn ta không thể bắt ép lương tâm, để xóa bỏ tự do và gây nên cái chết của một dân tộc vô tội.

Khoản III

Xét rằng khi đoàn đại biểu nước Blefuscu được phái sang để cầu hòa, chính tên Flestrin đã giúp đỡ, động viên và nói chuyện với đoàn đại biểu, mặc dù hắn biết chúng chỉ là tôi tớ của một ông vua mới đây còn là kẻ thù công khai của hoàng thượng và gây cuộc chiến tranh chống lại Ngài.

Khoản IV

Xét rằng tên Flestrin, đi ngược lại nhiệm vụ của một thần dân trung thành: hắn hiện đang sửa soạn một cuộc du lịch sang triều đình Blefuscu, và mới chỉ được hoàng thượng cho phép bằng miệng. Dựa vào lời nói ấy, hắn có ý định xảo quyệt và phản bội là sang nước láng giềng để giúp đỡ động viên, ủng hộ vua Blefuscu...

Còn mấy điều khoản nữa, nhưng tôi chỉ đọc cho ngài nghe một số đoạn trích quan trọng như trên.

Phải thừa nhận rằng trong các cuộc thảo luận về sự buộc tội này, hoàng thượng đã nhiều lần tỏ ra ôn hòa, nói đến công lao của ngài đã giúp hoàng thượng và có làm giảm nhẹ tội của ngài. Nhưng viên quan coi kho bạc và viên đô đốc đòi kỳ được sẽ tử hình ngài bằng một cách tàn ác và vô liêm sỉ nhất, đó là cách đốt nhà của ngài lúc đêm. Viên đại tướng đã chuẩn bị hai vạn quân được vũ trang bằng tên tẩm thuốc độc để bắn vào mặt và tay ngài. Một số đầy tớ của ngài sẽ nhận được lệnh bí mật vẩy một thứ thuốc độc lỏng lên áo sơ mi và khăn trải giường của ngài, làm cho ngài tự xé rách da thịt mình, và ngài phải chết trong sự đau đớn cực độ. Viên đại tướng đồng ý với đề nghị ấy. Cho nên, trong thời gian vừa qua, số đông là chống lại ngài. Nhưng hoàng thượng quyết tâm không để ngài phải chịu tội chết, và đã được ngài thị vệ tán đồng.

Trong khi sự việc diễn biến như vậy thì Reldresal, tổng trưởng Bộ những việc riêng tư, xưa nay vẫn là bạn thân của ngài, được hoàng thượng cho phép nói ý kiến của mình. Ông ta cho rằng ngài là người biết người biết của. Trước hết, ông ta thừa nhận là ngài phạm những tội nặng, song phải dành một phần cho lòng độ lượng và đạo đức cao quý nhất của một ông vua, đạo đức khiến đức vua đã lừng danh bốn biển. Ông ta bảo tình bạn gắn bó ngài với ông ta, mọi người đều biết, và Hội đồng có thể cho lời phán đoán của ông ta là thiên vị, nhưng tuân lệnh hoàng thượng, ông ta cứ nói thật. Nếu hoàng thượng xét công lao của ngài, bao dung độ lượng mà cứu sống ngài, chỉ

khoét mắt ngài thôi, thì ông ta cho rằng, bằng cách ấy công lý được bảo đảm và tất cả mọi người đều hoan nghênh lòng nhân từ của hoàng thượng, cũng như những phương thức cao thượng và bao dung của những người được vinh dự làm cố vấn cho hoàng thượng. Ngài bị mù mắt, việc đó không phương hại đến sức khỏe, mà còn có thể có ích cho hoàng thượng, mù mắt chỉ làm cho người ta thêm can đảm, vì người ta không trông thấy những mối nguy hiểm. Khi ấy, đầu óc con người yên tĩnh hơn, nỗi sợ hãi chẳng đã là nỗi khó khăn nhất mà ngài đã phải vượt qua để chiếm được chiến hạm của địch đấy ư, vậy ngài cứ nhìn sự đời qua cặp mắt của người khác (cặp mắt của các vị tổng trưởng) thế là đủ lắm rồi, vì các bậc vua chúa hùng mạnh nhất cũng nhìn theo kiểu như vậy.

Đề nghị này bị toàn thể Hội đồng phản đối. Ông Bolgolam, thủy sư đô đốc, không giấu nổi sự giận dữ. Ông ta hầm hầm đứng dậy, bảo ông ta lấy làm ngạc nhiên khi ông tổng trưởng dám bày tỏ ý kiến bảo vệ cho một kẻ phản bội. Những việc ngài làm, theo những châm ngôn chân chính của quốc gia, chỉ làm tăng thêm tội của ngài. Bởi vì, ngài đã có gan dập tắt đám cháy bằng một bãi nước tiểu, phun vào dinh thự của hoàng hậu (ông ta tỏ vẻ rất sợ hãi khi nói việc này), thì một lần khác, ngài cũng có thể dùng cách ấy làm lụt cả cung điện. Thêm nữa, sức ngài có thể kéo được hạm đội trở về thì sẽ có thể một lúc nào đó trong cơn tức giận ngài sẽ đem hạm đội ấy trở về chỗ cũ. Ông ta bảo ông ta có nhiều lý do để tin rằng trong thâm tâm ngài theo "Chủ nghĩa Đầu trứng to". Sự phản bội bao giờ cũng nảy sinh từ ý nghĩ trước khi biểu hiện thành hành động, nên ông ta coi ngài như một kẻ phản bội. Vì vậy, đòi hỏi ngài phải chịu án tử hình.

Viên quan ngân khố tán thành ý kiến ấy. Ông ta trình bày nền tài chính quốc gia, vì phải nuôi dưỡng ngài, đã kiệt quệ đến mức nào. Tình hình sẽ nguy khốn nếu sử dụng cách khoét mắt ngài, đó không phải là một phương pháp tốt để cứu vãn tình hình tài chính kiệt quệ, mà ngược lại làm tăng thêm phần nguy hiểm, bởi vì rõ ràng là, muốn cho gà vịt ăn nhiều và chóng béo, người ta chọc mù mắt chúng. Hoàng thượng và Hội đồng là những người dùng ra xét xử, đã hiểu rất rõ tội trạng của ngài, điều đó là một lập luận đủ để kết án tử hình mà không cần viện đến những chứng cớ hình thức mà pháp luật cứng nhắc đòi hỏi phải có.

Nhưng đức vua quyết tâm tránh cho ngài án tử hình, nên Ngài có nhã ý nói rằng Hội đồng thấy việc khoét mắt là một hình tội còn nhẹ, sau này có thể tìm thấy những hình tội nặng hơn. Và ông bí thư bạn ngài xin được Hội đồng nghe ông ta nói. Để trả lời những lời buộc tội của viên quan kho bạc về việc nuôi dưỡng ngài tốn kém, ông ta nói rằng quan quản lý là người chịu trách nhiệm về nền tài chính có thể dễ dàng giảm bớt chi phí bằng cách hạn chế thực phẩm cung cấp cho ngài. Như vậy, ngài sẽ thiếu ăn và gầy yếu dần, rồi đến lúc ngài không muốn ăn nữa, ngài sẽ chết dần chết mòn trong vài ba tháng. Như thế, xác ngài thối rữa ra sẽ bớt nguy hiểm, bởi vì nó sẽ nhỏ đi một nửa. Và ngay sau khi ngài chết, năm hay sáu nghìn người có thể róc thịt ngài trong vài ba hôm là xong, rồi mang đi chôn từng miếng cách xa nhau để tránh bệnh dịch hạch, còn bộ xương của ngài thì để cho hậu thế ngắm xem. Thế là, vì tôn trọng tình bạn cao cả của ông bí thư, người ta đi đến một giải pháp dung hòa. Việc làm cho ngài chết dần được tuyệt đối giữ bí mật và quyết định khoét mắt ngài được ghi thành văn bản. Không ai phản đối, trừ ông đô đốc Bolgolam, đày tớ của hoàng hậu, người luôn luôn đòi hỏi phải xử tử ngài vì ngài đã dùng cách thấp hèn và không hợp pháp dễ dập tắt đám cháy.

Nội ba ngày nữa, ông bí thư bạn ngài sẽ đến đây đọc bản án để ngài biết quyết định của hoàng thượng và Hội đồng, và ngài sẽ bị khoét mắt. Hoàng thượng tin rằng ngài sẽ không để cho người ta thi hành bản án một cách ngoan ngoãn, với một tấm lòng biết ơn. Hai mươi nhà phẫu thuật của hoàng thượng sẽ có mặt và chịu trách nhiệm thi hành bản án, ngài sẽ nằm xuống đất và người ta sẽ bắn tên vào

hai con ngươi ngài.

Thôi, để ngài suy nghĩ về cách đối phó, còn tôi, tôi phải bí mật về tức khắc, bí mật cũng như lúc tôi đến đây, để tránh mọi sự nghi ngờ".

Thế là tôi ngồi lại một mình, lòng đầy lo âu và suy nghĩ. Gần đây, đức vua và các ngài tổng trưởng mới đặt ra một tục lệ đặc biệt (rất khác với tập quán ngày xưa - người ta cho tôi biết như vậy). Khi triều đình ban một sắc lệnh tàn nhẫn để thỏa mãn sự tức giận của nhà vua hay lòng độc ác của một kẻ cận thần, vua đọc một bài diễn văn trước Hội đồng, nói đến đức khoan hồng và lòng thương dân của mình, coi đó là một đức tính mà mọi người đều biết và ca ngợi. Bài diễn văn tức khắc được thông báo cho toàn quốc, và nhân dân không sợ gì bằng sợ những lời ca ngợi đức bao dung của nhà vua. Bởi vì, người ta nhận xét rằng, những lời mở đầu càng văn hoa thì sự trừng phạt càng nặng và nạn nhân càng là người không có tội. Nhưng, đối với việc liên quan đến tôi hiện nay, tôi thú thật rằng, vốn không phải là một triều thần và cũng không được hưởng nền giáo dục để làm quan, nên tôi phán đoán không đúng về những sự việc ấy và tôi không thể cho rằng lời mở đầu này là dịu dàng, cao cả, mà ngược lại, tôi thấy nó quá khắt khe (có lẽ tôi lầm chăng). Tôi không nghĩ cách tự bào chữa trước Hội đồng, bởi vì, tôi không thể chối cãi được những sự việc đã ghi trong các điều của bản án, nhưng tôi vẫn hy vọng người ta sẽ công nhận công lao đóng góp của tôi để xét ân giảm. Nhưng trong cuộc đời tôi, tôi đã chứng kiến nhiều vụ án kiểu này, bao giờ cũng kết thúc theo chỉ thị đã được đưa ra của các quan tòa, và theo ý muốn của các vị quyền cao chức trọng, cho nên tôi không dám tin vào quyết định nguy hiểm ấy của mình. Trong tình thế ác liệt này và trước những kẻ thù có thế lực đã có lúc tôi có ý định kháng cự lại, bởi vì tôi còn tự do thì tất cả những lực lượng quốc gia tập hợp lại dễ gì chống lại nổi tôi, và với mấy hòn đá, tôi có thể dễ dàng phá tan tành cả thành phố. Song, tôi gạt bỏ ngay ý định ấy, bởi vì tôi nhớ lại lời tuyên thệ trước nhà vua và những ân huệ ngài đã ban cho tôi, cũng như danh dự Nardac ngài đã ban thưởng. Tôi chưa học được nhiều lắm lòng biết ơn của các bậc triều thần để thấy rằng những đối xử khắc nghiệt hiện nay của đức vua có thể giải phóng tôi khỏi nhưng ân huệ trước kia.

Sau cùng, tôi đi đến một quyết định, chẳng tránh khỏi có đôi chỗ đáng chê trách. Cũng vì táo bạo và thiếu kinh nghiệm, nên khi tôi muốn giữ không để mất đôi mắt, mất cuộc sống tự do và sinh mệnh của mình, tôi đã bất chấp tất cả các sắc lệnh của triều đình. Giả thử lúc đó tôi biết được bản chất các ông vua và các vị tổng trưởng như tôi đã quan sát được ở nhiều triều đình khác, cũng như cách đối xử của họ với những phạm nhân tội nhẹ hơn tôi, thi có lẽ tôi đã dễ dàng chấp nhận hình phạt đáng yêu ấy rồi. Nhưng, thời ấy, tuổi trẻ vốn nóng nảy, và sẵn dịp được phép của đức vua cho sang thăm vua nước Blefuscu, tôi bèn gửi ngay một bức thư cho ông bạn bí thư, báo tin sáng hôm ấy tôi đi Blefuscu, trước khi đợi cho ba ngày trôi qua. Không đợi trả lời, tôi di về phía hải cảng. Tôi chọn một chiếc chiến hạm lớn, buộc mũi tàu vào một dây cáp, kéo dây neo lên tôi cởi áo đặt lên trên tàu, rồi với một cái chăn kẹp ở nách, tôi kéo cái tàu theo sau: khi lội bì bõm, khi bơi trên biển. Tôi đến hải cảng nước Blefuscu, dân chúng đã đứng ở cảng đón tôi từ lâu. Họ cử hai người dẫn đường đưa tôi đến thủ đô cũng gọi là Blefuscu. Tôi cầm hai người trên tay cho đến khi cách cổng thành phố một trăm fathom. Tôi bảo họ đi báo tin cho một viên quan rằng tôi đã đến và đang đứng đợi lệnh của hoàng thượng. Một giờ sau, tôi nhận được tin trả lời: Hoàng thượng cùng với hoàng gia sẽ ra tận nơi chào mừng tôi. Tôi tiến lên năm mươi fathom nữa. Vua và đoàn tùy tùng xuống ngựa, hoàng hậu và các nữ tì xuống xe, chẳng có ai lộ vẻ sợ sệt hay lo lắng cả. Tôi nằm dài xuống đất để hôn tay đức vua và hoàng hậu. Tôi tâu với ngài rằng, giữ lời

hứa của tôi và được phép của đức vua Lilliput, tôi đến đây để được vinh dự gặp một ông vua hùng cường và để phụng sự Người trong những trường hợp không hại đến quyền lợi của vua nước Lilliput.

Tôi sẽ không làm phiền bạn đọc với những chi tiết về cuộc đón tiếp tôi nơi cung đình Blefuscu, xứng đáng với đức độ của một nhà vua hùng mạnh, hoặc những khó khăn tôi đã trải qua vì không có nhà và giường, phải quấn tấm chăn ngủ dưới đất.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift
www.dtv-ebook.com

Chương 8

ến Blefuscu được ba hôm, tôi tò mò đi dạo chơi trên bờ biển đông bắc hòn đảo. Bỗng tôi thấy cách bờ khoảng nửa dặm, có cái gì giống như một cái thuyền lật úp. Tôi cởi giày, tháo bít tất lội ra xa đến một trăm hay hai trăm fathom. Tôi thấy vật ấy bị thủy triều đẩy giạt đến phía tôi và nhận ra đó chính là một cái xuồng, có lẽ bị bão cuốn khỏi tàu, trôi vào đây. Tôi vội quay trở lại triều đình, xin vua cho tôi mượn hai mươi chiếc tàu lớn nhất còn lại sau cuộc bại trận, và ba nghìn thủy thủ, dưới quyền chỉ huy của quan phó thủy sư đô đốc. Đoàn tàu căng buồm ra khơi, còn tôi tìm lối gần nhất tiến ra chỗ cái xuồng. Thủy triều đã đưa chiếc sà-lúp vào gần bờ hơn nữa. Thủy thủ sẵn sàng những dây cáp mà tôi đã quấn với nhau cho thêm chắc. Khi đoàn tàu đến xuồng, tôi cởi quần áo, lội đến cách xuồng độ năm mươi fathom rồi tiếp tục bơi. Thủy thủ ném cho một đầu dây, tôi xỏ dây vào một cái lỗ ở mũi xuồng, buộc nút đầu dây kia buộc vào một chiến hạm. Nhưng vì chân tôi không chạm đất nên tôi kéo như thế nào thì xuồng cũng không di chuyển. Thế là tôi bắt buộc phải bơi sau nó, lấy tay đẩy. Nhờ sức thủy triều đang lên mà tôi đẩy được chiếc xuồng vào khá gần bờ, đến lúc nước chỉ đến cằm, chân chạm đất. Tôi nghỉ hai, ba phút, rồi lại đẩy chiếc xuồng cho đến khi nước chỉ còn ngập đến nách. Thế là phần việc khó khăn nhất đã xong, tôi lấy dây cáp chất ở một chiến hạm, buộc sà lúp vào chiếc tàu. Kết hợp với gió thổi thuận chiều và thủy thủ ra sức kéo, tôi đẩy cho đến khi sà lúp chỉ cách bờ hai mươi fathom. Đến khi thủy triều xuống và chiếc xuồng đã ở trên cạn, chúng tôi được hai nghìn người, sẵn sàng dây thừng và máy móc, cố hết sức lật ngửa chiếc xuồng lên và thấy nó không hư hại gì mấy.

Tôi sẽ không làm phiền bạn đọc bằng cách kể lể dài dòng những khó khăn trong mười ngày làm mái chèo, để kéo chiếc xuồng vào hải cảng Blefuscu. Dân chúng tụ tập rất đông ở cảng, hết sức khâm phục cái thuyền khổng lồ này. Tôi bảo nhà vua rằng số phận may mắn của tôi đã gặp được con thuyền này, nó sẽ chở tôi đến một nơi nào khác để từ đó có thể đưa tôi về quê hương. Tôi xin ngài ra lệnh cho mọi người cung cấp cho tôi nhưng vật liệu cần thiết để trang bị cho con thuyền. Sau cùng tôi xin ngài để cho tôi dời khỏi nơi này. Ngài tỏ ra tiếc nuối nhưng rồi chấp nhận mọi đề nghị.

Tôi rất ngạc nhiên không nghe thấy có thư từ gì của nước Lilliput hỏi tin về tôi. Sau này, người ta cho tôi biết nhà vua không ngờ rằng tôi đã biết dự định của ngài, ngài nghĩ rằng tôi sang Blefuscu để giữ lời hứa sau khi được phép của ngài, điều này ai ai cũng biết và tôi sẽ trở lại sau cuộc đi chơi ấy. Nhưng cuối cùng, đợi mãi không thấy, ngài lo lắng và sau cuộc hội kiến với viên quan quản lý kho bạc và bè phái ông ta, một viên quan đại thần được phái sang Blefuscu đem theo bản sao bản án của tôi. Viên quan này nhận được chỉ thị là phải trình bày để nhà vua Blefuscu thấy rõ đức độ bao dung của vua Lilliput chỉ trừng phạt tôi bằng cách chọc mù mắt mà thôi, vậy mà tôi đã trốn tránh công lý và nếu tôi không quay trở về sau hai tiếng đồng hồ, tôi sẽ bị tước chức Nardac và tuyên bố là kẻ phản bội. Vị đại diện

ấy còn nói thêm, muốn giữ gìn việc giao hảo giữa hai nước, vua Lilliput mong muốn vua nước bạn xuống lệnh trói gô tôi lại, đưa tôi về Lilliput để chịu hình tội của một tên phản bội.

Vua Blefuscu thảo luận ba ngày, rồi đưa một bức thư phúc đáp, giọng rất lễ độ và khôn ngoan. Ngài nói rằng, trói chân trói tay tôi gửi trả vua bạn là một việc không thể làm nổi, mặc dù tôi chiếm mất hạm đội của ngài, song ngài vẫn mang ơn tôi đã bênh vực ngài lúc ký kết hòa ước, vả lại, cũng chẳng mấy nữa cả vua hai nước sẽ được yên lòng vì tôi đã thấy một cái thuyền khổng lồ có thể chở tôi ra biển, và ngài đã ra lệnh trang bị chiếc thuyền và dưới sự chỉ bảo của tôi. Do đó, ngài hy vọng rằng, chỉ trong ít tuần lễ nữa, cả hai nước sẽ thoát được một gánh nặng to xù xù ngần ấy.

Được bức thư phúc đáp, vị đại diện quay về Lilliput. Vua Blefuscu kể cho tôi tất cả mọi chuyện đã xảy ra, đồng thời có nhã ý (một cách bí mật) sẵn sàng che chở tôi, nếu tôi muốn ở lại phụng sự ngài. Tôi nghĩ đó là những lời nói chân thật của ngài, nhưng tôi đã quyết định không được tin một ông vua hay một vị tổng trưởng nào hết. Bởi vậy, tôi xin ngài thứ lỗi cho tôi và tôi thành thực cảm tạ nhã ý của ngài. Tôi nói với ngài rằng, số phận - dù tôi, dù xấu - đã cho tôi gặp được con thuyền nên tôi nhất quyết ra đi, thà lênh đênh trên mặt biển còn hơn là ở lại để trở thành kẻ gây những mối bất hòa giữa hai vị vua hùng mạnh. Câu trả lời này không làm phật ý đức vua, tôi nhận thấy ngài và các vị tổng trưởng hài lòng về quyết định của tôi.

Những sự việc ấy đã khiến tôi quyết định ra đi sớm hơn một chút so với dự kiến, triều đình nóng lòng muốn tôi dời đất nước này nên hăng hái giúp đỡ tôi trong công việc sửa soạn. Năm trăm người được giao nhiệm vụ làm hai cánh buồm, dưới sự chỉ huy của tôi, họ khâu chập mười ba lần vải dày nhất. Tôi chịu khó quấn mười, hai mươi, ba mươi dây cáp và dây thừng của họ lại làm một cho chắc. Sau nhiều buổi tìm kiếm, tôi thấy trên bờ biển một phiến đá để làm neo, tôi lấy mỡ của ba trăm con bò để bôi trơn cho thuyền và dùng vào mấy việc khác. Phải khó nhọc hết sức mới hạ được những cây to nhất để đẽo mái chèo và cột buồm, mặc dù tôi đã được các thợ mộc xây dựng dinh thự của nhà vua giúp sức bào, đục, sau khi tôi làm nhưng việc nặng hơn.

Một tháng sau, mọi việc đã xong xuôi. Tôi tâu với hoàng thượng rằng tôi đợi lệnh của ngài và muốn cáo từ ngài. Khi hoàng thượng và hoàng gia đến, tôi nằm xuống và ngài đưa tay cho tôi hôn một cách thân ái. Hoàng hậu và các hoàng tử cũng làm như vậy. Vua tặng tôi năm mươi túi tiền, mỗi túi đựng năm mươi đồng sprug có chân dung toàn thân ngài. Tôi cất những túi tiền ấy vào găng tay cho khỏi mất. Buổi lễ tiễn đưa phải dài dòng lắm mới kể hết.

Nói ngắn gọn, tôi mang theo một trăm con bò, ba trăm con cừu, với số bánh và nước uống tương ứng, đó là chưa kể số thịt chín mà bốn trăm người làm bếp cung cấp cho tôi, tôi còn mang theo về nước hai bò đực và sáu bò cái sống, cũng từng ấy cừu đực, cừu cái để cho chúng sinh sôi nảy nở ở nước tôi, tôi mang theo một bó cỏ và một túi lúa mì cho chúng ăn. Tôi rất muốn mang theo mười hai người nước này, nhưng nhà vua không cho phép. Sau khi khám xét túi tôi cẩn thận, ngài bắt tôi lấy danh dự thề là không mang theo một người nào, dù người ấy tình nguyện theo tôi.

Sửa soạn tất cả đâu vào đấy, ngày 24 tháng chín năm 1701, lúc sáu giờ sáng, tôi căng buồm ra khơi. Gió thổi hướng đông nam. Khi đi được bốn dặm về hướng bắc, lúc đó khoảng sáu giờ tối, tôi bỗng thấy một hòn đảo nhỏ cách tôi nửa dặm, về hướng đông bắc. Tôi tiến đến đảo và cắm neo ở nơi khuất gió, hình như đảo không có người ở. Tôi ăn qua loa mấy miếng rồi đi ngủ. Tôi làm một giấc ngon lành ít

nhất là sáu tiếng, bởi vì lúc tôi dậy trời đã tảng sáng. Tôi ăn sáng trước khi mặt trời mọc, gió thổi thuận chiều, tôi nhổ neo, vẫn hướng hôm trước mà căng buồm, theo một chiếc la bàn bỏ túi. Tôi có ý định đến một trong những hòn đảo ở phía đông bắc đất Van Diemen (tức là đảo Tasmania, phía nam châu Úc). Ngày hôm ấy không thấy gì, nhưng hôm sau, khoảng ba giờ chiều, theo sự tính toán của tôi, cách Blefuscu hai mươi tư dặm, tôi thấy một cánh buồm đi về hướng đông nam. Tôi căng buồm chạy thẳng về hướng đông. Tôi gọi họ nhưng vô hiệu. Thuyền tôi lướt rất nhanh. Tôi căng tất cả buồm lên, và độ nửa giờ sau, chiếc tàu trông thấy tôi, nó kéo cờ và nổ một phát súng đại bác. Khó mà tả hết được nỗi vui sướng lúc ấy, thật không ngờ một ngày kia tôi sẽ lại được trông thấy Tổ quốc thân yêu và tất cả những thứ mến thương nơi quê hương. Tàu buông buồm xuống, thuyền của tôi đuổi kịp, lúc ấy khoảng năm, sáu giờ. Đó là ngày 26 tháng chín. Thấy lá cờ nước Anh, lòng tôi vô cùng xúc động. Tôi bỏ đàn bò và đàn cừu vào túi áo ngoài, trèo lên boong tàu với hòm lương thực. Đây là một tàu buôn Anh từ nước Nhật trở về, qua các biển Bắc và Nam. Thuyền trưởng là ông John Biddel người miền Deptford, một người rất trung thực và là một thủy thủ tài giỏi. Lúc ấy, chúng tôi đang ở ba mươi độ vĩ tuyến nam. Tàu có chừng năm mươi thủy thủ, may sao trong số đó, tôi nhận ra một người bạn cũ là Peter Williams, anh ta giới thiệu tôi với thuyền trưởng bằng những lời tốt đẹp. Thuyền trưởng tiếp tôi niềm nở, hỏi tôi từ đâu đến và định đi đâu. Tôi kể vắn tắt mấy câu. Nhưng ông la tưởng tôi nói mê, và sau những cơn nguy hiểm, tôi bị loạn óc. Tôi liền móc ở túi ra đàn bò và cừu, lúc bấy giờ ông ta mới hết sức ngạc nhiên và tin lời tôi nói là thật. Tôi đưa cho ông ta xem những đồng tiền vàng có chân dung đức vua mà vua Blefuscu đã tặng tôi, và mấy thứ đồ lạ lùng khác. Tôi tặng ông ta hai túi dựng hai trăm sprug và hứa, khi đến nước Anh tôi sẽ tặng ông ta một con bò và một con cừu cái.

Tôi sẽ không kể với bạn đọc những chi tiết cuộc hành trình này, nói chung là tốt. Chúng tôi đến bờ biển Kent ngày 13 tháng tư năm 1702. Dọc đường chỉ có một việc không may đáng phàn nàn, đó là chuột tha mất của tôi một con cừu, tôi đi tìm thì chỉ còn lại mấy cái xương tróc sạch thịt còn sót trong một cái lỗ trên sàn tàu. Đàn bò và cừu còn lại cập bến an toàn, tôi chăn chúng trên một cái sân chơi bóng ở Greenwich, cỏ ở đây rất mịn, đàn súc vật tha hồ ăn. Trong một chuyến đi dài ngày như vậy nếu ông thuyền trưởng không cho tôi mấy chiếc bánh bích quy để tôi nghiền thành bột, trộn với tí nước cho đàn súc vật ăn thì chắc chắn chúng chẳng còn sống sót để về tận nước Anh. Trong thời gian ít ỏi tôi ở lại nước Anh, tôi kiếm được một số vốn bằng cách đem triển lãm cho các ngài quý tộc và nhân dân xem đàn súc vật, và trước khi đi chuyến du lịch thứ hai tôi bán tất cả được sáu trăm sterling. Gần đây sau cuộc hành trình cuối cùng trở về, tôi được thấy đàn súc vật đã tăng lên rất nhiều, nhất là cừu, và tôi ước mong các xí nghiệp làm len sẽ phát đạt vì lông cừu mịn lắm.

Tôi ở với vợ con chỉ được hai tháng, lòng ham muốn được thăm các nước khác không cho phép tôi ở nhà lâu hơn. Tôi để lại một nghìn rưỡi sterling cho gia đình và chuyển về một căn nhà tươm tất tại Redriff. Tôi mang theo số tiền còn lại và ít hàng, mong làm giàu thêm. Tôi còn được hưởng ít đất của chú John để lại gần Epping, mỗi năm thu được lợi tức độ ba mươi sterling, tôi có thêm món tiền cho thuê cửa hàng cơm "Bò Đen" Ở Fetter-Lane, mỗi năm lợi tức gấp đôi. Vì vậy, tôi không phải lo nghĩ về việc gia đình có thể bị thiếu thốn trong thời gian tôi đi vắng. Con trai tôi là Johnny -lấy tên theo tên chú tôi - là một đứa bé thông minh, học trường trung học. Con gái tôi là Betty (nay đã có chồng con) học nghề may. Tôi từ biệt vợ và hai con, cả nhà chẳng ai cầm được nước mắt. Chuyến này, tôi đi tàu Phiêu Lưu một chiếc tàu buôn ba trăm ton[1], đi Surat, do thuyền trưởng John Nicholas Ở Liverpool chỉ huy. Tôi dành câu chuyện du lịch này cho phần thứ hai của cuốn sách.

eBook by Đào Tiểu Vũ

Chú thích [1] Đơn vị Anh, 1ton bằng 1016kg

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Phần Ii: Cuộc Du Lịch Đến Xứ Brobdingnag

Phần Ii: Cuộc Du Lịch Đến Xứ Brobdingnag - Chương 1

bản chất tôi và do số mệnh đày ải vào cuộc đời hoạt động, sóng gió, nên hai tháng sau, tôi lại dời Tổ quốc. Ngày 20 tháng sáu năm 1702, tôi đến Downs[1], trên con tàu Phiêu Lưu, để đi Surat. Thuyền trưởng là John Nicholas, người vùng Cornwall. Gió thuận chiều đưa chúng tôi đến mũi Hảo Vọng, chúng tôi cho tàu cập bến để lấy nước ngọt. Nhưng gặp một con nước, chúng tôi phải bốc hàng lên bến và ở trên tàu suốt mùa đông ấy, bởi vì thuyền trưởng bị sốt nặng và chúng tôi phải đến cuối tháng ba mới nhổ neo được. Thế rồi buồm lại giương lên và cuộc hành trình được êm ả đến eo biển Madagascar. Nhưng khi chúng tôi đến phía tây bắc đảo này, khoảng năm độ vĩ tuyến nam, những cơn gió trong vùng biển này vốn vẫn thổi theo hướng tây bắc từ đầu tháng chạp đến đầu tháng năm, nhưng ngày 19 tháng tư bỗng nổi lên dữ dội, theo hướng tây, và cứ như vậy trong hai mươi ngày liền. Trong thời gian đó, chúng tôi bị gió đẩy đi hơi xiên về phía đông đảo Molucca. Theo sự tính toán của thuyền trưởng, ngày 2 tháng năm chúng tôi ở vào ba độ vĩ tuyến bắc. Bỗng nhiên, gió ngừng thổi, trời yên biển lặng, tôi nhẹ nhõm cả người. Nhưng thuyền trưởng, vốn là người từng trải trên vùng biển này, ra lệnh cho chúng tôi chuẩn bị chống bão. Quả nhiên, điều đó đã xảy ra, bão nổi lên, những cơn gió nồm - gọi là gió mùa - bắt đầu thổi.

Để đề phòng gió thổi mạnh, chúng tôi xiết chặt lá buồm vuông và sẵn sàng ghì chặt lá buồm lớn ở mũi tàu. Những trận gió nổi lên ngày càng mạnh, các khẩu đại bác vững vàng, chúng tôi xiết chặt hơn nữa lá buồm lái vào đó. Chúng tôi đang ở xa bờ biển, có lẽ nên mở tốc độ vượt trước cơn gió hơn là lẩn tránh biển động và thu những cánh buồm lại. Chúng tôi lấy nẹp buồm, nẹp cánh buồm mũi tàu, buộc chặt dây lèo cột hai góc buồm dưới, mặc cho con tàu phóng theo chiều gió lộng. Tàu lướt đi rất dũng cảm. Nhưng gió lớn quá nên lá buồm tam giác ở mũi tàu bị xé rách ngay tức khắc chúng tôi hạ cột buồm, kéo tất cả các cánh buồm xuống, cắt tất cả mọi dây lèo. Một trận bão khủng khiếp. Biển lồng lên, lạ lùng và hung bạo. Chúng tôi kéo mạnh tay lái và giúp thủy thủ cầm bánh lái. Chúng tôi không muốn chặt cột buồm chính, bởi vì cột buồm này sẽ giúp con tàu đi theo sóng biển và đứng vững, như vậy con tàu cứ thế trôi đi. Khi cơn bão đã dịu, chúng tôi cuốn tất cả những lá buồm cho tàu đứng lại. Cánh buồm mũi, cánh buồm lớn, cánh buồm lái và cánh buồm vuông được hạ xuống hết. Vì tàu chúng tôi đang đi theo hướng đông - đông bắc, mà gió thổi lại từ hướng nam sang hướng tây.

Sau trận bão, một trận gió mạnh thổi từ hướng tây sang hướng tây nam, theo tôi dự tính thuyền chúng tôi bị kéo khoảng chừng năm trăm dặm về phía đông, thành thử những thủy thủ nhiều tuổi và có kinh nghiệm nhất trên tàu cũng không biết được hiện nay bọn tôi đang ở vùng nào trên thế giới. Tuy nhiên trên tàu không thiếu lương thực, tàu còn vững chắc, thủy thủ khỏe mạnh, chỉ phải cái là thiếu nước ngọt. Chúng tôi nghĩ cứ nên tiến theo hướng đó còn hơn là đi về hướng bắc, vì như vậy có thể sẽ đến vùng tây bắc đảo Great

Tartary và Băng Hải.

Ngày 16 tháng sáu 1703, một thủy thủ leo lên cột buồm báo tin phía trước có một dải đất. Ngày 17, chúng tôi nhìn rõ hơn, đó là một hòn đảo lớn hay một lục địa nào đấy và ở phía nam có một dải đất hẹp chạy ra ngoài biển, song nông quá, một chiếc tàu trên một trăm ton không vào được. Chúng tôi thả neo cách cái vịnh nhỏ này một dặm, thuyền trưởng cho mười hai thủy thủ võ trang đầy đủ xuống để đi lấy nước ngọt. Tôi xin được đi cùng với họ để tìm hiểu xứ sở này và để xem có gì lạ không. Đến đất liền, chẳng thấy sông, suối, cũng chẳng thấy dấu vết người. Mọi người đi tìm nước ngọt không xa bờ lắm, còn tôi thơ thẩn đi một mình vào phía trong độ một dặm, ở đó toàn là đất trọc và đá lởm chởm. Tôi thấy mệt và chẳng có gì hấp dẫn nên liền quay trở ra bờ biển. Lúc nhìn thấy biển cũng là lúc tôi thấy đoàn thủy thủ đã ở trong xuồng chèo hết sức vội vàng ra phía con tàu như để thoát chết. Tôi định cất tiếng gọi - tuy biết là chẳng ích lợi gì - thì bỗng thấy một người khổng lồ đang đuổi theo họ ra biển. Người ấy bước dài ghê gớm, nước lội đến quá đầu gối. Nhưng đoàn thủy thủ chạy trước con quỷ ấy chừng nửa dặm, đáy biển lởm chởm những đá nhọn, nên người ấy đành quay trở lại. Sau này tôi mới rõ câu chuyện, bởi vì lúc đó tôi đâu dám nhìn cảnh tượng ghê gớm ấy, tôi lấy hết sức bình sinh co cẳng chạy, rồi leo lên một quả đồi dốc để có thể nhìn bao quát cả vùng này. Tôi thấy đất đai trồng trọt ở đây rất tốt, song trước hết tôi rất ngạc nhiên thấy cỏ ở đây cao lạ lùng, hình như trồng để làm nệm, nó cao tới hai mươi foot.

Tôi đến một con đường mà tôi cho là to lắm nhưng sự thật người dân ở đây chỉ cho là một lối hẻm chạy qua ruộng lúa mạch. Tôi lần bước theo con đường nhưng chẳng nom rõ cái gì, bên phải cũng không, bên trái cũng không, bởi vì những bông lúa cao tới chín mươi foot che khuất tất cả. Phải mất một tiếng đồng hồ tôi mới đến được đầu ruộng lúa, ở đó có một hàng rào cao tới một trăm hai mươi foot bao quanh, các cây làm hàng rào thì cao vời vợi không thể ước là bao nhiêu foot nữa. Muốn đi từ thửa ruộng này sang thửa ruộng khác người ta phải qua một cái cửa có bốn bậc, trên cùng là một phiến cao đá to tướng. Tôi không thể nào vượt qua cái cửa ấy được, bởi vì mỗi bậc cao không kém sáu foot và phiến đá cao tới hai mươi foot. Lúc tôi thấy một thổ dân từ cánh đồng bên cạnh sắp sửa bước qua cái cửa, tôi vội tìm một cái lỗ trong hàng rào để nấp. Ông ta cũng to bằng người tôi đã trông thấy ở ngoài bờ biển đuổi theo cái xuồng. Ông ta cao như cái gác chuông, mỗi bước chân dài tới năm fathom. Tôi vừa kinh ngạc vừa khiếp đảm, vội lần chạy vào ruộng lúa mạch, từ đấy tôi nhìn ra thấy ông ta trèo lên bậc cửa, nhìn sang bên phải rồi gọi một tiếng, tiếng gọi oang oang, to hơn tiếng loa, âm nó vang lên tận trời, khiến tôi tưởng như tiếng sét đánh. Tức thì bảy người kỳ dị như ông ta tiến lại gần, tay cầm cái liềm to bằng sáu lưỡi hái lớn. Những người này ăn mặc không được lành lặn và sang trọng bằng người trước, hình như họ là những người đầy tớ hoặc kẻ ăn người làm trong trang trại. Ông ta nói mấy tiếng và những người kia vào cánh đồng lúa mạch tôi đang nấp để cắt lúa. Tôi cố hết sức chạy cho thật xa nhưng thật là khó khăn, bởi vì những thân lúa cách xa nhau chưa đến một foot, cho nên tôi khó lòng lẩn trốn được. Song, tôi cứ luồn đi, đến lúc tới khoảng ruộng lúa bị mưa và gió dập ngã. Đến đây thì không thể lách lên nổi một bước. Thân lúa mắc vào nhau rối tung, tôi không sao bò trườn được, lông những bông lúa gãy cứng và sắc, đâm thủng quần áo, chọc vào da thịt tôi. Lúc ấy, tiếng gặt lúa chỉ còn ở phía sau tôi chưa đến năm mươi fathom. Gắng hết sức mà vẫn không được, tôi rầu rĩ cả ruột và thất vọng, tôi nằm xuống cái rãnh giữa hai luống cày, mong sao được chết ngay lúc này. Tôi khóc và nghĩ đến người vợ góa thui thủi một mình và những đứa con mồ côi cha. Tôi tự oán trách thói điên rồ của tôi, tính bướng bỉnh của tôi, cứ khăng khăng đòi đi chuyến du lịch thứ hai này mà bất chấp bạn bè, họ hàng đều phản

đối. Trong lúc tâm trí hoang mang dữ dội như thế, tôi chẳng thể không nghĩ đến nước Lilliput và dân chúng ở đấy nhìn tôi như một sự kỳ diệu chưa từng thấy trên đời. Ở nơi ấy tôi chỉ cần một tay là kéo được cả một hạm đội hoàng gia, và đã lập nên những chiến công hiển hách có thể ghi vào lịch sử biên niên của vương quốc và hậu thế khó lòng tin được, tuy đã có hàng triệu người chứng kiến. Tôi nghĩ đến sự tủi nhục vì sẽ bị những người khổng lồ xứ này coi mình chẳng mùi mẽ gì như chúng ta đã coi khinh người Lilliput vậy. Nhưng điều đó chẳng đáng khổ tâm mấy chút, bởi vì sự dã man và tàn nhẫn của con người là tương ứng với thể xác người ta. Vậy tôi còn chờ mong được gì ở những người man rợ này, nếu không là bị nuốt trôi một miếng, khi có người thấy tôi. Tất nhiên các triết gia có lý khi nói rằng cái to, cái nhỏ cũng chỉ là vấn đề so sánh mà thôi. Số mệnh rất có thể làm cho người Lilliput gặp được giống người nhỏ như là người Lilliput so sánh với chúng ta. Và, biết đâu, giống người khổng lồ ở đây lại có thể là nhỏ so với giống người ở một nơi khác nên thế giới mà chúng ta chưa biết tới.

Tôi kinh sợ và hoảng hốt quá nên không thể không nghĩ lan man như vậy. Lúc ấy, một người thợ gặt tiến đến cách chỗ tôi nấp năm fathom, chỉ một bước nữa là tôi bị dẫm bẹp gí hoặc bị lưỡi liềm cắt làm đôi. Bởi vậy, lúc ông ta sắp bước tới, tôi thu hết sức lực còn lại, hét lên một tiếng. Người khổng lồ dừng lại ngay, chăm chú nhìn quanh, cuối cùng trông thấy tôi. Ông ta thận trọng nhìn kỹ một lúc, như kẻ muốn chộp một con vật nguy hiểm, cho khỏi bị nó cào hoặc cắn, như ngày xưa ở nước Anh tôi bắt con cầy vậy. Sau cùng, ông ta đánh liều lấy ngón tay cái và ngón trỏ tóm lấy tôi ở phía sau, ngay giữa lưng, rồi đưa lên cách con mắt một fathom để nhìn cho rõ. Tôi đoán biết ý ông ta, và cũng nhanh trí, không giãy giụa gì hết, tay ông ta bóp chặt lấy bụng tôi rất đau vì sợ tôi tuột mất. Lúc ấy, tôi ở lơ lửng trên không, cách mặt đất có tới sáu mươi foot. Tôi chỉ dám đánh liều ngước mắt lên trời, hai tay chắp lại như nài van, miệng thì thầm mấy tiếng năn nỉ và tuyệt vọng, đúng như hoàn cảnh bắt buộc tôi phải làm như vậy. Bởi vì lúc nào tôi cũng lo ngay ngáy bị ông ta quăng xuống đất như chúng ta thường vứt những con vật ghê tởm. Nhưng phúc đức làm sao, ông ta ngạc nhiên, ra vẻ thú vị vì tiếng nói và cử chỉ của tôi. Thoạt tiên, ông ta nhìn tôi kinh ngạc. ông ta rất thú vị khi thấy tôi nói đôi ba tiếng mặc dù ông ta không hiểu gì hết. Lúc đó, tôi không thể ngăn được những tiếng rên rỉ và khóc lóc, tôi quay đầu nhìn xuống bụng để bảo cho ông ta biết những ngón tay của ông ta bóp tôi đau quá. Chắc hẳn ông ta hiểu, bởi vì ông ta nâng một vạt áo lên, nhẹ nhàng đặt tôi vào trong. Thế rồi, ông ta chạy nhanh về phía ông chủ - người chủ trang trại giàu có mà lúc nãy tôi thấy trên cánh đồng.

Theo tôi đoán, sau khi trao đổi vài điều về tôi với người thợ gặt, ông chủ trại lấy một cọng rơm, to bằng cái gậy lật vạt áo tôi lên, hình như ông ta cho quần áo tôi là một bộ lông tự nhiên của súc vật. Ông ta thổi tóc tôi lên, để trông cho rõ mặt. Ông ta gọi gia nhân đày tớ lại, hỏi xem có ai trông thấy con vật này ở cánh đồng bao giờ chưa - mãi sau này tôi mới được nghe kể lại như vậy. Thế rồi, ông ta khẽ đặt tôi xuống đất như đặt một con vật bốn chân, nhưng tôi đứng thẳng ngay dậy, từ từ đi lại để mọi người biết rằng tôi không có ý định chạy trốn. Họ ngồi cả xuống thành một vòng tròn quanh tôi để nom cho rõ những cử chỉ của tôi. Tôi bỏ mũ ra, chào ông chủ trại rất cung kính. Tôi quỳ xuống, hai tay giơ lên, mắt nhìn ông ta cất tiếng rõ to hét lên mấy tiếng. Tôi lấy ở túi ra mấy đồng tiền vàng và kính cẩn tặng ông ta. ông ta đỡ lấy trong lòng bàn tay, để sát tận mắt nhìn xem là cái gì, ông ta lấy đầu cái đanh ghim (cài sẵn trên ống tay áo) lật đi lật lại, song không biết là cái gì. Tôi ra hiệu cho ông ta xòe bàn tay dưới đất, rồi lấy túi tiền dốc cả vào tay ông ta. Có cả thảy sáu đồng tiền vàng Tây Ban Nha, mỗi đồng bốn pistol[2], và hai ba chục đồng tiền nhỏ. Tôi thấy ông ta nhấp nước bọt vào đầu ngón tay út, nhấc đồng tiền

to nhất lên, - rồi một đồng nữa. Hình như ông ta hoàn toàn không biết đó là cái gì. Ông ta ra hiệu cho tôi cất tiền vào túi áo tôi khẩn khoản nói mãi để ông ta nhận cho, nhưng sau cùng, tôi nghĩ nên giữ lại là hơn. Lúc này, ông chủ trại cho tôi là một con vật biết điều. Nhiều lần, ông ta nói chuyện với tôi, nhưng tôi ù cả tai như nghe tiếng cối xay nước. Tuy vậy, ông ta nói rõ từng tiếng một. Tôi lấy hết sức lực đáp lại bằng mọi thứ tiếng mà tôi biết, nhiều lần ông ta ghé tai cách miệng tôi một fathom để nghe cho rõ nhưng chẳng có hiệu quả gì, bởi vì chúng tôi không hiểu được ngôn ngữ của nhau. Ông ta bảo thợ gặt tiếp tục công việc rồi lấy ở túi ra cái khăn mùi soa, gấp đôi lại, phủ lên tay trái, ông ta đặt sát bàn tay xuống đất ra hiệu cho tôi trèo lên. Tôi leo lên một cách dễ dàng bởi vì bàn tay cao chưa đến một foot. Tôi nghĩ nhiệm vụ của tôi lúc này là phải tuân theo lệnh của ông ta. Tôi sợ ngã nên nằm dài xuống, ông ta bịt kín chiếc khăn đến tận đầu tôi cho cẩn thận, rồi cứ thế đem về nhà. Đến nhà, ông ta gọi vợ ra cho xem, bà vợ rú lên một tiếng rồi chạy biến mất, như kiểu ở bên Anh các bà trông thấy con cóc hay con nhện. Song, lúc sau, thấy cử chỉ, dáng điệu của tôi, lại thấy tôi chăm chú làm theo những hiệu lệnh của chồng, bà ta bị chinh phục dần và tỏ ra rất thích thú.

Khoảng giữa trưa, chị hầu dọn bữa ăn - một món thịt ngon lành - như ở mọi nhà nông dân, được đựng trong một cái đĩa có đường kính độ hai mươi tư foot. Gia đình gồm hai vợ chồng ông chủ trại, ba con và bà mẹ già. Cả nhà ngồi vào bàn ăn, ông chủ đặt tôi gần ông, trên cái bàn cao chừng ba mươi foot. Tôi sợ chết khiếp chỉ lo ngã xuống đất, nên ngồi hết sức xa mép bàn. Bà chủ lấy một miếng thịt, băm nhỏ ra và bóp vụn một tí bánh mì để trong cái đĩa bằng gỗ dặt trước mắt tôi. Tôi kính cẩn cúi chào, lấy dao và dĩa ra ăn, cả nhà tỏ ra rất thích thú. Bà chủ sai chị đày tớ đi lấy một chén rượu nhỏ, đựng được chừng ba galon[3] và rót cho tôi uống. Khó nhọc lắm tôi mới bưng nổi cái chén bằng hai tay. Tôi hét lên bằng tiếng Anh để chúc sức khỏe bà chủ, khiến cả nhà phá lên cười vui vẻ làm tôi ù cả tai. Thứ rượu này giống như rượu chát, uống không tệ lắm. Sau đó, ông chủ gọi tôi lại gần đĩa thức ăn của ông, lúc ấy tôi hoảng hốt quá nên (bạn đọc sẵn lòng hiểu và tha thứ cho tôi nhé) vấp phải một mẩu bánh và ngã lăn chiêng xuống bàn, nhưng không sao cả. Tôi đứng dậy ngay, thấy mọi người lo lắng, tôi liền lấy cái mũ vẫn kẹp dưới tay ra, quay tít trên đầu mấy vòng và hét lên mấy tiếng để chứng tỏ rằng tôi không việc gì cả. Nhưng khi tôi tiến đến gần ông chủ, cậu bé ngồi cạnh bố - một cậu con trai tinh nghịch độ lên mười - tóm lấy hai cẳng tôi giơ lên trời làm tôi run lên bần bật. Ông bố giằng lấy tôi. Tát một cái mạnh vào má trái con, cái tát đó có thể lật úp cả một đoàn kỵ binh châu Âu, rồi bắt cậu ta đi chỗ khác. Tôi sợ cậu ta thù tôi, và nhớ lại những hành động tàn nhẫn vốn có của trẻ con thích hành hạ chim, thỏ, mèo con, chó con, tôi liền quỳ xuống, tay chỉ cậu bé có tội, cố hết sức ra hiệu cho ông chủ biết tôi mong muốn ông tha tội cho cậu bé. Ông bố bằng lòng, cậu bé lại ngồi vào bàn ăn, tôi đến gần cậu, hôn tay cậu, ông bố nắm lấy bàn tay ấy vuốt ve tôi rất âu yếm.

Giữa bữa trưa, con mèo quý nhất của bà chủ nhảy tót lên lòng bà. Bỗng tôi nghe thấy, ở phía sau, tiếng ầm ầm giống như tiếng hàng chục khung cửi đang chạy, ngoảnh đầu lại, mới biết đó chỉ là tiếng con mèo đang khò khò. Cứ nhìn cái đầu và cái chân nó lúc bà chủ cho nó ăn và vuốt ve nó, tôi thấy nó phải to gấp ba con bò. Mặc dù tôi ở phía đầu này cái bàn và bà chú vẫn ôm chặt nó, vì sợ nó nhảy xổ vào tôi mà cào cấu, nhưng cái vẻ dữ tợn của nó vẫn làm tôi hết vía. Tuy nhiên chẳng có việc nguy hiểm gì xảy ra vì nó chẳng thèm nhìn đến tôi, ngay cả khi ông chủ đặt tôi bên cạnh nó. Người ta thường nói và kinh nghiệm cũng đã chứng minh là: hễ tỏ ra sợ sệt và bỏ chạy được một con vật dữ tợn thì khác nào khiêu khích nó, cho nên tôi quyết định trong trường hợp nguy nan này, phải hết sức kiên quyết, không hề tỏ ra lo lắng. Thế là tôi dũng cảm đi qua đi lại nhiều lần trước mặt nó, và có lần lại gần cách nó chưa đến một foot. Nó lùi lại, ra ý

sợ tôi nữa. Khi ba, bốn con chó vào phòng - như thường lệ trong một ấp trại - tôi đỡ sợ hơn. Một con là chó giữ nhà, to bằng bốn con voi, con thứ hai là con chó săn, cao hơn nhưng gầy hơn.

Bữa ăn gần xong, chị vú nuôi bế một chú bé được một năm vào phòng. Vừa thấy tôi, chú bé thét lên, cách từ London-Bridge đến Chelsea[4] cũng có thể nghe thấy được, nó đòi với lấy tôi như một cái đồ chơi. Bà mẹ muốn chiều con, cầm lấy tôi đưa cho chú bé, chú bé nắm giữa người tôi và định đưa vào mồm. Tôi hoảng quá, thét lên, chú bé sợ hãi buông tôi ra và nếu bà mẹ không kịp lấy cái tạp-dề hứng tôi hẳn tôi đã ngã gãy xương. Chị vú nuôi dỗ thằng bé bằng cách đưa cho nó một đồ chơi to bằng cái thùng ton-nô, trong dựng đầy đá, có dây cáp buộc vào mình. Nhưng thằng bé cứ khóc, chỉ còn cách là cho nó bú. Phải thú thật rằng suốt đời chưa có gì làm tôi phát kinh lên bằng khi trông thấy cái vú to tướng như thế. Chẳng biết ví von với cái gì để bạn đọc hình dung được bề to, hình thù và màu sắc của nó, nó cao đến sáu foot, đường chu vi không kém mười sáu foot. Núm vú to bằng nửa cái đầu tôi, màu sắc nó cũng như những vùng xung quanh thì lốm đốm nhiều vết thâm và nhiều u cục lộn xộn như những cái mụn nhọt, khiến cho tôi khi nhìn thấy nó mà thấy rùng hết cả người. Cảnh tượng này khiến cho tôi liên tưởng rằng, nước da các quý bà ở ta trông mịn màng đẹp đẽ như vậy thì chẳng qua là do vóc dáng người họ nhỏ bé như chúng ta mà thôi, quả là vậy, vì nếu đem kính hiển vi ra mà soi thì dù những đường nét tươi tắn nhất, mịn màng nhất cũng hiện ra thô lỗ và nhợt nhạt.

Tôi còn nhớ, hồi còn ở Lilliput, nước da của nhưng người dân nhỏ bé ở đấy, tôi cho rằng nó mịn màng nhất thế giới này. Có lần tôi nói chuyện này với một người bạn thân, có học thức, ông ta bảo khi ông đứng dưới đất nhìn lên thì da mặt tôi có vẻ mịn hơn và trơn tru hơn là khi tôi cầm ông ta trên tay để ông ta nhìn tôi gần hơn, lúc ấy, tôi thật đáng kinh tởm. Ông ta bảo ông ta có thể nhìn thấy những lỗ to tướng trên da tôi, râu tôi to gấp mười lông tê giác, da tôi thì lắm màu, lắm sắc, trông chả đẹp tí nào. Nhưng tôi có thể khẳng định với các bạn rằng da tôi cũng mịn không kém da đồng bào xứ sở tôi, và tôi đi du lịch nhiều, nên da tôi xạm đi đôi chút, tôi tự bào chữa cho mình như vậy. Mặt khác, khi nói đến các vị phu nhân nơi cung đình, ông bạn của tôi vẫn thường bảo bà này có tàn hương, bà kia môi quá dày, bà khác thì mũi tẹt, nhưng tôi không hề nhận ra. Thú thật rằng những ý nghĩ ấy là lẽ tất nhiên, song tôi cần phải ghi lại ở đây, e có bạn tưởng rằng những người khổng lồ ở xứ sở này là những người dị dạng. Nói cho công bằng, phải khẳng định đó là một giống người rất đẹp. Ông chủ tôi, tuy chỉ là một chủ trại bình thường, nhưng có những nét rất cân đối khi tôi ngắm nhìn ông ta từ trên cao sáu mươi foot.

Khi bữa ăn vừa xong, theo giọng nói và cử chỉ của ông chủ, tôi hiểu rằng ông ra đồng với thợ và giao cho vợ trách nhiệm trông nom tôi thật cẩn thận. Tôi mệt quá, lại buồn ngủ, bà chủ biết thế, liền đặt tôi nằm ở ngay giường bà, lấy chiếc khăn mùi soa sạch làm chăn, cái chăn rộng hơn và cứng hơn lá buồm của một chiến hạm.

Tôi ngủ chừng hai giờ và nằm mơ thấy mình đang ở nhà với vợ con. Giấc mơ làm tôi bùi ngùi trong dạ. Tôi nằm một mình, trơ trọi trong căn buồng rộng mênh mông, bề rộng tới hai, ba trăm foot, cao tới hai trăm foot, tôi nằm lọt thỏm trong cái giường rộng mười fathom. Bà chủ bận việc dọn dẹp trong nhà, để tôi nằm đó, khóa trái cửa lại. Giường cao tới bốn fathom. Vì nhu cầu tự nhiên và cấp thiết nên tôi muốn tụt xuống đất, nhưng tôi không dám gọi, mà dù có gọi cũng không ai nghe thấy tiếng vì tôi nhỏ mà nơi mọi người nghỉ ngơi lại xa. Giữa lúc ấy có hai con chuột leo trên búi rơm rồi chạy lung tung lên giường, ngửi ngửi, hít hít khắp nơi, một con gí mũi gần sát mặt tôi. Tôi khủng khiếp đứng phắt dậy, rút kiếm ra để tự vệ. Hai con vật đáng sợ ấy dám cùng một lúc tiến công tôi từ hai bên, một con lấy hai chân

trước chẹn cổ tôi, nhưng may mắn làm sao, tôi đã kịp đưa lưỡi kiếm chọc được vào bụng nó trước khi nó cắn xé tôi, con chuột ngã lăn chiêng dưới chân tôi, con kia, trước số phận của bạn, liền chạy trốn, nhưng không thoát khỏi một lưỡi kiếm rạch toạc ngang lưng, máu chảy lênh láng. Sau chiến công ấy, tôi đi đi lại lại trên giường cho hoàn hồn và lấy lại hơi sức. Chuột to bằng con chó săn, nhưng nhanh và hung dữ hơn nhiều, thành thử, nếu tôi mà cất chiếc thắt lưng và thanh kiếm trước khi ngủ, chắc chắn tôi đã bị xé ra từng mảnh và bị nhai ngấu nghiến. Đuôi con chuột bị giết dài chỉ kém một inch là đầy một fathom, nhưng tôi không đủ can đảm kéo xác nó ra khỏi giường, đành mặc cho máu nó cứ tuôn ra, thấy nó chưa chết hẳn, tôi hóa kiếp cho nó bằng một nhát kiếm bổ vào đầu.

Một lúc sau, bà chủ vào, thấy tôi vấy đầy máu, vội chạy lại, hai tay cầm lấy tôi. Tôi chỉ con chuột, miệng mỉm cười, và bằng nhiều điệu bộ khác, tôi làm cho bà ta biết tôi không sao cả. Bà ta rất sung sướng, gọi chị giúp việc lên, chị lấy cái cặp gắp chuột vứt qua cửa sổ. Bà chủ đặt tôi lên bàn, tôi giơ thanh kiếm cho bà xem rồi lau kiếm vào vạt áo và tra vào bao. Đến lúc này, tôi cần làm một việc mà không ai làm thay tôi được. Tôi ra hiệu xin bà chủ đặt tôi xuống đất. Được đặt xuống đất nhưng vốn tính hay e thẹn nên tôi không giải thích để bà hiểu vì sao, mà chỉ giơ tay chỉ cái cửa và ngồi xổm xuống nhiều lần. Sau cùng, bà ta hiểu tôi muốn gì, bà cầm tôi mang ra vườn, dặt xuống đất. Tôi chạy một mạch độ một trăm fathom. Lúc yên trí rằng bà ta không nhìn theo mà cũng không đi theo tôi nữa, tôi lẻn vào giữa hai chiếc lá me chua để thực hiện quy định của tự nhiên.

Tôi mong bạn đọc yêu quý đừng trách tôi về những chi tiết trên. Dù đối với những người trần mắt thịt, nó chẳng có ý nghĩa gì, song nó lại giúp nhà triết học mở rộng tầm tư tưởng và óc tưởng tượng, như thế, có thể ứng dụng và phục vụ công ích và lợi ích tư nhân, và đó mấy là mục đích duy nhất của tôi khi tôi kể những chuyến phiêu lưu này. Vì thế, điều tôi quan tâm trước hết khi viết là tính chân thực, không một chút khoe khoang hoặc muốn làm văn. Cả cuộc hành trình để lại cho tôi một cảm tưởng mạnh mẽ, khắc sâu trong trí nhớ, nên khi biết, tôi không hề bỏ qua một trường hợp cụ thể nào. Song, lúc đọc lại, tôi xóa đi rất nhiều đoạn không hay lắm, sợ người ta cho tôi là nhàm chán, tẻ nhạt - lời mà người ta thường trách những ai kể chuyện phiêu lưu của mình thường mắc phải.

Chú thích [1] Tên một cái bến ghé tàu.

[2] Đơn vị tiền tệ cổ của Tây Ban Nha.

[3] 1 galon bằng 4, 54 lít (N. D

[4] Tức là khoảng năm cây số (N. D)

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift
www.dtv-ebook.com

Chương 2

àchủ tôi có một cô con gái lên chín, sớm thông minh, đã biết khâu và may quần áo cho một em bé. Hai mẹ con dự định thu xếp cái nôi của búp bê cho tôi ngủ. Cái nôi đặt trong một cái ngăn kéo con, ngăn kéo lại đặt trên một mảnh ván treo lơ lửng, để không bị chuột cắn. Đấy, suốt thời gian ở gia đình này, tôi ngủ ở đấy, và tôi đã học thêm tiếng nói của họ. Mọi người đã dần hiểu được ý thích của tôi còn tôi thì có đầy đủ tiện nghi hơn. Cô bé rất khéo tay, chỉ một vài lần tôi thay quần áo trước mặt cô là cô biết thay quần áo cho tôi, tuy rằng tôi chẳng thích thú gì cái việc cô quan tâm đến tôi như vậy. Cô chọn cho tôi một loại vải mịn nhất, may cho tôi bảy cái áo sơ-mi (song vải thô hơn bao tải của ta), bao giờ cũng chính tay cô giặt quần áo cho tôi và cô còn là cô giáo dạy tiếng cho tôi nữa. Tôi chỉ cái gì là cô gọi tên cái đó luôn, thành thử, chỉ ít ngày, tôi đã đòi được tất cả những cái gì tôi muốn. Cô bé bản tính rất tốt nhưng nhỏ người, cô cao chưa tới bốn mươi foot. Cô đặt tên cho tôi là Grildrig. Sau này, cả nhà đều gọi như thế, rồi tất cả xứ sở cũng cứ tên ấy mà gọi. Grildrig có thể dịch ra tiếng Latin là Nanunculus, ra tiếng Ý là Homunceletino, và tiếng Anh là Manikin[1]. Tôi sống được ở nước này chính là nhờ cô bé. Tôi còn ở đây thì hai chúng tôi không bao giờ xa nhau. Tôi gọi cô là Glumdalclitch, có nghĩa là cô vú nuôi bé nhỏ của tôi. Tôi sẽ trở thành người bạc bẽo nhất nếu như tôi không còn nhớ đến những sự chăm sóc đêm ngày, đến tấm lòng hiền dịu của cô đối với tôi.

Hàng xóm láng giềng bắt đầu biết tôi. Người ta kháo chuyện về tôi. Người ta truyền tai nhau rằng ông chủ tôi đã tìm thấy ở ngoài đồng một con vật kỳ lạ chỉ to bằng con splacnuck nhưng hình dáng như hệt con người, cử chỉ dáng điệu cũng vậy, nói một thứ tiếng riêng, rằng người đó đã học được nhiều tiếng ở đây, đi được bằng hai chân, có kỷ luật và dễ thương, khi người ta gọi thì đến, bảo làm gì thì làm nấy, chân tay nhỏ nhắn nhất trần đời, nước da mịn hơn cả nước da cô gái đại quý tộc lúc ba tuổi. Một người chủ ấp ở không xa đấy lắm, bạn thân của ông chú tôi đã phải đến tận nơi để xác minh câu chuyện là có thực. Thế là tôi ra biểu diễn ngay tức khắc. Người ta đặt tôi lên bàn, tôi đi lại theo lệnh chỉ huy, tôi rút kiếm ra, tra vào bao, cúi chào theo yêu cầu của ông chủ tôi, rồi dùng tiếng thổ dân ở đây cất tiếng hỏi: "Bác có được mạnh khỏe không?" chúc mừng ông ta theo lời chỉ bảo của cô vú nhỏ bé nhỏ. Ông khách đã già, mắt mờ, nên ông ta đeo kính để nom tôi cho rõ. Tôi bật cười, bởi vì hai con mắt ông ta giống như hai mặt trăng chiếu sáng trong một căn buồng có hai cửa sổ. Cả nhà biết vì sao tôi cười nên cũng vui vẻ cười theo khiến lão già cục mịch kia thấy bực mình và phát cáu lên. Lão ta nổi tiếng là người keo kiệt. Thật chẳng ngoa, mà cũng vô phúc cho tôi, lão khuyên ông chủ nên mang tôi sang chợ thành phố bên cạnh trưng bày cho công chúng xem để thu tiền, chợ cách ấp chúng tôi hai mươi dặm, đi ngựa mất nửa tiếng đồng hồ. Nhìn ông chủ tôi và lão già thì thầm to nhỏ với nhau, thỉnh thoảng lại chỉ trỏ tôi, tôi đoán chừng có việc gì không hay đang được bàn bạc. Tôi sợ quá, đoán sai một vài lời nói của hai người. Sáng hôm sau, cô bé cho tôi biết tất cả câu chuyện mà cô đã khéo léo moi được của mẹ. Cô bé ôm chặt tôi vào lòng, nức nở khóc vì

buồn rầu và xấu hổ. Cô sợ đám dân chúng sẽ làm khổ tôi. Họ có thể bóp chết tôi, bẻ gãy chân, gãy tay tôi. Cô còn biết tính tôi hay e thẹn và biết giữ danh dự, mà bây giờ phải ra mắt làm trò cho đám dân chúng xem để lấy tiền thì sẽ nhục nhã cho tôi. Cô bảo bố mẹ cô đã hứa Grildrig sẽ hoàn toàn là của cô, nhưng cô đã biết lời hứa ấy chẳng có gì bảo đảm, cũng như năm ngoái, bố mẹ cô hứa cho cô một con cừu con, nhưng khi cừu lớn, bố mẹ cô bán mất. Về phần tôi, tôi có thể chân thật nói rằng tôi chẳng buồn phiền bằng cô bé. Tôi vẫn hy vọng một ngày kia tôi sẽ lại được tự do. Còn việc bị làm nhục lúc bị đưa ra trưng bày như một vật kỳ lạ, thì tôi tự coi là người hoàn toàn xa lạ với xứ sở này, nếu tôi ở trên đất nước Anh thì điều sỉ nhục đó mới đáng trách, bởi vì trong hoàn cảnh như tôi hiện nay, có lẽ ngay Anh hoàng cũng đành phải chịu số phận như thế.

Theo lời khuyên của ông bạn, đến phiên chợ đầu tiên của thành phố bên cạnh, ông chủ tôi cho tôi vào một cái hộp và mang cô con gái đi theo, cô ngồi trên một cái nệm phía sau. Hộp đóng kín mít, có một cái cửa để tôi ra vào và mấy lỗ hổng bé tí teo để không khí lọt vào. Cô bé đã cẩn thận đặt trong hộp cái thảm chùi chân ở giường búp bê để tôi khỏi đau. Cuộc hành trình chỉ mất nửa giờ, nhưng tôi bị hất lên hất xuống một cách kinh khủng. Mỗi bước ngựa phi dài tới bốn mươi foot, và nó nhảy cao đến mức tôi tưởng như đang ở trong thuyền, gặp một trận bão táp dữ dội nhưng nhịp điệu nhanh hơn. Con đường xa hơn từ Luân Đôn đến St. Alban một chút. Ông chủ tôi đỗ xe ngựa ở một cái quán ông ta thường nghỉ chân. Sau một hồi bàn bạc với chủ quán và chuẩn bị vài ba thứ cần thiết, ông ta thuê một anh grultrud, tức là một anh giao hang, báo cho khắp thành phố biết về một con vật kỳ lạ mà người ta sẽ đem triển lãm ở quán Chim Ưng Xanh con vật kỳ quái này bé hơn con splacnuck[2], giống hệt người về mọi mặt biết nói và biết làm hàng trăm nghìn trò vui.

Người ta đặt tôi lên bàn, trong căn phòng lớn nhất của quán hàng, mỗi bề tới ba trăm foot. Cô bé chủ ngồi ở ghế đẩu kê cạnh bàn để trông nom tôi và sai khiến tôi làm trò. Để tránh cảnh hỗn loạn. Ông chủ tôi chỉ cho từng tốp ba mươi người vào xem. Tuân theo lệnh của cô chủ, tôi đi lại trên bàn, cô đặt mấy câu hỏi mà cô biết tôi trả lời được, tôi căng phồng mồm ra mà hét to tướng. Tôi chào đám người xem nhiều lần, chúc mừng họ, tôi đã học thuộc lòng mấy câu đó. Tôi đón lấy cái đê đầy rượu ở tay cô bé chủ và uống mừng sức khỏe mọi người. Tôi rút thanh kiếm ra, quay tít mấy vòng như kiểu người đấu kiếm ở nước Anh. Cô chủ đưa cho tôi cọng rơm làm ngọn giáo và múa như tôi đã học được hồi còn ít tuổi. Ngày hôm ấy, mười hai lượt người đã vào xem, tôi phải diễn lại những trò khỉ ấy cho đến khi kiệt sức và xấu hổ gần chết. Những người đã được xem kể những chuyện diệu kỳ khiến cho dân chúng suýt phá cửa để vào xem. Vì quyền lợi của bản thân mình, ông chủ tôi cấm mọi người sờ đến tôi, chỉ trừ cô chủ, để ngăn ngừa mọi nguy hiểm, ông ta cho kê một dãy ghế dài quanh bàn khá xa, để người xem khỏi với tay tóm được tôi. Tuy vậy, một thằng nhãi độc ác cầm quả hạt dẻ đã ném suýt đúng đầu tôi, nếu trúng thì đầu tôi sẽ vỡ tan vì quả hạt dẻ to bằng quả bí đỏ. Nhưng tôi đã hài lòng khi thấy thằng tướng cướp nhãi nhép ấy bị một trận đòn trước khi bị đuổi ra khỏi phòng.

Ông chủ tôi báo tin cho mọi người biết, đến phiên chợ sau, ông chủ tôi lại cho tôi ra làm trò. ông ta chuẩn bị cho tôi một cái xe tốt hơn, điều đó cũng đúng thôi, bởi vì sau cuộc hành trình thứ nhất và sau tám giờ làm trò liên tục, tôi đứng không vững, khản cổ đến mất cả tiếng. Phải mất ba ngày tôi mới hồi sức. Thế vẫn chưa đủ, lại thêm lúc tôi về đến nhà tôi đâu có được nghỉ thật sự, danh tiếng tôi đã đồn xa đến hàng trăm dặm quanh vùng và người ta đến tận nhà chủ tôi để xem. Có ngày đến hơn ba mươi lượt người cùng vợ con và vô khối đàn bà và trẻ con (bởi vì xứ này rất đông dân), dù chỉ là một gia đình, chủ tôi cũng bắt trả tiền, thành ra suốt tuần lễ không mấy khi tôi

được yên thân (trừ ngày thứ tư là ngày chủ nhật của họ). Thấy tôi là nguồn lợi lớn cho mình, chủ tôi quyết định cho tôi đi biểu diễn tại các thành phố lớn trong nước. Sau khi sắm sửa đầy đủ những thứ cần thiết cho một cuộc hành trình lâu dài và thu xếp việc nhà, ông ta từ biệt vợ và ngày 17 tháng tám 1703 khoảng hai tháng sau khi tôi đặt chân lên đất nước này, chúng tôi khởi hành lên thủ đô ở gần trung tâm xứ sở, cách nơi chúng tôi ở một nghìn năm trăm dặm. Ông chủ cho cô con gái Glumdalclitch ngồi trên ông ngựa phía sau ông. Cô bé đặt tôi vào cái túi của cô, nhét thêm một cái hộp buộc chặt vào mình cô. Cô lấy thứ vải nhẹ nhất đệm tứ phía cái hộp. Tôi được một cái giường búp bê, có quần áo và tất cả những cái cần thiết cho đời sống. Đoàn tùy tùng có độc một anh người ở trẻ tuổi để vác đồ đạc.

Ông chủ dự định cho tôi biểu diễn ở tất cả các thành phố trên dọc đường đi, và rẽ vào làng nào hoặc lâu đài nào có thể kiếm lời, cách đường cái năm mươi hay một trăm dặm. Mỗi ngày đoạn dường chúng tôi đi thường không quá một trăm năm mươi dặm. Bởi vì cô bé hay kêu đi ngựa chóng mệt, cốt để cho tôi được nghỉ ngơi. Cô hay lấy tôi ra khỏi hộp để tôi được thoáng mát và xem phong cảnh, và bao giờ cũng giữ một đầu dây buộc tôi thật chắc. Chúng tôi qua năm, sáu con sông rộng hơn sông Nile hoặc sông Ganges nhiều. Ở đây chẳng có con suối nào nhỏ như sông Thames ở Luân Đôn. Cuộc hành trình đã được mười tuần lễ và tôi đã biểu diễn ở mười tám thành phố lớn chưa kể các lâu đài, làng mạc.

Ngày 26 tháng mười, chúng tôi tiến vào thủ đô, tên gọi Lorbrulgrud hay Kiêu hãnh của vũ trụ. Ông chủ tôi thuê một căn nhà ở phố chính cách không xa cung điện nhà vua. Ông cho dán những tờ quảng cáo theo thường lệ, những tờ quảng cáo miêu tả con người và tài năng của tôi. ông thuê một căn phòng lớn, rộng tới ba hay bốn trăm foot, đặt một cái bàn tròn đường kính sáu mươi foot làm nơi tôi biểu diễn, và làm một cái rào chung quanh, cách mép bàn ba foot cho tôi khỏi ngã. Mỗi ngày tôi ra mắt công chúng mười lần, lần nào cũng làm cho người xem ngạc nhiên, khoái chí. Bây giờ tôi đã tạm nói được tiếng của họ và hiểu tất cả những lời họ nói về tôi. Thêm nữa, tôi học chữ viết của họ, thỉnh thoảng đọc được một câu, vì lúc ở nhà cô chủ đã dạy tôi học, và cả bây giờ nữa, những khi nhàn rỗi. Cô mang theo một quyển sách nhỏ to hơn quyển át lát của chúng ta. Đó là một quyển sách dành cho các cô gái, cô dùng nó để dạy chữ cái và giải nghĩa từng từ cho tôi.

Chú thích [1] Người tí hon.

[2] Một con vật nhỏ, bốn chân mảnh khảnh dài chừng sáu foot.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift
www.dtv-ebook.com

Chương 3

ông việc vất vả và mệt nhọc làm cho sức khỏe tôi chỉ trong vài tuần đã giảm sút hẳn. Càng thu được nhiều tiền ông chủ tôi càng muốn có nhiều hơn nữa. Tôi ăn không còn biết ngon, thân gầy như que củi. Ông chủ nhận thấy điều đó, ông nghĩ rằng tôi sắp chết nên quyết định khai thác đến mức tối đa những ngày cuối cùng của tôi. Trong khi ông nghiền ngẫm và thực hiện ý đồ ấy thì ông sardral, tức ông trưởng tòa từ triều đình tới ra lệnh cho ông chủ, mang ngay tức khắc về triều đình để giải trí cho hoàng hậu và đoàn nữ tùy tùng. Vài ba bà đã đến xem tôi và kể lắm chuyện ly kỳ về hình dáng tư cách và tính nết hiền hậu của tôi. Thấy dáng điệu cử chỉ của tôi, hoàng hậu và đoàn tùy tùng rất vui thích. Tôi quỳ xuống và vinh dự được hôn chân hoàng hậu nhưng bà hoàng hậu dễ thương đã đặt tôi lên bàn, rồi chìa ngón tay út ra, tôi dang hai tay ôm lấy ngón tay hoàng hậu mà hôn một cách hết sức trang trọng. Bà đặt những câu hỏi chung chung về xứ sở của tôi, về các cuộc du lịch. Tôi đáp lại hết sức rõ ràng và ngắn gọn. Bà hỏi ông chủ tôi có bằng lòng bán tôi với một giá cao không. Ông ta tính tôi chỉ còn sống được một tháng nữa nên bằng lòng bán ngay, lão đòi một nghìn đồng tiền vàng và tiền được trao ngay, mỗi đồng to bằng độ tám trăm đồng tiền Bồ Đào Nha, cứ theo tỉ lệ tương ứng giữa các vật ở nước này và ở nước Anh và theo giá trị vàng ở đây, thì số tiền ấy bằng đúng một nghìn bảng Anh. Tôi thưa với hoàng hậu rằng bây giờ tôi đã là chư hầu của bà, tôi xin bà ban ân huệ thu nhận cô bé Glumdalclitch - người vẫn chăm nom săn sóc tôi với một tấm lòng hiền dịu, được hầu hạ bà và tiếp tục làm cô vú nuôi. Hoàng hậu chấp nhận ngay đề nghị của tôi và ông chủ ấy cũng rất sung sướng được thấy con gái vào sống nơi cung đình. Cô bé không giấu nổi sự hân hoan của mình. Ông chủ của tôi ra về, chào mọi người và bảo rằng ông ta đã chọn cho tôi một nơi tốt đẹp. Tôi chỉ khẽ gật đầu chào ông theo phép lịch sự.

Hoàng hậu nhận thấy vẻ lạnh nhạt của tôi nên khi ông chủ đi rồi, bà hỏi tôi nguyên nhân tại sao. Tôi liền thưa rằng tôi chẳng mang ân huệ gì đối với ông ta, ngoài cái ân huệ là không bị ông ta dẫm bẹp ở ngoài đồng. Vả lại, công ơn ấy đã được đền bù quá đầy đủ bằng số tiền ông thu được trong thời gian tôi biểu diễn khắp nửa xứ sở và bằng số tiền ông vừa bán tôi. Cuộc đời mà tôi vừa trải qua quá nặng nhọc, sự nặng nhọc ấy có thể giết chết một con vật khỏe gấp mười tôi, sức khỏe tôi sút hẳn đi vì những trò biểu diễn liên miên suốt ngày, và nếu ông ta không nghĩ rằng tôi sắp sửa chết đến nơi thì ông đã không bán rẻ đến thế. Bây giờ được sống với sự che chở của một bà hoàng vĩ đại và đức hạnh, niềm tự hào của vũ trụ, được cả thế giới mến yêu, niềm vui sướng của mọi thần dân, chim phượng hoàng của sự sáng tạo, tôi không còn sợ bị đọa đày nữa, tôi không phải lo sợ như khi ở với ông chủ cũ nữa, chỉ cần nhờ ảnh hưởng sự có mặt của hoàng hậu là tôi như đã sống lại rồi.

Đó là tôi tóm tắt bài diễn văn tôi đã đọc ngắc nga ngắc ngứ và đầy những tiếng dùng sai. Đoạn cuối được soạn theo lối văn phong

đặc biệt của dân tộc xứ này mà cô giáo Glumdalclitch đã dạy tôi lúc đưa tôi về triều đình. Hoàng hậu sẵn lòng độ lượng tha thứ cho tất cả nhưng thiếu sót trong bài diễn văn nhưng tỏ vẻ ngạc nhiên thấy một con vật bé tí teo như thế lại tinh khôn và có lương tri như thế. Bà cầm lấy tôi trong hai tay đưa về cung điện nhà vua, vua lúc ấy đang ở phòng riêng. Đức vua có dáng nghiêm trang và khắc khổ. Thoạt tiên, ngài không nhìn tôi mà chỉ lạnh lùng hỏi hoàng hậu thích con Splacnuck từ bao giờ. Hoàng hậu vốn người rất ý nhị và vui tính, khẽ đặt tôi đứng trên bàn giấy và bảo tôi giải thích cho đức vua biết tôi là ai, tôi đáp mấy tiếng gọn lỏn. Cô bé Glumdalclitch vẫn chờ ở ngoài cửa phòng, cô không thể dời xa tôi được lâu hơn nữa nên người ta đưa cô vào và xác minh những điều đã xảy ra từ khi tôi đến gia đình cô.

Đức vua là người thông thái hơn bất cứ ai ở nước ngài, ngài là chuyên gia triết học và nhất là toán học. Song, khi ngài quan sát hình thù tôi và thấy tôi đi lại ngài cứ nghĩ tôi là một cái máy đồng hồ (một nghề hoàn hảo ở xứ này) do một nhà nghệ sĩ tài hoa sáng chế. Nhưng khi nghe tôi nói từng tiếng rõ ràng và mạch lạc, ngài không giấu nổi vẻ nhạc nhiên. Ngài không tin những điều tôi kể việc đã đến xứ sở của ngài như thế nào, ngài cho đó là một câu chuyện do hai cha còn ông chủ tự nghĩ ra rồi dạy tôi nói vài ba tiếng để bán được giá đắt. Xuất phát từ ý nghĩ ấy, ngài đặt mấy câu hỏi nữa, tôi trả lời đầu vào đấy, có điều giọng nói còn lơ lớ như giọng của người nước ngoài, và còn có những lỗi về ngôn ngữ và cách nói quê mùa mà tôi đã học được ở nhà ông chủ trại, nó không văn vẻ như cách nói nơi cung đình.

Nhà vua cho đi mời ba nhà bác học nổi tiếng đang trực trong tuần lễ này theo tục lệ của xứ sở. Sau khi xem xét tôi từng li từng tí, ba nhà bác học có ba ý kiến khác nhau. Nhưng họ đồng tình cho rằng tôi không thể sinh ra theo những quy luật bình thường của tự nhiên, bởi vì tôi không thể chạy nhanh, cũng như không thể leo cây hay đào hố dưới đất để tự bảo vệ mình. Sau khi xem xét kỹ lưỡng hai hàm răng tôi họ kết luận tôi thuộc giống ăn thịt. Nhưng hầu hết giống vật bốn chân đều khỏe hơn tôi, loài chuột hay bất kỳ loài gì khác cũng đều lanh lẹn hơn, cho nên họ không hình dung nổi bằng cách nào tôi có thế kiếm ăn được, nếu không phải là tôi ăn ốc sên hay sâu bọ. Nhưng bằng nhiều lập luận, họ chứng minh là điều này không thể xảy ra. Một trong những nhà bác học ấy cho rằng tôi là một cái quái thai hay một con chim đẻ non, nhưng ý kiến này bị hai nhà bác học kia bác bỏ ngay, họ nhận xét chân tay tôi nhỏ nhắn nhưng hoàn thiện vì tôi đã sống được lâu năm - điều này là dĩ nhiên, theo cách quan sát từng sợi râu của tôi qua ống kính phóng đại. Họ không muốn công nhận tôi là một thằng lùn bởi vì tôi bé quá sức. Gã lùn của hoàng hậu - người nhỏ bé nhất lúc này - cao gần ba mươi foot. Bàn luận hồi lâu họ nhất trí kết luận rằng tôi là một relplum scalcath, dịch từng chữ một nghĩa là lusus naturae, kết luận này rất phù hợp với triết học hiện đại ở châu Âu. Theo đó những giáo sư của thứ triết học này coi khinh cái thói lọc lừa cũ rích, (những lý do thần bí) mà những món đó theo học thuyết Aristotles[1] thường viện ra để giấu sự dốt nát của mình. Họ phát minh ra cách giải quyết là diệu ấy cho tất cả mọi khó khăn trên con dường tiến bộ của khoa học loài người.

Nghe sự phán quyết cuối cùng ấy, tôi xin phép được nói một đôi lời. Tôi khẳng định với đức vua rằng, trước đây, tôi ở một xứ sở mà dân cư cả nam lẫn nữ, có đến hàng triệu người, cũng bé nhỏ như tôi. Cỏ cây, súc vật, nhà cửa cũng theo tỉ lệ tương ứng. Bởi vậy, tôi đủ sức tự bảo vệ mình và kiếm ăn: chẳng khác gì các thần dân của ngài ở đây. Tôi nghĩ lời nói của tôi sẽ sổ toẹt mọi lập luận của các nhà bác học nhưng, họ chỉ đáp lại bằng một nụ cười khinh bỉ, họ cho rằng ông chủ trại của tôi đã khéo dạy tôi cách đối đáp.

Nhà vua vốn sáng suốt hơn nên cho các bác học về và cho gọi bác chủ trại đến. Thật là may bác ta còn ở thủ đô chưa về. Sau khi hỏi

chuyện riêng bác ta, vua cho tôi gặp hai cha con bác, thế là ba mặt một lời, ngài bắt đầu tin những lời tôi nói là thật. Ngài báo hoàng hậu cho người trông nom chăm sóc tôi cẩn thận và bằng lòng để cho cô Glumdalclitch tiếp tục bảo ban tôi, bởi vì ngài thấy hai chúng tôi thân thiết nhau như thế nào. Người ta dành cho cô một căn phòng trong cung đình, cô được một bà bảo mẫu dạy dỗ, lại có một người hầu phòng và hai người ở gái. Cô được giao nhiệm vụ chăm sóc tôi. Hoàng hậu ra lệnh cho bác thợ đóng đồ gỗ quý làm một cái hộp dùng làm phòng cho tôi ở theo kiểu mẫu mà Glumdalclitch và tôi ưa thích. Bác thợ là một nghệ nhân rất khéo tay, theo lời tôi chỉ dẫn, chỉ trong ba tuần lễ, bác làm xong một cái phòng bằng gỗ, mỗi cạnh mười sáu foot, cao mười hai foot, cửa số có khe để đẩy cánh cửa ra vào, một cửa lớn và hai căn phòng nhỏ bên trong, như kiểu nhà ở Luân Đôn. Tấm ván làm trần có hai bản lề có thể mở lên để đưa giường vào phòng. Một bác thợ làm thảm trong triều đình cung cấp cho tôi cái giường và chính tay cô Glumdalclitch hằng ngày mang giường ra ngoài, xếp dọn khăn, nệm, và mỗi tối lại kê giường vào, rồi đóng nắp trần xuống, cài then cẩn thận khi tôi lên thường đi ngủ. Một người thợ thủ công nổi tiếng về những công trình chạm trổ bé tí xíu, làm cho tôi hai cái ghế bằng chất gì giống như ngà, hai cái bàn và một cái tủ để tôi xếp đồ dùng. Khắp các mặt phòng được lót nệm, cả sàn nhà và trần nhà nữa, để tránh mọi tai nạn khi người ta chuyển tôi từ nơi này qua nơi khác, và để đỡ xóc khi tôi đi xe ngựa. Tôi muốn một cái khóa cửa để chuột không vào được nên một bác thợ khóa, sau nhiều lần thử đã hoàn thành một cái ổ khóa bé tí xíu chưa từng thấy ở nước này. Tôi được giao giữ chìa khóa trong túi vì sợ cô Glumdalclitch cầm lọt tay đánh rơi mất. Hoàng hậu đặt dệt những tấm lụa mỏng nhất để may quần áo cho tôi, nó không, dày hơn khăn trải giường ở nước Anh mấy tí, nhưng rất vướng, phải một thời gian tôi mới quen. Quần áo may theo mẫu của dân tộc này, kiểu nửa Ba Tư nửa Trung Quốc, vừa long trọng, vừa lịch sự.

Hoàng hậu rất thích ở gần tôi, ăn cơm cũng phải có tôi ở bên cạnh. Bữa ăn của tôi đặt trên bàn của hoàng hậu, ngang tầm khuỷu tay bà, lại kê một cái ghế cho tôi ngồi. Cô bé Glumdalclitch ngồi ở một cái ghế đẩu liền sát đầu bàn tôi, để giúp đỡ và trông nom cho tiện. Tôi có một bộ đồ ăn hoàn chỉnh. gồm đĩa to, đĩa nhỏ như thứ đồ chơi của trẻ con tôi thấy bán ở cửa hàng thiếu nhi ở Luân Đôn. Cô bé vú nuôi của tôi cất bộ đồ ăn trong một cái hộp, hộp để trong túi áo, đến bữa ăn mới dọn ra và chính tay cô rửa bát cho tôi. Không ai ăn cơm cùng với hoàng hậu, trừ hai công chúa, cô lớn mười sáu tuổi, cô bé mười ba tuổi một tháng. Hoàng hậu thường đặt vào đĩa ăn của tôi một miếng thịt, tôi mang dao ra và tự cắt lấy. Bà tỏ ra rất thích thú khi xem tôi cắt nhỏ miếng thịt ra. Tuy dạ dày bà thuộc loại yếu, nhưng một miếng thịt bà ăn cũng đủ cho một bữa cơm của mười hai bác chủ ấp ở bên Anh, lúc đầu thấy thế, tôi phát kinh lên. Bà nhai cánh chim sơn ca cả xương, mặc dù mỗi cánh chim to gấp chín lần cánh chim gà tây, và bỏ vào miệng một miếng bánh to bằng hai cái bánh nặng bốn pound[2]. Bà uống rượu rót trong một cái cốc bằng vàng, mỗi hớp bằng cả một thùng ton- nô. Dao thì dài bằng hai cái lưỡi liềm cắm thẳng vào cán. Thìa, dĩa và các đồ dùng khác đều to, với tỉ lệ như thế. Tôi còn nhớ một hôm cô bé Glumdalclitch dắt tôi đi xem mấy cái bàn, bên trên mười hay mười hai con dao và dĩa to tướng xếp thành hàng, chưa bao giờ tôi thấy một cảnh tượng rùng rợn như thế.

Thứ tư mỗi tuần (như tôi đã nói, thứ tư là ngày nghỉ của họ), vua, hoàng hậu và con trai, con gái hoàng tộc cùng ăn chung trong cung điện. Tôi trở thành một cận thần của nhà vua nên bàn và ghế của tôi kê bên trái ngài, trước một bình muối. Đức vua rất thích nói chuyện với tôi, ngài hỏi tôi về phong tục, tôn giáo, luật pháp, chính quyền và trình độ khoa học ở châu Âu, tôi đem hết sự hiểu biết của mình để trả lời ngài. Với trí thông minh linh hoạt, sự phán đoán chính xác, ngài phát biểu những ý kiến rất khôn ngoan, những nhận xét hợp tình

hợp lý về tất cả những điều tôi trình bày. Nhưng phải kể thật với các bạn một câu chuyện: một hôm tôi nói hơi quá nhiều về Tổ quốc thân yêu của tôi, về thương mại, những trận chiến tranh trên đất và dưới biển. những ý kiến của tôi về tôn giáo, những đảng phái chính trị. Nhưng do những thành kiến của nhà vua và sự giáo dục của ngài dẫn ngài đi quá xa, nên ngài cầm lấy tôi, nhấc tôi bỏ vào bàn tay phải, còn tay trái thì vuốt ve âu yếm, ngài khà khà cười vui vẻ, hỏi xem tôi thuộc đảng Tự do hay đảng Bảo thủ ở Anh. Rồi, quay lại vị tể tướng cầm trong tay một cái gậy trắng to bằng cột buồm lớn tàu Royal Sovereign, ngài bảo rằng, sự vĩ đại của con người thật như cái rơm, cái rác, bởi vì ngay con sâu con bọ bé nhỏ như tôi cũng có thể bắt chước được họ. Thế nhưng - ngài nói tiếp - tôi tin rằng những con vật này cũng có tước vị, huy chương đàng hoàng, chúng nó làm tổ, xây dựng thị trấn mà chúng nó gọi là nhà cửa, thành phố, chúng nó có nghi lễ và những đoàn tùy tùng, chúng nó yêu, đấu tranh, đánh nhau, lừa gạt, phản bội. Và cứ thế, ngài nói mãi, và sắc mặt tôi ngày càng biến đổi khi thấy Tổ quốc cao quý của tôi, chúa tể của nghệ thuật và vũ trụ, là nỗi sợ hãi của nước Pháp, là người cầm vận mệnh của châu Âu, là trung tâm của đức hạnh, danh dự và chân lý, niềm tự hào và sự khao khát của vũ trụ, bị nhục mạ như vậy. Nhưng hoàn cảnh của tôi không cho phép tôi rửa nhục. Sau khi suy nghĩ chín chắn, tôi tự hỏi xem có phải thật sự mình bị lăng nhục không. Tôi nhớ lại rằng, sau nhiều tháng sống chung với những người khổng lồ, chuyện trò với họ, nhận thấy mỗi vật quanh tôi đều tương ứng với mọi thứ khác, nên cảm tưởng khủng khiếp lúc đầu trước thân hình to lớn và dáng vẻ của họ dần dần biến mất. Bây giờ, nếu tôi thấy các vị quý tộc và các bà phu nhân ấy tụ tập nhau lại, với đồ trang sức đầy người, quần áo xênh xang, hành động đúng theo cương vị chức tước của mỗi người, đi đi lại lại, chào hỏi, chuyện trò với nhau, thì, nói thật tôi cũng muốn cười nhạo họ, cũng như nhà vua và các quan cười nhạo tôi. Một lần, tôi không thể không mỉm cười khi hoàng hậu đặt tôi trong lòng bàn tay đứng trước tấm gương, gương mặt hai người tạo nên một cái gì tương phản hết sức buồn cười, lúc ấy tôi tưởng tượng rằng chính bản thân tôi bị thu nhỏ đi rất nhiều.

Không gì làm tôi điên ruột và nhục nhã bằng gã lùn của hoàng hậu. Thân hình nó nhỏ chưa từng thấy ở nước này (chắc chưa đầy ba mươi foot), nên thấy một kẻ bé nhỏ hơn nó, nó vô cùng tức tối. Trong khi tôi đứng trên bàn, bận nói chuyện với một ông quan hay một bà phu nhân nào đó, nó đi đi lại lại bên cạnh tôi, trong phòng, bên ngoài phòng hoàng hậu, huênh hoang, làm ra vẻ một người quan trọng. Nó luôn chế giễu thân hình bé xíu của tôi, tôi chỉ biết trả thù bằng cách gọi nó là "cậu cả" hoặc thách nó đánh nhau và trả đũa bằng những lời cãi vã quen thuộc của bọn gia nhân. Một hôm, giữa bữa ăn, thằng nhãi nhép tai ác ấy tức mình vì một câu tôi nói với nó, nó leo lên lưng ghế hoàng hậu tóm lấy ngang lưng tôi trong lúc tôi ngồi ngoan ngoãn trên ghế, nó vứt tôi vào cái bát bằng bạc đầy kem, rồi chạy biến mất. Nếu tôi không phải là tay bơi giỏi, có lẽ tôi đã chết đuối trong bát kem rồi, bởi vì cô bé Glumdalclitch ở tận tít đầu bàn bên kia, còn hoàng hậu thì hoảng hốt nên chẳng biết nên làm gì. Cô bé chạy vội lại vớt tôi lên sau khi tôi uống hai ngụm kem. Người ta mang tôi đến giường nằm, tuy nhiên tôi không việc gì, chỉ hỏng bộ quần áo do ngấm sữa. Gã lùn bị một trận đòn phạt và phải uống hết bát kem nó vừa ném tôi vào. Mọi người chẳng ưa gì nó nữa và hoàng hậu tặng nó cho một bà quan lớn. Thành thử từ đó tôi không bao giờ còn trông thấy nó, tôi rất khoái, bởi vì tôi không thể nói trước được rằng thằng ôn vật quái ác ấy sẽ báo thù tôi bằng cách nào. Trước vụ này nó đã chơi tôi một vố khá đau, làm cho hoàng hậu phải bật cười, tuy trong thâm tâm bà rất không vui, nếu tôi không có lòng độ lượng khuyên can thì bà đã tống nó đi ngay tức khắc rồi. Hoàng hậu bữa ấy ăn món tủy còn ở trong ống xương, sau khi hút tủy, bà để dựng đúng ống xương trên đĩa ăn như thường lệ, gà lùn thừa dịp cô bé Glumdalclitch đi ra ngoài, liền trèo lên ghế đẩu của cô bé, hai tay tóm lấy

tôi bóp chặt hai ống chân lại nhét tôi vào lỗ ống xương đến tận ngang bụng. Tôi đờ người ra, mặt buồn thiu. Có lẽ đến một phút mọi người mới trông thấy tôi ở tình trạng ấy, bởi vì tôi cho rằng kêu cứu là hèn quá. Cũng may gia đình nhà vua ít khi ăn nóng, nên chân tôi không bị bỏng chỉ đôi bít tất và cái quần là bị hỏng. Nhờ tôi xin hoàng hậu nên thằng lùn chỉ bị đánh đòn trừng phạt.

Thấy tôi hay khiếp sợ, hoàng hậu thường chế giễu tôi và hỏi những người nước tôi có nhát thế không. Số là tại đàn ruồi, vào mùa hè, ruồi ở đây nhiều vô kể, mỗi con to bằng con chim sơn ca, đến bữa ăn, không bao giờ chúng để tôi yên, chúng o o, vè vè bên tai tôi. Thỉnh thoảng chúng đậu lên thức ăn của tôi, ỉa một bãi hoặc đẻ trứng, tôi trông rất rõ, nhưng những người khổng lồ không trông thấy được như tôi. Có khi ruồi đậu lên mũi tôi hoặc lên trán, đốt tôi rất đau, nó tiết ra một mùi hôi thối khó chịu. Tôi thấy rất rõ một chất sền sệt, mà theo các nhà sinh vật ở nước chúng ta, khiến cho loài muỗi có thể bò đi trên trần nhà. Tôi phải vất vả lắm mới chống lại được những con vật ghê gớm ấy, khi chúng đến sát gần, tôi giật mình đến thót một cái, còn thằng lùn hay bắt một vài con, cầm trong tay như trẻ con nước chúng ta, rồi bất thình lình thả ngay dưới mũi tôi làm cho tôi hết vía và để làm trò cho hoàng hậu. Tôi có mỗi cách để chống lại chúng là lấy dao chém chúng ra từng mảnh khi chúng đang bay, thấy tôi làm việc này khá lanh lẹn, mọi người phục lăn tài khéo léo của tôi.

Tôi còn nhớ một buổi sáng, Glumdalclitch đặt cái hộp đựng tôi trên cửa sổ. Mỗi khi trời đẹp, cô bé vẫn làm thế để cho tôi thở không khí trong sạch (bởi vì tôi không thích cô treo cái hộp của tôi vào một cái đinh gần cửa sổ, như chúng ta theo cái lồng chim họa mi). Tôi mở cửa sổ phòng, vừa ngồi xuống bàn lấy cái bánh ngọt ra ăn bữa lót dạ thì hơn hai chục con ong vò vẽ thấy mùi bánh bay ùa vào phòng, tiếng vo vo to hơn tiếng hai mươi cái kèn tây. Mấy con xông đến cướp bánh, ngoạm từng miếng bay đi, những con khác bay quanh đầu, quanh mặt tôi, làm tai tôi ù lên, và nghĩ đến vòi ong, tôi khiếp quá, lạnh toát cả người. Song tôi còn đủ can đảm để đứng dậy rút kiếm ra, xông lên chém lia lịa, hạ được bốn con, những con khác sợ quá bay mất, lập tức tôi đóng cửa sổ lại. Những con ong vò vẽ to bằng con chim trĩ ở ta, tôi cắt lấy một số ngòi của nó, mỗi cái dài tới một inch rưỡi và sắc như kim, tôi cất kỹ chúng cùng một số những vật lạ khác để sau này mang về châu Âu cho mọi người xem. Trở về Anh, tôi tặng trường đại học Gresham ba cái và giữ lại một cái cho mình.

Chú thích [1] Aristoteles (384 – 322 TCN) là một nhà triết học Hy Lạp cổ đại. Ông được xem là người tạo ra môn luận lí học. Ông cũng thiết lập một phương cách tiếp cận với triết học bắt đầu bằng quan sát và trải nghiệm trước khi đi tới tư duy trừu tượng.

[2] 1 pound bằng 453, 59237 gram.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 4

ây giờ, tôi xin miêu tả cho bạn đọc biết cảnh tượng xứ này, theo như tôi biết trong khi đi gần nghìn dặm xung quanh thủ đô Lorbrulgrud. Đất đai của nhà vua dài chừng sáu nghìn dặm, rộng từ ba đến năm nghìn dặm. Vì vậy, tôi kết luận rằng các nhà địa lý học ở châu Âu đã lầm to khi họ nghĩ rằng giữa Nhật Bản và California chỉ có biển. Tôi nghĩ rằng ở vùng này phải có một lục địa lớn để cho cân đối với miền Mông Cổ mênh mông. Vậy thì họ phải sửa lại tấm bản đồ và nối liền phần đất này với miền tây bắc châu Mỹ. Tôi sẵn sàng cộng tác với họ về việc này.

Xứ này là một bán đảo, ở tận cùng về phía đông bắc là một dãy núi cao ba mươi dặm, nơi đây có núi lửa bao quanh nên không thể vượt qua. Những bậc tài giỏi nhất cũng không biết ở bên kia núi có giống người gì sống không - giả dụ là có người. Ba phía khác là biển cả bao bọc. Cả đất nước không có một hải cảng nào, những bờ biển, nơi cửa sông, lởm chởm những mỏm đá nhọn hoắt và biển ở đây sóng rất dữ, nên dù một con tàu nhỏ nhất cũng khó lòng mạo hiểm vào tới nơi được, thành thử, dân tộc sống ở đây bị cắt đứt mọi quan hệ với thế giới bên ngoài. Những sông lớn san sát thuyền bè và có nhiều loại cá ngon nên rất ít khi người ta đi đánh cá ngoài biển, bởi vì cá biển ở đây không to hơn cá biển ở châu Âu. Rõ ràng là tự nhiên trong việc sinh sản ra cỏ cây và súc vật đã hạn chế tính chất khổng lồ ở lục địa này. Về việc này tôi xin để các nhà triết học tìm xem lý do tại sao.

Tuy vậy đôi khi cá voi dạt vào bờ biển lởm chởm đá nhân dân sẵn lòng ăn loại cá này, có những con cá voi to đến mức một người vất vả lắm mới vác được lên vai. Thỉnh thoảng người ta cho cá voi vào thúng mang về thủ đô làm của lạ. Một lần, tôi thấy trên bàn ăn nhà vua một con cá voi nằm gọn trong đĩa ăn, nhưng hình như nhà vua không thích món ăn này lắm, chắc vì cá quá to, tuy vậy, ở Greenland tôi đã thấy những cá voi to hơn thế. Ở xứ này, dân cư đông đúc, có tới năm mươi mốt đô thị, hơn một trăm thành phố có thành luỹ, và vô số làng mạc. Để thỏa mãn óc tò mò của bạn đọc, tôi nghĩ có thể miêu tả cảnh tượng thủ đô Lorbrulgrud. Ở đó có một con sông cắt ngang thành phố làm hai phần gần bằng nhau. Thành phố có tám vạn ngôi nhà, khoảng sáu mươi vạn người, nó có chiều dài ba glomglung rưỡi. Tôi biết điều này là do xem bản đồ được nhà vua ra lệnh vẽ, mỗi bề một trăm foot và người ta trải xuống đất cho tôi xem. Tôi cởi giày, đi lại nhiều lần khắp bề dọc, bề ngang đi vòng quanh rồi tính tỷ lệ một cách khá chính xác.

Cung điện nhà vua không xây dựng theo một kiến trúc cân đối. Đó là những ngôi nhà kế tiếp nhau lộn xộn, có chiều dài khoảng bảy dặm. Những phòng chính thường cao hơn hai trăm bốn mươi foot và bề rộng tương ứng. Cô Glumdalclitch và tôi được cấp riêng một xe ngựa, cô thường dùng xe dẫn tôi di chơi phố và xem các cửa hàng. Cô thường cho tôi ngồi trong hộp. Nhưng cũng có những lúc chiều theo ý thích của tôi, cô cho tôi ra khỏi hộp. Lúc đi phố, cô cầm tôi ở trong tay để tôi nhìn rõ nhà cửa, dân chúng hơn. Theo tôi tính, xe

ngựa của chúng tôi rộng bằng cung Westminster ở Anh, nhưng không cao bằng, song, tính như thế không thật chính xác. Một hôm, bà bảo mẫu cho xe đỗ trước mấy cửa hàng, một đám ăn xin thừa dịp bám đầy cửa xe, và bày ra trước mắt tôi những cảnh tượng hết sức kinh tởm mà con mắt người châu Âu chưa từng trông thấy. Một người đàn bà bị ung thư ở ngực, cái nhọt to tướng, đầy những lỗ sâu hoắm, tưởng tôi có thể bò vào và biến mất trong đó một cách dễ dàng. Một gã khác có cục u ở cổ to bằng năm kiện len, và một người nữa đi bằng hai chân gỗ, dài có tới trên hai mươi foot. Song, kinh tởm nhất là những con bọ bò nhung nhúc trong quần áo họ. Bằng mắt trần tôi có thể nhìn thấy chân những con rận rõ hơn chúng ta nhìn một con bọ chét qua kính hiển vi. Tôi thấy những cái vòi ngoáy vào thịt giống như những cái mõm lợn. Lần đầu tiên tôi được nhìn như thế và tôi tò mò muốn được mổ xẻ những con rận ấy nếu tôi có trong tay những dụng cụ cần thiết (song, rủi thay, tôi đã bỏ cả dưới tàu biển) - tuy nhiên chỉ nhìn thôi tôi đã thấy lợm giọng rồi.

Ngoài cái hộp to người ta thường đựng tôi mang theo, hoàng hậu còn cho làm một cái nhỏ hơn, độ mười hai foot mỗi cạnh, cao mười foot, dùng để đi chơi cho đỡ cồng kềnh mỗi khi Glumdalclitch đặt nó lên đùi. Đó vẫn là công trình của nghệ nhân trước do tôi chỉ bảo cách làm. Cái hộp du lịch này là một hình khối vuông, ba mặt có cửa sổ, chăng một cái lưới thép ở bên ngoài để đề phòng tai nạn trong các cuộc hành trình lâu dài. Mặt thứ tư không có cửa sổ nhưng có hai miếng sắt để khi nào tôi muốn đi ngựa, người mang tôi sẽ xỏ vào dây lưng rồi thắt vào lưng. Thường thường, một lão bộc trung thành và đứng đắn đảm nhiệm việc này khi tôi đi theo vua hay hoàng hậu, hoặc khi tôi muốn đi chơi trong vườn hay đi thăm một bà lớn hoặc một vị tổng trưởng mỗi khi cô bé Glumdalclitch ốm. Các quan đại thần đều biết tôi và khen ngợi tôi - tôi nghĩ là do tôi được nhà vua ưu đãi hơn là do tài đức của tôi. Trong các cuộc hành trình, khi tôi chán đi xe, một gia nhân cưỡi ngựa buộc cái hộp của tôi vào thắt lưng, rồi đặt hộp trên một cái gối để phía trước. Thế là qua ba cửa sổ, tôi có thể nhìn bao quát cả vùng. Trong buồng kê một tấm phản một cái võng mắc vào trần nhà, có hai cái ghế và một cái bàn bắt đinh ốc liền với sàn nhà phòng khi ngựa phi hay chạy cho khỏi đổ, mặc dù có khi xóc rất mạnh, nhưng tôi vốn quen đi biển nên chẳng hề gì.

Có khi cao hứng, tôi đi thăm thành phố. Bao giờ người ta cũng để tôi ngồi trong hộp du lịch, đặt trên đùi cô bé, cô ngồi trong một cái kiệu, theo tập quán của xứ sở, do bốn người khiêng và có hai người đi theo sau, họ đều mặc bộ đồ riêng của hoàng hậu may cho. Những người dân ở trong thành phố thường được nghe nói đến tôi, họ xúm đông, xúm đỏ quanh chúng tôi để xem. Cô bé vốn dễ tính nên cho kiệu dừng lại và cầm tôi trong tay cho mọi người trông rõ hơn.

Tôi khao khát được đi xem ngôi đền chính ở thủ đô, nhất là cái tháp trong đền, được coi là cao nhất nước. Vì vậy, một hôm cô Glumdalclitch dẫn tôi đến đấy, xin thú thực là tôi thấy thất vọng, bởi vì nó cao không quá ba nghìn foot, nếu cứ tính theo tỉ lệ tương ứng giữa những người ở đây và những người châu Âu chúng ta thì tháp cao như thế chẳng có gì đáng khâm phục, vì cái tháp này không cao bằng gác chuông ở Salisbury. Nhưng, không muốn có ý kiến chê bai một xứ sở mà suốt đời tôi phải chịu nhiều ơn huệ, nên tôi phải công nhận rằng cái tháp tuy không cao nhưng đẹp và vững chắc. Tường dày gần một trăm foot, xây bằng đá phiến, mỗi phiến chừng bốn mươi foot một cạnh. Tường đá tạc rất nhiều tượng các vị thần và các ông vua, to hơn tự nhiên. Một ngón tay út của một bức tượng rơi xuống đất, giữa đống gạch vụn, tôi đo bề dài được đúng bốn foot một inch. Cô bé nhặt lên, lấy mùi soa bọc rồi nhét vào túi áo cùng vài ba đồ vặt vãnh khác, trẻ con thường thích sưu tầm như thế.

Cái bếp của nhà vua quả là một ngôi nhà sang trọng. Phần trên xây hình vòm, cao độ sáu trăm foot. Chỉ còn thiếu mười bước nữa là cái

lò chính rộng bằng vòm của nhà thờ St. Paul vì lúc trở về nước, để thỏa chí tò mò, tôi đã đo cái vòm này. Đáng lẽ ra tôi phải miêu tả cái bếp lò, những cái nồi vĩ đại, những cái xoong không sao tưởng tượng nổi, những miếng thịt trên cặp nướng và những chi tiết khác, nhưng tôi nghĩ khó ai tin được. Song, những nhà phê bình nghiêm khắc có thể trách tôi khuếch đại như phần lớn các nhà phiêu lưu khác. Để tránh bị trách móc, tôi sợ lại rơi vào cái cực đoan. Như vậy, nếu quyển sách được dịch sang tiếng Brobdingnag xứ này tên như vậy), nhà vua và nhân dân xứ này có thể than phiền về việc tôi lăng mạ họ bằng sự miêu tả sai sự thật, làm cho mọi vật đều nhỏ đi. Nhà vua ít khi có dưới sáu trăm con ngựa trong chuồng. Thường thường, ngựa cao từ năm mươi tư đến sáu mươi foot. Khi có việc quan trọng, một đoàn tùy tùng gồm năm trăm kỵ mã hộ vệ ngài: đó thật là một cảnh tượng kỳ diệu, không sao hình dung nổi, cho đến ngày tôi được xem một bộ phận quân đội của nhà vua dàn thế trận. Tôi dành dịp khác kể chuyện này.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 5

ếu không vì thân hình tôi bé nhỏ quá mà bị nhiều vố vừa buồn cười vừa khó chịu thì tôi đã có thể sống vui sướng ở nước này. Tôi sẽ kể lại vài ba chuyện. Cô bé Glumdalclitch thường mang tôi trong hộp đi chơi trong vườn thượng uyển, có khi cô cho tôi ra khỏi hộp, cầm trong tay hay đặt xuống đất. Tôi còn nhớ một hôm gã lùn - lúc ấy chưa bị hoàng hậu đuổi đi - theo chúng tôi vào vườn. Cô bé đặt tôi xuống đất, thằng lùn và tôi đứng cạnh hàng cây táo lùn, tôi thấy cần phải nói một câu châm chọc ám chỉ ví cây táo với nó. Thằng chết tiệt nhăm nhăm tìm dịp trả đũa, thừa lúc tôi đi dưới cây táo, nó rung cây rõ mạnh. Hàng chục quả to như quả bí đỏ rơi lộp bộp chung quanh tôi, một quả rơi trúng lưng lúc tôi đang cúi lom khom, quật tôi ngã chúi mũi xuống đất. Tôi chỉ bị ngã đau, xong không việc gì. Thằng lùn không bị trừng phạt bởi vì chính tôi là kẻ khích bác nó trước.

Một hôm khác, Glumdalclitch đặt tôi chơi trên một bãi cỏ mịn, rồi cùng với ba bảo mẫu đi quanh gần đấy. Bỗng, một trận mưa đá vật tôi ngã úp mặt xuống đất. Cứ thế, những cục đá nện khắp người tôi, những cục đá rắn và nảy như những quả bóng quần vợt. Song, tôi cố nhổm dậy, bò được đến chân hàng rào bách lý hương, nằm bẹp gí ở đây. Tôi bị thương từ đầu đến chân phải mất mười ngày mới khỏi. Chẳng có gì lạ cả vì ở xứ sở này, cái gì cũng giữ cái mức tỷ lệ tương đối trong tất cả vạn vật, một cục mưa đá ở đây to hơn ở châu Âu một nghìn tám trăm lần. Tôi biết thế là do kinh nghiệm, và tôi đã đo cẩn thận để thỏa mãn trí tò mò.

Nhưng có lần tôi đã gặp một tai nạn khác, nguy hiểm hơn, cũng trong khu vườn này. Cô bé Glumdalclitch nghĩ rằng đã đặt tôi ở một nơi yên ổn (tôi thường đòi được yên ổn như vậy để trầm tư suy nghĩ một mình), hộp lại để ở nhà cho đỡ bận tay, bận chân, cô đi chơi với bà bảo mẫu và mấy bà phu nhân sang khu vườn bên cạnh. Trong lúc cô không có đấy, con chó con lông xù của bác làm vườn tình cờ lạc vào trong vườn, chạy đến gần nơi tôi đang đi tha thẩn. Đánh hơi thấy tôi, nó chạy thẳng đến đớp lấy tôi và tha ngay về nhà, đuôi nó ve vẩy và ngoan ngoãn đặt tôi xuống ngay trước mặt chủ. Cũng may con chó rất khôn, nó tha tôi như thế mà tôi không bị xây xát gì, quần áo cũng không rách. Bác làm vườn vốn biết và rất quý tôi, bác hoảng sợ, nhẹ nhàng bế tôi lên, hỏi tôi có việc gì không. Lúc ấy tôi còn chưa hoàn hồn và mệt lử nên không đáp được tiếng nào. Nhưng rồi tôi cũng bình tĩnh trở lại, bác mang tôi đến trả cho cô chủ, cô đang tìm tôi và lo sợ hết hồn hết vía vì gọi mà không thấy tôi thưa. Cô liền trách bác làm vườn vì để con chó tha tôi đi. Nhưng câu chuyện bị dập đi - triều đình không hề biết, bởi vì cô Glumdalclitch sợ bị hoàng hậu mắng và vì uy tín của tôi, nên không muốn một chuyện như thế được mọi người biết.

Sau vụ việc này, cô bé quyết định từ đấy sẽ không dời tôi một bước. Tôi không thích quyết định này nên tôi đã giấu cô mấy việc rủi ro xảy ra những lúc tôi tha thẩn một mình. Một hôm, một con diều hâu lượn trên vườn rồi đâm bổ xuống chỗ tôi, nếu tôi không nhanh tay rút

kiếm ra và chạy núp vội bên dưới rặng cây trồng sát bên tường thì chắc chắn nó đã cắp tôi đi mất rồi. Một lần khác, tôi leo lên một cái ổ chuột chũi mới và tôi bị thụt đến cổ đúng vào cái lỗ chuột vừa đào đất lên. Khi về nhà tôi bịa ra một lý do để giải thích là tại sao quần áo tôi bị bẩn. Một lần khác, trong khi tôi đi thơ thẩn, lòng nhớ đến nước Anh xa xôi, tôi vấp phải một vỏ con ốc sên khiến xương ống chân suýt gẫy.

Tôi không biết đây là điều đáng lấy làm vinh hạnh hay là tủi nhục khi tôi nhận xét thấy các con chim nhỏ ở đây không tỏ vẻ sợ tôi chút nào. Lúc tôi tha thẩn một mình, loài chim nhỏ nhảy nhót quanh tôi chỉ cách nửa fathom, thản nhiên kiếm sâu bọ kiếm ăn, như tôi không có đấy. Tôi còn nhớ một con chim họa mi táo tợn mổ miếng bánh tôi cầm trên tay ăn bữa sáng, khi tôi định bắt nó, tức thì nó quay lại, xông vào tôi mà mổ ngón tay tôi, chẳng e dè gì. Thế rồi, chẳng thèm nhìn tôi, nó nhảy đi nơi khác, kiếm sâu bọ như chẳng có gì xảy ra. Một hôm tôi chuẩn bị một cái gậy ngắn rõ cứng, lấy hết sức bình sinh lăng trúng một con chim hồng tước, nó ngã lăn quay xuống đất, hai tay tôi túm lấy cổ chim, lôi một mạch về chỗ cô bé. Nhưng con chim chỉ bị đau nên lặng đi, bây giờ hồi tỉnh, hai cánh đập tứ tung vào đầu, vào mình tôi mấy chục lần khiến tôi suýt phải buông ra. Đúng lúc đó có một người giúp việc chạy lại cứu tôi, anh ta vặn cổ con chim, và theo lệnh của hoàng hậu ban xuống, con chim bị làm thịt cho tôi chén bữa lót dạ hôm sau. Và theo trí nhớ của tôi thì con hồng tước này to hơn con thiên nga ở nước Anh.

Các cô nương trong đoàn tùy tùng hay mời Glumdalclitch sang phòng các cô chơi và đòi mang tôi theo, để các cô nhìn và sờ vào người tôi cho thỏa thích. Các cô thường cởi sạch quần áo tôi ra, ôm ghì vào lòng khiến tôi phát kinh lên được, bởi vì, nói thật là, da các cô tỏa ra một mùi rất khó chịu. Nhận xét này không phải tôi có ý nói xấu các cô gái tuyệt vời ấy - những người mà tôi lất tôn kính, mà ý tôi là do người tôi nhỏ bé hơn so với họ, nên khứu giác của tôi rất nhạy bén vì vậy mới ngửi thấy những mùi như vậy. Nhưng dù sao, tôi vẫn thấy cái mùi tự nhiên ở thân thể họ còn dễ chịu hơn nước hoa họ dùng, cứ nghĩ thấy mùi nước hoa là tôi lăn ra bất tỉnh ngay tức khắc. Tôi còn nhớ đã có lần một người bạn thân của tôi ở Lilliput, vào một ngày oi bức, tôi vận động nhiều, ông ta đã thẳng thắn than phiền vì mùi hôi toát ra từ thân thể tôi - mặc dù về phương diện này, tôi chẳng có gì đặc biệt hơn những người khác. Nên tôi cho rằng cái mũi của ông ta thính hơn mũi tôi, cũng như mũi tôi thính hơn mũi những người ở đây. Về phương diện này, tôi không thể không nói thật rằng hoàng hậu, bà chủ tôi và cô Glumdalclitch, cô vú nuôi tôi, rất thơm tho, chẳng kém gì các bà phu nhân ở Anh...

Một hôm, một vị quý tộc trẻ tuổi, cháu bà bảo mẫu của cô Glumdalclitch, đến ép hai người phải đi dự vụ xử chém một người phạm tội giết bạn. Cô bé, tuy không muốn, vì cô là người dễ xúc động nhưng vẫn bị bạn bè kéo đi. Còn tôi tuy khiếp sợ nhưng cảnh ấy, nhưng vì tò mò, tôi muốn xem một việc chắc chắn là ghê gớm lắm. Tội nhân bị trói vào cái ghế trên cái máy chém, một lưỡi kiếm dài bốn mươi foot chém phứt một cái đứt đầu. Máu phun ra rất nhiều, phun cao tít lên trời, ăn đứt một tia nước phun ở điện Versailles. Cái đầu lâu lơi bịch một cái xuống máy chém, làm tôi giật mình mặc dù tôi ở cách xa không kém nửa dặm Anh.

Hoàng hậu hay nói chuyện về những cuộc hành trình trên mặt biển, và mỗi khi thấy tôi buồn bà lại tìm cách giải khuây cho tôi. Một hôm bà hỏi tôi có biết lái thuyền buồm hay chèo thuyền không. Tôi đáp tôi lái buồm và chèo thuyền đều giỏi cả, bởi vì, tuy tôi làm nghề phẫu thuật hay thầy thuốc trên tàu, song nhiều khi do nhu cầu bắt buộc nên tôi phải làm việc như một thủy thủ. Nhưng tôi loay hoay không biết xử trí thế nào ở nước này, nơi mà chiếc ca nô bé nhất cũng bằng tàu chiến to nhất ở nước chúng ta. Còn một chiếc thuyền hợp

với cỡ người và sức khỏe của tôi thì đi làm sao được trên nhưng dòng sông ở đây. Hoàng hậu bảo nếu tôi thiết kế được một cái tàu thì bác thợ mộc của bà có thể làm được, và hoàng hậu sẽ tìm cho tôi một nơi mà ở đó tôi có thể bơi thuyền được. Bác thợ mộc là người khéo tay, sau mười ngày làm việc dưới sự chỉ dẫn của tôi, bác hoàn thành một chiếc du thuyền đầy đủ buồm lái, chở được tám người châu Âu ngồi vừa đẹp. Hoàng hậu vui sướng quá ôm con thuyền vào váy chạy đến khoe nhà vua. Vua cho thả thuyền, có tôi ngồi trong, vào một cái chậu đầy nước, nhưng chậu chật quá, tôi không dùng được mái chèo. Hoàng hậu nghĩ ra cách là bảo bác thợ mộc đóng một cái thùng gỗ dài ba trăm foot, rộng năm mươi foot và sâu tám foot, rồi cho quét một lượt hắc ín cho khỏi rò nước. Người ta đặt chậu xuống đất dọc bức tường trong phòng bên cạnh. Cái chậu có một cái vòi tháo nước ra và hai người đầy tớ chỉ cần nửa giờ là đổ nước đầy chậu. Chính trong cái chậu này tôi hay chèo thuyền để vui chơi và để cho hoàng hậu cùng các phu nhân xem. Các bà rất thú vị thấy tôi chèo lái giỏi và khéo. Thỉnh thoảng tôi kéo buồm lên, chỉ việc giữ bánh lái, các bà lấy quạt phe phẩy làm thành những cơn gió nhẹ, khi các bà mệt, đến lượt một gia nhân quạt, còn tôi ra sức trổ tài, khi chạy bên phải, khi sang bên trái, tùy theo ý muốn. Trò bơi thuyền xong, cô Glumdalclitch mang thuyền về phòng, treo lên một cái đinh hong cho khô.

Một hôm trong khi bơi thuyền tôi suýt mất mạng Một gia nhân đặt thuyền vào chậu nước, bà bảo mẫu của cô bé khẽ nhấc tôi lên đặt vào thuyền, song tôi rớt xuống, rất may là trong khi rơi tôi mắc vào cái đanh ghim cài ở áo lót bà bảo mẫu, không thì đã tan xương, vì chỗ ấy cách mặt đất bốn mươi foot. Đầu đanh ghim xuyên vào giữa áo sơ mi và thắt lưng tôi, thành thử tôi cứ treo lơ lửng như thế cho đến khi Glumdalclitch chạy đến cứu được.

Một lần khác, người gia nhân có nhiệm vụ cứ ba ngày thay nước một lần đã vô ý đổ cả một con nhái ở trong xô nước vào chậu mà không biết. Nó náu mình ẩn dưới nước, khi tôi ngồi trên thuyền đâu vào đấy, nhìn thấy chỗ có thể nghỉ ngơi được, nó leo lên thuyền, làm thuyền nghiêng hẳn về một bên, tôi phải cố hết sức đè lên bên kia để thuyền khỏi chìm nghỉm. Nó nhảy hẳn lên thuyền, chiếm nửa khoang, rồi nhảy lên đầu tôi đi lại, làm mặt mũi và quần áo tôi bê bết cái chất nhờn rất kinh tởm. Nó to quá, trông thật khủng khiếp. Song, tôi bảo cô Glumdalclitch mặc tôi xoay xỏa một mình, rồi tôi cầm mái chèo, cứ thế đập lia lịa, cuối cùng con nhái phải nhảy xuống nước.

Tai nạn lớn nhất mà tôi gặp phải ở xứ này là do con khỉ của một bác phụ bếp. Một hôm, Glumdalclitch nhốt tôi trong phòng vì cô bận việc riêng. Trời nóng bức, cửa sổ phòng cô mở toang, cả cửa sổ và cửa lớn của cái hộp to cũng mở. Tôi thường ở cái hộp này, vì nó rộng rãi lại đầy đủ tiện nghi, trong lúc tôi đang ngồi nghiêm trang ở bàn và suy nghĩ thì bỗng có cái gì nhảy tót qua cửa sổ phòng, rồi tiếng chân nhảy nhót khắp nơi. Hoảng quá, tôi ngồi im tại chỗ, liếc nhìn ra ngoài, tôi trông thấy con khỉ đến gần cái hộp, vừa lộn nhào vừa nhảy tâng tâng, nó nhìn cái hộp rất thú vị và chăm chú, nó liếc mắt nhìn qua cửa lớn và hai cửa sổ. Tôi đánh bài chuồn, lùi vào cái xó xa nhất, nhưng con khỉ nhìn khắp xung quanh làm tôi chết khiếp, không còn đủ nhanh trí để chui xuống gầm giường - như thế có khó khăn gì. Nó nhìn, nó nhăn nhở, nó kêu chít chít một lát, rồi cuối cùng trông thấy tôi, nó luồn một tay qua cửa như con mèo vờn con chuột, mặc dù tôi cố hết sức tránh, nhưng nó túm được vạt áo tôi (áo bằng lụa, nghĩa là rất dày và rất dai) kéo tuột ra ngoài. Nó nhấc tôi lên và ôm lấy tôi, như một vú nuôi sắp cho em bé bú - như hệt cái cảnh tôi đã có lần trông thấy ở châu Âu, một con khỉ bế con mèo con. Tôi kháng cự lại, nó ôm chặt thêm. Tôi nghĩ. khôn hơn cả là đành chịu khuất phục. Chắc nó tưởng tôi là một con khỉ con, bởi vì tôi thấy nó lấy tay xoa xoa mặt tôi. Bỗng một tiếng động ở ngoài cửa phòng hình như có ai mở, làm nó dừng tay lại. Nó nhảy phốc qua cửa sổ, rồi leo lên ống

máng, ống dẫn nước, nó đi bằng ba chân, còn một chân trước ôm lấy tôi, cứ thế trèo lên nóc nhà hàng xóm. Đúng lúc đó tôi nghe thấy cô bé Glumdalclitch thét lên một tiếng, cô bé như hóa điên hóa dại. Cả khu vực cung điện náo động rồi gia nhân nhốn nháo chạy đi tìm thang. Hàng trăm người chứng kiến cảnh con khỉ ở trên đỉnh nóc nhà, một tay bế tôi như bế đứa bé, một tay ấn vào miệng cho tôi ăn thức ăn nó để dành ở má. Thấy tôi không chịu ăn, nó khe khẽ vỗ về... Thấy vậy đám người tụ tập ở dưới không thể không cười rộ lên. Tôi không thể trách họ, chắc cái cảnh này tức cười thật, trừ có riêng tôi. Mấy người định lấy đá ném cho nó xuống nhưng bị cấm ngay vì người ta sợ ném đá có thể làm vỡ sọ tôi.

Thang được dựng vào tường vì người ta leo lên. Bị bao vây tứ phía, con khỉ thấy đi ba chân không được nhanh, bèn thả tôi xuống một hòn ngói rồi chạy trốn. Tôi ngồi đấy cách mặt đất một trăm năm mươi fathom, tôi chờ đợi từng giây, lo bị cơn gió bốc đi hay vì chóng mặt mà lăn lông lốc từ trên đỉnh cao xuống ống máng. Nhưng một cậu bé, người giúp việc của cô Glumdalclitch, đã kịp lên nhét tôi vào túi quần rồi mang tôi xuống an toàn.

Tôi suýt chết ngạt vì thứ rác rưởi mà con khỉ nhét đầy miệng tôi. Cô bé lấy cái kim kéo ra một đống tướng, thế là tôi nôn thốc nôn tháo, nhẹ hẳn người. Song, sức tôi yếu quá, sườn thì đau nhức nhối vì con vật đáng ghét ấy ôm mạnh quá nên phải nằm liệt giường tới hai tuần lễ. Đức vua, hoàng hậu và tất cả triều đình ngày nào cũng đến hỏi thăm. Hoàng hậu mỗi ngày mấy bận đến thăm nom trong suốt thời gian tôi dưỡng bệnh. Khi sức khỏe bình phục, tôi xin yết kiến đức vua để cảm tạ nhưng ngài có ý chế giễu tôi. Ngài hỏi lúc con khỉ ôm tôi, tôi đã có những suy tư thâm trầm gì, và lúc nó nhét thức ăn vào miệng, tôi thấy mùi vị ra sao, tôi nghĩ gì khi ăn uống như vậy, và không khí mát mẻ trên mái nhà có làm tôi thấy đói không. Ngài còn hỏi nếu như ở nước tôi xảy ra chuyện như vậy thì tôi làm thế nào. Tôi đáp, ở châu Âu không có khỉ, người ta mang khỉ ở nơi khác đến cho lạ mắt, và nó rất nhỏ. Nếu nó táo tợn tấn công tôi thì tôi đánh đuổi được một tá khỉ như bỡn. Còn con quái vật này to bốn con voi, nếu không vì sợ quá mà tôi quên mất thanh kiếm (tôi lấy vẻ kiêu hãnh và vỗ mạnh một cái vào đốc kiếm), lúc nó luồn tay vào hộp, tôi đã cho nó một nhát và nó phải lấy làm sung sướng mà rút tay về nhanh hơn là lúc thò tay vào. Tôi nói mấy câu đó bằng một giọng kiên quyết, như một người không muốn ai nghi ngờ về lòng dũng cảm của mình. Song, những lời tôi nói chỉ làm mọi người phì cười. Tuy trước mặt đức vua phải giữ lễ độ nhưng không ai nhịn được. Điều này làm tôi nghĩ đến những ai cố làm cho những người trong bậc thang xã hội hơn hẳn mình phục mình vì lòng kiêu ngạo, phải đánh giá mình đúng mức. Và ở nước Anh tôi vẫn thường thấy cảnh ấy: một kẻ tay trắng, dòng dõi không, nhân phẩm không, tài năng, tâm tính cũng chẳng có gì đặc sắc, lại muốn tỏ vẻ ta đây là quan trọng và tự đặt mình ngang hàng với các quan đại thần trong triều.

Mỗi ngày tôi cung cấp cho triều đình một câu chuyện vui. Cô Glumdalclitch, mặc dù rất mến tôi, nhưng cô vẫn thường kể với hoàng hậu mọi sự rồ dại của tôi để làm quà. Một hôm cô bị ốm, bà bảo mẫu dắt cô ra ngoại ô chơi - đi bộ khoảng một tiếng đồng hồ, cách thành phố ba mươi dặm - để thay đổi không khí, mọi người xuống xe ngựa bên một ngõ hẻm trên cánh đồng. Cô đặt cái hộp xuống đất, tôi chui ra để chơi. Trong ngõ có một đống phân bò. Tôi muốn nhảy qua để thử sức, tôi lấy đà, nhưng thật vô phúc, tôi nhảy đâu có được như tôi dự tính, nên rơi tõm vào giữa đống phân bò, sâu đến đầu gối, phải khó nhọc lắm mới rút được chân lên. Một người giúp việc lấy mùi soa cố sức lau đôi chân bê bết những phân của tôi. Cô Glumdalclitch nhốt tôi trong hộp cho đến khi về nhà. Hoàng hậu biết ngay câu chuyện vừa xảy ra, anh người làm đưa tin cho mọi người biết, và người ta giễu tôi mấy hôm liền.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift
www.dtv-ebook.com

Chương 6

ỗi tuần lễ, tôi thường được một, hai buổi vào yết kiến nhà vua lúc ngài ngủ dậy, và tôi cũng thường được xem bác thợ cạo cạo râu Ngài. Thật là khủng khiếp: con dao cạo to bằng cái lưỡi liềm. Theo tục lệ của xứ sở, mỗi tuần lễ vua cạo râu hai lần. Một hôm, tôi xin được bác thợ cạo một nắm bọt xà phòng và bới ra được chừng bốn chục cái râu. Tôi kiếm một mẩu gỗ tốt, đẽo gọt thành một cai lược, rồi lấy cái kim nhỏ nhất của cô Glumdalclitch khoét một hàng lỗ cách xa đều nhau. Tôi rửa sạch râu, cắt chéo mỗi sợi rồi cắm vào hàng lỗ, thế là được một cái lược khá đẹp mắt. Thật là tiện lợi vì lược của tôi đã gãy gần hết răng. Ở đây, tôi chưa thấy người thợ nào đủ chính xác và tỉ mỉ để làm cho tôi một cái lược vừa ý.

Câu chuyện này nhắc tôi đến một công việc khá vui đã chiếm của tôi nhiều thì giờ nhàn rỗi. Tôi năn nỉ bà hầu phòng hoàng hậu để dành cho tôi những món tóc rối mỗi khi bà chải đầu cho hoàng hậu. Chẳng mấy ngày, tôi được một nắm tướng. Sau khi hội đàm với ông bạn thợ mộc của tôi, người đã nhận được lệnh phải làm những việc tôi yêu cầu, rồi tôi bảo ông ta đóng cho tôi hai cái khung ghế kích thước bằng ghế trong hộp, và lấy cái khoan nhỏ tí xíu đục cho tôi mấy hàng lỗ ở chỗ tựa và chỗ ngồi, sau đó tôi chọn những sợi tóc bền nhất, xỏ vào hàng lỗ đan như người đan rổ rá ở châu Âu. Ghế làm xong, tôi đem tặng nhà vua. Vua cho cất trong tủ kính để mỗi khi khách đến mang ra khoe, và đồ vật kỳ lạ ấy đã làm cho mọi người phải ngạc nhiên. Hoàng hậu bảo tôi ngồi lên ghế nhưng tôi nhất định không nghe, bởi vì thà chết chứ tôi không chịu đặt cái bộ phận chẳng quý báu gì của tôi trên món tóc quý ấy. Vẫn do cái tài khéo vặt của tôi, tôi còn lấy tóc đan một cái ví tiền rất xinh, dài độ năm foot, có thêu tên hoàng hậu, bằng chữ vàng, được sự đồng ý của hoàng hậu, tôi tặng cái túi ấy cô Glumdalclitch, nhưng cái ví chỉ đẹp chứ không dùng được việc, bởi vì nó không đựng được những đồng tiền quá nặng, thành thử cô bé chỉ dùng đựng mấy cái đồ chơi và lấy làm sung sướng lắm.

Vua thích âm nhạc, ngài thường tổ chức những buổi hòa nhạc trong triều đình, thỉnh thoảng tôi được mời đến nghe. Người ta để tôi trong hộp đặt lên bàn cho tôi nghe. Nhưng âm thanh ở đây to quá, tôi chỉ thấy inh tai nên không phân biệt được điệu nhạc. Tôi tin chắc rằng dù tất cả đội trống kèn của quân nhạc hoàng gia Anh có khua ran bên tai bạn cũng không ầm ỹ như vậy. Bởi vậy, tôi bảo họ mang cái hộp ra rõ xa, là tôi đóng kín các cửa lại, buông rèm xuống, đến lúc ấy tôi mới thưởng thức được cái hay của các bản nhạc. Thuở nhỏ, tôi được học đánh đàn spinet. Cô Glumdalclitch có một cái đàn spinet, mỗi tuần thầy giáo đến dạy cô hai lần. Cái đàn này tôi gọi là đàn spinet bởi vì hình dáng và cách chơi na ná giống như đàn spinet của chúng ta. Có một lần tôi chợt nghĩ là phải đánh một điệu nhạc Anh cho vua và hoàng hậu nghe, nhưng thật là khó, bởi vì chiếc đàn này dài tới sáu mươi foot, mỗi phím đàn gần một foot, thành thử tôi không thể bấm quá năm phím. Muốn đàn kêu lên tiếng, tôi phải đấm thật mạnh, vừa tốn sức vừa chẳng kết quả gì lắm. Tôi liền nghĩ ra một

cách thế này, tôi làm hai cái gậy, một đầu to, một đầu nhỏ, tôi lấy da chuột quấn ở đầu to để khỏi hỏng phím đàn và khỏi giảm âm thanh. Người ta đặt trước đàn một cái ghế dài, thấp hơn mặt bàn bốn foot. Tôi đứng trên ghế, chạy từ đầu nọ đến đầu kia, đi đi lại lại rõ nhanh, lấy hai gậy nện thất lực vào phím đàn, thế là tôi chơi được một bản nhạc Anh làm cho vua và hoàng hậu rất thú vị. Còn tôi thì mệt bở hơi tai. Tuy vậy, tôi cũng chỉ chơi có mười sáu phím, và chẳng như các nhạc sĩ thực thụ, tôi không vừa ca vừa đánh đàn được, như thế chiến công bị hạn chế quá nhiều.

Như tôi đã nói, đức vua là một người hiểu biết, ngài thường ra lệnh mang hộp của tôi vào phòng làm việc. Ngài bảo tôi chui ra khỏi hộp, tôi mang theo một cái ghế rồi ngồi xuống, ngang tầm mặt ngài. Như thế, nhiều lần tôi đã nói chuyện với ngài. Một hôm, tôi mạnh dạn bảo ngài rằng thái độ khinh khỉnh của ngài đối với châu Âu và các nước khác trên thế giới không phù hợp với những phẩm chất cao quý của ngài. Tôi nghĩ sự hiểu biết của con người không theo tỷ lệ của tầm vóc, ngược lại, ở nước chúng tôi, những người to lớn nhất thường là những người ít thông minh nhất, và trong các loài vật, con ong cái kiến lại nổi tiếng là những con vật chăm chỉ, khéo léo và tinh nhanh hơn nhiều loài to hơn nó. Cuối cùng tuy tôi nhỏ bé, nhưng tôi hy vọng có thể sống lâu để giúp nhà vua một công việc gì ra trò. Nhà vua chăm chú nghe, và từ đấy, có ý nghĩ tốt hơn về tôi. Ngài bảo tôi tường trình thật chính xác cho ngài biết việc cai trị ở nước tôi, bởi vì, tuy các ông vua thường tha thiết với phong tục tập quán của nước mình (ngài có nhận xét này dựa theo những câu chuyện tôi đã kể với ngài trước đây), nhưng ngài sẽ sung sướng được biết bất cứ điều gì có thể học hỏi được.

Bạn đọc thân mến, bạn đọc thử tưởng tượng bấy giờ tôi ao ước đến mức nào được có tài hùng biện của Demosthenes[1] hay Cicero[2], để ca ngợi Tổ quốc thân yêu bằng nhưng lời văn xứng đáng với những kỳ tích và sự vĩ đại của nó. Mở đầu câu chuyện, tôi kể với nhà vua rằng nước chúng tôi gồm có hai hòn đảo, có ba quốc gia dưới sự cai trị của một nhà vua, đó là chưa kể những thuộc địa ở châu Mỹ. Tôi nói kỹ về đất đai phì nhiêu và khí hậu dịu mát ở nước chúng tôi. Rồi tôi nói về tổ chức quốc hội Anh, về Thượng nghị viện, về dòng dõi quý tộc, đại diện cho những gia đình có truyền thống lâu đời nhất. Tôi kể rằng người ta rất chú ý đến việc giáo dục họ về phương diện khoa học và quân sự, để họ có thể trở thành những cố vấn sáng suốt cho nhà vua và quốc gia, có thể tham gia quyền lập pháp, có thể trở thành ủy viên của những tòa án cao cấp nhất, những tòa thượng thẩm, những người lúc nào cũng sẵn sàng đứng ra bảo vệ nhà vua và Tổ quốc vì họ là những người có phẩm chất đức hạnh và trung thành... Tôi còn nói với nhà vua về Hạ nghị viện, tất cả Hạ nghị sĩ đều là những người thuộc xã hội thượng lưu, do nhân dân tự do bầu cử và lựa chọn. Họ là những người có khả năng và lòng yêu nước, họ tiêu biểu cho trí tuệ của nhân dân. Hai viện ấy hợp thành quốc hội uy nghiêm nhất châu Âu, cùng với nhà vua nắm quền lập pháp. Sau đó tôi nói đến những tòa án. Các vị chánh án là những người thi hành luật pháp một cách tài giỏi, họ là người bảo vệ những quyền bị xâm phạm, là kẻ thù của thói hư tật xấu và là người bênh vực những kẻ vô tội... Trước hết, Ngài hỏi tôi những cách thức thông thường để rèn luyện trí tuệ của lớp quý tộc trẻ những biện pháp phải có khi một gia đình quý tộc bị đoạn tuyệt, điều này vẫn đôi khi xảy ra, những đức tính gì là cần thiết đối với những ai được nhậm chức Thượng nghị sĩ mới, có bao giờ nguyên nhân của những sự đề bạt ấy là do tính khí thất thường hoặc ý thích cá nhân của một ông hoàng, của nhà vua, hay do một món tiền đút lót cho một phu nhân nào đó trong triều, hay một sủng thần, hoặc do ý đồ tăng thêm vây cánh cho một đảng phái đối lập với quền lợi của công chúng, các thượng nghị sĩ phải am hiểu luật pháp nước mình đến trình độ nào đó và làm sao họ lại trở thành người có khả năng quết định tối hậu mọi quyền hành của đồng

bào họ, có phải bao giờ họ cũng không mắc phải thói biển lận và không có những thành kiến không, các vị giám mục thần thánh mà tôi đã nói đến có phải bao giờ cũng đạt tới chức vụ cao cả ấy bằng trình độ uyên bác của họ trong các vấn đề thần học và do cuộc sống cao cả có tính chất thần thánh của họ không. Ngài muốn biết khi còn là nhưng cha xứ bình thường, họ có bàn mưu lập kế gì không, họ có bao giờ làm giáo sĩ cho một vị đại thần. rồi nhờ đó mà leo lên chức giám mục, và nếu như vậy, họ có bao giờ phải nhắm mắt tuân theo những ý kiến của vị đại thần đó, và trong những buổi họp tại Nghị viện, họ có phục vụ nhưng đam mê và những thành kiến của vị ấy không.

Ngài muốn biết người ta làm thế nào để bầu ra những người mà tôi gọi là Hạ nghị sĩ, một người vô danh nhưng túi đầy vàng, liệu có thể đôi khi dùng tiền mua được nhiều phiếu bầu của cử tri hơn là những người có danh tiếng, có đức tính cao quý trong hàng quý tộc ở gần quanh đấy, tại sao người ta lại ham mê đến thế việc được bầu vào Nghị viện, vì mỗi lần ra ứng cử này là một lần phải tiêu rất tốn mà về sau lại không có ích gì hết, vậy những vị được bầu ấy phải là những con người hết sức vô tư và có đạo đức cao cả, hay họ hy vọng sẽ được nhà vua và các vị đại thần bồi thường, trả lại gấp bội, bằng cách họ hy sinh quyền lợi của công chúng cho các vị kể trên. Hoàng đế đưa ra cho tôi những câu hỏi hóc búa về vấn đề này, mà tính khôn ngoan dè dặt không cho phép tôi nhắc lại.

Về nhưng điều mà tôi đã trình bày với nhà vua là tòa án, Hoàng đế muốn tôi nói rõ về nhiều vấn đề. Tôi cũng am hiểu khá rõ vấn đề này để thỏa mãn ý muốn của Ngài, vì xưa kia tôi cũng đã gần khuynh gia bại sản vì một vụ kiện cáo lâu dài tại tòa án, vụ án này về sau tôi thắng kiện và được lĩnh cả án phí.

Hoàng đế hỏi tôi thường thường thì trong thời gian bao nhiêu lâu người ta có thể đưa một vụ kiện ra xét xử được, phát đơn kiện có phải tốn nhiều tiền không, các luật sư có quyền tự do bênh vực những người bị xử rõ ràng là bất công không, có bao giờ thấy những thế lực hoặc đạo giáo xen vào làm nghiêng lệch cán cân công lý không, các luật sư ấy có biết gì về những nguyên lý đầu tiên luật đại cương về lẽ công bằng không, hay họ không cần biết đến những đạo luật mà tùy tiện xét xử theo tập quan địa phương, và các quan tòa có quyền giải thích, hay họ bình luận luật pháp theo ý thích của họ, những nguyên đơn và việc bắt giữ có khi nào trái nghịch lại nhau trong cùng một loại không, các đoàn luật sư giàu hay nghèo, có luật sư có nhận tiền để bào chữa hoặc góp ý kiến không, sau hết là có khi nào họ được bầu vào Hạ nghị viện không?

Sau đó, Ngài thiết tha hỏi tôi về việc quản lý tài chính. Ngài bảo có lẽ tôi đã nhầm lẫn về vấn đề này vì như tôi đã nói, thuế nhà nước thu mỗi năm chỉ được năm hoặc sáu triệu, trong khi đó nhà nước chi tiêu thâm hụt rất nhiều.

Ngài nói, Ngài không thể tưởng tượng nổi một vương quốc lại dám tiêu xài quá số thu và ăn vào của cải của mình như một kẻ hoang phí như vậy. Ngài hỏi, vậy nước tôi đi vay của những ai, và về sau lấy đâu để trả nợ. Đối với chủ nợ, nhà nước tôi có còn giữ các qui luật về thiên nhiên, về lý trí và về lẽ công bằng không. Ngài rất ngạc nhiên với những chi tiết tôi đưa ra về các cuộc chiến tranh đã tiến hành ở nước tôi cùng những chi phí cực kỳ quá mức mà chiến tranh đòi hỏi. Ngài nói chắc chắn các anh phải là một dân tộc hay gây gổ, quá lo lắng, hoặc các anh có những nước láng giềng tồi. Ngài nói thêm, tướng tá ở nước các anh hẳn phải giàu hơn vua, các anh còn bới chuyện làm gì ở bên ngoài mấy hòn đảo của các anh? Hẳn ở đây các anh phải còn có những công việc khác để làm ngoài việc buôn bán? Hẳn các anh đã nghĩ đến chuyện đi xâm chiếm đất nước người ta? Thế giữ vững các cảng và bờ biển nước Anh vẫn chưa đủ ư? Điều làm nhà vua hết sức ngạc nhiên là khi thấy nói nước chúng tôi vẫn duy trì một đạo quân lớn ngay trong thời bình và ở giữa lòng một dân tộc tự do.

Ngài nói, nếu chính quyền của chúng tôi thực sự do dân bầu ra, thì Ngài không thể tưởng, tượng được là chúng tôi còn sợ ai, còn phải đánh đấm ai. Ngài hỏi, nhà của một người nếu được chính anh ta cùng lũ con và gia nhân đày tớ bảo vệ, còn hơn là để một lũ côn đồ, kẻ cắp vơ bừa bãi từ đám cặn bã dân chúng làm việc ấy, với số tiền lương ít ỏi, mà chúng có thể kiếm gấp trăm lần hơn, bằng cách đi bóp cổ người khác.

Ngài cười ngặt nghẽo về môn số học kỳ lạ của tôi (Ngài vẫn gọi đùa như vậy) khi tôi ước tính dân số nước tôi bằng cách tính các môn phái trong nước, về đạo giáo và và chính trị.

Ngài không thể hiểu nổi làm sao người ta lại có thể ngăn cấm không cho có những ý kiến trái với nền an ninh quốc gia, cũng như làm sao lại có thể nói toạc ra nhưng ý kiến ấy. Cấm đoán là một hành động độc đoán, còn để cho nói là một biểu hiện yếu đuối. Vì nếu ngăn cấm một người không được chứa chất độc trong nhà thì người ta phải cấm không cho họ làm ra nó.

Ngài còn để ý đến việc đánh bạc mà tôi đã nêu ra trong số các trò chơi giải trí của lớp người quý tộc ở nước tôi. Ngài muốn biết thường thường ở tuổi nào thì người hay đánh bạc và bao giờ thì người ta thôi không đánh nữa, người ta thường mất bao nhiêu thời gian về trò chơi này, có khi nào khiến người chơi khuynh gia bại sản không và khiến họ phải có những hành động hèn hạ đáng xấu hổ không, có chuyện những kẻ hèn hạ hư hỏng đôi khi do mánh khóe tinh xảo trong nghề này lại kiếm được những món tiền khổng lồ, khiến chúng có thể xỏ mũi được ngay cả những vị Thượng nghị sĩ, bắt họ phải phụ thuộc vào chúng, khiến họ không còn nghĩ gì đến chuyện trau dồi trí tuệ cho mình, không còn chú tâm gì đến công việc gia đình và buộc họ do thua bạc quá nhiều, phải đi đến chỗ có thể cũng học tập chính ngay những mánh khóe nhơ nhuốc, đã khiến họ khuynh gia bại sản.

Phải mất năm buổi gặp gỡ, mỗi buổi kéo dài nhiều giờ, câu chuyện mới chấm dứt. Nhà vua theo dõi rất chăm chú, ghi chép luôn tay và chuẩn bị một loạt câu hỏi để tôi trả lời... Ngài hết sức ngạc nhiên khi tôi kể những sự kiện xảy ra trong thế kỷ trước ở châu Âu. Theo ngài, những trang lịch sử đó chỉ là một loạt những vụ âm mưu, nổi loạn, giết người, tàn sát, khởi nghĩa, trục xuất, nó là kết quả tệ hại của lòng tham, của óc bè phái, đạo đức giả, lừa lọc, tàn ác, điên rồ, thù hằn, thèm khát, xa hoa thiếu thật thà và tham vọng sinh ra.

Trong một buổi hội kiến khác, nhà vua đã chịu khó ghi chép tất cả những điều tôi nói với ngài, rồi cầm lấy tôi trong tay, ngài vừa khẽ vỗ vỗ vào tôi vừa nói những lời tôi không sao quên được: "Anh bạn bé nhỏ Grildrig ạ, bạn đã ca ngợi Tổ quốc bạn một cách tuyệt diệu. Bạn chứng minh rõ ràng rằng, những người làm ra pháp luật là những người dốt nát, ăn không ngồi rồi và hư hỏng, rằng luật pháp được giải thích, thi hành chủ yếu bởi những người vì quyền lợi riêng mà xuyên tạc, giày xéo hay né tránh. Tôi nhận xét thấy một vài nguyên tắc, về nguồn gốc, có thể chấp nhận được, song đã bị sự tham nhũng gạt bỏ một nửa và hoàn toàn bị bóp méo. Qua những điều bạn nói, người ta không hề thấy rằng, muốn có một chức vị nào đó, người ta phải có năng lực, càng không phải người ta được phong tước này, tước khác là do đức hạnh, hay các vị quan tòa được cất nhắc là do thanh liêm, hay người được bầu làm nghị sĩ là do lòng yêu nước. Còn bạn, bạn đã dành phần lớn cuộc đời cho những cuộc du lịch, tôi nghĩ rằng, cho đến nay, bạn đã không bị tiêm nhiễm nhiều thói hư tật xấu của nước bạn. Nhưng, theo những điều bạn nói và những câu ta buộc bạn phải trả lời những điều ta không tin mà hỏi lại, thì ta có thể kết luận rằng, đồng bào của bạn là loài sâu bọ đáng nguyền rủa nhất mà tự nhiên đã để nó ngọ nguậy trên quả đất này".

Chú thích [1] Nhà hùng biện Hy lạp cổ đại (322 - 384 trước công nguyên), nổi tiếng về tài hùng biện và về nghị lực tự rèn luyện của

ông (N. D.)

[2] Nhà hùng biện lỗi lạc nhất của thời kỳ La Mã cổ đại (thế kỷ thứ hai trước công nguyên). (N. D.)

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift
www.dtv-ebook.com

Chương 7

hỉ vì vô cùng tha thiết với sự thật, tôi mới không thể bỏ qua được phần này của câu chuyện. Hễ tôi tỏ ý bất bình là tôi bị chế giễu ngay tức khắc, thế là tôi cứ phải lẳng lặng mà nghe, trong khi Tổ quốc tôi bị sỉ nhục đủ điều. Vệc xảy ra như vậy khiến tôi não lòng não ruột như bất cứ bạn đọc nào khác. Nhưng vì nhà vua thích hiểu sâu sắc đến tận chân tơ kẽ tóc nên tôi không thế nào từ chối được, bởi chúng tôi bị ràng buộc bằng những ân huệ ngài đã ban cho tôi và nhưng quy định sơ đẳng về phép lễ độ. Thế nhưng, để tự biện bạch, tôi có thể nói rằng, tôi đã tránh né vô khối nhưng câu hỏi mà vua đặt ra, và tôi đã liệu bề giải đáp thế nào cho thuận lợi hơn là sự thật cho phép, bởi vì lúc nào tôi cũng đứng về phía Tổ quốc tôi mà giãi bầy. Tôi che giấu những điểm yếu, những điều phi lý và làm nổi bật những đức hạnh và vẻ đẹp của đất nước tôi. Trong biết bao nhiêu cuộc đàm luận, tôi đã cố gắng hết sức làm như vậy nhưng cuối cùng chẳng có kết quả gì.

Nhưng dù sao cũng phải đánh giá một cách rộng lượng một ông vua vốn sống cách biệt hẳn với thế giới bên ngoài, và do đó không hiểu những phong tục, tập quán của các nước khác. Vì không hiểu biết như vậy nên sinh ra nhiều thành kiến và suy nghĩ hẹp hòi, tất nhiên không thấy có ở các nước châu Âu văn minh hơn. Và sự thật, không thể lấy quan niệm, những ý kiến của một ông vua sống biệt lập như vậy để làm mẫu mực cho đức hạnh của toàn thể nhân loại.

Để dẫn chứng điều này và để chứng tỏ kết quả tai hại của sự giáo dục thiển cận như thế, tôi xin kể tỉ các bạn một câu chuyện khó có thể tin được là thật. Với hy vọng được vua đánh giá đúng mức, tôi kể với ngài một phát minh của chúng ta cách đây ba, bốn trăm năm. Đó là sự phát minh thứ bột kỳ diệu, chỉ cần một tia lửa nhỏ là đống bột, dù to bằng cả trái núi, tức khắc nổ tung, gây nên tiếng nổ và sức phá hoại hơn sét đánh. Chỉ cần một ít bột ấy nhét vào các ống đồng hay ống sắt là đủ lao đi một viên đạn sắt hay đạn chì với một sức mạnh và một tốc độ không sức gì cản nổi. Những viên đạn lớn bắn đi như thế không những có thể quét sạch một đạo quân mà còn có thể phá vỡ những thành trì vững chãi nhất, đánh đắm những tàu thủy chứa hàng nghìn người, và nếu người ta buộc những viên đạn ấy thành một chuỗi thì buồm, cột buồm và hàng trăm người có thể bị cắt đôi ra cả một vùng bị tàn phá tan hoang. Thường thường, chúng tôi còn nhồi thứ bột ấy vào những thùng rỗng, hình cầu rồi dùng máy móc lao vao những thanh phố bị vây hãm, thế là nhà cửa nổ tung tất cả mọi người trong vùng chết tươi. Tôi nói: "Tôi biết cách chế thứ bột ấy giá rẻ lắm, và tôi cũng biết cách hướng dẫn thợ làm các thứ ống nhồi thuốc ấy. Tất nhiên, mọi thứ sẽ làm theo kích thước tương đối với mọi vật khác ở xứ sở này, ống to nhất không cần dài một trăm foot. Chỉ cần hai mươi hoặc ba mươi ống là đủ phá tan tành những bức tường thành của một thành phố vững chãi của nước ngài, trong mấy tiếng đồng hồ, hoặc, nếu cần, thì nó có thể phá hủy được cả thủ đô của ngài". Sau cùng tôi thưa với hoàng thượng rằng, để tỏ lòng biết

ơn của tôi đối với sự chăm sóc, ưu đãi và che chở của nhà vua mà tôi được hưởng. Tôi sẽ tặng vua phát minh ấy.

Vua khiếp đảm khi nghe lời tôi miêu tả những máy móc ấy và lời đề nghị của tôi. Ngài tự hỏi lại sao một con sâu bọ oắt con và hèn kém như thế (do chính là những từ ngài dùng) lại có thể nghĩ ra được một thứ khủng khiếp và lại kể một cách bình thản như thế, hình như không xúc động tí gì trước những cảnh tàn sát và hủy hoại mà nó miêu tả. Chắc chắn kẻ đã sáng chế ra thứ máy đó phải là một hung thần, là kẻ thù của nhân loại. Còn về riêng ngài, mặc dù ngài rất khao khát các việc phát minh, nhưng thà mất hẳn một nửa nước còn hơn là biết sự bí mật kia. Ngài bảo tôi, nếu tôi còn tha thiết với cuộc sống, thì từ nay không được nói đến cái thứ phát minh ấy nữa.

Quả là những nguyên tắc hẹp hòi và thiển cận Một ông vua có đầy đủ đức hạnh khiến cho mọi người kính phục, yêu mến, vốn thông minh tính trời, lại khôn ngoan, hiểu biết sâu sắc, có tài năng, lại được thần dân kính yêu, mà, chỉ vì một chút băn khoăn quá mức mà người châu Âu chúng ta không bao giờ nghĩ đến, có thể bác bỏ điều khiến ông ta có thể trở thành chủ nhân tuyệt đối của cuộc đời, của tự do, và có thể chiếm lĩnh toàn bộ của cải của thần dân mình! Tôi không hề có ý định làm giảm uy danh của ông vua tuyệt vời ấy, nhưng tôi e ngại bạn đọc người Anh có thể bớt kính phục ngài sau sự việc này. Tôi nghĩ rằng khuyết điểm này là do sự dốt nát mà ra. Ở xứ sở này, người ta chưa coi chính trị là khoa học, như những bộ óc thông minh nhất ở châu Âu thường nghĩ. Tôi nhớ một hôm, tôi thưa với ngài rằng, ở châu Âu có hàng nghìn quyển sách nói về nghệ thuật trị nước, thì ngài kết luận ngay (trái hẳn với điều tôi suy nghĩ) rằng chúng ta hẳn là những kẻ kém thông minh. Ngài khinh bỉ và coi rẻ tất cả mọi thứ bí mật, khôn khéo, mưu mô xảo quyệt của bất cứ ông vua hay vị tổng trưởng nào. Ngài không sao hiểu nổi thế nào là "bí mật quốc gia" nếu không phải là ám chỉ một kẻ thù hoặc một nước thù địch nào. Ngài khăng khăng cho rằng khoa học trị nước chỉ bao gồm lương tri, sự độ ượng và sự quyết định mau chóng trong những việc dân sự và hình sự. Ngài cho rằng bất cứ ai trồng được hai bông lúa hay hai ngọn cỏ ở nơi mà trước đây chỉ trồng được một, đều có ích cho loài người ta cho Tổ quốc hơn tất cả những người làm chính trị cộng lại.

Sự hiểu biết khoa học của dân xứ này quả là ít ỏi, nhưng phải công nhận rằng họ rất giỏi về các môn lý luận học, sử học, thơ ca và toán học. Môn toán học duy nhất là toán học thực hành nhằm để phục vụ nông nghiệp và các công nghệ cơ khí, còn ở châu Âu chúng ta, chắc bộ môn ấy không được đánh giá cao. Còn về các vấn đề tư tưởng, thực thể, siêu hình học, họ không có một khái niệm gì.

Không một đạo luật nào của xứ sở này được dài quá số chữ cái trong bảng vần chữ cái của họ, mà bảng vần chỉ bao gồm hai mươi hai chữ. Sự thật các đạo luật đều ghi ngắn gọn dưới con số hai mươi hai, giản dị và sáng sủa, thành thử không một người nào có thể giải thích theo nhiều nghĩa. Vả lại, ở đây bình luận một đạo luật là một trọng tội.

Cũng như người Trung Quốc, từ lâu lắm, họ biết nghề in, nhưng các thư viện không to lắm. Thư viện của nhà vua, được công nhận là thư viện to nhất quốc gia, cũng không có quá một nghìn cuốn sách, xếp trong một hành lang dài một nghìn hai năm foot. Tất cả các sách của thư viện, tôi được sử dụng hết. Bác thợ mộc của hoàng hậu đóng cho cô Glumdalclitch một cái bục bằng gỗ cao hai mươi nhăm foot, có nhiều bậc, mỗi bậc rộng năm mươi foot cái bục ấy có thể mang đi mang lại được, vì đặt cách xa tường chừng mười foot. Quyển sách tôi đọc đặt tựa vào tường. Thoạt tiên, tôi trèo lên chỏm cái bục, quay mặt vào cuốn sách. Tôi bắt đầu đọc những dòng trên cùng, đi từ phải sang trái chừng tám hay mười bước, tùy theo bề dài của dòng chữ, cho đến khi dòng chữ thấp quá, không đọc được nữa thì tôi xuống một bậc, cứ thế cho đến hết trang, rồi tôi lại trèo lên để đọc trang sau. Tôi phải dùng hai tay để giở sách. Điều này chẳng khó khăn gì, bởi vì

mỗi tờ giấy dày và cứng bằng bìa carton của chúng ta. Nhưng quyển sách cỡ to nhất bề dài không quá mười tám hay hai mươi foot.

Văn phong của họ rõ ràng, mạnh mẽ và giản dị, không một chút bay bướm vì người ta hết sức tránh dùng những từ không cần thiết và những cách đặt câu cầu kỳ. Tôi chăm chú đọc nhiều sách của họ, đặc biệt là những loại sách sử học và luân lý học. Tôi rất thích một cuốn sách nhỏ đã cũ, lúc nào cũng để trong phòng ngủ của cô Glumdalclitch. Cuốn sách này là của bà bảo mẫu, một người có vẻ đăm chiêu và trang nghiêm, luôn luôn chú ý đến vấn đề luân lý và sự sùng đạo. Quyển sách bàn về sự yếu đuối của loài người, nó không được mọi người chú ý lắm, trừ phụ nữ và đám dân chúng. Dù sao tôi cũng muốn biết một nhà văn của xứ sở này suy nghĩ về vấn đề đó ra sao. Tác giả cũng chỉ nói những điều ấy rất chung chung như những nhà luân lý học ở châu Âu. Ông ta chứng minh rằng, về bản chất: con người là một sinh vật nhỏ bé, bất lực, không thể chống chọi được với những hiện tượng tự nhiên cũng như với sự hung bạo của thú dữ, và chẳng thể đọ sức được với con vật này hay con vật khác về các mặt sức khỏe, nhanh nhẹn, về sự lo xa hay sáng kiến. Ông nói thêm rằng, từ mấy thế kỷ nay tự nhiên đã thoái hóa dần, và hiện nay, nó chỉ sinh ra những quái thai so với thời xửa thời xưa. Ông ta nghĩ rằng, loài người lúc mới sinh ra không những to lớn hơn ngày nay mà còn có những người khổng lồ nữa. Ông nói điều này không chỉ được chứng minh bằng lịch sử và truyền thống, mà còn bằng những bộ xương và sọ người ngẫu nhiên tìm thấy ở nhiều nơi trong nước, nó to lớn hơn nhiều so với loài người cằn cỗi hiện nay. Ông ta khẳng định rằng quy luật của tự nhiên đòi hỏi lúc mới sinh thành loài người rất to lớn và khỏe mạnh, chẳng đến nỗi phải bỏ xác vì một hòn ngói rơi từ trên mái nhà xuống hoặc vì một hòn đá do trẻ con ném, hoặc vì trượt chân ngã xuống suối. Từ những lý luận như vậy, tác giả rút ra những nguyên lý bổ ích cho cách xử thế trong cuộc đời, nói ra đây cũng chẳng ích gì. Về phần tôi, tôi không thể không nhận định rằng cách thuyết giáo luân lý kiểu ấy, cách than oán tự nhiên và thổi phồng khuyết điểm của loài người ấy hiện nay rất phổ biến. Và tôi nghĩ, nếu xem xét một cách nghiêm túc thì những lời than oán ấy chẳng có cơ sở ở châu Âu chúng ta cũng như ở nước những người khổng lồ này.

Lực lượng quân sự của họ gồm một trăm mười sáu nghìn bộ binh và ba mươi hai nghìn kỵ binh. Tuy nhiên, nếu đấy cũng có thể gọi là quân đội khi lính chỉ gồm những nhà buôn, nông dân, và các chỉ huy là nhưng vị đại thần, các nhà quý tộc, những người này không lĩnh một đồng lương hoặc một chút tiền thưởng nào. Sự thực, việc luyện tập của họ rất chu đáo, họ có một kỷ luật rất nghiêm, và điều này cũng không có gì đáng ngạc nhiên, vì chỉ huy của mỗi người nông dân lại chính là lãnh chúa của anh ta, của mỗi thị dân là các vị chức sắc trong thành phố, những người đã được bầu ra theo lối bầu phiếu như ở thành Venice.

Tôi thường thấy lính vệ binh ở Lorbrulgrud tập ở một quảng trường gần thủ đô. Tất cả có không quá hai mươi nghìn lính bộ và sáu nghìn kỵ sĩ nhưng họ tập trên một vùng quá rộng nên tôi không thể đếm chính xác con số được. Một kỵ sĩ cưỡi trên lưng ngựa cao tới chín mươi foot. Một tiếng hô, tất cả đội quân đồng loạt rút gươm ra khỏi vỏ, cảnh tượng nom thực oai hùng. Tưởng chừng hàng vạn tia chớp cùng lóe lên một lúc trên. Tôi tò mò muốn biết, tại sao đất nước này hiểm trở biết bao, vậy nhà vua còn dạy dân luyện tập kỷ luật quân sự làm gì, nhưng chỉ ít lâu sau, qua những buổi nói chuyện với nhiều người về vấn đề này, hoặc đọc lịch sử của họ, tôi đã hiểu rõ vấn đề. Chả là suốt trong nhiều thế kỷ, người dân ở đây đã mắc phải một chứng bệnh mà con người ai cũng không thoát được, là các nhà quý tộc thì đánh nhau để tranh giành quyền hành, dân chúng thì đấu tranh để đòi tự do và nhà vua thì gây chiến để độc tài thống trị.

Căn bệnh đó tuy đã được luật pháp của đất nước ngăn chặn rất thông minh, nhưng đôi khi những luật pháp ấy vẫn bị một trong ba

loại người trên vi phạm, do đó đã nổ ra những cuộc nội chiến, và cuộc nội chiến cuối cùng đã may mắn được ông nội nhà vua hiện nay chấm dứt. Đức vua này đã dàn xếp để ai cũng được thỏa mãn, nhưng đội vệ binh vì đã được mọi người nhất trí tổ chức nên, do đó nó vẫn cứ tồn tại từ ngày đó, và tuân theo một kỷ luật rất nghiêm.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 8

ôi vẫn có linh cảm một ngày kia tôi sẽ được trở lại tự do, tuy tôi không thể biết bằng cách nào, mà cũng không thể vạch ra một kế hoạch bỏ trốn mang lại hiệu quả. Con tàu đưa tôi đến đây là con tàu đầu tiên cập bờ biển xứ này. Vua ban xuống những lệnh nghiêm ngặt bắt mọi người, nếu thấy xuất hiện chiếc tàu thứ hai thì phải kéo lên cạn và dùng xe bò đưa cả tàu lẫn toàn bộ thủy thủ và hành khách về Lorbrulgrud. Vua rất mong tìm được cho tôi một người vợ cùng tầm thước với tôi để truyền giống, nhưng thà chết còn hơn, chứ tôi không chịu để lại một hậu thế bị nhốt trong hộp như chim bạch yến trong lồng, hoặc để người ta đem bán khắp nơi cho những nhà quý tộc làm của lạ. Nói thật, tôi được đối đãi hết sức tử tế, tôi được một ông vua và một bà hoàng hậu yêu mến, cả triều đình chiều chuộng, nhưng chẳng xứng đáng với phẩm cách của loài người tí nào. Tôi không thể quên vợ con tôi ở nhà. Vả lại, tôi muốn sống ở một nơi tôi được bình đẳng với mọi người, nơi tôi có thể được đi chơi phố hay về nông thôn mà không sợ bị giẫm chết như một con nhái hay con chó con. Tôi đã được thấy tự do sớm hơn tôi mong mỏi - một sự việc rất lạ lùng. Để tôi kể các bạn nghe thật chính xác, với những chi tiết đầy đủ.

Tôi ở xứ này đã được hai năm, năm thứ ba bắt đầu Cô Glumdalclitch với tôi tham gia đoàn tùy tùng đi theo nhà vua và hoàng hậu trong một cuộc hành trình về bờ biển phía nam. Như thường lệ tôi ở trong một cái hộp du lịch rất đầy đủ tiện nghi, mỗi bề mười hai foot. Chiều theo ý tôi, người ta mắc cho tôi cái võng bằng bốn sợi dây lụa mắc lên bốn góc phòng cho đỡ lắc trong khi một gia nhân đèo tôi đi ngựa. Trên mái nhà, phía trên cái võng, bác thợ mộc đục cho tôi một cái lỗ vuông mỗi bề một foot cho thoáng gió khi trời oi bức. Tôi có thể mở hay đóng cái lỗ ấy bằng một tấm ván.

Đến gần bờ biển, vua dừng lại nghỉ trong một biệt thự gần Flanflasnic, đây là một thành phố cách biển mười tám dặm Anh. Cô Glumdalclitch và tôi rất mệt, tôi bị cảm còn cô Glumdalclitch thì ốm quá không dậy được. Tôi khao khát được xem biển vì đây là con đường thoát duy nhất của tôi. Tôi vờ ốm nặng nên được phép đi cùng anh gia nhân ra biển thở không khí trong lành. Anh ta vẫn thường được giao chăm nom tôi và là người mà tôi rất mến. Tôi không bao giờ quên vẻ mặt không bằng lòng của cô Glumdalclitch lúc cho phép tôi đi biển và những lời cô dặn dò anh gia nhân. Cô vừa nói vừa khóc như linh cảm việc gì sẽ xảy ra. Cậu người hầu mang tôi trong cái hộp ra những mỏm đá nơi bờ biển, cách dinh thự nửa tiếng đồng hồ đi bộ. Tôi bảo cậu đặt tôi xuống đất, tôi mở cửa sổ, bâng khuâng nhìn biển cả. Tôi thấy mỏi mệt và bảo cậu bé tôi muốn nằm võng ngủ một giấc. Tôi lên võng nằm và cậu ta đóng cửa sổ lại cho tôi đỡ lạnh. Một lúc sau tôi ngủ thiếp đi, và đây là những việc đã xảy ra, theo trí tưởng tượng của tôi. Trong lúc tôi ngủ, cậu bé đoán chừng không có nguy hiểm gì, liền bỏ đi kiếm trứng chim trong khe đá. Lúc trước, qua cửa sổ, tôi thấy cậu ta nhặt vài quả trong một hốc đá. Mặc dù việc xảy ra thế nào tôi cũng không biết rõ, chỉ biết bỗng tôi thấy bị lắc rất mạnh một cái, tôi bừng tỉnh dậy, tôi cảm thấy cái hộp đang bị nhấc bổng

lên, bay rất cao lên trời với một tốc độ ghê gớm. Cái lắc đầu tiên có thể hất tôi ngã xuống sàn nhà, nhưng sau đó êm dần. Tôi lấy hết sức bình sinh gọi thét lên nhưng vô hiệu. Nhìn qua cửa sổ chỉ thấy trời và mây. Trên đầu tôi, tôi nghe thấy tiếng sột soạt giống như tiếng cánh chim đập. Lúc ấy tôi mới hiểu cái hoàn cảnh bi đát của tôi, tôi nghĩ chắc hẳn một con chim ưng lấy mỏ cắp lấy cái vòng trên nắp hộp, với ý định để hộp rơi xuống đá cho vỡ, như thể nó vẫn ăn thịt rùa theo cách ấy, nó sẽ lôi tôi ra để ngấu nghiến. Chim ưng vốn mắt rất tinh và mũi rất thính, nên từ xa nó đã phát hiện ra mồi, dù mồi có giấu kín hơn tôi dưới những tấm ván dày hai inch.

Tôi thấy tiếng cánh đập rít lên ngày càng nhanh. Chiếc hộp đảo lộn, bay phần phật như lá cờ lệnh gặp một ngày lộng gió. Tôi nghe thấy mấy tiếng mổ rõ mạnh vào con chim ưng (bởi vì một loài chim khác không thể cắp cái hộp của tôi như thế được). Thế rồi hụt một cái, tôi thấy tôi đang rơi thẳng từ trên trời xuống, đến mấy phút, với tốc độ kinh khủng làm tôi suýt tắc thở. Bỗng cái hộp dừng lại, chung quanh tôi, nước bắn tung tóe ầm ĩ như tiếng thác đổ - mạnh hơn cả tiếng thác Niagara. Rồi chung quanh tối sầm lại đến một phút, cái hộp bị hất lên cao lại có ánh sáng chiếu phía trên cửa sổ. Cái hộp, vì có sức ấn của tôi, của đồ đạc và những miếng sắt đóng ghép vào ván cho chắc ở các góc nên nó chìm sâu xuống nước khoảng năm foot Lúc ấy, tôi nghĩ - và bây giờ tôi vẫn nghĩ như vậy - con chim ưng tha hộp của tôi bị hai, ba con chim ưng khác đuổi theo và bắt buộc phải nhả cái hộp ra để đánh trả lại những con chim định cướp mồi của nó. Những miếng sắt đóng ở các góc bên dưới dày hơn nên giữ được cái hộp ở thế thăng bằng lúc nó rơi và khỏi bị vỡ toang khi đập xuống mặt biển. Mọi chỗ ghép hộp đều đóng rất chắc, cửa không có bản lề mà đẩy đi đẩy lại trên rãnh nên phòng rất kín, chỉ có một tí ti nước rỉ vào. Tôi đánh liều mở cái nắp con trên trần nhà ra để thở vì suýt ngạt, rồi nhảy xuống sàn.

Lúc ấy, tôi ước ao cô Glumdalclitch thân yêu ở bên cạnh, tôi mới xa cô chưa đầy một tiếng đồng hồ mà nên nỗi này! Tôi có thể thật thà nói rằng trong lúc gian nguy ấy tôi không thể không thương hại cô bé, tôi nghĩ đến nỗi lo buồn của cô, đến sự bực mình của hoàng hậu, có lẽ cô sẽ bị ghét bỏ. Tôi tin chắc rất ít khách du lịch gặp hoàn cảnh thê thảm như tôi hiện nay. Từng giây, từng phút tôi chờ đợi trong lo âu về cái hộp sẽ bị vỡ tan ra từng mảnh, hay ít nhất cũng bị cơn gió mạnh lật úp hoặc một đợt sóng nhấn chìm, và chỉ một khung kính vỡ là đủ làm tôi chết thẳng cẳng. Cũng may, để đề phòng mọi tai nạn trong các cuộc hành trình, người ta đã đóng bên ngoài cửa kính những tấm lưới sắt. Tôi thấy nước rỉ vào qua nhiều khe hở, tôi ra sức bít lại tất cả. Tôi không đủ sức nhấc cái mái hộp lên để leo lên ngồi trên nóc và kéo dài sự sống thêm mấy giờ hơn là ngồi tù trong hầm tàu như thế này (thôi thì cứ tạm gọi như vậy). Giả thử tôi có thoát được những cơn nguy hiểm này một, hai ngày, thử hỏi tôi còn hy vọng gì ngoài chết đói và chết khát? Suốt bốn tiếng đồng hồ tôi sống trong tình trạng ấy chờ chết, hay nói đúng hơn, mong chết ngay đi cho rồi.

Tôi đã kể với các bạn, ở một mặt hộp không có cửa sổ, chỉ có hai cái tai chắc chắn để gia nhân khi mang tôi xâu vào thắt lưng da buộc quanh mình. Giữa lúc tôi không còn hy vọng gì nữa, bỗng tôi nghe thấy - hay ít nhất, tưởng nghe thấy có tiếng cào cào bên ngoài hộp, chỗ hai tai sắt. Một lúc sau, hình như cái hộp bị kéo hay bị móc đi, bởi vì thỉnh thoảng sóng lại dâng lên, che lấp cửa sổ làm cho buồng tối om. Tôi hy vọng đôi chút, tuy tôi không thể tưởng tượng tôi sẽ được cứu sống bằng cách nào. Tôi đánh liều tháo đinh vít đóng ghế liền vào sàn, và tìm cách đóng ghế vào bên dưới tấm ván trần tôi vừa mở lúc nãy. Rồi tôi trèo lên ghế, vươn cổ lên, lấy hết sức kêu cứu bằng mọi thứ tiếng mà tôi biết, sau đó tôi buộc mùi soa vào một cái gậy không lúc nào tôi dời, chọc qua lỗ hổng, vẫy vẫy, để nếu có tàu nào qua gần đấy, thủy thủ biết có kẻ không may bị nhốt trong hộp.

Tôi làm như vậy chẳng có hiệu quả gì, nhưng tôi biết chắc chắn rằng, cái hộp của tôi đang bị kéo đi. Được một giờ hay hơn thế, hộp vấp phải cái gì về phía có hai tai sắt. Tôi sợ đó là một hòn đá, rồi tôi bị lắc mạnh hơn bao giờ hết. Tôi nghe rất rõ một tiếng động trên mái nhà, tôi nghĩ có lẽ một sợi dây cáp đang được xâu vào một cái vòng trên nóc. Tôi cảm thấy đang được nhấc cao lên dần, có lẽ đến ba foot. Tôi lại vẫy vẫy cái mùi soa buộc ở đầu gậy và thét tướng lên đến khản cả giọng. Tôi nghe một tiếng đáp, nhắc lại ba lần, khiến tôi sung sướng quá, không bút nào tả xiết. Bây giờ, tôi nghe thấy tiếng chân nện trên đầu, và có ai đó ghé vào lỗ hổng kêu lên bằng tiếng Anh: "Ai ở dưới ấy, nói đi!". Tôi trả lời, tôi là người Anh, bị số phận đen đủi đầy ải vào cảnh khổ nhục chưa từng ai ở trần gian này phải chịu, và tôi van nài, các ngài vì Chúa hãy cứu tôi thoát khỏi cái nhà tù này. Tiếng nói đáp lại rằng tôi đã được cứu sống, bởi vì cái hộp đã kéo vào đến tàu. Anh thợ mộc đến cưa một cái lỗ để tôi ra. Tôi bảo không cần làm như vậy mà chỉ cần ai đó cứ việc móc vào cái vòng trên nóc hộp và đưa vào buồng thuyền trưởng. Thấy tôi nói vậy, có người tưởng tôi điên những người khác phá lên cười. Sự thật, tôi chưa biết là mình đang sống giữa những người tầm vóc như tôi, sức khỏe như tôi. Anh thợ mộc đến và chỉ mấy phút, anh đã cưa được một cái lỗ mỗi bề chừng bốn foot anh đưa xuống một cái thang nhỏ. tôi leo lên và được đưa lên tàu, sức khỏe sút hẳn đi.

Thủy thủ đã hết sức ngạc nhiên, đặt nhiều câu hỏi, nhưng tôi không buồn trả lời. Về phần tôi, tôi ngạc nhiên thấy nhiều người tí hon đến thế, bởi vì, từ lâu nay đã quen nhìn những người khổng lồ, tôi tưởng thủy thủ là những người thuộc nước tí hon. Ông thuyền trưởng Thomas Wilcocks, một người trung thực, có phẩm hạnh, Ở vùng Shropshire, thấy tôi sắp xỉu đi, bèn dắt tôi vào phòng riêng, ông cho tôi uống một liều thuốc bổ, cho đặt tôi lên giường và bảo tôi cần phải nằm nghỉ. Trước khi ngủ, tôi bảo ông rằng ở trong hộp, tôi có nhiều đồ gỗ quý nên giữ lấy một cái võng to, một cái giường đẹp, mấy cái ghế, một cái bàn, một cái tủ, buồng tôi trải thảm, hay đúng hơn, trải một thứ nệm bằng lụa và vải bông. Tôi còn bảo ông nên cho một người mang cái hộp của tôi vào phòng ông để tôi mở cho ông xem các thứ bên trong. Nghe những lời kỳ lạ như thế, ông thuyền trưởng tưởng tôi mê. Tuy nhiên chắc là để tôi yên lòng, ông ta hứa sẽ làm những điều tôi căn dặn ông ra ngoài boong tàu, cho mấy người vào trong cái hộp mang đồ đạc và cái nệm bông ra. Tủ, ghế, giường hỏng cả, bởi vì mấy gã thủy thủ ngu dốt đã không tháo đinh vít ra, lấy sức mạnh mà giật. Họ tháo những tấm ván tốt nhất và chiếm vài ba thứ hay hay, còn lại họ vứt cả xuống biển. Cái hộp lỗ chỗ những lỗ thủng ở dưới đáy và ở khắp bốn mặt nên trôi tuột xuống đáy biển. Nói thật, tôi vui mừng vì không phải chứng kiến cái cảnh tàn phá ấy. Cái đó có thể gợi cho tôi những kỷ niệm mà tôi muốn quên đi.

Tôi ngủ được mấy giờ, một giấc ngủ đầy ác mộng. Tôi mơ thấy xứ sở tôi vừa thoát khỏi, thấy những cơn nguy hiểm tôi vừa trải qua. Nhưng lúc trở dậy, trong người thấy dễ chịu hơn nhiều. Khoảng tám giờ tối, thuyền trưởng bảo dọn cơm cho tôi ăn, ông ta tưởng tôi nhịn đói từ lâu lắm rồi. Ông ta tiếp tôi rất tử tế và nhận thấy tôi không có vẻ gì là mê sảng vì những lời tôi nói rất mạch lạc. Khi chỉ còn lại hai chúng tôi, ông bảo tôi kể cho ông nghe các cuộc du lịch của tôi và sự rủi ro nào đã dẫn tôi đến chỗ lênh đênh trên mặt biển như thế này. Ông nói, khoảng giữa trưa, qua ống nhòm, ông thấy cái hòm và tưởng là một con thuyền, ông cho lái tàu về phía ấy để mua bánh bích quy, vì tàu gần hết bánh. Đến gần mới biết là mình lầm, ông liền thả một chiếc xuồng xuống biển đi dò la. Thủy thủ quay trở lại hoảng hốt báo tin là có một căn nhà trôi dạt trên biển. Ông cười, cho là họ điên rồi đích thân ông xuống xuồng, ra lệnh cho thủy thủ đem theo dây cáp, lúc ấy biển lặng, họ bơi mấy vòng quanh cái hòm thấy có cửa sổ và hai lưới dây thép bên ngoài cửa. Thuyền trưởng trông thấy hai cái tai hòm liền cho buộc dây cáp vào đấy rồi kéo đến tàu. Một dây cáp thứ hai được xâu vào cái vòng trên mái nhà rồi người ta dùng

bánh xe nhấc bổng cái hòm lên cao chừng hai, ba foot. Họ thấy mùi soa buộc vào đầu một cái gậy và kết luận rằng chắc một kẻ xấu số nào đó bị nhốt bên trong. Tôi hỏi thuyền trưởng xem ông hoặc một người nào khác, lúc thoạt tiên thấy cái hòm có ai trông thấy con chim khổng lồ ở trên trời không. Ông đáp, trong khi tôi ngủ có đưa vấn đề này ra hỏi mọi người, và một thủy thủ nói có trông thấy ba con chim bay về hướng bắc nhưng là loài chim bình thường thôi, theo tôi nghĩ là vì chim bay rất cao nên từ xa anh ta nhìn thấy nó cũng bình thường như các con chim khác.

Tôi hỏi thuyền trưởng xem chúng tôi đang cách đất liền bao xa. Sau khi tính toán, ước lượng thì ông trả lời tàu của ông đang cách xa đất liền ít nhất cũng một trăm dặm. Tôi bảo ông đã tính sai gần một nửa, bởi vì từ khi tôi dời xứ sở người khổng lồ đến khi tôi rơi xuống biển, chưa đầy hai tiếng đồng hồ. Đến đây ông cho là tôi quẫn trí nên khuyên tôi đi nghỉ ở một buồng riêng dành cho khách. Tôi khăng khăng đáp rằng, nhờ bữa cơm ông vừa thết tôi và việc được hầu chuyện với ông đã làm cho tôi bình phục hoàn toàn, và trí óc tôi sáng suốt hơn bao giờ hết. Ông trở lại nghiêm nghị và hỏi tôi xem lương tâm tôi có bị cắn rứt vì tôi đã phạm vào một trọng tội gì không. Ông nghi tôi bị một ông vua nào đó trừng phạt bằng cách nhốt vào trong hòm rồi đem vứt xuống biển giống như ở một số nước, những kẻ phạm trọng tội bị nhốt vào trong một cái tàu thủng, không lương thực, để trôi giữa biển khơi. Ông hối hận đã vớt lên tàu một thằng đạo tặc như tôi, song ông cam đoan sẽ để tôi lên bến đầu tiên và không làm gì tôi cả. Ông nói thêm, những điều ông nghi ngờ đã được xác minh bằng những câu chuyện phi lý mà tôi đã nói với thủy thủ rồi nói với ông về cái hộp hay cái hòm, cũng như bằng vẻ mặt lạ lùng, cử chỉ của tôi trong suốt bữa cơm.

Tôi xin ông kiên nhẫn nghe đầu đuôi câu chuyện. Tôi kể rất trung thực những cuộc phiêu lưu từ ngày tôi từ giã nước Anh đến khi tôi được ông vớt lên tàu. Cuối cùng, sự thật đã thắng. Ông vốn là người hiểu biết, trung thực và có phẩm hạnh, không phải là không có học thức, biết phân biệt điều hay lẽ phải, nên ông tin vào lòng ngay thật của tôi và cho câu chuyện tôi kể là đúng sự thật. Để có chứng cớ rõ ràng, tôi đề nghị ông cho người mang cái tủ lên vì tôi còn giữ chìa khóa tủ trong túi. Trước mắt ông, tôi mở tủ ra, cho ông xem các đồ vật kỳ lạ tôi đã thu lượm được ở cái xứ sở mà tôi đã thoát khỏi một cách kỳ diệu ấy: một cái lược làm bằng những sợi râu của vua, mà lưng nó là một mảnh móng tay của hoàng hậu. Có cả một loạt kim và dinh ghim dài một foot, bốn cái vòi ong vò vẽ to bằng cái đinh đóng xà nhà. Lại có cái nhẫn của hoàng hậu tặng tôi, hôm ấy, bà tháo chiếc nhẫn ở tay út ra rồi đeo vào cổ tôi làm cái vòng. Tôi đề nghị thuyền trưởng nhận cho cái nhẫn ấy làm kỷ niệm của một kẻ mang ơn ông, nhưng ông nhất quyết chối từ. Tôi cho ông xem cái chai chân, chính tay tôi đã cắt ở ngón chân một cô tùy tùng của hoàng hậu, nó to đúng bằng quả táo. Nó rắn quá, nên lúc về đến nước Anh, tôi cho gọt thành hình một cái cốc và đặt trên đế bạc. Sau cùng, tôi mời thuyền trưởng xem cái quần đùi tôi đang mặc được cắt bằng da chuột.

Thuyền trưởng chỉ nhận cái răng của một gia nhân và ông xem xét ra vẻ thích thú và lạ lùng lắm. Ông cảm ơn tôi rối rít vì một vật nhỏ mọn không đáng được cám ơn nhiều đến như thế. Chiếc răng này là của anh đầy tớ cô Glumdalclitch được một nha sĩ tồi bẻ nhầm, vì nó không sâu một tí nào. Tôi cho rửa sạch rồi cất vào tủ. Nó dài chừng một foot và dường kính bốn inch.

Nghe tôi kể chuyện xong, thuyền trưởng vui thích hết sức - ông mong mỏi, khi về nước Anh, tôi sẽ viết một quyển sách cho mọi người biết. Tôi đáp, sách kể chuyện du lịch ngày nay thiếu gì, tác giả viết sách cốt để phô trương hay vì quyền lợi riêng tư hơn là để nói sự thật. Vả lại, câu chuyện của tôi chẳng có gì huyền hoặc, tôi cũng chẳng miêu tả những cỏ cây những chim muông kỳ dị, mà tôi cũng không nói

đến những phong tục, tập quán của những dân tộc dã man đầy rẫy trong các sách hiện nay. Dù sao tôi cũng cảm ơn ý kiến tốt của thuyền trưởng và hứa sẽ nghĩ về vấn đề này.

Ông rất ngạc nhiên thấy tôi nói to như hét và hỏi tôi nhà vua và hoàng hậu xứ ấy có nghễnh ngãng không. Tôi phải giải thích đó là thói quen từ hai năm nay và về phần tôi, tôi rất yêu thích cách nói của thuyền trưởng và của thủy thủ, nghe êm ái như tiếng thì thầm. Còn ở xứ kia, lúc nói tôi phải hét to như gọi khách qua đường, và người khách như từ trên gác chuông nhìn xuống - trừ khi người ta đặt tôi trên bàn hay trong lòng bàn tay. Tôi cũng nói thật với thuyền trưởng rằng, lúc tôi leo lên tàu, chung quanh là thủy thủ, tôi coi họ như những con vật nhỏ bé đáng khinh nhất trần đời. Bởi vì, trong suốt thời gian ở xứ ấy, không bao giờ tôi soi gương. Tôi quen sống với những người khổng lồ, chắc hẳn bên cạnh họ, tôi sẽ thấy tôi là kẻ chẳng đáng giá đồng xu. Thuyền trưởng bảo, lúc tôi ăn cơm, ông ta thấy tôi nhìn cái gì cũng như lạ lùng và hình như tôi cố nhịn không cười phá lên. Lúc ấy, ông ta không hiểu được dáng điệu, cử chỉ của tôi và nghĩ rằng tôi hơi điên. Tôi đáp rằng, ông ta đã nhận xét đúng, tôi hết sức lạ lùng thấy đĩa ăn chỉ to bằng đồng hai xu, jambon bằng một mẩu bánh con, tách uống nước như quả hạt dẻ, và, cứ thế, tôi miêu tả bát đĩa và thức ăn của ông như nhưng thứ cùng loại mà tôi vẫn nhìn thấy. Mặc dù hoàng hậu thửa cho tôi những đồ dùng hợp với tầm vóc của tôi, nhưng suốt ngày tôi chỉ có trông thấy những đồ dùng to tướng quanh mình nên tôi không buồn nghĩ đến thân hình bé nhỏ của tôi, cũng như người ta không nghĩ đến lỗi lầm của mình. Thuyền trưởng rất thú vị về câu châm biếm của tôi và ông ta vui vẻ bảo, giá như mất một trăm sterling mà được thấy tôi bị treo lơ lửng nơi mỏ chim ưng rồi rơi phăng phăng xuống biển ông cũng vui lòng. Quả là một cảnh tượng xứng đáng được ghi lại cho những thế hệ mai sau. Rồi ông so sánh với bức tranh Phaeton[1] rất giống trường hợp của tôi, tuy tôi không tán thành lắm cái lối châm chọc ấy.

Sau khi cho tàu ghé ở Đông Dương, thuyền trưởng trở về Anh, nhưng tàu bị thổi về hướng đông bắc, vĩ tuyến 44, kinh tuyến 143. Nhưng hai hôm sau, gặp luồng gió tây, chúng tôi đi về hướng nam rồi đi qua đảo Tân Hòa Lan, tiến theo hướng tây nam rồi nam tây nam, cho đến khi vượt qua mũi Hảo Vọng. Cuộc hành trình rất may mắn, nhưng tôi chẳng kể lại những trang nhật ký trên tàu, sợ làm phiền các bạn. Thuyền trưởng đỗ lại ở một vài bến để lấy lương thực và lấy nước ngọt. Nhưng tôi ở lì nên tàu cho đến khi cập bến ở Downs ngày 3 tháng sáu 1706, khoảng chín tháng sau khi tôi tự do. Tôi đề nghị với thuyền trưởng cho tôi để lại mọi đồ đạc của tôi thay tiền tàu, nhưng ông chẳng nhận gì hết. Chúng tôi từ biệt nhau như những người bạn lâu năm. Tôi năn nỉ ông phải hứa sẽ đến thăm tôi tại Redriff. Tôi mượn của ông năm shilling để thuê ngựa và người dẫn đường.

Dọc đường, thấy nhà cửa, cây cối, súc vật và mọi người, cái gì cũng bé tí ti, tôi tưởng như mình trở lại nước Lilliput. Tôi sợ giẫm nát những người đi đường nên luôn mồm quát họ tránh cho tôi di, thành thử đến vài ba lần suýt bị đánh vì tính lỗ mãng của mình.

Khi tôi về đến nhà (tôi phải hỏi thăm, bởi vì tôi không nhận ra nhà của tôi nữa), một anh dày tớ ra mở cửa. Lúc vào nhà, tôi khom khom lưng đầu đưa ra phía trước chẳng khác gì con ngỗng, vì tôi sợ đụng đầu. Vợ tôi chạy ra ôm hôn tôi. Tôi liền quỳ xuống, thấp quá đầu gối vợ, tôi nghĩ có thế mới vừa tầm cho vợ hôn. Đứa con gái bé quỳ xuống chân tôi để tôi bạn phước lành, nhưng tôi chỉ thấy nó lúc nó đứng thẳng dậy vì tôi, vẫn giữ thói quen luôn luôn nhìn lên trời. Tôi muốn một tay cầm ngang lưng nó để nhấc nó lên. Từ trên cao, tôi nhìn xuống những người làm trong nhà và vài ba người bạn đến thăm tôi, như thể họ là những người tí hon, còn tôi là người khổng lồ. Tôi bảo rằng vợ tôi sống kham khổ quá nên nhỏ hẳn đi, cả con cháu gái bé nữa. Nói ngắn gọn, tôi đã có nhưng cử chỉ lạ lùng như đối với thuyền

trưởng, nên cả nhà tưởng tôi loạn óc. Tôi ghi lại những chi tiết này ra để các bạn thấy sức mạnh đáng sợ của tập quán và định kiến.

Chỉ ít lâu sau, tôi với gia đình và bạn bè không hiểu lầm nhau nữa. Vợ tôi bảo từ nay tôi không được đi du lịch đâu hết. Nhưng, khốn nỗi, số phận tôi lại quyết định cách khác, độc giả sẽ biết sau này. Đến đây chấm dứt cuộc du lịch đen đủi thứ hai của tôi.

Chú thích [1] Nhân vật thần thoại là con của Mặt trời và Clymene. Một hôm được cha cho phép đánh xe mặt trời đi chơi. nhưng vì thiếu kinh nghiệm nên Phaeton suýt đốt cháy vũ trụ. Cha tức giận quật chết Phaeton rồi vứt xác xuống sông Eridanos (ND).

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương Phần Iii: Cuộc Du Lịch Đến Xứ Laputa, Balnibarbi, Luggnagg, Glubbdubdrib, Và Nhật Bản - Chương 1

hoảng mười ngày sau khi tôi trở về nhà, thuyền trưởng William Robinson từ Cornwall chỉ huy con tàu lớn "Hopewell" trọng tải ba trăm tấn đã đến thăm tôi. Ngày trước tôi là nhà phẫu thuật dưới sự chỉ huy của ông trên con tàu đi đến Levant. Ông đối xử với tôi như đối với em trai mình và không khi nào xem tôi như là thuộc hạ của ông. Bởi vậy, chuyến thăm của ông được gây nên bởi mong muốn được gặp lại người bạn cũ. Ít nhất trong lần gặp gỡ đầu tiên giữa chúng tôi không nói gì khác hơn những điều mà thông thường giữa các người bạn sau một cuộc chia ly dài đề cập tới. Sau đó ông mới nói tới mục đích viếng thăm của mình, nhiều lần tỏ ý vui mừng thấy tôi khỏe mạnh, ông đã hỏi tôi liệu có nhất quyết không rời khỏi nước Anh nữa hay không và giải thích ý định của mình sau hai tháng nữa sẽ đi miền Tây Ấn Độ. Cuối cùng sau nhiều lần xin lỗi và rào trước đón sau, ông mời tôi lại làm nhà phẫu thuật trên con tàu của ông. Thuyền trưởng nói rằng tôi sẽ có một người trợ giúp, một nhà phẫu thuật thứ hai và tôi sẽ được nhận lương bổng gấp đôi. Để kết luận, ông nói thêm rằng ông cam đoan coi trọng những lời khuyên của tôi trong việc điều khiển con tàu, bởi vì tôi biết nghề hàng hải không kém ông và có thể chỉ huy con tàu tương đương như ông.

Thuyền trưởng nói với tôi nhiều lời nhã nhặn và tôi biết ông là một con người nghiêm túc thế nào, đến nỗi tôi không thể từ chối lời đề nghị của ông. Bất chấp tất cả những gian truân mà tôi đã trải qua, niềm khát khao được nhìn ra thế giới lại giày vò tôi với sức mạnh trước đây. Khó khăn duy nhất cần khắc phục là thỏa thuận được với vợ. Nhưng dù sao tôi cũng tin là vợ tôi sẽ đồng ý sẽ đồng ý sau khi tôi nói những lợi nhuận mà chuyến du lịch sẽ đem lại cho các con tôi.

Chúng tôi nhổ neo ngày 5 tháng tám năm 1706 và đã đến pháo đài St. George[1] ngày 11 tháng tư năm 1707. Chúng tôi ở đấy ba tuần lễ. Chúng tôi cần phải bổ sung thủy thủ đoàn vì trong số thủy thủ có nhiều người bị ốm, từ đây chúng tôi hướng tới Đông Dương. Ở Đông Dương thuyền trưởng quyết định dừng lại lâu hơn, bởi vì những hoàng hóa mà ông cần không thể chuẩn bị đủ và giao cho tàu sớm hơn vài tháng. Trong khi muốn giảm bớt phần nào chi phí cho chỗ đậu này, thuyền trưởng đã mua một chiếc thuyền lớn, chất đầy thuyền những hàng hóa thông dụng và phái tôi chỉ huy đem sang các đảo lân cận. Tôi được giao trách nhiệm bán những hàng hóa này trong khi thuyền trưởng sẽ tiến hành các công việc ở Đông Dương.

Ngoài tôi ra, trên thuyền còn có mười bốn người của đội trong số đó có ba người địa phương. Chừng ba ngày sau khi chúng tôi lên đường, có một cơn bão mạnh nổi lên. Gió mạnh suốt năm ngày liên tục thổi chúng tôi dạt theo hướng Đông Bắc, sau đó sang hướng Đông. Sau đó bắt đầu thời tiết tốt, mặc dù gió Tây Nam thổi không lúc nào ngừng. Sang ngày thứ mười thì có hai chiếc thuyền cướp biển đuổi theo chúng tôi. Chiếc thuyền lớn của chúng tôi chở nặng nên không thể đi với tốc độ lớn được và vì thế chúng nhanh chóng đuổi

kịp chúng tôi.

Chúng tôi đã xông lên đánh nhau và cả hai thuyền trưởng cướp biển, gần như cùng một lúc chỉ huy người của chúng leo lên thuyền chúng tôi. Bởi thế khi mọi sự chống cự trở nên vô hiệu, thì tôi đã nhanh chóng ra lệnh nằm sấp xuống. Do vậy đã không xảy ra đổ máu gì. Bọn cướp biển chỉ việc trói chặt chúng tôi lại cử người canh và tiến hành lục soát con thuyền.

Tôi nhận thấy trong số bọn cướp biển có một người Hà Lan. Thật vậy, chắc hẳn hắn có một số quyền lực nào đó trong bọn cướp biển, mặc dù không phải là chỉ huy con tàu. Ngay lập tức hắn nhận ta chúng tôi là người Anh, trong khi vừa buông lời chửi rủa và thề sẽ trói chúng tôi thành từng đôi một quay lưng vào nhau và ném xuống biển, hướng vào hắn, tôi yêu cầu hắn nên chú ý chúng tôi là những người theo Cơ-đốc và Tin lành, công dân của một quốc gia hữu hảo với đất nước hắn. Bởi thế, hắn ta không nên đe doạ chúng tôi nữa mà ngược lại nên bênh vực chúng tôi trước mặt chỉ huy của hắn. Hắn vẫn nhắc lại những lời đe dọa của mình, nhưng khi hướng về các bạn bè hắn bắt đầu sôi nổi nói một cái gì đó, rõ ràng là bằng tiếng Nhật Bản, thường nhắc lại từ "Cơ-Đốc".

Tên chỉ huy con tàu lớn là người Nhật bản, y nói một vài lời bằng tiếng Hà Lan. Khi tiến lại gần tôi vờ đặt ra một vài câu hỏi mà tôi đã trả lời một cách kính cẩn, y tuyên bố rằng chúng tôi được sống. Cúi thấp mình trước viên thuyền trưởng, tôi hướng về phía tên người Hà Lan và nói rằng tôi rất lấy làm đau khổ khi thấy ở người theo đa thần giáo lòng từ tâm lại còn lớn hơn ở những người anh em Cơ-Đốc của mình. Ngay lập tức tôi thấy hối vì những lời nói này. Sau nhiều lần thử làm cho các thuyền trưởng thấy cần phải ném tôi xuống biển, tên vô lại ấy đã đạt được việc trừng phạt tôi còn tồi tệ hơn cái chết. Những người của tôi bị chia đều vào hai con thuyền cướp biển. Trên chiếc thuyền của chúng tôi đã có một đội thủy thủ mới. Tôi bị đưa xuống một chiếc thuyền buồm nhỏ và được cấp một lượng lương thực cho bốn ngày, rồi để mặc cho sóng gió đưa đi. Thuyền trưởng người Nhật bản đã tử tế đến mức tăng gấp đôi lượng lương thực từ nguồn dự trữ củachính mình và cấm lục soát tôi. Khi tôi bước xuống thuyền, tên người Hà Lan đứng trên boong buông ra tất cả các lời chửi rủa và nhục mạ mà hắn biết xuống đầu tôi.

Khoảng một giờ trước lúc tôi gặp bọn cướp biển, tôi đã tiến hành tính toán và xác định rằng chúng tôi đang ở vĩ tuyến 40o Bắc và kinh tuyến 183o Đông. Khi bọn cướp biển đã mất dần ở chân trời, tôi rút kính viễn vọngtừ trong túi ra và cẩn thận quan sát chân trời: tôi phát hiện thấy một số hòn đảo ở hướng Đông Nam. Tôi giương buồm và hướng tới chúng. Gió thuận và sau ba giờ tôi đã tới một trong những hòn đảo gần nhất trong số đó. Trên các tảng đá thấy có vô số tổ chim, tôi chẳng khó khăn gì đã nhặt được kha khá trứng. Tôi nhóm lửa, nhen một đống lửa bằng các cành cây thạch thảo và rong biển khô, trên đó tôi nướng trứng. Tôi đã hạn chế bữa ăn tối của mình như thế bởi vì tôi quyết định giữ gìn lương thực chừng nào có thể. Ban đêm tôi dọn chỗ cho mình dưới mỏm đá, trải một ít cành thạch thảo và ngủ rất ngon.

Ngày hôm sau tôi lại đến một hòn đảo khác và từ đó, tới hòn đảo thứ ba và thứ tư. Chỉ đến ngày thứ năm của chuyến du lịch buồn tẻ và mệt mỏi, cuối cùng tôi đã tới hòn đảo thứ năm, một hòn đảo phía Đông các hòn đảo ấy. Nó nằm xa trong biển, để đi đến đó tôi phải mất hơn năm giờ đồng hồ. Bờ của nó hầu như không thuận tiện và chỉ sau khi thăm dò lâu dài, tôi mới tìm được chỗ thích hợp cho việc đổ bộ. Đó là một cái vũng không lớn lắm, ở đó chỉ có thể đậu hai ba chiếc thuyền nhỏ như của tôi. Đất trong đảo lẫn nhiều đá và cằn cỗi. Chỉ đâu đó trong những khe mới thấy vài bụi cây lơ thơ và những cây có hương thơm.

Tôi lấy lương thực ra và tự bồi dưỡng một ít. Tất cả số còn lại, tôi giấu cẩn thận trong một cái hang nằm trong cái tảng đá ven bờ, nơi mà tôi quyết định nghỉ đêm. Trên các mỏm đá tôi nhặt được khá nhiều trứng Sau đó, tôi mang vào hang hai ba ôm cỏ và rong biển khô, dự định sang ngày mai sẽ nướng trứng ăn sáng. Tôi cũng dùng những cỏ và rong ấy làm cho mình một cái nệm. Tôi ngủ không được ngon giấc. Những ý nghĩ lo lắng không cho tôi ngủ thiếp đi mặc dù mệt nhoài. Tôi nghĩ rằng hi vọng cứu thoát mình thật nhỏ nhoi hết sức và đã tự vẽ cho mình những kết cục bi thảm. Tôi đã cố quên những suy tưởng ấy, nhưng không thể nào quyết định trở dậy được.

Trời đã sáng rõ khi tôi chui ra khỏi hang. Tôi đi ngang qua các tảng đá một tý. Bầu trời hoàn toàn sáng rỡ: mặt trời thiêu đốt không thể chịu được. Bỗng nhiên trời tối sầm lại, hoàn toàn giống như khi có đám mây che mặt trời. Tôi ngước mắt nhìn và trông thấy trong không trung ở độ cao khoảng hai đến ba dặm[2] so với mặt đất có một vật thể đen lớn đang chuyển động hướng tới đảo. vật thể ấy che lấp mặt trời trong không trung vài phút. Nhưng tôi không thể nào không nhận thấy rằng khi đó không khí đã dịu đi và bầu trời tối sầm lại. ấn tượng đó cũng giống như khi ta núp dưới bóng của tảng đá. Khi vật thể ấy tiến đến gần tôi thấy rằng nó cấu tạo từ vật chất cứng nào đó. Mặt vật thể hướng vào đất thì phẳng và nhẵn: nó lấp lánh rực rõ khi phản xạ ánh mặt trời từ mặt biển. Tôi leo lên một tảng đá cao khoảng hai trăm yard[3] và nhận thấy vật thể to lớn ấy gần như hạ thẳng đứng xuống phía dưới. Tôi dùng ống kính viễn vọng quan sát và có thể phân biệt rõ những người đang leo lên, leo xuống sườn của vật thể. Nhưng những người ấy đang làm gì thì tôi không thể nào phân biệt nổi.

Tôi bắt đầu nôn nao sung sướng, và tôi lại bắt đầu có hi vọng: sự việc tình cờ này dù sao đi nữa cũng sẽ đem lại cho tôi sự cứu thoát và tự do. Nhưng đồng thời (chắc độc giả cũng dễ có cảm giác như thế) tôi ngạc nhiên vô kể khi nhìn thấy vật thể đó đang liệng trong không trung, trên đó có người ở, tựa như một hòn đảo, có thể tự điều khiển. Điều tôi quan tâm hơn cả là hòn đảo ấy chuyển động theo hướng nào, bởi vì dường như nó dừng lại trong không trung. Tuy nhiên sau đó mấy phút nó lại bắt đầu tiến gần lại chỗ tôi một chút và tôi có thể quan sát nó khá chi tiết.

Rìa của hòn đảo có những hành lang rộng kéo dài, sắp xếp thành từng bậc, cái nọ tiếp cái kia. Những bậc thang dốc nối chúng với nhau và với cái đỉnh của hòn đảo. Ở hành lang dưới cùng có một số người đứng và ngồi, một số trong đó đang câu cá bằng những cần câu dài, một số khác đang đứng xem câu cá. Tôi bắt đầu vẫy vẫy mũ (mũ kia của tôi đã từ lâu không được đội), khi hòn đảo mỗi túc một tiến đến gần hơn tới tảng đá trên đó tôi đang đứng. Tôi liền cố kêu thật to. Sau đó vài phút tôi thấy một đám đông trên đảo tụ tập lại và hướng về phía tôi. Một người chỉ ngón tay vào phía tôi và hoa chân múa tay sôi nổi. Tôi hiểu họ đã nhận ra tôi, mặc dù chưa trả lời lại những tiếng kêu gọi của tôi. Bỗng nhiên có bốn hay năm người tách khỏi đám đông, và từ từ đi theo cầu thang lên đỉnh của đảo. Tôi đoán những người ấy đi xin lệnh của một nhân vật quan trọng nào đó.

Đám đông mỗi lúc một đông thêm. Chưa đến nửa giờ, hòn đảo đã chuyển dịch đến cách tảng đá tôi đang đứng khoảng hơn một trăm yard và ở cùng một độ cao với nó. Tôi tỏ vẻ khẩn khoản và bắt đầu tha thiết cầu cứu giúp đỡ. Nhưng tất cả những lời cầu cứu vẫn chưa dược đáp ứng. Những người đứng gần tôi hơn người khác, nếu xét đoán theo quần áo của họ, thì là những người quyền quý. Họ đang nói về điều gì đó rất nghiêm túc, suốt thời gian đó cứ nhìn tôi chằm chằm. Cuối cùng một người trong số đó kêu lên bằng một thứ tiếng rõ ràng, du dương và dễ nghe tương tự như tiếng Ý với tôi. Tôi trả lời bằng tiếng Ý: tôi có cảm giác giả dụ họ không hiểu tôi, thì tiếng Ý sẽ

hợp với sở thích của họ hơn bất kì thứ tiếng nào khác. Hơn nữa, chẳng cần nói cũng dễ hiểu là tôi xin gì. Người ta đã ra hiệu cho tôi rời tảng đá và đi ra bờ. Tôi vội vã thực hiện lời mời này. Hòn đảo bay hạ xuống phía trên đầu tôi. Ngay lập tức, từ trên thả xuống một cái xích có gắn một cái ghế. Tôi ngồi vào đó và nhờ ròng rọc kéo lên đảo.

Chú thích [1] Tên cũ của Madras, thành phố của Ấn Độ.

[2] Dặm Anh, 1dặm bằng 1609 mét [3] Đơn vị đo chiều dài Anh bằng 91, 44 cm

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 2

hi tôi vừa mới đặt chân lên hòn đảo, một đám đông dân chúng đã vây lấy tôi. Những người đứng gần tôi hơn cả rõ ràng thuộc về giai cấp quyền quí. Mọi người nhìn ngó tôi với vẻ hết sức kinh ngạc. Nhưng chính tôi đối với họ cũng vậy: chưa bao giờ tôi nhìn thấy những con người trần mắt thịt mà lại gây cho tôi ngạc nhiên như thể trước hình dạng, quần áo và vẻ mặt của họ. Tất cả bọn đều có đầu hoặc nghiêng sang phải hoặc sang trái, một số có mắt lác vào trong, còn một số lại trọn ngược mắt lên trên. Quần áo ngoài của họ được trang hoàng bằng những hình tượng mặt trời, mặt trăng, các vì sao xen lẫn với hình vẽ vĩ cầm, ống sáo, thụ cầm, tiêu, guitar, clavico và nhiều nhạc cụ khác mà châu Âu chưa từng biết. Xa hơn một chút tôi nhận thấy có một số người ăn mặc quần áo gia nhân. Trong tay họ có các gậy nhỏ. Đầu gậy buộc một quả bóng thổi hơi.

Như sau này tôi đã kể, trong quả bóng đó có một ít hạt đậu khô hoặc mấy viên sỏi nhỏ. Thỉnh thoảng những người hầu lại đập các quả bóng ấy vào môi hoặc tai của những người đứng bên cạnh.

Mãi tôi không thể hiểu điều đó để làm gì. Thật vậy, những người này đã trầm tư mặc tưởng đến mức hầu như không có khả năng nghe được lời nói của người cùng tiếp chuyện, hoặc trả lời lại. Để thức tỉnh họ thì cần phải có tác động cơ học thuần túy nào đó bên ngoài vào các cơ quan ngôn ngữ và thính giác. Chính vì thế những người giàu có bao giờ cũng giữ trong số gia nhân một người được gọi là người đập bóng (theo tiếng địa phương là climenole) và thiếu người ấy thì họ không bao giờ đi ra khỏi nhà. Nghĩa vụ của người đập bóng là khi có cuộc gặp mặt của một số người thì anh ta phải đập bóng nhẹ vào môi ai cần phải nói và vào tai phải của ai cần phải nghe. Trong những lúc dạo chơi, người đập bóng thỉnh thoảng lại phải đập nhẹ bóng vào mắt của chủ mình, vì trường hợp ngược lại chủ nhân có nguy cơ ngã xuống hố trong mỗi bước đi, hoặc va đầu vào cột, hoặc giả, đâm sầm vào người qua đường khác.

Tôi thấy cần thiết phải kể cho độc giả tất cả những chi tiết này. Nói khác đi, độc giả cũng như tôi thật khó hiểu biết chừng nào đối với những bộ tịch của những người này, khi họ hộ tống tôi leo theo các bậc thang lên đỉnh hòn đảo, đến cung điện của quốc vương. Trong khi đi lên theo các bậc thang họ quên bẵng mất là họ cần phải làm gì và tụt lại sau tôi. Khi ấy những người đập bóng lại thức tỉnh các chủ nhân của mình. Ở họ, rõ ràng chẳng có một chút ấn tượng nào đối với diện mạo, quần áo của tôi, cũng chẳng hề có tiếng kêu ngạc nhiên nào như của một dân tộc giản đơn, chưa từng biết đến trầm tư mặc tưởng.

Cuối cùng chúng tôi cũng đi đến cung điện và được dẫn vào nơi triều yết. Ở đây quốc vương ngồi trên một cái ngai cao có các quan đại thần danh tiếng nhất vây quanh. Trước ngai vàng có một cái bàn lớn, trên đặt quả địa cầu, vòng hành tinh và các dụng cụ toán học khác nhau. Quốc vương không chú ý mảy may nào đến chúng tôi, mặc dù sự xuất hiện của chúng tôi kèm theo sự hộ tống của thị đồng,

gây nên sự ồn ào khá lớn. Quốc vương đang chú mục vào việc giải một bài toán khó và chúng tôi đã phải chờ ít ra là một giờ khi Người còn chưa giải xong. Hai bên quốc vương có hai thị đồng đang đứng cầm bóng trong tay. Nhận ra quốc vương đã giải xong bài toán, một viên thị đồng đập bóng một cách kính cẩn vào môi quốc vương, còn viên thị đồng kia thì đập bóng vào tai phải. Quốc vương nghĩ một lát và hướng tầm nhìn của mình vào tôi và đoàn tùy tùng đi với tôi. Người phán một vài lời, sau đó một người còn trẻ cầm bóng ngay lập tức tiến lại gần tôi và khẽ động nhẹ vào tai phải của tôi. Tôi ra hiệu là không cần những sự nhắc nhở tương tự. Điều đó như tôi đã biết sau này, đã khiến cho quốc vương của họ và toàn thể triều đình đánh giá thấp về khả năng thông minh của tôi.

Quốc vương đặt cho tôi một số câu hỏi. Tôi đã trả lời người bằng tất cả các ngôn ngữ mà tôi biết được. Khi đã thấy rõ ràng chúng tôi không thể nào hiểu được nhau, quốc vương ra lệnh đưa tôi đến một trong các cung điện, và phái đến chỗ tôi hai gia nhân. Khác với tất cả các tiên vương của mình, đức vua này rất lịch thiệp đối với những người nước ngoài. Người ta dâng bữa ăn trưa và bốn nhân vật quan trọng mà tôi đã nhìn thấy đứng cạnh vua tại gian thiết triều dành cho tôi vinh hạnh là ngồi cùng bàn ăn với tôi. Bữa ăn trưa có hai hiệp, mỗi hiệp có ba món. Ở hiệp đầu, người ta đưa ra món bả vai cừu, được cắt thành dạng tam giác đều, một miếng thịt bò hình thoi lệch và bánh pudding dạng cycloid. Trong hiệp thứ hai người ta dâng hai con vịt được chế biến thành dạng vĩ cầm và xúc xích với giò hình ống sáo và kèn ô boa còn thịt ức bê có hình thụ cầm. Những người hầu cắt bánh mì cho chúng tôi thành những hình nón, hình trụ, hình bình hành và các hình học khác.

Sau bữa ăn trưa, tôi tự cho phép mình đặt một số câu hỏi về tên gọi những vật khác nhau bằng tiếng nước này. Khi có sự trợ giúp của những người đập bóng, những nhân vật quan trọng này đã trả lời tôi rất nhã nhặn. Chắc họ hy vọng rằng sự khâm phục của tôi vào khả năng của họ sẽ tăng thêm nếu tôi có thể nói chuyện một cách thoải mái với họ. Chẳng mấy chốc tôi đã có thể xin bánh mì, nước và tất cả những gì mà tôi cần.

Sau bữa trưa, những nhân vật quan trọng cùng ngồi ăn với tôi rút lui. Một nhân vật mới có người đập bóng đi cùng đến gặp tôi theo lệnh của quốc vương. Người này mang theo bút lông, mực, giấy và ba hay bốn quyển sách rồi bằng cách ra hiệu, ông đã làm cho tôi hiểu rằng ông được giao trách nhiệm dạy tôi ngôn ngữ địa phương. Chúng tôi đã ngồi học bốn giờ đồng hồ và trong khoảng thời gian đó tôi đã viết được mấy cột chữ và đã học thuộc một số đoạn ngắn. Thầy giáo của tôi nhiều lúc ra lệnh cho người hầu mang đến một vật gì đó hoặc quay người, cúi chào, ngồi, đứng, đi lại, v. v.. Còn tôi thì nhắc lại và ghi từng đoạn mà ông đã đọc. Ông chỉ cho tôi những hình vẽ trong sách về mặt trời, mặt trăng, các vì sao, hoàng đạo, các chí tuyến và vòng cực và dạy tên gọi các hình của hình học phẳng và các hình thể không gian. Ông gọi tên và viết cho tôi tên gọi các loại nhạc cụ và dạy cho tôi các thuật ngữ sử dụng khi chơi trên các nhạc cụ ấy. Khi ông đi khỏi, tôi đã sắp xếp tất cả những từ này cùng với lời giải thích nghĩa của chúng theo trật tự vần chữ cái. Nhờ có trí nhớ tốt mà trong vài ngày tôi đã tiếp thu được một số kiến thức bằng tiếng Laputa.

Tôi vẫn chưa tài nào biết được cái từ Laputa xuất xứ từ đâu, nên tôi dịch thành từ "hòn đảo bay". Lap- là một từ cổ, xuất xứ từ một từ có nghĩa là "cao", untuh - là người cầm quyền, từ này như các nhà bác học khẳng định, sinh ra từ Laputa, đọc trại đi của từ Lapuntuh. Nhưng tôi không thể nào đồng ý với cách giải thích tương tự, tôi cảm thấy nó gượng gạo thế nào ấy. Tôi mạnh bạo nói với các nhà bác học ở đây điều phỏng đoán nguồn gốc của từ này.

Theo tôi, Laputa chẳng có gì khác với: Quasi lap outed: lap có nghĩa là sự lấp lánh của các tia nắng mặt trời trên biển, còn uted là cảnh. Hơn nữa, tôi cũng không tin điều ức đoán của tôi là đúng, tôi chỉ đưa nó ra cho các độc giả khôn ngoan phán xét. [1]

Các vị cận thần được nhà vua giao cho chăm sóc tôi đã để ý thấy bộ quần áo rách nát và bẩn thỉu của tôi, nên ngay lập tức gọi thợ may tới đo cắt cho tôi bộ quần áo mới. Để thực hiện việc này, người thợ may ở đây đã hành động hoàn toàn khác với đồng nghiệp của anh ta ở châu Âu. Trước hết, anh ta xác định tầm vóc của tôi nhờ góc phần tư, sau đó dùng com-pa và thước tính toán trên giấy các kích thước và hình vẽ cơ thể tôi. Sau sáu ngày, quần áo đã may xong. Bộ quần áo được may hoàn toàn không vừa với người và mặc vào trông rất cộc cỡn. Người thợ may giải thích với tôi là trong tính toán của anh ta chắc là có sai sót nào đó. Trái lại tôi không đồng ý với điều đó. Xét đoán theo quần áo của các quần thần xung quanh tôi thì những sai sót như thế khá thường tình.

Tôi thấy mình rất mệt sau những thử thách mà tôi đã trải qua. Hơn nữa, tôi không có quần áo tử tế. Bởi thế tôi đã ở trong phòng suốt mấy ngày liền và trong thời gian đó đã mở rộng đáng kể kiến thức của mình bằng ngôn ngữ ở đây. Trong những lần đến thăm cung điện mới, tôi đã có thể trả lời thỏa mãn nhiều câu hỏi của quốc vương. Quốc vương đã ra lệnh đưa hòn đảo theo hướng Đông Bắc, đến Lagado, kinh đô của vương quốc, nằm ở trên mặt đất phía dưới. Để làm việc này cần phải đi qua chín mươi dặm và cuộc hành trình của chúng tôi kéo dài bốn ngày rưỡi. Điều thú vị là tôi hoàn toàn không cảm nhận thấy sự chuyển động dần dần của hòn đảo trong không trung. Sang ngày hôm sau, lúc gần mười một giờ, quốc vương, giới quý tộc và các quan lại cầm các nhạc cụ bắt đầu hòa nhạc. Cuộc hòa nhạc kéo dài ba giờ liên tục. Tôi hoàn toàn bị đinh tai nhức óc và không thể nào hiểu là làm như thế để làm gì. Nhưng người thầy của tôi liền giải thích cho tôi là dân chúng sống trên hòn đảo bay có tai nhạc. Âm nhạc ấy chỉ có thể được nghe theo quy định thời gian nghiêm ngặt. Thời gian ấy đã tới gần và mỗi một cận thần sẵn sàng tham gia vào cuộc hòa nhạc chung trên nhạc cụ mà người ấy chơi tốt hơn cả.

Trong thời gian chúng tôi bay đến Lagado, quốc vương đã ra lệnh dừng hòn đảo trên một số thành phố và làng mạc để nhận các đơn thỉnh cầu từ các thần dân của mình. Nhằm mục đích này người ta thả xuống phía dưới những sợi dây mảnh có buộc một tải trọng nhỏ ở đầu. Dân chúng treo các đơn từ của mình vào đấy và chúng được kéo lên trông như những mẩu giấy mà các học sinh đính vào dây của các cánh diều. Đôi khi chúng tôi còn nhận được rượu vang và thực phẩm đóng thành các khối được kéo lên. Những kiến thức toán học của tôi đã giúp tôi rất nhiều khi nghiên cứu ngôn ngữ hội thoại của họ. Trong ngôn ngữ này nhiều thành ngữ được vay mượn từ toán học và âm nhạc. Trong đầu của những con người này chứa đầy các hình và vật thể hình học. Chẳng hạn khi họ muốn ca ngợi vẻ đẹp của phụ nữ họ thường xuyên vay mượn các thuật ngữ hình học như: hình thoi, hình tròn, hình bình hành, hình ellipse - hoặc giả các so sánh vay mượn từ âm nhạc. Trong nhà bếp của quốc vương, tôi trông thấy các dụng cụ toán học và nhạc cụ các kiểu, mà theo mẫu ấy, các đầu bếp sẽ thái món ăn dâng lên bàn của quốc vương.

Nhà cửa của người Laputa được xây dựng rất tồi. Các bức tường bao giờ cũng xiên xẹo, không thể nào tìm thấy một góc nhà vuông vức trong bất cứ phòng nào. Vấn đề chính là ở chỗ họ hết sức khinh thường môn hình học thực nghiệm. Theo ý kiến họ, đó là một môn khoa học cực kỳ tầm thường, chỉ có những thợ thủ công thô lậu mới học nó. Họ chỉ chú ý tới các vấn đề trừu tượng cao siêu, mọi mệnh lệnh mà họ ban phát cho công nhân phức tạp, không thực tế đến mức phi lý, đầy dẫy những khiếm khuyết sơ đẳng nhất. Họ sử dụng thước kẻ, bút chì và com-pa khá thành thạo. Nhưng tôi chưa bao giờ nhìn thấy những người trong cuộc sống thường ngày vụng về, lóng

ngóng, hậu đậu, chật vật hiểu tất cả những gì liên quan đến toán học và âm nhạc đến thế. Họ tư duy rất tồi: bác bỏ các lập luận của họ chẳng khó nhọc chút nào - có lẽ trừ những trường hợp khi chân lý về phía họ, nhưng điều đó thường rất hiếm. Những con người này đã mất hết trí tưởng tượng, ước mơ và tính sáng tạo. Trong ngôn ngữ của họ thậm chí không có những từ ngữ để thể hiện các khái niệm này. Ngoài toán học và âm nhạc họ chẳng biết gì hết và thậm chí không muốn biết.

Phần lớn người Laputa, đặc biệt những ai nghiên cứu thiên văn học, tin vào chiêm tinh học, mặc dù họ thấy xấu hổ khi phải thừa nhận công khai điều này. Nhưng điều làm tôi kinh ngạc hơn cả là sự say mê không hiểu nổi của họ đối với chính trị. Họ thường xuyên hỏi han về các vấn đề mới nhất trong chính trị, bàn luận hàng giờ về các công việc quốc gia đại sự và gây ra các cuộc tranh cãi gay gắt mà nguyên do chỉ là bất đồng phe phái. Hơn nữa, tôi cũng thấy khuynh hướng ấy ở đa số các nhà toán học châu Âu, mặc dù chưa bao giờ thấy có gì chung giữa toán học và chính trị. Tôi có cảm giác khuynh hướng này bắt nguồn từ điểm yếu khá phổ biến của những người thích khêu gợi chúng ta quan tâm và chú ý tới những việc mà thật ra chúng ta chẳng có quan hệ gì.

Người Laputa thường xuyên hoảng hốt. Họ chẳng bao giờ có tâm hồn thư thái. Đáng chú ý là họ lo sốt vó chỉ vì những điều mà người trần tục khác chẳng mảy may bận tâm. Họ sợ hơn hết là khả năng thay đổi trong các thiên thể. Họ sợ trái đất cứ xích gần mãi vào mặt trời thì cuối cùng sẽ bị mặt trời nuốt chửng. Họ còn run sợ vì những ý nghĩ đến lúc nào đó mặt trời sẽ bị bọc bởi một lớp vỏ cứng và sẽ không phát ra ánh sáng. Họ cũng còn cho rằng trái đất sẽ biến mất do va chạm với đuôi của sao chổi gần nhất và sao chổi tương lai mà sự xuất hiện của nó theo tính toán của họ còn phải qua ba mươi mốt năm nữa, chắc chắn sẽ tiêu diệt trái đất. Nhưng điều đó chưa phải là đã hết. Theo ý kiến của người Laputa, mặt trời hàng ngày tiêu hao năng lượng để phát sáng mà chẳng có gì bù đắp lại lượng tiêu hao, cuối cùng sẽ cháy hết và tiêu diệt Trái đất và tất cả cách hành tinh nhận năng lượng từ mặt trời cũng sẽ dẫn tới hủy hoại.

Người Laputa thường xuyên bị ám ảnh bởi tất cả các tai biến ấy nên không thể nào ngủ yên và thưởng thức những lạc thú và niềm vui thông thường của cuộc sống. Sáng sáng, khi gặp người quen, người Laputa thường đặt các câu hỏi: mặt trời ra sao, nó có dạng gì lúc mọc và lúc lặn, có hy vọng tránh va chạm với sao chổi gần nhất hay không? Những cuộc nói chuyện như thế họ có thể tiến hành hàng giờ với sự say mê giống như trẻ em say mê nghe những chuyện khủng khiếp về ma quỷ, chúng nghe những chuyện ấy một cách háo hức rồi sau đó lại không dám ngủ vì sợ hãi. Các phụ nữ của hòn đảo hoàn toàn không giống với giới mày râu. Đó là những người linh hoạt và bạo dạn, yêu cuộc sống thường nhật và khinh rẻ chồng mình. Họ thường than vãn về cuộc sống hiu quạnh trên hòn đảo, mặc dù theo tôi, đó là góc tuyệt diệu nhất trên thế giới này. Những nữ cư dân đảo ấy khao khát những trò giải trí của thủ đô, mà tất cả những xa xỉ và tiện nghi sinh hoạt quanh họ trên hòn đảo không thể nào thỏa mãn họ. Tai họa chính là ở chỗ chỉ có thể xuống đất theo lệnh đặc biệt của quốc vương. Mà mệnh lệnh đó lại ban phát rất hiếm hoi. Mấu chốt là chỗ các cận thần có thế lực dựa trên kinh nghiệm từ lâu đời biết chắc rằng khó mà buộc phụ nữ dời lục địa để quay trở lại đảo do đó gây mọi trở ngại cho chuyến đi tới thủ đô của họ.

Qua một tháng, tôi đã giành được những kết quả khá tốt trong tiếng Laputa và có thể trả lời thoải mái phần lớn các câu hỏi mà quốc vương đặt ra cho tôi. Quốc vương chẳng hề quan tâm tới luật pháp, cách cai trị, lịch sử, tôn giáo, phong tục và tập quán của các nước mà tôi đã từng đi qua. Quốc vương chỉ hạn chế trong việc hỏi han về tình hình toán học, nhưng khi nghe những câu trả lời của tôi thì lại hết sức coi thường và thờ ơ, cho dù những người đập bóng cố công thức tỉnh sự chú tâm cần thiết của quốc vương.

Chú thích [1] Swilt chế nhạo một số điều bịa đặt vũ đoán của các nhà bác học thời đó về nguồn gốc của từng từ riêng biệt.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift
www.dtv-ebook.com

Chương 3

ôi được quốc vương ban cho ân huệ đi thăm các thắng cảnh của hòn đảo. Người thầy giáo của tôi được lệnh đi cùng với tôi. Điều khiến tôi quan tâm hơn cả là những cơ chế, hay những lực tự nhiên nào khiến cho hòn đảo chuyển động được. Tôi sẽ kể về điều này ngay bây giờ.

Hòn đảo bay có dạng tròn trặn đường kính khoảng bảy nghìn tám trăm ba mươi tám yard, hoặc gần bốn dặm rưỡi: thật vậy diện tích bề mặt của đảo khoảng chừng chục nghìn mẫu Anh. Chiều cao của đảo chừng ba trăm yard. Một tấm kim cương phẳng dùng làm nền cho hòn đảo có bề dày gần hai trăm yard. Mặt dưới của tấm kim cương luôn luôn hướng vào đất. Trên tấm kim cương này có các lớp núi đá khác nhau, trên cùng, phủ một lớp đất đen màu mỡ sâu mười hoặc mười hai foot.

Ở trung tâm của hòn đảo có một vực thẳm đường kính gần năm mươi yard, qua đó các nhà thiên văn tụt xuống một cái hang lớn. Hang có dạng vòm và vì thế được gọi là Flandona gagnole hay là hang Thiên văn, nó nằm ở độ sâu một trăm yard trong lớp kim cương. Trong hang này luôn có hai mươi ngọn đèn cháy sáng do chúng được các bức tường kim cương phản chiếu nên soi tỏ từng góc hang một. Trong toàn hang có đặt các kính lục phân đa dạng, các hình vuông, các kính thiên văn, các dụng cụ đo độ cao thiên thể và các dụng cụ thiên văn khác. Nhưng cái đáng chú ý nhất trong số đó mà số phận hòn đảo phụ thuộc vào là một cục nam châm lớn có dạng giống như con thoi dệt, có chiều dài chừng sáu yard, chiều rộng và phần dày nhất chừng ba yard. Ở chính giữa thanh nam châm có một lỗ thủng xuyên ngang, một trục kim cương cực kỳ chắc chắn xuyên qua lỗ này. Trục này được lắp chính xác tới mức chỉ cần khẽ đụng tay là thanh nam châm bắt đầu quay. Một vòng kim cương khổng lồ có bề dày bốn foot và cao bốn foot, đường kính tới mười hai foot gắn thanh nam châm vào sàn nhà. Vòng này được gắn ngang bằng lên tám chân kim cương, mỗi cái cao chừng sáu yard. Ở mặt trong của vách trụ kim cương này chính giữa có khoét hai ổ, mỗi cái sâu chừng mười hai inch, những đầu của trục trên đó có thanh nam châm quay được gắn vào hai ổ này.

Chẳng có một lực nào có thể dịch chuyển thanh nam châm mà chúng tôi đã miêu tả dời khỏi chỗ, bởi vì trụ kim cương cùng với các chân cùng là một khối lớn với tấm kinh cương tạo nền của hòn đảo. Nhờ có thanh nam châm này mà đảo có thể nâng lên, hạ xuống và dịch chuyển từ chỗ này sang chỗ khác, tùy thuộc vào ý muốn của quốc vương, vì một phần mặt đất sẽ có lực hút với một đầu của thanh nam châm, còn đầu kia là lực đẩy. Khi thanh nam châm đặt thẳng đứng và cực dương của nó hướng vào đất thì hòn đảo hạ xuống, còn khi cực âm của thanh nam châm hướng xuống dưới, hòn đảo nâng lên. Khi đặt xiên thanh nam châm thì hòn đảo chuyển động theo hướng xiên, bởi vì lực của thanh nam châm này luôn luôn hướng vào phía mà đầu dương quay vào.

Để hiểu sự chuyển động của hòn đảo như thế nào, chúng ta giả thiết là đường AB cắt ngang qua vương quốc Balnibarbi, đường CD là thanh nam châm, điểm C là cực âm của nó, còn điểm D là cực dương. Chúng ta giả dụ hòn đảo đang ở trên điểm C. Hãy đặt thanh nam châm ở vị trí CD sao cho cực âm hướng xiên xuống phía dưới, khi ấy hòn đảo bắt đầu chuyển động theo thường đến D. Khi hòn đảo đã đến điểm này, chúng ta sẽ quay thanh nam châm sao cho cực dương của nó hướng đến điểm E, khi đó hòn đảo sẽ chuyển động xiên hướng đến E. Nếu bây giờ chúng ta đặt thanh nam châm hướng đến điểm F, cực âm hướng xuống dưới, hòn đảo sẽ nâng chếch đến F, tại đây ta lại hướng cực dương đến G, hòn đảo lại có thể dịch chuyển đến G. Bằng cách như vậy, trong khi thay đổi vị trí của thanh nam châm, có thể nâng lên hoặc hạ hòn đảo xuống theo đường chéo và nhờ các lần nâng lên và hạ xuống như thế mà hòn đảo dịch chuyển từ phần này của vương quốc đến phần khác.

Tuy nhiền cần nhận xét thêm là hòn đảo bay chỉ có thể dịch chuyển trên lãnh địa của quốc vương Laputa. Mấu chốt vấn đề là ở chỗ các khoáng vật tác động đến thanh nam châm lớn chỉ nằm trong ranh giới của vương quốc này. Hơn nữa hòn đảo không thể nào nâng lên cao hơn mặt đất bốn dặm, bởi vì ở độ cao lớn như thế thanh nam châm mất tác dụng.

Nếu đặt thanh nam châm ở vị trí thật cân bằng, thì hòn đảo đứng lại. Giải thích hiện tượng này không có gì khó cả, các cực của thanh nam châm có khoảng cách như nhau với mặt đất, bị tác động với cùng một lực giống nhau, một, kéo hòn đảo xuống phía dưới, một, đẩy hòn đảo lên trên và do đó hòn đảo đứng yên một chỗ.

Thanh nam châm chịu sự điều khiển của các nhà thiên văn học có kinh nghiệm. Họ thay đổi vị trí của thanh nam châm theo mệnh lệnh của quốc vương. Những nhà bác học này đã giành phần lớn đời mình để tiến hành các quan sát chuyển động của các thiên thể. Các kính thiên văn ở đây về mặt chất lượng hơn đứt các kính thiên văn của chúng ta. Các kính thiên văn lớn nhất trong số đó dài không quá ba foot, nhưng chúng mạnh hơn các kính một trăm foot của chúng ta rất nhiều, sự ưu việt này cho phép người Laputa vượt xa các nhà thiên văn châu Âu của chúng ta rất nhiều trong những phát minh của họ. Chẳng hạn họ đã lập được danh mục của hai trăm nghìn ngôi sao bất động, trong khi bản danh mục phổ biến nhất của chúng ta chỉ có không hơn một phần ba con số này. Ngoài ra, họ đã khám phá ra hai ngôi sao tý hon hay là vệ tinh quay quanh sao Hỏa. Vệ tinh gần nhất cách trung tâm của hành tinh này một khoảng cách bằng ba lần đường kính của nó, vệ tinh thứ hai ở khoảng cách gấp năm lần đường kính hành tinh.

Những người Laputa khẳng định rằng họ đã tiến hành quan sát chín mươi ba sao chổi khác nhau và đã xác định với độ chính xác cao thời kỳ quay trở lại của chúng. Nếu điều đó là đúng thì rất mong sao cho những kết quả quan sát của họ trở thành sở hữu công cộng. Điều này chắc có thể hoàn thiện lý thuyết về các sao chổi hiện nay còn quá yếu. Chẳng khó khăn gì cũng có thể hiểu được rằng việc làm chủ hòn đảo bay tạo cho vương quốc Laputa ưu thế rất lớn so với các quốc gia khác trên trái đất. Ngài có thể dễ dàng trở thành vị chúa tuyệt đối trên thế giới nếu như ngài thuyết phục được các vị thượng thư cùng hành động được với mình. Nhưng các thượng thư hiểu rất rõ rằng tình thế của người sủng thần thực chẳng bền vững chút nào trong thời kỳ của vị chúa tể tuyệt đối. Hơn nữa, mỗi thượng thư lại có những lãnh địa rộng lớn trên lục địa. Bởi thế sự nô dịch đất nước không có lợi cho họ và họ không đồng ý với điều đó.

Nếu như có một cuộc khởi nghĩa nào nổ ra tại một thành phố nào đó và thành phố từ chối nộp thuế, thì quốc vương thi hành hai biện pháp để khiến nó phục tùng. Biện pháp đầu tiên khá là mềm mỏng như sau: quốc vương ra lệnh dừng hòn đảo trên thành phố đó và các

đất đai lân cận, bằng cách này quốc vương làm ngăn cản tác động thuận lợi của mặt trời và mưa đối với những kẻ ngang bướng, trong thành phố bắt đầu có nạn đói và bệnh tật. Nếu theo ý kiến của quốc vương, các công dân tự bôi nhọ thanh danh của mình bằng những hành vi tội lỗi nghiêm trọng, ngài có thể tăng cường sự trừng phạt này: theo lệnh quốc vương, những hòn đá lớn được ném xuống thành phố và dân chúng chỉ có cách chui vào các hầm ngầm và các hầm mộ bởi vì các nhà ở sẽ bị phá hủy hoàn toàn. Nhưng nếu những kẻ khởi loạn tiếp tục đấu tranh thì quốc vương sẽ thi hành biện pháp cứng rắn hơn: hòn đảo sẽ hạ thẳng xuống đầu những kẻ ngoan cố và đè bẹp chúng cùng với nhà cửa của chúng. Tuy nhiên, biện pháp cực đoan này của quốc vương chỉ áp dụng trong những trường hợp hết sức hiếm hoi. Các thượng thư cũng thường không đề xuất biện pháp tương tự với quốc vương. Một mặt họ sợ sự căm thù và sự trả thù của dân chúng, mặt khác họ sợ là bằng biện pháp ấy sẽ làm tổn hại tất cả những lãnh địa của chính họ. Không nên quên rằng, hòn đảo là sở hữu riêng của quốc vương, còn tất cả đất đai, nhà của và lâu đài của các cận thần đều nằm trên lục địa.

Nhưng còn cả một nguyên nhân khác, quan trọng hơn, bởi thế quốc vương của đất nước này chỉ trong trường hợp cực kỳ cần thiết, thậm chí bất đắc dĩ mới sử dụng đến biện pháp đáng sợ này.

Nếu thành phố sẽ bị tiêu diệt nằm giữa các tảng đá cao - mà phần lớn các thành phố ở đây hoàn toàn có chủ định phân bố ở nơi như vậy - hoặc nếu trong thành phố ấy có nhiều tháp chuông hay các tháp bằng đá, thì sự hạ nhanh của hòn đảo có thể làm hỏng nền kim cương của nó. Sự thật, nền kim cương này như tôi đã kể, cấu tạo từ một khối kim cương nguyên sinh dày hai trăm yard, nhưng dù sao khi va chạm mạnh nó có thể bị vỡ hoặc bị nứt nẻ do các đám cháy bùng lên từ các ngôi nhà bị phá hủy gây ra. Tình hình này được dân chúng biết rõ và họ đã tính toán rất giỏi tới điều ấy khi tổ chức chống lại việc xâm phạm tới tự do và tài sản của chính họ.

Về phía quốc vương, khi áp dụng quyết nghị xóa sạch những cư dân của thành phố nổi loạn ra lệnh hạ hòn đảo xuống chậm hơn và thận trọng hơn nữa. Trong khi đó ngài lại nói về lòng từ bi và thương hại của mình, nhưng thực chất nỗi sợ hãi làm vỡ đĩa kim cương khi tiếp xúc với mặt đất đã khống chế ngài.

Khoảng ba năm trước khi tôi tới đây, đất nước Laputa đã có xảy ra một sự kiện không bình thường mà suýt trở thành nỗi bất hạnh đối với vương triều này. Quốc vương đi tuần thú lãnh địa của mình. Thành phố đầu tiên mà ông đến thăm là Lindalino, một trong những thành phố lớn nhất của vương quốc. Dân chúng thành phố đã tâu trình quốc vương rất nhiều điều oán thán về sự ức hiếp của viên thống đốc. Cũng như trước đây, mọi điều ta thán chẳng đạt được kết quả gì. Chưa được ba ngày sau khi quốc vương rời thành phố, dân chúng đã đóng chặt cổng thành, bắt giam viên thống đốc và trong một thời gian hết sức ngắn ngủi đã dựng lên ở bốn góc thành phố bốn tháp lớn có cùng độ cao với một tảng granite nhọn đầu nổi lên ở chính trung tâm thành phố. Trên các ngọn tháp và tảng đá họ đặt những thanh nam châm lớn, và nếu trong trường hợp các thanh nam châm không có tác động đến việc điều khiển hòn đảo, họ đã chuẩn bị một số lượng lớn nhiên liệu dễ bốc cháy, dự tính nhờ ngọn lửa mà có thể làm tổn hao nền kim cương của hòn đảo.

Những tin tức về cuộc khởi nghĩa ở Lindalino chỉ đến tai quốc vương tám tháng sau. Quốc vương ra lệnh hướng hòn đảo đến Lindalino. Sau một vài ngày hòn đảo đã dừng lại chính trên thành phố, chắn ánh nắng và mưa đối với dân cư ở đây. Biện pháp này dường như vô hiệu. Có một con sông lớn chảy qua thành phố. Dân chúng đã kịp dự trữ lương thực và không sợ sự phong tỏa. Họ đã có đầy đủ quyết tâm để chống cự đến cùng. Quốc vương ra lệnh thả từ đảo vô số dây thừng nhỏ xuống. Nhưng thay cho những lời cầu xin tha tội

ngoan ngoãn là những yêu sách ngang ngược bay trở lại đảo: về những bồi thường thiệt hại gây nên, phục hồi những đặc quyền của thành phố, cho phép dân chúng có quyền bầu cử thống đốc và những điều phi lý tương tự như vậy. Để trả lời, quốc vương ra lệnh ném xuống đầu dân cư của thành phố những hòn đá lớn. Nhưng dân thành phố đã tránh khỏi sự trừng phạt tàn bạo này bằng cách ẩn náu trong các tháp và các hầm nhà và đem theo cả những tài sản nhỏ mọn của mình.

Khi đó quốc vương kiên quyết trừng phạt cứng rắn đối với những kẻ kiêu ngạo này, ra lệnh hạ hòn đảo xuống độ cao cách đỉnh các ngọn tháp và tảng đá chừng bốn mươi yard. Lệnh của quốc vương được thực hiện. Tuy nhiên các viên quan khi quay thanh nam châm đã nhận thấy rằng hòn đảo hạ xuống nhanh hơn bình thường rất nhiều. Sau khi điều khiển thanh nam châm trở lại vị trí ngang bằng, họ đã có thể làm ngừng sự hạ xuống thêm, nhưng nhờ đó mà đã phát hiện thấy hòn đảo bị hút mạnh về phía mặt đất và có thể bị rơi. Họ lập tức tâu trình điều đó với quốc vương và xin cho nâng hòn đảo lên cao hơn. Quốc vương lập tức ban ra lời đồng ý. Hòn đảo được nâng lên độ cao lớn nữa. Sau đó một hội đồng các viên quan điều khiển thanh nam châm nhận được lệnh đến gặp quốc vương. Một nhà bác học có kinh nghiệm nhất trong số họ xin cho phép được tiến hành thí nghiệm. Nhà bác học lấy một sợi dây thừng dài và chắc chắn, đầu kia buộc một mẩu kim cương, trong đó chứa một ít quặng sắt (giống như loại kim cương tạo nên nền hòn đảo) và bắt đầu từ từ thả nó từ hành lang thấp nhất thẳng xuống đỉnh của một trong các ngọn tháp. Nhưng mẩu kim cương vừa được thả xuống vài yard thì vị quan đã cảm thấy nó bị kéo xuống dưới với một lực mà ông khó khăn lắm mới giữ được sợi dây trong tay. Khi đó viên quan ném mấy mẩu vụn kim cương và nhận thấy ngọn tháp hút chúng vào mình. Thí nghiệm như thế cũng được tiến hành với các tháp còn lại. Các kết quả ở đâu cũng như nhau.

Quốc vương sợ hãi đã từ bỏ ý định phá hủy thành phố và để mặc thành phố đó.

Một vị thượng thư đã khẳng định với tôi rằng, nếu như hòn đảo hạ xuống trên thành phố thấp đến mức không thể nào trở lên được nữa, thì dân chúng thành phố sẽ tước đoạt vĩnh viễn khả năng chuyển động của nó, sẽ giết quốc vương và tất cả những tùy tùng và sẽ làm thay đổi hoàn toàn cách nắm quyền.

Đạo luật cơ bản của quốc gia cấm quốc vương và hai hoàng tử lớn nhất rời hòn đảo. Điều cấm này cũng áp dụng cả với hoàng hậu.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 4

ặc dù tôi không thể nào than phiền điều gì về việc tiếp đón đối với tôi trên hòn đảo nhưng dù sao cũng cần phải thừa nhận rằng tôi không giành được sự chú ý nào đặc biệt. Hơn nữa người Laputa hơi khinh thường tôi. Điều đó cũng dễ hiểu nếu ta nhớ rằng quốc vương và dân chúng không chú ý gì khác ngoài toán học và âm nhạc. Mà trong lĩnh vực kiến thức này tôi khá là lạc hậu so với họ vì thế không thể nào giành được sự kính trọng. Mặt khác, sau khi xem tất cả các danh lam thắng cảnh của hòn đảo, bản thân tôi cũng muốn rời bỏ nó. Tôi quả thực đã chán ngấy những con người ở đây. Họ thực sự am hiểu tinh tường trong toán học và âm nhạc. Nhưng những người Laputa có giáo dục lại đắm chìm vào lập luận trừu tượng mà chưa bao giờ tôi có dịp gặp những người tiếp chuyện chán ngắt hơn ở đây. Bởi thế trong thời gian ở thăm hòn đảo, tôi cố gắng hết sức tránh tiếp xúc với họ để trò chuyện và chủ yếu tôi nói chuyện với các phụ nữ, thương gia, những người đập bóng và các thị đồng. Đó là những người duy nhất mà tôi có thể nhận được từ họ câu trả lời thông minh về câu hỏi đặt ra. Nhưng vì thế những người Laputa có giáo dục lại đối với tôi hết sức khinh miệt.

Nhờ có sự nỗ lực học tập mà tôi đã học khá tốt tiếng địa phương. Tôi cảm thấy buồn kinh khủng phải ở hòn đảo, nơi mà tôi cảm thấy chẳng có gì đáng chú ý. Tôi quyết định rời khỏi nó khi có cơ hội đầu tiên.

Tại cung đình, tôi thường xuyên gặp gỡ với một viên cận thần, thân thích với quốc vương. Tình thế này là một nguyên nhân duy nhất khiến cho triều thần kính trọng ông ta. Thật ra họ coi ông ta là một người cực kỳ ngu xuẩn và không lịch lãm. Ông là người đóng góp rất quan trọng cho quốc gia, có các khả năng tự nhiên rất lớn và khác biệt bởi tính trung thực và trọng danh dự. Nhưng tiếc thay tai của ông ta lại chẳng nhạy cảm với âm nhạc, và theo sự cam đoan của những kẻ có ác ý, ông thường xuyên đánh nhịp không đúng. Tình trạng cũng giống như thế với toán học, những thầy giáo hết sức khó khăn mới có thể dạy ông chứng minh các định lý toán học hết sức sơ đẳng. Viên cận thần này có thiện cảm đặc biệt với đối với tôi. Ông thường đến thăm tôi, mong thu nhận được được những kiến thức về châu Âu, về luật pháp và các tập tục và khoa học của các nước khác nhau mà tôi đã từng đi thăm. Ông nghe tôi rất chăm chú rồi đưa ra những nhận xét thông minh về những chuyện kể của tôi. Đi hầu ông bao giờ cũng có hai người đập bóng, nhưng ông không bao giờ cần đến họ, trừ trường hợp tại những nghi lễ cung đình và trong các cuộc viếng thăm chính thức. Khi chỉ có chúng tôi với nhau, ông bao giờ cũng cho họ nghỉ.

Tôi yêu cầu con người đáng kính này xin quốc vương cho tôi được phép rời khỏi hòn đảo. Viên cận thần mặc dù rất lấy làm tiếc như ông đã nói với tôi, đã hoàn thành yêu cầu của tôi. Mong muốn giữ tôi lại hòn đảo, ông đã đặt cho tôi rất nhiều đề nghị tế nhị, nhưng tôi đã từ chối với một lòng biết ơn sâu sắc.

Ngày 16 tháng 2, tôi từ biệt quốc vương và triều thần. Quốc vương đã tặng tôi những tặng vật trị giá gần hai trăm bảng Anh, tôi cũng nhận được tặng vật tương tự từ người bảo hộ của tôi, người thân thích với quốc vương. Ngoài ra, ông đưa cho tôi một bức thư giới thiệu cho người bạn của mình sống ở Lagado thủ đô của vương quốc. Trong thời gian đó hòn đảo đang bay ở cách thủ đô hai dặm và tôi được hạ xuống từ hành lang thấp nhất của hòn đảo nhờ vào cái ghế ngồi gắn vào các dây xích mà trên đó hai tháng trước đây tôi đã được nâng lên.

Lãnh địa trên đất liền của quốc vương hòn đảo bay được gọi là Balnibarbi còn thủ đô của vương quốc này như tôi đã kể, gọi là Lagado. Tôi không thể nào tả hết niềm hân hoan khi chân mình đặt lên nền đất cứng. Bởi vì tôi đã mặc bộ quần áo địa phương và tôi đã nắm ngôn ngữ khá vững để trao đổi với dân địa phương, do đó tôi chẳng khó khăn gì đã đặt chân được vào thủ đô. Tôi đã nhanh chóng tìm được ngôi nhà mà người bảo hộ của tôi đã chỉ tôi đến và trao cho ông ta bức thư giới thiệu và đã được đón tiếp rất lịch thiệp. Đó là một viên quan tên là Munodi, ông ra lệnh sửa soạn cho tôi một căn phòng trong nhà mình và tôi đã ở đó trong suốt thời gian lưu lại thủ đô.

Sang ngày hôm sau, vị chủ nhân mời tôi ngồi xe ngựa và hướng dẫn tôi đi thăm thủ đô. Thành phố này nhỏ hơn Luân đôn hai lần. Nhà cửa trong thành phố được xây dựng rất kì quái, phần nhiều chúng đã bị bán hủy hoại. Những người qua đường có dáng vẻ hoang dại thế nào đó. Hầu hết họ đều ăn mặc rách rưới, họ giương mắt lên đi lại hiên ngang trên đường phố. Sau khi đi qua cổng thành, chúng tôi ra tới cánh đồng. Ở đây chúng tôi nhìn thấy những người nông nhân đang làm việc với các công cụ hết sức đa dạng. Nhưng tôi không sao hiểu được chính thực họ đang làm việc, vì trên cánh đồng tôi chẳng thấy có một vết tích nhỏ nhặt nào của cỏ cây và lúa mì, mặc dù đất thật sự màu mỡ. Tôi cực kì kinh ngạc trước tất cả những điều trông thấy và quyết định tìm lời giải thích ở người bạn đi cùng với mình. Ở tất cả những người gặp trên đường đều có nét mặt băn khoăn lo nghĩ. Họ đang vội vã đi đâu đó, đang bận gì đó trong thành phố cũng như trên cánh đồng, nhưng kì thực sự hoạt động sôi nổi ấy không đem lại kết quả nào. Ngược lại tôi chưa bao giờ được trông thấy những cánh đồng được canh tác tồi tệ hơn, những nhà cửa được xây dựng xấu hơn và những con người có bộ mặt đăm chiêu như thế, trong những bộ quần áo rách rưới nghèo nàn đến như vậy.

Ngài Munodi là người rất có tiếng tăm. Trong một số năm ông đã giữ chức thống đốc Lagado nhưng theo tham mưu của các vị thượng thư, ông bị cắt chức dường như vì không có khả năng đảm đương chức vụ. Nhưng dù sao ông không bị mất thiện cảm của quốc vương, ngài đánh giá ông là một người đáng tin cậy, tốt bụng dù có hơi nông cạn. Munodi trả lời một cách thận trọng và ngắn gọn. Ông chỉ hạn chế bằng các nhận xét rằng tôi ở đây quá ít thời gian để có thể rút ra những nhận định đúng đắn về con người và đất nước của nó, rằng mọi dân tộc đều có phong tục và tập quán của riêng mình, rồi lái câu chuyện sang một chủ đề khác. Nhưng khi chúng tôi đã quay trở về nhà, ông hỏi tôi có thích ngôi nhà của ông không, tôi có nhận thấy thiếu sót nào đó trong kiến trúc của ngôi nhà hay không, tôi có những nhận xét gì về vẻ bề ngoài và cách ăn mặc của những người hầu của ông không. Ông đã có thể bình tĩnh đặt những câu hỏi đại loại như: tất cả ở chỗ ông hoàn toàn bình thường, được khác biệt bởi sự trang nhã và sang trọng không? Tôi trả lời là trí thông minh, sự hiểu biết và sự giàu có của ông có thể giúp đỡ ông tránh khỏi tất cả những phi lý mà những người đồng hương của ông bị ràng buộc bởi sự thiếu suy xét, hoặc sự khốn cùng cùng cực. Về điều này Munodi nhận xét là những cuộc nói chuyện đại loại như vậy tốt hơn cả là tiến

hành ở biệt thự ngoại ô của ông, cách thành phố chừng hai mươi dặm. Ông đề nghị ngày mai sẽ đi đến đấy và tôi rất vui lòng về điều này.

Dọc đường, Munodi lưu ý tôi tới các phương pháp khác nhau được các trại chủ sử dụng để canh tác đất. Tất cả các phương pháp này tôi hoàn toàn không biết và khó hiểu vì chỉ trừ ngoại lệ rất hiếm, tôi không thể nào thấy một bông lúa hay một cọng cỏ nào trên các cánh đồng. Nhưng sau ba giờ đi đường, phong cảnh hoàn toàn đổi khác. Xuất hiện những căn nhà xinh đẹp của nông dân, những cánh đồng có rào giậu, những vườn nho, những cánh đồng đã cày xới, những ruộng lúa tươi tốt, những đồng cỏ xanh rì. Từ lâu tôi chưa từng thấy một phong cảnh đẹp mắt đến như vậy. Munodi sau khi nhận thấy vẻ mặt của tôi tươi tỉnh lên, ông nói với tôi là từ đây bắt đầu lãnh địa của ông. Đồng thời ông thở dài một cách nặng nề nói thêm rằng, những người đồng hương của ông khinh thường ông vì ông đã cai quản sản nghiệp tồi đến như vậy và đã nêu một tấm gương xấu.

Cuối cùng chúng tôi đã tới gần nhà. Đó là một ngôi nhà lộng lẫy với kiểu kiến trúc cổ tuyệt đẹp. Những vòi phun nước, những vườn cây, những đường đi trồng cây hai bên, những cánh rừng, tất cả được sắp đặt rất thông minh và thẩm mỹ rất cao. Tôi không tiếc lời khen ngợi những gì mà tôi thấy, nhưng vị chủ nhân của nó chẳng để ý gì đến những lời của tôi. Sau khi ăn bữa chiều, khi chúng tôi chỉ còn lại một mình, chủ nhân với vẻ buồn rầu nói rằng thỉnh thoảng ông có ý nghĩ sẽ dựng lại ngôi nhà của mình theo những mốt mới nhất và tiến hành các biện pháp canh tác mới nhất với lãnh địa của mình. Ngược lại, ông đã mạo hiểm lôi kéo về mình những lời chỉ trích về tính kiêu ngạo, lập dị, thói làm bộ làm tịch, vô lễ, độc đoán cùng tất cả những gì gây ra sự bất bình của quốc vương. Còn quốc vương dù không có những cái đó cũng không tin tưởng vào ông. Ông bày tỏ nỗi lo ngại rằng sự kính phục của tôi sẽ bị nguội đi nhanh chóng khi ông thông báo cho tôi biết những chi tiết nào đó mà chắc tôi đã nghe thấy ở cung đình. Chính ở đó, nơi cung đình ấy, mọi người cứ đắm chìm trong suy tưởng cao siêu, chẳng có lúc nào chú ý đến những gì tạo ra trên mặt đất.

Thực chất câu chuyện của ông có thể đại lược như sau. Gần bốn mươi năm trước đây, một số cư dân của thủ đô được đưa lên Laputa. Họ đã ở trên đó năm tháng và trở lại với những kiến thức hết sức nông cạn về toán học nhưng lại tích lũy quá nhiều những điều khinh suất và hời hợt tiêm nhiễm trong bầu không khí ở trên đó. Trong thời gian lưu lại trên đó, những người này đã ăn sâu ý tưởng khinh mạn đối với tất cả những gì mà chúng tôi tạo ra và bắt đầu lập ra những dự án cải tổ lại khoa học, nghệ thuật, luật pháp, ngôn ngữ và kĩ thuật theo phương thức mới. Với mục đích này họ đã cạy cục xin được đặc ân của quốc vương cho lập Viện Hàn Lâm của những kẻ sính thảo dự án ở Lagado. Dự định này đã dẫn đến kết quả là chẳng một thành phố lớn nào lại không có một Viện như thế. Trong các Viện ấy các giáo sư chế tạo phương pháp mới canh tác đất đai và xây dựng nhà cửa, những công cụ và máy móc cho tất cả các ngành thủ công. Họ tin rằng nhờ những máy móc và công cụ ấy mà một người sẽ hoàn thành công việc của hàng chục người. Theo lời của họ khi sử dụng các phương tiện do họ tạo ra chừng một tuần lễ có thể xây dựng một cung điện bằng loại vật liệu chắc chắn đến mức cung điện sẽ tồn tại vĩnh viễn không cần bất kỳ sự sửa chữa nào, tất cả các hoa quả trên trái đất sẽ chín vào bất kỳ thời gian nào của năm, hơn nữa những hoa quả này sẽ có kích thước vượt các loại hiện có hàng trăm lần... Không thể nào kể hết bằng lời tất cả những dự án mang lại hạnh phúc cho loài người. Đáng tiếc là chẳng có một dự án nào được tiến hành cho đến cùng. Trong lúc đó đất nước vẫn chờ đợi lợi ích tương lai mà đi đến hoang tàn, nhà cửa đổ nát, dân chúng thì đói khát và rách rưới. [1]

Tuy nhiên tất cả các điều đó không làm nguôi lạnh lòng nhiệt thành của những kẻ sính thảo dự án. Ngược lại, được cổ vũ bởi niềm hy

vọng cũng như thất vọng như nhau, họ còn cố gắng thực hiện ráo riết hơn những dự án của mình vào cuộc sống.

Nhưng bản thân Munodi thì lại là một con người không tháo vát lắm, ông vẫn sống trong ngôi nhà do tổ tiên xây dựng và noi gương tổ tiên trong mọi việc, chẳng thực hiện điều gì mới mẻ. Một số người trong giới quyền quý và quý tộc bậc trung cũng xử sự như vậy. Người ta nhìn họ với sự khinh bỉ và không thân thiện, như là đối với các kẻ thù dốt nát của khoa học và những thành viên thù địch của xã hội, hy sinh sự phồn thịnh của xã hội bằng sự lười nhác và yên tĩnh của bản thân.

Để kết luận vị chủ nhân nói rằng ông không định thông báo cho tôi những tiểu tiết tiếp theo. Ông không muốn tôi mất niềm vui của tôi mà tôi chắc chắn sẽ có được khi tự mình đi thăm Viện hàn lâm vĩ đại, nơi ông quyết định sẽ dẫn tôi đến. Ông chỉ yêu cầu hãy chú ý đến những cảnh đổ nát nhìn thấy rõ ở trên sườn núi cách chúng tôi ba dặm.

Ngày xưa cách không xa ngôi biệt thự của chúng tôi có một cối xay nước tốt nằm bên một con sông lớn. Cối xay đã phục vụ chủ nhân của nó và tất cả những ai đến thuê. Gần bảy năm trước đây xuất hiện một đoàn các nhà thảo dự án đến chỗ cối xay với đề nghị phá bỏ cối xay này, xây dựng cối xay mới trên sườn núi. Trên đỉnh núi họ cho đào một con kênh dài, con kênh này sẽ dùng để chứa nước. Nước dự kiến bơm bằng các bơm đặc biệt vào kênh. Theo ý kiến của họ, nước tích tụ trên đỉnh núi sẽ được tăng cường sức mạnh bởi gió và không khí trong lành có khả năng đẩy nước trong các sông chảy mạnh hơn ở chỗ bằng phẳng, ngoài ra do chỗ chảy từ phía trên xuống, nước sẽ có một sức mạnh gấp đôi và vì thế cối xay sẽ làm việc nhanh gấp đôi chỗ kia. Đồng thời, quan hệ của ông với cung đình đang bị lung lay. Mong muốn chấn chỉnh lại quan hệ này ông chấp nhận đề nghị của họ theo lời yêu cầu của các bạn bè. Sau hơn hai năm xây dựng với sự tham gia của hơn một trăm người, công trình bị đổ vỡ. Những nhà dự thảo trốn biệt và đổ tất cả lỗi lầm cho ông. Từ đó đến nay họ thường xuyên chế giễu ông và xúi giục những người khác thực hiện những thử nghiệm tương tự cũng với bảo đảm thành công như thế.

Sau đó vài ngày chúng tôi quay trở về thành phố. Vị chủ nhân đã có thanh danh không được tốt trong Viện hàn lâm. Bởi thế ông không định dẫn tôi đến đấy mà tự mình giao phó tôi cho một người bạn của mình. Vị chủ nhân của tôi giới thiệu tôi như là một người quan tâm tới các dự án rất hiếu kỳ và nhẹ dạ. Nhưng dù sao điều đó cũng không xa với sự thật vì lúc trẻ tôi cũng là một người sính thảo dự án lớn.

Chú thích [1] Chương này chế nhạo cơn sốt đầu cơ của các năm 1719, 1720 và 1721. Khi đó ở Anh xuất hiện vô số các công ty cổ phần và hội thương mại, mà những kẻ tổ chức các công ty và các hội này là những kẻ doanh lợi tháo vát và những kẻ phiêu lưu- hấp dẫn công chúng nhẹ dạ vào những kế hoạch hết sức viễn tưởng của sự làm giàu nhanh. Những công ty và hội này có thể gọi là “những bong bóng xà phòng” bị tan vỡ cũng nhanh chóng như là xuất hiện, đôi khi chúng đưa những người đóng góp cổ phần tới cảnh phá sản hoàn toàn. Về chủ đề này Swift đã viết tác phẩm châm biếm gọi là “ Kinh nghiệm về các bong bóng xà phòng Anh”.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 5

iện hàn lâm chiếm một số căn nhà bị bỏ hoang nằm ở cả hai mặt phố, thích hợp cho công việc của Viện. Vị chủ tịch đón tôi rất niềm nở và tôi đã thăm ở Viện không ít ngày. Trong mỗi một phòng đều có một hoặc một số nhà thảo đề án làm việc. Tôi nhớ là tôi đã đi thăm chừng năm trăm căn phòng.

Nhà bác học đầu tiên mà tôi ghé thăm là một người gầy nhom có khuôn mặt và những bàn tay ám khói, áo khoác ngoài, áo sơ mi và da của ông cũng có cùng một màu như vậy, còn bộ tóc dài rối bù và chòm râu bị cháy xém từng đám. Tám năm trời ông nghiên cứu dự án rút tia nắng mặt trời từ dưa chuột. Những tia sáng ấy ông có ý định tập hợp vào các chai con nút kín mít để trong trường hợp mưa và lạnh của mùa hè thì sưởi nóng bầu không khí bằng các tia sáng ấy. Ông biểu lộ niềm tin rằng qua tám năm trời ông có thể cung cấp tia sáng mặt trời giá phải chăng cho các vườn của viên thống đốc. Nhưng ông than phiền là ông dự trữ không được nhiều và yêu cầu tôi tặng ông cái gì đó để khuyến khích khả năng sáng tạo của ông, hơn nữa dưa chuột năm đó rất đắt. Tôi tặng ông một tặng phẩm nho nhỏ mà vị chủ nhân của tôi đã phòng xa trước giao cho tôi. Vị chủ nhân biết quá rõ thói quen của các nhà khoa học hỏi xin các vị khách đến thăm một tặng phẩm nào đấy.

Tôi cũng gặp một nhà khoa học khác, thử biến đổi băng thành thuốc súng bằng cách nung nó trong ngọn lửa rất mạnh. Ông cũng cho tôi xem công trình do ông viết về tính dễ rèn của ngọn lửa mà ông dự tính công bố.

Ở đó còn có một kiến trúc sư đầy sáng tạo đã nghĩ ra phương pháp xây dựng nhà mới. Công việc xây dựng phải được bắt đầu từ mái và kết thúc ở móng. Ông biện bạch với tôi là phương pháp này xuất phát từ việc học tập hai côn trùng thông minh, ong và nhện.

Ở đó có một người bị mù từ khi mới đẻ. Một số học sinh mù học cách trộn màu cho một nhà hội họa dưới sự hướng dẫn của ông. Giáo sư dạy họ nhận biết màu sắc bằng khứu giác và xúc giác. Tiếc thay những con người này không thể thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, còn chính giáo sư cũng thường xuyên nhầm lẫn. Nhà bác học ấy lại được các đồng nghiệp của mình hết sức kính trọng.

Trong căn phòng khác, tôi đã hết sức vui mừng khi gặp một nhà lập đề án lớn, khám phá ra phương pháp cày ruộng nhờ lợn. Phương pháp này hẳn đã giảm chi phí cho các nhà trồng trọt vào những công việc cày ruộng, nuôi gia súc kéo và thuê thợ cày. Phát minh đó như sau: trên cánh đồng, bạn hãy đào hố sâu xuống chừng tám inch và cách nhau chừng sáu inch, bỏ xuống đó hạt dẻ, chà là, hạt sồi và các loại rau quả khác mà lợn rất thích. Sau đó bạn hãy đuổi vào cánh đồng ấy một đàn chừng sáu trăm con lợn hoặc hơn nữa. Trong vài ngày, để tìm kiếm các thứ rau quả chôn vùi, chúng sẽ đào xới đất, làm cho đất tơi xốp có thể gieo trồng được. Đồng thời chúng sẽ bón phân cho đất. Sự thật, qua kinh nghiệm cho thấy cách sử lý đất như thế này gây ra khá nhiều phiền toái và các chi phí trong khi năng suất thu

hoạch chẳng có gì hứa hẹn. Tuy nhiên, tất cả tin phát minh này nếu được hoàn thiện nữa chắc sẽ cho lợi nhuận lớn.

Tôi rẽ vào phòng tiếp theo, ở đó tường và trần nhà chăng đầy mạng nhện. Chỉ có một lối đi hẹp ở giữa cho nhà phát minh. Khi tôi vừa mới xuất hiện ở cửa, nhà bác học đã kêu lớn để tôi cẩn thận hơn và không làm hỏng mạng nhện của ông. Ông bắt đầu than thở về những nhầm lẫn mà ngày xửa ngày xưa loài người đã mắc phải. Từ trước đến nay, mọi người vẫn phải sử dụng tơ của tằm dâu. Trong khi đó, thuộc quyền sử dụng của chúng ta còn vô số côn trùng mà về khả năng của chúng thì ưu việt hơn tằm dâu rất nhiều, những con tằm thì chỉ nhả tơ, còn chúng thì nhả cả tơ và dệt nữa. Hơn nữa ông nói tiếp rằng, thay thế tơ tằm bằng tơ nhện chúng ta sẽ tránh mọi chi phí nhuộm màu cho vải. Tôi cũng tán thành với ông, khi ông chỉ tôi vô số con ruồi nhiều màu sắc dùng để nuôi nhện. Theo lời ông, màu sắc của các con ruồi ấy phải được truyền cho vải tơ nhện được làm ra. Bởi vậy, nhà bác học sắp xếp ruồi thành các loại màu khác nhau với hy vọng sẽ thỏa mãn sở thích của bất kỳ người tiêu dùng nào. Ông chỉ còn phải đi tìm loại thức ăn thích hợp cho ruồi dưới dạng keo gỗ và các chất khác có thể tạo cho tơ nhện độ dày và độ bền[1].

Ở đó có một nhà thiên văn có ý định đặt đồng hồ mặt trời lên mũi tên lớn chỉ hướng gió của tòa thị chính. Để làm việc đó, ông cần phải tính toán chính xác các trường hợp chuyển động hàng ngày và hàng năm của trái đất cùng các thông số ngẫu nhiên liên quan đến hướng gió.

Tôi còn đi thăm nhiều phòng khác nữa nhưng tôi không muốn làm phiền bạn đọc bởi việc mô tả các vật kỳ lạ mà tôi đã nhìn thấy. Tôi chỉ muốn dừng lại ở hoạt động của một nhà bác học nổi tiếng, được đặt biệt danh là "thiên tài vạn năng". Theo lời ông, ông đã dành ra ba mươi năm để cải thiện cuộc sống của con người.

Ông chiếm trọn hai căn phòng lớn, chứa đầy những vật hết sức kỳ lạ, năm mươi người thuộc hạ làm việc dưới sự điều khiển của ông. Một số thì cô không khí thành một chất đặc, rồi rút từ đấy ra diêm tiêu và chắt lọc các phần tử chứa nước[2], một số khác, nghiền tán đá hoa để làm nệm và đệm cài kim găm, số thứ ba cố gắng bổ sung cho pháo đài những hòn đá làm bằng móng ngựa sống để pháo đài thêm vững chắc. Còn bản phần nhà bác học lúc đó đang bận nghiên cứu hai phát minh vĩ đại. Thứ nhất, đó là gieo thóc lép, mà trong thóc lép theo ý kiến ông chứa đựng một năng suất chính. Ông chứng minh điều đúng đắn của ý kiến này bằng vô số thí nghiệm mà do sự dốt nát của tôi, cuối cùng tôi vẫn hoàn toàn chẳng hiểu gì. Vấn đề thứ hai mà ông nghiên cứu giải quyết, đó là chế tạo một loại mỡ bôi có các thành phần hết sức phức tạp. Nhờ thứ mỡ bôi này mà có thể làm cừu non ngừng mọc lông. Nhà bác học hi vọng một tương lai không xa sẽ nhân giống loại cừu trần trụi trên khắp vương quốc.

Trong những căn nhà ở mặt kia của đường phố đặt phân Viện của Viện Hàn Lâm, ở đó có các nhà lập dự án về nghiên cứu khoa học trừu tượng.

Vị giáo sư đầu tiên mà tôi gặp ở đây làm việc trong một căn phòng lớn với bốn mươi học sinh vây quanh. Chúng tôi chào nhau và tôi bắt đầu đi thăm quan căn phòng. Tôi rất kinh ngạc trước một khung rộng chiếm phần lớn căn phòng. Nhận thấy điều đó vị giáo sư giải thích cho tôi là ông nghiên cứu tạo ra một dụng cụ cơ khí đặc biệt dùng để khám phá các chân lý trừu tượng. Ông cho rằng các ý định loại này ngay từ lúc ban đầu có thể khiến tôi kinh ngạc. Nhưng ông hoàn toàn không nghi ngờ gì về việc ngay lập tức thế giới sẽ đánh giá đầy đủ dự án của ông. Chưa từng có một ý tưởng vĩ đại và cao quý nào hơn nảy sinh ra trong đầu của ai đó. Mỗi người, ai cũng đều

biết là nghiên cứu khoa học và nghệ thuật theo phương pháp phổ biến khó như thế nào. Hơn nữa nhờ phát minh của ông, một người dốt nát và bất tài nhất chỉ hao tổn sức lực và tiền của không lớn cũng có thể viết sách về triết học, thơ ca, chính trị, luật, toán học và thần học. Sau đó ông dẫn tôi tới bên khung lớn có các học trò của ông đứng cạnh. Khung này có diện tích hai mươi foot vuông và được đặt ở chính giữa phòng. Mặt của khung cấu tạo từ vô số các bảng gỗ nhỏ, mỗi cái có kích thước bằng con xúc xắc - một số lớn hơn, một số khác nhỏ hơn. Tất cả được liên kết với nhau bởi một dây thép nhỏ. Các bảng có dán một mẩu giấy, trên các mẩu giấy ấy có ghi tất cả các từ bằng ngôn ngữ Balnibarbi dưới các dạng, thời và cách khác nhau, nhưng không theo một trật tự nào cả. Giáo sư yêu cầu thận trọng bởi vì ông định cho cỗ máy của mình chạy. Theo lệnh ông, các học sinh nắm lấy các tay nắm bằng sắt được lắp ở viền khung và quay nhanh chúng. Tất cả các bảng quay chuyển động và sự sắp xếp các từ hoàn toàn thay đổi. Khi đó giáo sư ra lệnh ba mươi sáu học sinh đọc chậm các dòng chữ được hình thành theo trật tự sắp đặt trong khung. Nếu như xảy ra việc ba hay bốn chữ tạo thành một phần của câu có ý nghĩa, thì người ta đọc nó cho bốn học sinh còn lại thực hiện vai trò người chép lại. Sự luyện tập này thực hiện lặp đi lặp lại ba hoặc bốn lần. Cỗ máy được thiết kế sao cho sau mỗi lần quay các bảng và xê dịch chúng thì các từ được sắp đặt lại theo một kiểu mới.

Các học sinh thực hiện các bài luyện tập sáu giờ một ngày và vị giáo sư chỉ cho tôi xem vô số cuốn sách to ghi lại các đoạn câu tương tự. Trên cơ sở các tài liệu phong phú này, giáo sư dự định biên soạn một bài tổng quát chung đầy đủ tất cả các khoa học và nghệ thuật. Hoàn toàn dễ hiểu là nhiệm vụ của ông sẽ nhẹ nhàng đi rất nhiều nếu như ông thu thập đủ số tiền để trang bị năm trăm cỗ máy như thế ở Lagado và bắt những người chỉ đạo thu thập các câu do máy đó thực hiện. Ông kể cho tôi biết rằng phát minh này ngay từ những năm còn trẻ đã thu hút mọi suy tưởng của ông. Hiện nay, trên các bảng con của cỗ máy đã ghi lại được một cuốn từ điển đầy đủ về ngôn ngữ Balnibarbi. Hơn thế nữa ông có thể tính chính xác tỷ lệ các danh từ, động từ và các thành phần khác của ngôn ngữ được sử dụng trong cuốn sách.

Tôi tỏ lòng biết ơn sâu sắc con người đáng kính trọng này vì nhã ý của ông đã cho tôi biết bí mật của phát minh vĩ đại, và tôi hứa rằng khi nào đó tôi được trở về Tổ quốc sẽ suy tôn ông là nhà phát minh duy nhất của chiếc máy kỳ diệu này. Tôi yêu cầu ông cho phép vẽ lại cỗ máy này. Tôi nói với ông rằng mặc dù ở châu Âu giữa các nhà bác học có thói quen ăn cắp phát minh của nhau, nhưng tôi hứa sẽ thi hành mọi biện pháp để danh tiếng của phát minh này sẽ lấn át tất cả đi không ai có thể bài bác nó được.

Sau đó chúng tôi đi sang trường ngôn ngữ. Ở đó có ba giáo sư đang thảo luận những dự án khác nhau để hoàn thiện ngôn ngữ của tiếng mẹ đẻ. Dự án đầu tiên đề nghị làm đơn giản hóa ngôn ngữ hội thoại, chuyển đổi tất cả các từ đa âm tiết thành các từ đơn âm tiết và vứt bỏ các động từ và hình động từ. Tác giả chỉ ra rằng chỉ có danh từ mới phù hợp với các đối tượng danh từ. Dự án thứ hai đòi hủy bỏ hoàn toàn tất cả các từ. Tác giả dự án này vin cớ chủ yếu do lợi ích của anh ta đối với sức khỏe và tiết kiệm thời gian. Hoàn toàn hiển nhiên là phát âm các từ làm mỏi cổ họng và phổi và do vậy làm rút ngắn tuổi thọ của chúng ta. Còn bởi thực chất từ chỉ là gọi tên các đồ vật, vậy tiện lợi hơn cả là mang trên người các đồ vật cần thiết để thể hiện tư duy và nguyện vọng của chúng ta.

Phát minh này rất có lợi cho sức khỏe và chắc chắn sẽ được phổ biến rộng rãi. Nhưng giới phụ nữ thông đồng với đám dân đen đe dọa nổi dậy khởi nghĩa. Họ kiên quyết yêu cầu sao cho ngôn ngữ được tự do hoàn toàn. Sự thật, đám dân đen là kẻ thù không đội trời chung của khoa học. Hơn nữa, nhiều nhà bác học và những con người thông thái sử dụng phương pháp giao tiếp mới nhờ các đồ vật. Tình

trạng bất tiện duy nhất của nó là những người cùng nói chuyện gặp nhau ai cũng vác theo một cái tay nải lớn có các đồ vật khác nhau cần thiết cho việc hội thoại. Tôi cũng đã có dịp nhìn thấy hai con người thông thái như thế còng lưng xuống như những người bán hàng rong dưới sức nặng của bao tải lớn đồ vật. Khi gặp nhau trên đường phố, họ bỏ bao tải khỏi vai, mở chúng ra và lấy các đồ vật cần thiết để tiến hành cuộc nói chuyện như vậy. Sau đó họ sắp xếp lại bao tải đồ, vác lên vai, chào nhau và chia tay.

Hơn nữa đối với các cuộc nói chuyện ngắn gọn và không mấy phức tạp lắm có thể mang tất cả đồ vật cần thiết trong túi hoặc dưới nách, còn khi nói chuyện trong tình huống ở nhà thì tất cả những khó khăn tương tự sẽ dễ dàng bị loại bỏ. Chỉ cần xếp đầy phòng những đồ vật đa dạng nhất ở nơi mà những người theo thứ ngôn ngữ này tụ hội.

Điểm ưu việt nhất của ngôn ngữ này là tính quốc tế của nó. Ở tất cả các dân tộc văn minh đồ gỗ và các đồ đạc trong nhà cũng khá giống nhau. Nhờ đó các sứ thần có thể dễ dàng nói chuyện với quốc vương và các vị thượng thư nước ngoài nhờ có các đồ vật trong khi họ hoàn toàn không biết ngôn ngữ của nhau.

Tôi cũng đã đến thăm cả trường toán. Ở đây, việc giảng dạy cũng tiến hành theo phương pháp dường như cũng có ở châu Âu chúng ta. Mỗi một định lý cùng với phần chứng minh được chép lại một cách cẩn thận vào một viên thuốc nhỏ bằng thứ mực là thuốc nước chống đau đầu. Học sinh nuốt viên thuốc đó lúc đói và ba ngày sau đó không ăn gì ngoài bánh mỳ và nước lã. Khi viên thuốc được tiêu hóa, thuốc nước sẽ dâng lên não của học sinh và đưa theo cả định lý. Tuy nhiên đến nay kết quả của phương pháp này cũng không đáng kể. Một phần người ta giải thích là do có sai sót gì đó trong việc xác định liều lượng và thành phần của thuốc nước, một phần, do tính nghịch ngợm của các cậu bé rất thù địch với loại thuốc viên này, chúng thường đi ra một phía và ngay lập tức nhổ nó ra. Hơn nữa đối với chúng không thể nào tuân theo quy tắc ba ngày ăn chay bắt buộc để cho thuốc nước ngấm được.

Chú thích [1] Vào năm 1710 một người Pháp tháo vát tên là Bon đã xuất bản một cuốn sách mỏng trong đó đề ra phương pháp sản xuất tất và găng tay từ tơ nhện. Những thí nghiệm tương tự tuy không mang tới kết quả nhưng vẫn tiếp tục cho mãi sau này.

[2] Vào thời của Swift người ta chưa còn biết rõ thành phần của không khí.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift
www.dtv-ebook.com

Chương 6

rong trường của những nhà lập dự án chính trị tôi được đón tiếp không lịch sự lắm. Hơn nữa các giáo sư trong trường này theo cách nhìn nhận của tôi là những người hoàn toàn bị mất trí và cảnh tượng ấy luôn luôn đập vào mắt tôi. Những kẻ tìm tòi bất hạnh này có thể thuyết phục các quốc vương chọn lựa những người sủng ái trong số những con người thông minh, có năng lực và có đức hạnh; dạy các vị thượng thư quan tâm đến lợi ích chung, chỉ ban thưởng những người có cống hiến xuất sắc cho xã hội, những quyền lợi chân chính của họ phù hợp với quyền lợi của nhân dân và trao chức vụ chỉ cho những người xứng đáng. Vô số những mơ tưởng hầu như kỳ quặc và không thể thực hiện được hoàn toàn xa lạ với những con người có đầu óc bình thường lại được sinh ra trong đầu của những kẻ mất trí này[1]. Khi theo dõi họ, lại một lần nữa tôi tin vào tính đúng đắn của một câu châm ngôn cổ, là trên thế gian này không có những điều phi lí nào mà không có các trợ thủ của mình trong số các nhà triết học.

Tuy nhiên, tôi cũng cần phải đánh giá đúng đắn phần việc này và thừa nhận rằng ở đây không phải tất cả các nhà bác học là những kẻ mơ mộng như vậy. Tôi đã được làm quen với một tiến sĩ rất thông minh, người đã nghiên cứu tự nhiên và cơ chế điều hành quốc gia đến mức hoàn thiện. Đó là một người nổi tiếng nghiên cứu có kết quả việc tạo ra các thuốc mới chữa khỏi các bệnh cả về thể xác và đạo lý, làm đau đớn những đại diện của quyền lực. Xuất phát từ quan niệm cho rằng cơ thể của người và nhà nước có sự giống nhau hoàn toàn, ông khẳng định rằng những bệnh tật do chế độ nhà nước gây nên - những tật xấu của nhà cầm quyền và sự trụy lạc của những người điều hành - cần chữa trị nhờ những thuốc chữa bệnh gây nên bằng các nguyên nhân thực thể. Ai cũng biết là các nguyên lão nghị viện thường mắc bệnh văn chương dài dòng, tính dễ nổi nóng và những thói xấu khác nữa; những bệnh của não và đặc biệt của tim; chúng co giật mạnh cùng với sự co rút đau đớn các dây thần kinh và hệ cơ của cả hai tay và đặc biệt ở tay phải[2]; chứng tiết nhiều mật, chóng mặt, hoang tưởng; các u tràng nhạc, ăn khỏe, bội thực và hàng loạt các bệnh khác mà không thể nào liệt kê ra hết được. Bởi thế vị giáo sư tiến sĩ đề nghị: tất cả các lần triệu tập nghị viện, cử một số bác sĩ có kinh nghiệm làm công cán trong ba phiên họp đầu tiên. Khi kết thúc các buổi thảo luận những bác sĩ này nhất thiết phải bắt mạch ở tất cả các nguyên lão nghị viện và theo dõi họ. Xác định được ai trong số đó mắc bệnh gì sau khi khám cẩn thận, trong ngày thứ tư các bác sĩ phải xuất hiện sớm trong buổi họp, trước khi khai mạc phiên họp trao cho mỗi nghị viện: thuốc an thần, thuốc nhuận tràng, thuốc tẩy, thuốc đắng, thuốc chát, thuốc làm suy nhược, thuốc chống đau đầu, thuốc chống tiết mật, thuốc chống ráy tai, tùy theo loại bệnh. Sau khi kiểm tra tác dụng của các thuốc này, trong phiên họp sau bác sĩ phải cho uống tiếp hoặc thay thuốc hoặc ngừng uống thuốc.

Thực hiện dự án này vào cuộc sống không đòi hỏi các chi phí lớn, hơn nữa dự án ấy theo ý kiến khiêm tốn của tôi có thể đem lại nhiều

lợi ích cho các nước; mà thượng nghị viện tham gia vào việc lập pháp: đem lại sự nhất trí, giảm bớt hội họp, mở miệng của một số người hiện nay đang ngậm, làm im mồm những kẻ xưa này vẫn nói nhiều hơn cả, làm giảm tính bồng bột của tuổi trẻ và làm mềm dịu tính cứng rắn của tuổi già, làm thức tỉnh những kẻ ngu đần, làm nguội bớt những người nóng nảy.

Dự án thứ hai của nhà bác học thâm thúy này như sau: mọi người phàn nàn rằng những cận thần của quốc vương đều mắc bệnh trí nhớ kém. Bởi thế giáo sư đề nghị mỗi người khi được đến triều kiến ở tể tướng, sau khi trình bày thật ngắn gọn và rõ ràng nhất thực chất của công việc, khi từ biệt hãy kéo mũi ông ấy hoặc đạp cho ông ấy một đạp vào bụng, hoặc đụng đến chỗ đau, hoặc béo tai, hoặc dùng kim găm chọc, hoặc véo tay đến bầm tím để khắc phục tính hay quên của bậc tể tướng. Nên lặp đi lặp lại thao tác đó trong mỗi lần bệ kiến khi điều thỉnh cầu còn chưa được thực hiện, hoặc khi chưa nhận được lời từ chối dứt khoát.

Ông còn đề nghi mỗi một vị nguyên lão nghị viện sau khi phát biểu xong ý kiến của mình thì bỏ phiếu cho ý kiến đối lập trực tiếp. Ông cam đoan rằng khi tuân theo nguyên tắc này kết quả bỏ phiếu sẽ luôn luôn có lợi cho xã hội.

Nếu sự chia bè phái có tính chất khá gay gắt, ông đề xuất một biện pháp quan trọng để lập lại trật tự. Cần phải lấy hàng trăm người của mỗi phái, phân chia thành từng cặp sao cho đầu của những người trong từng cặp có cùng một cỡ. Sau đó hai nhà phẫu thuật cưa đồng thời phần chẩm của cả hai người hai cặp và đổi chẩm của người này cho người kia. Sự phẫu thuật ấy đòi hỏi độ chính xác hết sức cao, nhưng giáo sư làm chúng tôi tin rằng nếu như phẫu thuật được tiến hành tốt thì bảo đảm cho việc bình phục: hai nửa não được lấy từ những người thuộc các phe phái đối địch và được gắn chặt trong phạm vi của một hộp sọ, sẽ nhanh chóng đi đến thống nhất tốt đẹp và kết hợp với nhau. Khi đó trong các đầu của những người chịu tác động của cuộc giải phẫu này sẽ có tính điều độ đúng mực, cần thiết đối với những người hình dung rằng mình có trách nhiệm điều khiển thế giới. Sự thật cũng có nỗi lo lắng nếu lắp não của một người ngu vào đầu của một người thông minh thì người kia cũng sẽ trở thành ngu đần. Nhưng tiến sĩ tin rằng trí thông minh lẫn khả năng của những thủ lĩnh các phe phái đối lập thường rất ít và do đó chẳng cần mảy may chú ý gì tới điều đó.

Tôi cũng có mặt khi có cuộc tranh cãi kịch liệt giữa hai giáo sư về việc làm thế nào để thu thuế một cách nhẹ nhàng và dễ dàng hơn, sao cho dân chúng không cảm thấy gánh nặng của thuế má. Một giáo sư khẳng định rằng hợp lý hơn cả là thu thuế các thói xấu và tệ nạn, còn vấn đề quyết định thu bao nhiêu của ai thì do một Ủy ban đặc biệt của dân địa phương, tất nhiên những người này có thể đánh giá không thiên vị những thói xấu của láng giềng. Giáo sư thứ hai bảo vệ cho ý kiến đối lập; sự thu thuế cần phải đánh vào tính cách tâm hồn và thể xác mà người ấy đánh giá mình cao hơn cả: lượng thuế được xác định bởi chính người nộp phụ thuộc vào ý kiến của anh ta về bản thân. Thuế đánh cao vào tài hóm hỉnh, lòng dũng cảm và tính lễ độ. Tuy nhiên danh dự, tính công bằng, thông minh và trí thức không phải nộp thuế vì rằng việc đánh giá chúng khá chủ quan và không thể nào tìm thấy người nào thừa nhận chúng có ở những người xung quanh mình hoặc giả đánh giá chúng ở bản thân mình một cách đúng đắn.

Vị giáo sư khác đã chỉ cho tôi xem một tuyển tập lớn về các phương pháp khám phá bí mật các vụ âm mưu. Ông giới thiệu cho các bậc trí giả của quốc gia biết những kẻ bị tình nghi ăn uống như thế nào, thời gian nào họ ngồi vào bàn, ngủ nằm nghiêng bên nào và thu thập những tin tức đại loại như vậy về cuộc sống thường ngày của họ.

Tất cả những điều nghị luận được ghi lại với tính chất sâu sắc cao và chứa đựng trong đó nhiều quan sát có ích, đáng chú ý cho

những chính khách, mặc dù những quan sát ấy đối với tôi dường như chưa thật đầy đủ. Tôi đánh bạo nói với tác giả về điều đó và đề nghị nếu ông muốn, tôi sẽ bổ sung một số điểm. Ông chấp nhận đề nghị của tôi với lòng biết ơn sâu sắc như điều thường xảy ra ở các nhà văn và đặc biệt ở người thảo dự án, và tuyên bố rất vui lòng tiếp nhận những nhận xét của tôi vào tập tài liệu.

Khi đó tôi kể với ông ấy là ở vương quốc Tribnia mà thổ dân quen gọi là Langdon[3], nơi tôi ngẫu nhiên có mặt trong một chuyến du lịch, phần lớn dân chúng gồm toàn những chỉ điểm, nhân chứng, người cáo giác, nguyên cáo, người chứng kiến, các bồi thẩm cùng với vô số thuộc hạ và tay sau được các thượng thư và các trợ thủ của họ trả lương. Các vụ âm mưu trong vương quốc này thường là việc của những ai muốn đề xuất ra một chính sách tinh tế, củng cố thêm lực lượng mới trong các cơ quan chính quyền đã già cỗi, bóp nghẹt hoặc đánh lạc hướng sự bất mãn xã hội, nhét đầy hòm rương của mình những của cải tịch thu được, củng cố hay phá hoại lòng tin vào quốc gia tùy theo cái gì có lợi cho họ hơn. Trước hết, họ ước định với nhau ai trong số những người bị tình nghi dính líu vào vụ âm mưu; sau đó họ tung mọi phương tiện để thu thập tất cả các giấy tờ và thư từ của những người ấy và chính họ bắt những người ấy bỏ ngục Những giấy tờ và thư từ bị chiếm đoạt được giao vào tay các chuyên gia và những bậc thầy trong việc khám phá những ý nghĩa bí mật của các từ, các âm tiết và chữ cái. Chẳng hạn họ chẳng khó nhọc gì cũng xác minh được rằng đàn ngỗng ám chỉ nghị viện; chó đẻ là kẻ có tham vọng; cú vọ là tể tướng; bệnh thống phong là tổng giáo chủ; cái giá treo cổ là lục sự quốc gia; cái chổi là cách mạng; cái bẫy chuột là công vụ quốc gia; giếng không đáy là ngân khố; cái hố rác là triều đình, cái mũ của thằng ngốc là viên cận thần; cây sậy gãy là pháp Viện; thùng rỗng là vị tướng; vết thương đang mưng mủ là hệ thống quản lý.

Giáo sư nồng nhiệt cám ơn tôi vì những điều nêu ra này và hứa sẽ đưa tên tôi vào vị trí quan trọng trong bản luận văn của mình.

Chẳng còn gì khiến tôi quan tâm hơn nữa đến đất nước này và tôi bắt đầu nghĩ tới việc quay trở về Anh.

Chú thích [1] Ở đây dễ dàng thấy dưới hình thức chế nhạo ẩn náu những quan điểm đúng đắn của bản thân Swift.

[2] Swift ngụ ý chế giễu việc ăn hối lộ.

[3] Tribnia và Langdon – là cách hoán vị các chữ cái ám chỉ Britannia và London (Anh)

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 7

ôi có cơ sở để nghĩ rằng lục địa trên đó có vương quốc này nằm ở phía Đông của các vùng đã được nghiên cứu ở Châu Mỹ, kéo dài tới phía Tây California. ; Thái Bình Dương nằm ở phía Bắc của lục địa. Nằm trên khoảng cách không quá một trăm năm mươi hải lý cách Lagado có một hải cảng tuyệt đẹp là Maldonada, nơi tiến hành các hoạt động buôn bán sôi động với hòn đảo lớn Luggnagg nằm ở phía Tây Bắc gần vĩ tuyến 29° Bắc và kinh tuyến 140° Tây. Đảo Luggnagg nằm ở Đông Nam Nhật Bản, cách chừng một trăm dặm Anh. Hoàng đế Nhật Bản và quốc vương Luggnagg đã ký kết liên minh và giữa những đảo này duy trì mối giao dịch thường xuyên. Bởi thế tôi quyết định đến Luggnagg với hy vọng qua Nhật Bản trở về châu Âu.

Để đến được Maldonada, từ đó tàu sẽ đưa tôi đến Luggnagg, tôi thuê một người dẫn đường với 2 con la. Sau đó tôi ghé thăm người bảo trợ tôi là Munodi, ông tặng tôi một món quà quý và tôi bắt đầu lên đường.

Chuyến đi này của tôi không có một chuyện phiêu lưu nào đáng kể cả. Trong chuyến đi đến Maldonada tôi không tìm được một con tàu nào rời đi Luggnagg. Ở cảng người ta nói với tôi rằng hành trình gần nhất đến hòn đảo đó sẽ có ít nhất là sau một tháng nữa. Cần phải chờ đợi. Tôi ghé vào khách sạn của thành phố. Ngay lập tức tôi đã bắt quen với một số người. Một nhà quý tộc nói với tôi rằng do chỗ tôi còn lưu lại đây ít nhất một tháng nữa, bởi vậy tôi nên tiến hành một cuộc hành trình đến hòn đảo nhỏ Glubbdubdrib, nằm cách đây năm dặm Anh về phía Tây Nam. Ông đề nghị sẽ đưa tôi đi cùng với bạn bè của ông và thực hiện chuyến đi đến đó trên một chiếc xuồng nhỏ tiện lợi.

Từ Glubbdubdrib khá dễ hiểu đối với tôi về mặt ngữ nghĩa của nó, có nghĩa là hòn đảo của các thầy phù thủy hoặc đồng cốt. Hòn đảo này nhỏ hơn đảo Wight[1] ba lần và rất giàu có, do một người đứng đầu bộ tộc chỉ gồm toàn các thầy phù thủy cai quản. Dân cư của đảo tiến hành hôn nhân chỉ trong nội bộ đảo và người cao tuổi nhất là nhà cầm quyền của đảo hay còn gọi là chúa đảo. Ông có một cung điện lộng lẫy với một khu vườn rộng chừng ba nghìn mẫu Anh, được bao bọc bởi một bức tường đá cao chừng hai mươi phút. Những khu vực đặc biệt, được rào giậu che kín dùng cho chăn nuôi, trồng lúa mì và làm vườn.

Những người hầu và người trong gia đình ông có hình dạng hơi không bình thường. Nhờ biết rõ thuật gọi hồn[2], chúa đảo có thể gọi những người chết theo ý muốn của mình và buộc họ phục vụ mình. Tuy nhiên quyền lực của ông trước người được gọi lên chỉ kéo dài không quá hai mươi bốn giờ; ngoài ra, không phải lúc nào cũng được gọi người đó mà chỉ ba tháng một lần.

Khi chúng tôi đến thăm đảo, lúc đó đã gần mười một giờ trưa. Một trong những người cùng đi với chúng tôi đến gặp chúa đảo để xin ông cho phép người nước ngoài đang hiện diện trên đảo niềm vinh hạnh được chúa đảo tiếp kiến. Chúa đảo ngay lập tức đồng ý.

Ở cả hai mặt của cổng cung điện có những người lính canh đang đứng, trang bị và ăn mặc theo kiểu rất cổ. Vẻ ngoài của họ có một cái gì đó gây cho tôi một nỗi sợ hãi không thể diễn tả nổi. Chúng tôi đi qua một số căn phòng, tại đó cũng có những người hầu như thế đứng thành hai hàng cuối cùng đến sảnh tiếp kiến. Tại đây chúng tôi tuân theo nghi lễ, ba lần khom người cúi chào. Người ta đặt cho chúng tôi một số câu hỏi không đáng kể và đề nghị ngồi xuống ba cái ghế đầu đặt ở bậc dưới cùng của ngai chúa đảo. Chúa đảo hiểu ngôn ngữ Balnibarbi và yêu cầu tôi kể chuyện những cuộc du lịch của tôi. Muốn cho tôi cảm thấy mình tự nhiên và thoải mái hơn, ông ra hiệu cho những người có mặt lui ra. Họ biến mất ngay lập tức giống như giấc mơ khi chúng ta bất chợt tỉnh giấc. Tôi gần như đờ người ra vì kinh ngạc và sợ hãi. Nhận thấy điều đó, chúa đảo bắt đầu làm cho tôi tin rằng tôi ở đây hoàn toàn an toàn. Sau khi thấy sự bình tĩnh hoàn toàn của hai người bạn đồng hành, tôi đã bình tĩnh lại một chút và bắt đầu mô tả một số chuyện phiêu lưu của tôi. Nhưng tôi không thể nào kìm được sự hồi hộp của mình, thường liếc nhìn vào chỗ mà những người hầu ma quỷ vừa biến mất.

Tôi được ban cho vinh dự cùng ăn trưa với chúa đảo. Một tốp người hầu mới đã phục vụ bàn và đưa món ăn cho chúng tôi. Tuy nhiên bây giờ tất cả điều đó không làm tôi sợ như là lúc sáng. Tôi lưu lại ở cung điện cho đến hoàng hôn. Chúa đảo mời tôi ở lại cung điện của ông. Nhưng tôi kính cẩn xin ông tha lỗi và nói rằng tôi đã có ý định ngủ đêm ở thành phố. Cùng với những người bạn của mình tôi đã ngủ đêm trong một căn nhà riêng ở thành phố nhỏ là thủ phủ của hòn đảo này. Sáng hôm sau chúng tôi lại đến chỗ chúa đảo kính thăm ông và đặt mình dưới quyền của ông.

Chúng tôi đã ở trên đảo mười ngày. Phần lớn thời gian chúng tôi ở tại cung điện của chúa đảo, còn ngủ đêm trong căn nhà ở thành phố. Tôi đã nhanh chóng làm quen với xã hội của những bóng ma và thần thánh; đến nỗi tới ngày thứ ba chúng không còn gây cho tôi một chút ngạc nhiên hay sợ hãi nào. Hơn nữa, cũng có thể tôi còn hơi sợ chúng một chút, nhưng sự tò mò đã lấn át mọi sợ hãi. Nhận thấy điều đó, chúa đảo đề nghị tôi nói xem tôi muốn nhìn thấy ai trong số những người chết cách đây không lâu và đã từ lâu. Ông hứa sẽ gọi họ và tạo cho tôi khả năng nói chuyện với họ. Tất nhiên họ chỉ có thể nói về những gì lúc sinh thời của họ. Dù sao chúa đảo nói thêm, tôi có thể tin rằng tôi chỉ nghe thấy sự thật, bởi vì nghệ thuật nói dối hoàn toàn vô ích trong thế giới này.

Tôi kính cẩn tỏ lòng biết ơn của mình với chúa đảo về ân huệ to lớn này. Trong lúc đó, chúng tôi đang ở trong căn phòng nhìn ra một công viên tuyệt đẹp. Hoàn toàn dễ hiểu là tôi mong muốn thoạt tiên được thấy những cảnh tượng uy nghiêm và hùng vĩ. Tôi xin được thấy Alexander Đại đế[3] đứng đầu đạo quân của ông ta ngay sau trận đánh gần Arbela[4]. Và đây, theo hiệu lệnh bằng tay của chúa đảo, Alexander xuất hiện ngay trước mặt tôi trên bãi đất rộng trước cửa sổ mà chúng tôi đang đứng. Chúa đảo mời ông ta vào trong phòng. Tôi rất khó khăn mới hiểu ngôn ngữ Hy Lạp cổ của ông, còn ông hiểu rất kém tôi. Alexander thề với tôi rằng ông không bị đầu độc mà chết vì sốt do nghiện rượu gây nên.

Sau đó tôi được thấy Hannibal[5] trong thời gian hành quân của ông qua Alps[6], Hannibal giải thích cho tôi rằng trong trại quân của ông chẳng còn một giọt giấm nào.

Tôi cũng thấy Caesar và Pompeius [7] đang dẫn đầu quân lính của họ chuẩn bị bước vào chiến đấu. Tôi cũng nhìn thấy cả Caesar trong lễ khải hoàn cuối cùng của ông. Sau đó tôi yêu cầu dành cho một phòng của cung điện làm nơi nguyên lão Viện La Mã tụ họp, còn trong một phòng khác là nghị viện hiện nay. Tại phòng đầu dường như chỉ tụ họp các anh hùng và các vị bán thần, còn phòng thứ hai là

nơi tụ tập của những kẻ buôn hàng rong, bọn móc túi, bọn kẻ cướp và du côn.

Theo yêu cầu của tôi, chúa đảo ra lệnh cho Caesar và Brutus lại chỗ chúng tôi. Tôi rất có thiện cảm với diện mạo của Brutus. Trong từng nét mặt của ông thoáng hiện một đạo đức cao cả, sự cực kỳ lãnh đạm và tính cứng rắn của tâm hồn, tình yêu cháy bỏng với Tổ quốc và lòng nhân đạo với con người. Tôi hết sức ngạc nhiên thấy rõ rằng cả hai con người này đối xử với nhau cực kỳ tốt đẹp. Caesar thừa nhận công khai với tôi rằng những chiến công vĩ đại mà ông đã thực hiện suốt cả cuộc đời mình không thể nào so sánh với niềm vinh quang của con người đã lấy mất cuộc sống của ông. Tôi có vinh dự được nói chuyện lâu với Brutus.

Hơn nữa, ông còn kể cho tôi biết rằng tổ tiên của ông là Marcus, Socrates, Epaminondas, Cato trẻ; ngài Thomas Moro[8] và bản thân ông không bao giờ xa rời nhau. Bộ sáu người này không thêm người thứ bảy trong toàn bộ lịch sử loài người.

Tôi đã làm độc giả mệt vì bảng liệt kê danh mục tất cả những người nổi tiếng được chúa đảo gọi lên để thỏa mãn nguyện vọng không bao giờ cạn là được thấy thế giới trong tất cả các thời đại của lịch sử cổ đại. Hơn nữa tôi đã được thỏa mãn bằng việc nhìn thấy tận mắt những người đã tiêu diệt các bạo chúa và những kẻ tiếm đoạt phục hồi tự do và quyền lợi chính đáng của các dân tộc bị áp bức. Nhưng tôi không thể truyền đạt được hết những tình cảm đã là tôi xao xuyến dưới hình thức khiến cho các độc giả thấy hấp dẫn.

Chú thích [1] Một hòn đảo nhỏ, cách bờ biển phía Nam đảo chính 5–8 km, trong eo biển Manche. (Wikipedia)

[2] Thuật gọi bóng ma của người đã chết để biết về tương lai của mình. Quan niệm mê tín này khá phổ biến thời cổ đại và trung đại.

[3] Alexandre Đại đế - hoàng đế Macedon (356-323 TCN), tướng lĩnh và là nhà lãnh đạo xuất sắc thời cổ đại.

[4] Trận đánh gần Arbela năm 331 (TCN), quyết định thắng lợi của quân lính Macedon trước quân Ba Tư.

[5] Gannibal - tướng lĩnh của Carphagen thế kỷ thứ III và II TCN, chiến đấu chống quân La Mã.

[6] Một trong những dãy núi lớn nhất châu Âu, trải dài từ nước Áo và phía Đông nước Slovenia; đi qua Ý, Thụy sỹ, Liechtenstein và Đức; đến phía Tây nước Pháp. (Wikipedia)

[7] Gaius Julius Caesar (thế kỷ I TCN) tướng lĩnh và nhà hoạt động chính trị của La Mã cổ đại đã thiết lập một chính thể độc tài cá nhân; Gnaeus Pompeius Magnus tướng lĩnh La Mã cạnh trang với Caesar; Gaius Julius Brutus – nguyên lão La Mã, kẻ đã giết Caesar.

[8] Marcus Junlus Brutus là cha của Caius Junlus Brutus. Socrates nhà triết học Hy Lạp vĩ đại (thế kỷ V TCN) ; Epaminondas là một vị tướng và là một chính khách người Thebes (Hy Lạp) ở thế kỷ thứ IV TCN, ông đã làm thay đổi bộ mặt thành phố Thebes, lãnh đạo nó chống lại sự nô dịch của người Sparta, và trở thành một nhà hoạt động chính trị xuất sắc của Hy Lạp cổ đại (Wikipedia) ; Cato trẻ - nhà hoạt động nhà nước La Mã, lãnh đạo phái quý tộc cộng hoà chống lại Caesar; Thomas Moro (1480 – 1535) nhà triết học và nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng Anh, viết cuốn “Không tưởng” trình bày những suy nghĩ của mình về quốc gia lý tưởng tương lai.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 8

ôi đã để cả ngày nói chuyện với những bậc kỳ tài cổ đại: Homer và Aristotles[1]. Tôi đã nảy ra ý nghĩ mời những con người lừng danh ấy cùng những người giảng nghĩa của họ. Những người giảng nghĩa này tập hợp lại tới hàng mấy trăm người và họ buộc phải chờ ngoài sân và những phòng khác trong cung điện. Thoạt nhìn tôi đã nhận ra hai bậc thiên tài trong đám đông. Homer trông đẹp hơn và cao hơn Aristotles, trẻ hơn tuổi của mình với đôi mắt sống động và tinh anh lạ thường. Aristotles gù lưng và chống gậy. Ông có đôi má hóp, tóc thẳng, thưa và giọng oang oang. Ngay lập tức tôi nhận thấy là cả hai bậc kỳ tài ấy không nhận thấy và cũng không nghe nói gì về những người giảng nghĩa của họ. Một trong những bóng ma thầm thì vào tai tôi là trên đời này những kẻ giảng nghĩa còn kém rất xa những thiên tài ấy. Họ cũng nhận ra rằng họ đã xuyên tạc một cách kỳ quái những tác phẩm sâu sắc của các tác giả và họ thấy ngượng khi đến gần hai ông. Tôi giới thiệu Didymus và Eustathius[2] với Home và thuyết phục ông hãy đối đãi với họ tốt hơn cách cư xử mà đáng lẽ ra họ được hưởng, để ông sớm thấy được họ muốn có một thiên tài cảm nhận được cái thần của một bài thơ. Nhưng Aristole mất hết kiên nhẫn khi tôi đưa ông coi những quan điểm của Scotus và Ramus vì khi tôi giới thiệu họ với ông thì ông hỏi họ, "liệu trong số những người còn lại, có ai còn tối dạ như họ nữa hay không?"

Sau đó tôi đã xin chúa đảo cho mời Descartes và Gassendi[3], những người này đề nghị trình bày cho Aristotles những hệ thống của họ. Nhà triết học vĩ đại này đã công khai thừa nhận những sai sót của mình trong học thuyết về tự nhiên, bởi vì trong nhiều trường hợp những lập luận của ông đã dựa trên những điều phỏng đoán. Ông cũng nêu điều tiên đoán là Gassendi đã đề cao hết sức học thuyết của Epicurus[4] và Descartes với lý thuyết xoáy sẽ bị hậu thế phủ nhận một cách giống nhau. Ông cũng tiên đoán một phần của học thuyết trọng lực hiện được các nhà bác học đương thời bảo vệ một cách nhiệt thành cũng sẽ như vậy. Nhân đó ông nhận xét rằng những hệ thống mới của triết học tự nhiên cũng như giống như mốt mới, bị thay đổi theo từng thế hệ. Thậm chí các nhà triết học thử chứng minh và lập luận chứng cho các quan điểm của mình nhờ toán học, được tôn trọng chẳng bao lâu và không còn phù hợp với thời thượng nữa trong một thời hạn được định đoạt bởi số mệnh.

Trong năm ngày tiếp theo tôi đã tiến hành nói chuyện với nhiều nhà bác học thời kỳ cổ đại. Tôi đã trông thấy phần lớn các hoàng đế La Mã. Tôi xin chúa đảo gọi những người đầu bếp của Heliogabalus[5] lên để họ nấu bữa ăn trưa cho chúng tôi, nhưng vì thiếu các loại gia vị khác nhau nên họ không thể nào biểu diễn nghệ thuật nấu ăn của mình. Người nô lệ của Agesilaus[6] đã nấu cho chúng tôi món canh Spartan, nhưng sau khi nếm thử tôi không thể nào nuốt nổi thìa thứ hai.

Hai người bạn đã đưa tôi sang đảo, do có công chuyện nên ba ngày sau đã lên đường về nhà. Trong thời gian này tôi đã gặp gỡ

những con người vĩ đại sống cách đây hai hoặc ba thế kỷ, là những người cùng Tổ quốc với tôi, hoặc của các nước châu Âu khác. Tôi bao giờ cũng kính trọng những người dòng dõi cổ và đã xin chúa đảo gọi một tá hoặc chỉ hai vị quốc vương cùng với tổ tiên của họ trong vài thế hệ. Nhưng tôi bị thất vọng không ngờ và đau đớn. Thay cho dòng dõi cao sang của những bậc mang vương miện tôi thấy có hai nhạc sĩ vĩ cầm, ba đình thần có tài xoay xở và một giáo chủ người Ý; còn của một quốc vương khác tôi thấy có thợ cạo, tu Viện trưởng và hai hồng y giáo chủ. Hơn nữa tôi đã quá kính trọng với bậc mang vương miện để có thể chú ý nhiều hơn vào đối tượng khó xử này. Dù sao đối với các bá tước, hầu tước, công tước và những người có chức tước tương tự, tôi chưa bao giờ ở trong tình trạng khó xử với họ. Xin thú thật là tôi cũng đã khá thỏa mãn khi thấy rõ nhiều đặc tính về bên ngoài và lối sống của những nhân vật quyền quý chúng ta được tiếp thu ở đâu. Tôi cũng chẳng khó gì để khám phá ra rằng, từ đâu mà trong một thế tộc lại có một cái cằm dài, tại sao trong một thế tộc khác trong hai thế hệ lại có nhiều kẻ bịp bợm, còn trong hai thế hệ tiếp theo lại là những kẻ ngốc nghếch; tại sao thế hệ thứ ba lại là những kẻ loạn óc, còn thế hệ thứ tư lại là những kẻ tráo trở. Như vậy tính tàn bạo, tính dối trá và tính hèn nhát đã trở thành những tính cách không kém phần đặc trưng của những đại diện của một số thế tộc, cũng giống như các gia huy mà họ dùng để trang điểm trên những bộ quần áo dấu của những kẻ hầu người hạ hoặc cánh cửa của những cỗ xe ngựa của họ.

Tôi đặc biệt cảm thấy ghê tởm đối với lịch sử cận đại. Tôi đã được quen biết thân cận với những người mà trong thế kỷ trước họ đã giành được vinh hiển trong cung đình. Tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy những kẻ bồi bút đã sa vào một thế giới đảo điên như thế nào khi gán những chiến công hiển hách cho những kẻ hèn nhát, những lời khuyên thông minh cho những thằng ngốc, tính trung thực cho những kẻ giả dối, lòng dũng cảm vô song cho những tên phản trắc, tính ngoan đạo cho những kẻ không tín ngưỡng, tính thành thực cho những kẻ cáo giác. Tôi cũng biết có nhiều người vô tội và ưu tú đã bị buộc tội chết hoặc đi đày chỉ vì các quỷ kế của các thượng thư hùng mạnh. Bao nhiêu tên bất lương được đặt vào các cương vị cao, được bọc kín bằng sự tin cẩn, quyền lực, danh dự và được hưởng các quyền lợi vật chất. Tôi có sự đánh giá thấp biết bao về trí thông minh và lòng trung thực của con người khi tôi có được những hiểu biết về các động cơ và nguyên cớ của các sự kiện và biến cố vĩ đại và cả về những cái ngẫu nhiên nhỏ bé nhưng lại được họ quy kết là những thành công của mình. Một vị tướng cho tôi biết là ông đã giành thắng lợi duy nhất chỉ do sự nhát gan và sự chỉ huy tồi, một đô đốc đứng trước mặt tôi tuyên bố là ông chiến thắng kẻ địch chỉ nhờ sự hiểu biết kém kẻ địch. Còn bản thân ông cũng đã chuẩn bị cho hạm đội của mình đầu hàng. Ba quốc vương đã tuyên bố với tôi là trong suốt thời gian giữ ngôi báu, họ chưa lần nào bổ nhiệm một người trung thực vào cương vị lãnh đạo nhà nước. Còn nếu những bổ nhiệm như thế xảy ra thì điều đó được giải thích là do sai sót hoặc sự phản bội của một thượng thư nào đó. Hơn nữa, họ còn thề thốt rằng sai lầm tương tự sẽ không lặp lại nếu một lần nữa họ lại lên ngai vàng. Họ chứng minh cho tôi một cách hết sức chắc chắn là chỉ có con người bị tha hóa tệ hại mới có khả năng giữ ngai vàng vì tính cách tốt, dũng cảm, kiên định chỉ gây rắc rối cho việc cai trị.

Tôi rất muốn biết người ta giành được các tước hiệu quý tộc và sự giàu có to lớn như thế nào. Trong những nghiên cứu của mình tôi không đụng chạm tới hiện tại vì sợ làm xúc phạm dù là người nước ngoài. (Tôi hy vọng rằng tôi không nói điều gì tương tự với độc giả, tất cả những gì mà tôi đã nói về việc này cũng chẳng liên quan chút nào tới Tổ quốc của tôi). Theo lời yêu cầu của tôi, người ta đã gọi nhiều người mà tôi quan tâm. Nhưng chính ngay sau những vấn đề tưởng chừng nông cạn nhất là một cảnh tượng đáng xấu hổ đến mức tôi

không thể nào bình thản khi nhớ về điều đó. Sự phản phúc, sự áp bức, sự hối lộ, sự lừa dối và những cái tương tự là những phương thức dễ chấp nhận nhất được áp dụng ở đây. Nhưng khi một người trong số họ thừa nhận rằng đã đánh đổi Tổ quốc để lấy sự vênh vang và giàu có, còn người khác - nhờ sự đầu độc, còn phần lớn - là sự vi phạm pháp luật nhằm làm người vô tội khốn khổ, thì những khám phá này (hy vọng độc giả sẽ tha thứ cho tôi điều này) đã làm giảm bớt phần nào tình cảm tôn kính thiêng liêng mà tôi, một con người nhỏ mọn thường có đối với các nhân vật có cương vị cao sang.

Tôi thường được đọc về những con người có công lớn đối với đức vua và Tổ quốc, và tôi muốn được gặp gỡ họ. Nhưng người ta trả lời tôi rằng tên tuổi của họ không thể nào tìm thấy trong các tài liệu lưu trữ dưới âm phủ. Sự thật, trong danh sách cũng có liệt kê một số người là những người chân chính giúp nước, nhưng lịch sử lại mô tả họ như những tên đại bịp và phản bội. Tôi xin được gặp họ. Tất cả họ xuất hiện trước mặt tôi trong dáng vẻ chán chường và áo quần rách rưới. Phần lớn họ nói cho tôi biết rằng họ qua đời trong tình trạng nghèo khổ và bị bạc đãi, đôi khi còn bị đưa lên đoạn đầu đài.

Tất cả những người được gọi lên từ thế giới này vẫn còn giữ được những dáng vẻ bên ngoài đến từng chi tiết nhỏ nhất. Khi so sánh dáng vẻ bên ngoài của họ với bề ngoài của những người đương thời, tôi đã đi đến kết luận hết sức đen tối về sự đồi bại của nhân loại trong thế kỷ gần đây.

Để kết thúc, tôi yêu cầu mời những cư dân Anh của thế hệ cũ. Những con người chưa bao giờ nổi danh vì sự giản dị trong phong cách, sự công bằng, lòng yêu tự do chân chính, lòng dũng cảm và tình yêu Tổ quốc. Khi so sánh những người đương thời với những người quá cố tôi không thể nào thờ ơ trước việc những đạo cao đức trọng của các bậc tiền bối lại bị con cháu họ làm nhơ bẩn. Trong khi vung những khoản tiền nhỏ mọn để giành lấy phiếu bầu cho mình ở nghị viện, những con người tham lam này thu thập tất cả những thói hư tật xấu mà người ta chỉ có thể học được ở cung đình[7].

Chú thích [1] Homer - nhà thơ cổ Hy Lạp, theo truyền thuyết, người đã viết các thiên anh hùng ca Hiad và Odisse (Thế kỷ IV và VIII trước công nguyên).

Aristoteles (384 - 322 TCN) là một nhà triết học Hy Lạp cổ đại. Ông được xem là người tạo ra môn luận lí học. Ông cũng thiết lập một phương cách tiếp cận với triết học bắt đầu bằng quan sát và trải nghiệm trước khi đi tới tư duy trừu tượng.

[2] Didymus Chalcenterus (63 TCN - 10 SCN) học giả và nhà ngôn ngữ học (nhà ngữ pháp học) thời Hy Lạp cổ đại; Eustathius (1110 - 1198), sinh ra ở Constantinople, sau này trở thành Tổng giám mục Thessalonica. (Wikipedia)

[3] Rene Decartes và Pierre Gassendi - các nhà triết học Pháp nổi tiếng của thế kỷ XVII.

[4] Epicurus - nhà triết học Hy Lạp (thế kỷ IV- III trước Công nguyên)

[5] Heliogabalus - hoàng đế La Mã (thế kỉ III).

[6] Agesilaus - vua Hy Lạp (của những người Spartaous) (thế kỷ IV trước Công nguyên).

[7] Việc mua chuộc cử chi và đút lót thực tế phổ biến rộng rãi vào thời kỳ đó, do đó đây là một trong những nguyên cớ mà Swift nhiều lần chế nhạo.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 9

uối cùng cũng đã đến ngày trở về của chúng tôi. Tôi từ biệt vị chúa đảo Glubbdubdrib quay về Maldonada với hai người bạn đồng hành của mình[1]. Ở đó đã có một con tàu sẵn sàng khởi hành đi Luggnagg. Những người bạn của tôi đã ân cần đưa tiễn tôi ra tàu sau khi cung cấp đầy đủ lương thực cho tôi. Tôi mất một tháng đi trên đường. Chúng tôi bị một cơn bão mạnh giữ chân và buộc phải thay đổi hành trình lên hướng Tây để đến được vùng có gió mậu dịch thổi suốt khoảng gần sáu mươi hải lý. Ngày 21 tháng Tư năm 1708 chúng tôi đã đi vào sông Clumegnig ở đầu mút Đông Nam Luggnagg. Ở cửa sông có một hải cảng lớn. Chúng tôi thả neo cách thành phố chừng một hải lý và xin hoa tiêu. Sau chừng nửa giờ có hai người hoa tiêu bước lên boong và dẫn tàu chúng tôi đi qua các rạn và đá ngầm theo một lối đi rất nguy hiểm vào một vịnh lớn kín đáo. Tại đây tàu có thể thả neo an toàn cách các bức tường của thành phố chừng một tầm[2].

Có một kẻ nào đó trong số các thủy thủ của chúng tôi, chừng như có ý đồ xấu đã nói với các hoa tiêu là trong tàu có một người khách du lịch nước ngoài. Những hoa tiêu đã báo cáo điều này cho một nhân viên hải quan và anh ta theo dõi tôi cẩn thận khi tôi lên bờ. Nhân viên kiểm soát nói với tôi bằng tiếng Balnibarbi. Nhờ việc buôn bán sầm uất mà ngôn ngữ này được người ta biết khá tốt ở đây, đặc biệt giữa các thủy thủ và các nhân viên phục vụ trong hải quan. Tôi kể vắn tắt cho anh ta về một số chuyện phiêu lưu của tôi, cố gắng diễn đạt câu chuyện sao cho thật chân thực và mạch lạc. Nhưng tôi đã dự tính cần thiết phải che dấu quốc tịch của mình và xưng là người Hà Lan. Tôi đã có ý định đi đến Nhật Bản, mà như ai cũng biết, chỉ có người Hà Lan trong số người châu Âu là mới đến đây[3]. Bởi thế tôi kể cho viên chức hải quan là tôi bị đắm tàu ở ven bờ Balnibarbi, tôi đã được đưa lên Laputa hay hòn đảo bay (về nó viên hải quan thường được nghe kể), và bây giờ tôi cố đi đến Nhật Bản với hy vọng từ đó quay trở về tổ quốc mình. Viên chức hải quan trả lời tôi rằng anh ta phải giữ tôi cho đến khi có lệnh từ cung đình. Anh ta hứa sẽ báo cáo lên đó và tin là sẽ có trả lời không muộn hơn hai tuần lễ nữa. Người ta dẫn tôi đến một nơi ở có đủ tiện nghi nhưng có lính canh ở cổng ra vào. Tuy nhiên tôi có thể tự do đi lại trong một cái sân rộng. Tôi chỉ được thả khi có lệnh của quốc vương do đó người ta đối xử với tôi khá tốt. Hàng ngày có rất nhiều người đến thăm bởi vì tiếng đồn về một người khách du lịch từ một đất nước khá xa xôi đến đây đã nhanh chóng loang đi cả thành phố.

Để có thể giải thích với các khách đến thăm, tôi mời một người trẻ tuổi cùng đi với tôi trên tàu đến đây làm phiên dịch. Anh ta là người sinh ở Luggnagg nhưng đã sống một số năm ở Maldonada và hoàn toàn nắm vững cả hai thứ tiếng. Nhưng những cuộc nói chuyện với những khách đến thăm chẳng có gì thú vị. Tôi chỉ trả lời các câu hỏi của họ.

Lệnh trả lời bản báo cáo đã đến vào đúng thời gian mong đợi. Trong đó có lệnh dẫn tôi cùng với đoàn tùy tùng với đoàn áp tải gồm

mười người đến Traldragdubh hoặc Trildrogdrib (theo tôi nhớ thì từ này được đọc theo hai cách). Toàn thể đoàn tùy tùng của tôi chỉ có người thanh niên phiên dịch mà tôi đã thỏa thuận giúp tôi. Theo yêu cầu kính cẩn của tôi người ta cấp cho mỗi người chúng tôi một con la.

Một người chạy tin hỏa tốc được phái đi trước chúng tôi đem theo báo cáo về việc đến gấp của tôi và lời xin quốc vương ấn định ngày giờ, một khi người đoái lòng thương hại cho phép tôi được liếm bụi dưới chân ngai vàng của người. Phong cách ấy của cung đình ngày nay, mà dựa vào kinh nghiệm, tôi tin rằng đó không phải là những lời nói rỗng tuếch. Thực chất, hai ngày sau khi tôi đến đây, tôi được nhà vua cho vào tiếp kiến, người ta ra lệnh cho tôi bò sát bụng xuống sàn nhà và liếm sàn[4]. Hơn nữa vì tôi là người nước ngoài nên đã được đặc ân: sàn nhà đã được lau bụi sao cho chỉ còn lại một ít. Điều đó được xem là một ân huệ lớn. Ân huệ này chỉ áp dụng cho các quan lại chức sắc cao. Nhưng nếu người được phép tiếp kiến long trọng này mà có nhiều kẻ thù hùng mạnh trong cung đình thì đôi khi người ta còn rắc bụi thêm lên sàn. Một lần tôi đã nhìn thấy một vị đại quan mà miệng ông ta dường như bị bụi lấp kín khi ông ta cuối cùng cũng bò được đến chân ngai vàng nhưng ông ta chẳng thể cầu xin được một lời nào. Những bụi này chỉ được phép nuốt đi bởi vì nhổ và lau miệng khi có mặt đức vua bị coi là tội rất nặng.

Ở đây còn có một tập tục mà tôi không thể nào tán đồng được. Khi đức vua quyết định cho kẻ nào đó trong số quan lại phải tội tử hình nhẹ và được đặc ân, y phải liếm một loại bụi độc màu nâu đặc biệt được rải lên sàn nhà. Sau khi liếm xong nó, kẻ bị kết tội chết sau hai mươi bốn giờ.

Nhưng có lẽ cũng nên đánh giá đúng ơn huệ to lớn của đức vua này là sự quan tâm của ngài tới các thuộc hạ của mình (về điều này các quốc vương ở châu Âu phải chăng nên bắt chước): sau mỗi lần xử tội như thế một mệnh lệnh nghiêm khắc ban ra, bắt rửa sạch sàn nhà của gian thiết triều. Trong trường hợp do thực hiện cẩu thả mệnh lệnh này những người hầu có nguy cơ bị đức vua trừng phạt. Bản thân tôi đã nghe thấy đức vua ra lệnh cởi trói cho một viên thị đồng trong phiên trực của mình đã cố ý không chăm chút làm sạch sàn nhà sau khi xử tội. Do sự không cẩn thận ấy mà một người trẻ tuổi giành được niềm tin cậy lớn của quan đại thần được vào triều kiến đã bị đầu độc. Hơn nữa, lúc đó đức vua hoàn toàn không có ý định giết người ấy. Nhưng đức vua giàu từ tâm ấy đã rủ lòng thương tha không đánh roi viên thị đồng và làm thỏa mãn người thanh niên ấy bằng lời hứa đơn giản là anh ta sẽ không được vào triều nếu không có lệnh đặc biệt của đức vua.

Tuy nhiên, chúng ta hãy quay về với câu chuyện của chúng ta. Khi tôi đã bò chừng bốn yard đến ngai vàng, tôi cẩn thận quỳ gối và đập trán xuống sàn nhà bảy lần và nói những lời sau đây đã học thuộc lòng từ hôm trước: "Inckpling gloffthrobb squut serummblhiop mlashnalt zwin tnodbalkuffh slhiophad gurdlubh asht". Lời chào này được luật định cho tất cả những ai được vua cho vào triều kiến. Có thể dịch nó như sau: "Muôn tâu bệ hạ, vầng mặt trời của bệ hạ sẽ sống lâu hơn vầng trăng mười một lần rưỡi". Sau khi nghe xong lời chào, đức vua ra cho tôi một câu hỏi mà tôi không hiểu. Nhưng tôi đã trả lời ngài như người ta đã dạy tôi: "Fluft drin yalerick dwuldom prastrad mirpush", có nghĩa là "Lưỡi của tôi ở trong khoang miệng người bạn của tôi". Bằng những lời này tôi làm người ta hiểu là tôi xin người ta lưu ý tới sự giúp đỡ của người phiên dịch của tôi. Khi đó người ta dẫn con người trẻ tuổi mà tôi vừa nhắc tới vào. Nhờ có anh ta tôi đã trả lời tất cả các câu hỏi mà đức vua của anh ta muốn đặt ra cho tôi. Tôi nói bằng tiếng Balnibarbi, còn người phiên dịch dịch lại tất

cả những điều tôi nói bằng tiếng Luggnagg.

Đức vua rất thích tôi và ngài ra lệnh cho bliffmarklub của mình, nghĩa là cho viên trưởng thị vệ dọn một nhà trong cung cho tôi và người phiên dịch của tôi ở và lưu ý đến vấn đề ăn uống của chúng tôi. Hơn nữa đức vua còn ban riêng cho tôi một túi tiền vàng để tiêu pha lặt vặt.

Tôi sống ở đất nước này ba tháng trời. Đức vua ban cho tôi nhiều ân huệ. Ngài cho phép tôi ở lại đây mãi mãi và đưa ra đề nghị rất dễ nghe. Nhưng tôi thì lại cho rằng thông minh và công bằng hơn cả là quay về sống với vợ con.

Chú thích [1] Hình như đây là một nhầm lẫn của Swift, vì trước đó hai người bạn chỉ ở lại có ba ngày rồi về trước (N. D).

[2] Tầm ở đây bằng 1/10 hải lý, chừng 183 mét.

[3] Sau cuộc đàn áp khởi nghĩa của những người Cơ đốc giáo năm 1637 người ta cấm cửa tất cả những người châu Âu vào Nhật Bản, chỉ trừ người Hà Lan.

[4] Đoạn này Swift chế nhạo thói bợ đỡ, nịnh hót và khúm núm trước vua và các hoàng hậu, khá phổ biến ở cung đình George I và các nhà vua châu Âu khác.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 10

hững người Luggnagg là một dân tộc lịch sự và dễ mến. Mặc dù họ có một chút kiêu ngạo như điều thường thấy đặc trưng cho các dân tộc phương Đông, nhưng dù sao họ cũng rất niềm nở với người nước ngoài, đặc biệt nếu người đó được phép của cung đình. Tôi đã có nhiều người quen trong số những người của xã hôi thượng lưu và nhờ có người phiên dịch mà tôi có thể nói chuyện với họ mà không kém phần dễ chịu.

Một lần tôi đang ở trong một nhóm những người thượng lưu. Trong câu chuyện, có một ai đó hỏi tôi là đã có gặp struldbrug hay là những người bất tử chưa? Tôi trả lời là chưa và yêu cầu giải thích cho tôi nghe cái từ nghe khó hiểu ấy là gì.

Người cùng nói chuyện với tôi rất ngạc nhiên khi biết là cho đến nay tôi chưa biết tí gì về các sinh linh kỳ lạ ấy và vội vã kể cho tôi nghe về chúng. Ngày xửa ngày xưa, thật ra là rất hiếm có một người Luggnagg nào đó đã sinh ra một đứa trẻ có một vết đỏ tròn trên trán ngay trên chỗ lông mày bên trái. Thoạt đầu vết đó có kích thước của đồng bạc ba xu, nhưng cùng với thời gian nó lớn lên và thay đổi cả màu sắc của nó. Khi đứa trẻ mười hai tuổi, nó có màu lục và vẫn như thế cho đến năm hai mươi lăm tuổi; sau đó màu sắc của vết chuyển sang màu xanh sẫm; vào năm bốn mươi lăm tuổi, vết ấy trở nên đen như than và kích thước lớn bằng đồng shilling[1] và nó cứ như thế mãi mãi. Những đứa trẻ sinh ra với cái vết như thế rất hiếm và trong cả vương quốc cũng không thể nào tìm được hơn một nghìn một trăm người trong cả hai giới. Có chừng năm mươi người sống ở thủ đô trong đó có cả bé gái mới sinh ra ba năm trước đây. Struldbrug có thể sinh ra ở bất cứ gia đình nào. Sự sinh ra ấy là việc ngẫu nhiên. Những đứa trẻ con của các struldbrug cũng chết như mọi người.

Thú thật là câu chuyện này khiến tôi phục ghê lắm. Một dân tộc hạnh phúc xiết bao! Ở đây mỗi đứa trẻ sinh ra đều có khả năng trở thành bất tử! Hạnh phúc biết bao đối với một dân tộc luôn có trước mặt mình những tấm gương sống của những phẩm hạnh của tổ tiên! Phúc đức làm sao đối với họ - những thầy giáo có thể học được trí thông minh, những kinh nghiệm giành được của một loạt thế hệ vô tận! Nhưng chính những struldbrug thanh cao mới hạnh phúc hơn trăm lần. Thiên nhiên loại khỏi họ cái phần đáng sợ đang chờ đợi mỗi con người, Họ không biết nỗi sợ hãi đau khổ của cái chết; sự suy nghĩ thường trực về cái chết không đè nặng lên đầu óc họ và nó phát triển tự nhiên và chẳng bị vướng bận cái gì.

Tôi biểu lộ sự ngạc nhiên là chẳng gặp bất cứ một con người vinh quang bất tử nào ấy ở cung đình. Vết đen trên trán hẳn là đập ngay vào mắt chẳng lẽ tôi chẳng hoàn toàn chú ý đến hay sao. Đồng thời không thế nào giúp đức vua, người khôn ngoan nhất trong số các quốc vương, lại không vây quanh mình những cố vấn có kinh nghiệm và thông minh như thế hay sao. Hơn nữa cũng có thể phẩm hạnh của những nhà hiền triết ấy lại quá khô khan và hoàn toàn không thể nào phù hợp với lối sống buông tuồng đang thống trị ở cung đình.

Chính như chúng ta bằng kinh nghiệm cũng thấy thanh niên ngoan cố và khinh suất như thế nào, khi không muốn nghe những lời khuyên sáng suốt của những người lớn tuổi. Nhưng đức vua đã rủ lòng thương cho phép tôi tự do đến gặp ngài và tôi sẽ lợi dụng trường hợp thuận lợi đầu tiên để trình bày với ngài về vấn đề này.

Dù sao đi nữa bây giờ tôi biết ơn sâu sắc những ân sủng của đức vua cho phép tội cư trú mãi mãi trên vương quốc của ngài và tôi sẽ suốt đời tiến hành nói chuyện với những struldbrug nếu những sinh linh cao cấp ấy muốn cho phép tôi thâm nhập vào xã hội của họ.

Trong khi tôi hăng hái nói lên những lời này (cuộc nói chuyện diễn ra bằng tiếng Balnibarbi mà tôi biết khá tốt), người bạn tiếp chuyện tôi nhìn tôi với nụ cười biểu lộ sự thương hại đối với một kẻ ngây ngô chẳng biết gì. Khi tôi ngừng lại, ông nhận xét một cách lịch sự là có một số duyên cớ giữ tôi lại trong nước và xin dịch những lời nói của tôi cho những người đang có mặt. Tôi trả lời là tôi biết ơn ông vì điều đó. Câu chuyện của ông lôi cuốn sự chú ý chung, sau đó tất cả thảo luận sôi nổi. Tiếc thay tôi lại không biết tiếng địa phương và không thể theo những biểu hiện nét mặt để đoán xem những lập luận của tôi gây nên ấn tượng như thế nào. Cuối cùng người bạn tiếp chuyện quay sang tôi. Ông nói rằng ông và các bạn bè của ông rất khâm phục những nhận xét tinh tế của tôi về hạnh phúc lớn lao và các ưu thế của sự bất tử. Tuy nhiên họ rất muốn biết bản thân tôi sẽ xử sự thế nào nếu như quyền lực của số mệnh tôi sinh ra đã là struldbrug.

Tôi trả lời rằng tôi rất dễ thỏa mãn sự tò mò của họ. Thỉnh thoảng tôi mơ về sự bất tử và suy tưởng khá lâu xem tôi sẽ làm gì nếu như tôi biết chắc chắn là tôi sẽ bất tử.

Chẳng hạn, nếu tôi biết chắc chắn rằng tôi sẽ bất tử, trước hết tôi sẽ cố làm giàu. Nhờ có tính tằn tiện ở chừng mực nào đó và tính điều độ tôi có cơ sở hoàn toàn để có thể tính sau chừng hai trăm năm tôi sẽ trở thành người giàu có nhất vương quốc. Đồng thời ngay từ đầu tuổi trẻ tôi sẽ lao vào nghiên cứu khoa học và nghệ thuật và cuối cùng sẽ vượt xa hết thảy bởi sự uyên bác của chính mình. Cuối cùng tôi sẽ làm bộ thiên niên sử đầy đủ các sự kiện xã hôi nỗi bật nhất. Tôi sẽ bổ sung chính xác vào trong ghi chép của mình tất cả những thay đổi trong tập tục, trong ngôn ngữ, trong quần áo ngoài, trong ăn uống và trong vui chơi giải trí. Nhờ có những quan sát và kiến thức của mình dần dần tôi sẽ trở thành nhà hiền triết chân chính, cội nguồn của mọi trí thức dân tộc mình.

Sau sáu mươi tuổi tôi sẽ bắt đầu nghĩ tới lấy vợ. Trong khi vẫn tiết kiệm, tôi sẽ sống cởi mở và mến khách. Tôi sẽ tụ tập quanh mình những thanh niên có triển vọng nhất và thuyết phục họ dẫn dắt từ kinh nghiệm của bản thân, những quan sát và hồi tưởng để cho họ thấy những phẩm hạnh có lợi như thế nào trong đời sống riêng và xã hội.

Nhưng những người bạn bất tử của tôi sẽ là những bạn bè và những người bạn tiếp chuyện thường xuyên và tốt nhất của tôi. Trong số đó tôi sẽ lựa chọn cho mình mười hai người bạn bắt đầu từ các cụ già cao tuổi nhất và kết thúc là người cùng tuổi với tôi. Nếu như giữa họ cảm thấy cần thiết tôi sẽ ra lệnh xây cho họ những căn nhà tiện nghi chung quanh chỗ tôi ở. Xung quanh bàn của tôi thường xuyên tụ tập các bạn bè struldbrug và những người bạn bình thường có chọn lọc. Cùng với thời gian, tôi sẽ quen với cái chết của bạn bè và phải không có thú vị gì khi thấy con cháu của họ. Thế là chúng tôi lại ngắm nghía những bông hoa đinh hương và uất kim hương nở trong vườn của chúng tôi, chẳng bao giờ phiền muộn về những gì đã héo tàn từ mùa thu trước.

Những cuộc nói chuyện giữa chúng tôi mói có nội dung và thú vị làm sao! Chúng tôi những struldbrug - những người bất tử sẽ trao đổi những hồi tưởng và những quan sát được tích lũy sau nhiều thế kỷ. Chúng tôi sẽ nghĩ ra những biện pháp đấu tranh với những tật

xấu của con người. Bằng tấm gương của chính mình chúng tôi sẽ cố gắng khắc phục sự suy thoái không ngừng của nhân loại.

Cần thêm là thích thú biết bao khi nếu là người chứng kiến những biến chuyển vĩ đại trong các cường quốc và đế quốc, những chuyển đổi sâu sắc trong các tầng lớp xã hội từ cao nhất đến thấp nhất. Dưới mắt của các bạn những thành phố cổ sẽ biến thành bình địa, còn những xóm làng vô danh sẽ trở thành các thành đô đông đúc. Hãy nhìn xem những con sông đầy nước sẽ biến thành các con suối nhỏ, cả đại dương sẽ rút khỏi bờ này như thế nào còn bờ kia thì bị tràn ngập ra sao. Các bạn sẽ thấy những nước khác nhau mà ngày hôm qua còn chưa từng biết nay được đưa vào bản đồ như thế nào. Các bạn hãy quan sát xem các dân tộc có văn hóa cao chìm đắm trong tàn bạo như thế nào còn các dân tộc man rợ sẽ dần dần lên tới đỉnh cao của văn minh ra sao. Còn những phát kiến vĩ đại nào mà các bạn mong đợi sẽ đến: sự phát minh ra động cơ vĩnh cửu[2], phát minh ra thuốc vạn năng chữa các loại bệnh hay là các phương pháp xác định kinh độ!

Tôi đã ba hoa trong khi mô tả tất cả niềm sung sướng và khoái cảm mà sự bất tử đem lại cho loài người. Khi tôi kết thúc và nội dung những lời tôi nói đã được dịch ra cho những người có mặt, thì những người Luggnagg bắt đầu chuyện trò sôi nổi với nhau thỉnh thoảng lại nhìn tôi một cách nhạo báng.

Cuối cùng người bạn đóng vai trò phiên dịch cho tôi nói rằng tất cả yêu cầu ông giải thích cho tôi rõ chỗ sai lầm hoàn toàn trong các quan điểm của tôi.

Sai lầm mà tôi rơi vào được giải thích bởi một phần sự ngu ngốc đặc trưng cho loài người nói chung, còn một phần vì giống struldbrug tạo thành một đặc điểm đặc thù của đất nước họ. Những sinh linh tương tự không thể nào gặp ở Balnibarbi cũng như ở Nhật Bản. Người phiên dịch biết rất rõ điều đó bởi vì ông có vinh dự làm phái viên của đức vua ở hoàng cung Nhật Bản. Câu chuyện của ông về những struldbrug gây nên sự không tin rất lớn. Và cũng chính sự kinh ngạc như thế khi lần đầu tiên tôi nghe nhắc tới những người bất tử, bởi vì tôi thật khó tin là có tồn tại những con người tương tự.

Trong thời gian lưu lại ở các nước kể trên, ông đã nói chuyện lâu với những người dân địa phương và nhận thấy rằng sống lâu là nguyện vọng chung, ước mơ tha thiết của mọi người. Mọi người khi đã đặt một chân trong mộ thường cố gắng giữ được chân kia trên mặt đất vững hơn nữa. Những cụ già lụ khụ run lên hằng ngày và xem cái chết là điều tai hại nhất. Chỉ có cây trên hòn đảo Luggnagg chẳng có sự khao khát sống nào vì ở tất cả mọi người trước mắt đã có tấm gương của tuổi thọ - những struldbrug.

Cách sống bất tử như tôi vẽ ra hoàn toàn không thể có được. Nó đòi hỏi tuổi trẻ, sức khỏe và sức mạnh mãi mãi. Còn hy vọng vào điều đó thì chẳng có một con người nào có quyền như vậy, cũng như còn lâu lắm mới đạt được nguyện vọng của nó. Thật vậy, vấn đề ở đây không phải đề cập tới sự tận hưởng vĩnh hằng bằng tuổi trẻ và những lợi ích của nó mà đề cập tới việc làm cho cuộc sống kéo dài vô tận, thường chịu các đớn đau do tuổi già mang lại. Tất nhiên, không có nhiều người mong muốn thành bất tử trong những điều kiện như thế. Nhưng người tiếp chuyện với tôi nhận xét rằng ở Balnibarbi và ở Nhật Bản có cả những cụ già mặc dù bị khổ sở bởi tất cả các bệnh tật của tuổi già vẫn muốn tránh xa cái chết của mình. Và ông hỏi tôi là tôi cũng thấy chính hiện tượng ấy ở đất nước của mình hay không, còn ở các nước mà tôi đã đến thăm trong thời gian các chuyến du lịch của tôi cũng như vậy chăng.

Sau lời giới thiệu này ông mô tả chi tiết cho tôi những struldbrug đang sống giữa họ. Ông nói rằng cho đến năm ba trăm tuổi họ tuyệt

nhiên vẫn không khác biệt với những người còn lại. Sau đó trở nên rầu rĩ và cau có.

Khi tới tám mươi tuổi mà ở đây coi là giới hạn của cuộc sống của con người, thường họ cũng như những người bình thường, biến thành các cụ già lụ khụ. Nhưng ngoài các loại bệnh tật và sự yếu đuối nói chung do tuổi già đem lại, ý thức về việc họ phải trả giá vĩnh viễn cho sự tồn tại đáng thương đè nặng lên đầu họ.

Những người bất tử không chỉ bướng bỉnh, hay gây gổ, tham lam, cau có, hám danh và hay đánh nhau, họ thậm chí không có khả năng cả trong tình bạn và tình yêu. Tình cảm tự nhiên gắn bó với những người thân ở họ không kéo dài quá các cháu. Sự ghen tỵ và các mong muốn không được thỏa mãn giày vò họ không ngừng. Trước hết họ ghen tỵ với các thói xấu của các thanh niên và cái chết của các cụ già. Khi nhìn vào sự vui tươi của tuổi trẻ họ cay đắng nhận ra rằng đối với họ mọi khả năng để có các khoái cảm đó đã bị tước mất. Người ta khóc lóc và than thở khi có tang lễ thì đối với họ chẳng có hy vọng gì cả để đạt được chốn nương thân yên tĩnh mà những người bình thường khác được yên nghỉ ở đó. Người nào bị mất trí và quay về với thời thơ ấu thì lại là người hạnh phúc nhất trong số những con người bất hạnh ấy. Họ gợi nên sự thương hại và thiện cảm nhiều hơn vì họ đã mắc nhiều tật xấu và khiếm khuyết vốn đặc trưng cho những người bất tử còn lại.

Nếu xảy ra chuyện struldbrug lấy một người phụ nữ làm vợ, cũng bất tử tương tự, thì cuộc hôn nhân này sẽ phải hủy bỏ khi người vợ lên tám mươi tuổi.

Khi những người bất tử tròn tám mươi tuổi, thì đối với họ cũng là sự kết thúc của quyền công dân. Những người thừa kế ngay lập tức nhận được tài sản của họ, Họ chỉ được giữ lại một khoản của cải không lớn cho mình: những người nghèo sống dựa vào giúp đỡ của xã hội. Khi tới tuổi này, các struldbrug bị xem là không còn khả năng để đảm nhận các chức vụ. Họ không được mua bán, cũng không được lĩnh canh đất đai, người ta cũng không để cho họ được làm chứng ở tòa án.

Đến tuổi chín mươi, những struldbrug bắt đầu rụng răng và tóc. Ở tuổi này họ không thể phân biệt mùi vị thức ăn và ăn uống tất cả những gì rơi vào tầm tay, bất chấp khoái cảm và mức độ ngon miệng. Những bệnh tật tuổi già tiếp tục giày vò họ không nặng lên và cũng không nhẹ đi. Dần dần họ bị mất trí nhớ. Trong lúc nói chuyện họ quên tên gọi của các đồ vật thông thường nhất, tên tuổi của bạn bè gần gũi và những người thân. Họ không còn hứng thú để đọc sách: họ quên đoạn câu đầu trước khi đọc hết cả câu. Như thế là họ mất cả sở thích duy nhất mà họ còn làm được.

Ngôn ngữ của đất nước này dần dần biến đổi. Những struldbrug sinh ra ở thế kỷ trước khó mà hiểu được ngôn ngữ của những người sinh ra ở thế kỷ sau. Sống đến năm hai trăm tuổi họ rất khó khăn mới có thể phát âm một vài câu đơn giản nhất. Cùng với thời gian họ tự cảm thấy mình là người nước ngoài ngay trên Tổ quốc mình.

Tôi đã nghe sự mô tả các struldbrug như thế ở người bạn tôi. Sau này tôi được tận mắt thấy năm hoặc sáu struldbrug có tuổi khác nhau. Người trẻ nhất trong số đó gần hai trăm tuổi. Những người bạn đã dẫn họ đến chỗ tôi đã cố công giải thích cho họ là tôi - một người du lịch vĩ đại và đã nhìn thấy cả thế giới. Tuy nhiên, đối với các struldbrug thì điều đó chẳng mảy may gây ấn tượng gì cho họ cả. Họ chẳng đặt cho tôi một câu hỏi nào như là tôi đã nhìn thấy gì hoặc đã trải qua cái gì. Họ chỉ quan tâm có mỗi một điều: tôi có tặng họ slomecuđask, nghĩa là quà tặng để kỷ niệm hay không. Đó là phương pháp tốt nhất để xin của bố thí. Bởi vì những struldbrug chịu sự cai

quản của xã hội, họ bị cấm đi ăn xin. Những khẩu phần ăn của họ thật ít ỏi và vì thế họ cố mọi cách để tránh vi phạm pháp luật.

Mọi người đều ghét và khinh rẻ các struldbrug. Sự ra đời của mỗi một struldbrug được xem là một điềm xấu và được ghi chép cẩn thận vào một cuốn sách đặc biệt, bởi thế tuổi của mỗi struldbrug có thể biết rõ nếu tra cứu trong các tài liệu lưu trữ quốc gia. Trong khi đó các ghi chép lưu trữ không được lưu giữ quá một nghìn năm. Do đó nhiều sách vở đã bị vứt bỏ hoặc bị mất trong thời kỳ có các phong trào nổi dậy của quần chúng.

Phương pháp tốt nhất để biết tuổi của struldbrug - đó là hỏi người đó xem còn nhớ đến đức vua và các nhân vật nổi tiếng nào.

Trí nhớ của struldbrug chỉ còn nhớ tên tuổi của đức vua đã lên ngôi khi người đó chưa tròn tám mươi tuổi. Sau đó tra cứu trên biên niên sử thì có thể xác định không khó khăn gì tuổi gần đúng các struldbrug.

Tôi chưa bao giờ thấy cái gì gớm ghiếc hơn những con người này. Đàn bà trông còn kinh tởm hơn đàn ông. Thông qua vẻ kỳ quái bình thường đặc trưng cho sự quá già yếu, họ càng ngày càng có vẻ ma quái thế nào đó. Nỗi kinh khủng do họ gây ra thật không gì mô tả được.

Độc giả chắc dễ dàng thấy là sau khi tôi đã được làm quen với các struldbrug gần gũi hơn, khát vọng bất tử của tôi đã suy giảm rất nhiều.

Bây giờ tôi xấu hổ với những hình ảnh cám dỗ mà cách đây không lâu tôi đã tưởng tượng nên. Tôi nghĩ rằng có thể xem số mệnh của struldbrug là hình phạt đáng sợ nhất.

Đức vua bật cười một cách vui vẻ khi được biết về cuộc trò chuyện giữa tôi và các bạn bè. Ngài đề nghị tôi hãy đưa chừng chục struldbrug theo mình về nước để làm cho những người trong nước không còn sợ chết nữa. Tôi rất lấy làm vui lòng tiếp nhân sự quan tâm ấy với mình và các chi phí cho việc đưa họ đi nếu như các đạo luật cơ bản của vương quốc không cấm việc những struldbrug rời Tổ quốc.

Cần phải thừa nhận là các đạo luật ở đây về các struldbrug thật hết sức thông minh. Nếu không có các đạo luật ấy thì các struldbrug bị thức tỉnh bởi lòng tham lam lúc tuổi già sẽ chiếm lĩnh tất cả của cải của đất nước và thâu tóm mọi quyền lực vào tay mình. Mà chính vì việc không có khả năng đầy đủ để cai trị mà tất yếu họ sẽ đưa đất nước đến chỗ chết.

Chú thích [1] Đồng tiền Anh.

[2] Động cơ vĩnh cửu (Latin - perpetaum moblle), trong một thời gian dài đã có những ý đồ vô ích nhằm tạo ra một động cơ vĩnh cửu. Một cỗ máy có thể làm việc mãi không ngừng, không nhận bất cứ nguồn năng lượng nào từ bên ngoài. Ý đồ tạo ra thuốc vạn năng chữa khỏi bách bệnh cũng là ước mơ và thực nghiệm vô ích như tạo ra động cơ vĩnh cửu.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 11

ôi hy vọng là chuyện kể của tôi về các struldbrug là một chuyện mới của mình sẽ giải trí phần nào cho đọc giả. Ít nhất là tôi không nhớ đã đọc được cái gì đó tương tự trong các sách về du lịch mà tôi có trong tay.

Giữa vương quốc Luggnagg và hoàng đế Nhật Bản vĩ đại tồn tại mối quan hệ giao dịch buôn bán thường xuyên. Các nhà văn Nhật Bản chắc hẳn có đề cập tới những struldbrug. Nhưng chuyến viếng thăm của tôi ở Nhật Bản quá ư ngắn ngủi. Tôi hoàn toàn không biết tiếng Nhật Bản và cũng không có một khả năng nào để tìm hiểu cho vấn đề này. Nhưng tôi hy vọng rằng những người Hà Lan sau khi đọc xong câu chuyện của tôi mà có quan tâm tới vấn đề bất tử xin hãy bổ sung cho câu chuyện của tôi.

Đức vua cố gắng thuyết phục tôi nhận một chức vụ nào đó trong cung đình của ngài. Nhưng khi biết rõ quyết định không lay chuyển được của tôi để quay về Tổ quốc, ngài đồng ý cho tôi trở về và rủ lòng thương viết một bức thư giới thiệu cho hoàng đế Nhật Bản. Ngài tặng tôi bốn trăm bốn mươi đồng tiền vàng lớn và một viên kim cương đỏ mà tôi đã bán ở Anh lấy một nghìn một trăm pound.

Ngày 6 tháng Năm năm 1709 tôi long trọng từ giã đức vua và các bạn bè của mình. Đức vua đã tỏ ra hết sức lịch thiệp, ra lệnh đội cận vệ của mình hộ tống tôi cho đến tận Glanguenstald, hải cảng của vương quốc nằm ở phía Tây Nam của hòn đảo.

Sau sáu ngày lênh đênh, con tàu bắt đầu đưa tôi đến Nhật Bản và hành trình kéo dài mười lăm ngày.

Chúng tôi bỏ neo ở cảng Xamoschi không lớn lắm, nằm ở vùng Đông Nam Nhật Bản. Thành phố được xây dựng trên một mũi đất dài từ đó có một vịnh hẹp hướng lên phía Bắc theo một nhánh dài hẹp, ở phía Tây Bắc của vịnh là thủ đô của hoàng đế, Yedo. Sau khi lên bờ, tôi đưa trình viên chức hải quan bức thư của quốc vương Luggnagg gửi hoàng đế của ông ta. Ở hải quan người ta biết rất rõ quốc ấn có kích thước bằng lòng bàn tay của tôi. Trên đó có hình quốc vương đang giúp một người nghèo bị thọt chân đứng dậy. Thị trưởng sau khi nghe nói về bức thư này đã tiếp đón tôi như một đặc sứ của một cường quốc láng giềng. Ông cung cấp xe ngựa và người hầu cận cho tôi và gánh mọi chi phí cho chuyến đi của tôi lên Yedo.

Khi đến đấy, tôi được phép vào triều kiến và trình thư. Bức thư đã được bóc theo một nghi lễ rất trọng thể và được người phiên dịch đọc cho hoàng đế. Theo mệnh lệnh hoàng đế, tôi được phép nêu nguyện vọng của mình. Nguyện vọng đó sẽ được hoàng đế thực hiện ngay vì sự kính trọng với người anh em hoàng tộc, quốc vương Luggnagg. Vì nhiệm vụ của người phiên dịch là tiến hành giao dịch với người Hà Lan, bởi thế qua vẻ ngoài của tôi anh ta đã nhanh chóng đoán ra tôi là một người châu Âu, anh ta nhắc lại lời của hoàng đế bằng tiếng Hà Lan, thứ tiếng mà anh ta nắm rất vững. Theo sự dự định từ trước, tôi trả lời rằng tôi là một thương gia Hà Lan bị đắm tàu ở ven bờ biển của một đất nước xa xôi. Từ đó tôi đến được Luggnagg và từ Luggnagg tôi lên tàu đến Nhật Bản, mà ở đây tôi biết những

người đồng hương của tôi tiến hành công việc thương mại. Tôi hy vọng rằng người ta sẽ tạo cho tôi cơ hội trở về Tổ quốc với một người nào đó trong số ấy. Tôi kính cẩn xin hoàng đế che chở cho tôi và cho tôi đến Nagasaki, hải cảng duy nhất ở đó cho phép các tàu châu Âu ghé vào. Ở đó tôi sẽ đợi một cơ hội thuận tiện để trở về châu Âu. Trong lời kết luận, tôi xin hoàng đế do lòng kính mến người bảo hộ của tôi, quốc vương Luggnagg, rủ lòng nhân từ miễn cho tôi không phải thi hành lễ nghi bắt buộc với những người đồng hương của tôi là giày xéo lên cây thánh giá[1]. Hơn nữa tôi đã bị nỗi bất hạnh ném lên mảnh đất này và tôi không có ý định thương mại ở đây.

Khi người phiên dịch dịch cho hoàng đế lời cầu xin này, ngài hơi ngạc nhiên. Ngài nói rằng tôi là người đầu tiên trong số những người đồng hương của mình bộc lộ ra điều tế nhị ấy. Ở ngài bất giác xuất hiện sự nghi ngờ rằng tôi không phải là người Hà Lan, từ những lời tôi nói rõ ràng tôi là một người Cơ Đốc giáo thật sự. Hơn nữa, do mong muốn biểu lộ sự kính mến quốc vương Luggnagg, ngài chấp nhận lời đề nghị kỳ quặc ấy của tôi. Tuy nhiên, ngài thấy rằng cần phải báo trước cho tôi biết ở đây cần phải hành động cực kỳ thận trọng. Ngài truyền cho các quan lại của mình mệnh lệnh, giả tảng như họ do đãng trí, đã quên không bắt tôi phải làm nghi lễ ấy. Bởi vì, nếu những người đồng hương Hà Lan của tôi mà biết rằng tôi không bị buộc tuân theo nghi lễ ấy thì hoàng đế đoán chắc là dọc đường họ sẽ cứa cổ tôi. Tôi nhờ người phiên dịch biểu lộ hộ tôi lòng biết ơn sâu sắc do đặc ân này. Cũng đúng dịp đó người ta phải phái một đội lính đến Nagasaki. Người ta đề nghị tôi đi với đội lính này và người đội trưởng được lệnh bảo vệ tôi dọc đường và được giao một chỉ lệnh đặc biệt về tôi.

Sau một cuộc hành trình dài và mệt mỏi tôi đến Nagasaki vào ngày 9 tháng Sáu năm 1709. Ở đây, tôi được làm quen với một đội thủy thủ Hà Lan, phục vụ trên con tàu "Amboyna" của Amsterdam với trọng tải bốn trăm năm mươi tấn. Tôi đã từng sống lâu ở Hà Lan đã học tập ở Leyden và nói tiếng Hà Lan rất tốt. Các thủy thủ nhận ra rằng tôi đã từ đâu đến và bắt đầu tò mò hỏi về các chuyến du lịch và về cuộc đời tôi. Tôi bịa một câu chuyện thật ngắn gọn nhưng giống như thật, lược bỏ phần lớn các sự kiện. Tôi có khá nhiều người quen biết ở Hà Lan và tôi cũng chẳng khó gì mà không nghĩ ra họ của bố mẹ tôi, mà theo lời tôi họ sống ở một xóm làng nhỏ bé ở tỉnh Gelderland. Tôi đề nghị thuyền trưởng con tàu (không phải là anh chàng Theodorus Vangrult) lấy bao nhiêu tiền cũng được cho chuyến về Hà Lan. Nhưng sau khi biết tôi là nhà phẫu thuật, thuyền trưởng bằng lòng chỉ lấy một nửa số chi phí với điều kiện tôi làm nghĩa vụ của bác sĩ trên tàu. Trước khi lên đường, các thủy thủ nhiều lần hỏi tôi xem đã thực hiện lễ nghi với cây thánh giá như trên đã kể chưa, nhưng tôi đã trả lời hết sức mập mờ. Tuy nhiên, viên thuyền trưởng, một con người ác độc, đã chỉ tôi cho viên sĩ quan Nhật Bản và nói rằng tôi vẫn chưa bước qua thánh giá. Nhưng viên sĩ quan đã nhận được một chỉ lệnh đặc biệt với tôi nên đã cho tên đê tiện hai mươi gậy tre vào vai. Sau chuyện đó người ta không còn đặt các vấn đề đại loại như vậy với tôi nữa.

Trong suốt cuộc hành trình không xảy ra chuyện gì đáng nhắc lại nữa. Đến mũi Hảo Vọng thì được gió thuận, chúng tôi dừng lại đó mấy ngày để lấy nước ngọt dự trữ. Ngày 10 tháng Tư năm 1710 chúng tôi thuận đường tới Amsterdam, bị mất bốn người trên đường: ba chết vì bệnh tật và người thứ tư bị ngã từ cột buồm xuống biển ven bờ Guinea. Từ Amsterdam tôi đi Anh trên một con tàu nhỏ đậu ở thành phố này.

Ngày 16 tháng Tư chúng tôi bỏ neo ở Downs.

Sáng ngày hôm sau tôi lên bờ và tôi lại trở về Tổ quốc mình sau năm năm rưỡi vắng mặt. Tôi đi thẳng đến Redriff và lúc hai giờ trưa

cùng ngày tôi được gặp lại vợ và con vẫn khỏe mạnh.

Chú thích [1] Như các nhà du lịch kể lại, những người bị nghi là theo Cơ đốc giáo ở Nhật Bản thế kỷ XVII và XVIII bị bắt phải giày xéo lên cây thánh giá. Những người từ chối làm điều đó sẽ bị nhục hình và xử tử. Việc hành hạ người Cơ Đốc giáo vẫn tiếp tục ở Nhật Bản cho đến năm 1873.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương Phần Iv: Cuộc Du Lịch Đến Đất Nước Ngựa-người - Chương 1

ôi ở nhà với vợ và con cái gần năm tháng trời và có thể tự coi mình là hết sức hạnh phúc nếu như cuối cùng tôi biết được giá trị của cuộc sống thanh bình. Nhưng niềm say mê du lịch không để tôi yên. Người ta lại đề nghị với tôi những điều kiện hết sức có lợi với cương vị thuyền trưởng trên con tàu "Adventurer", một con tàu buôn tốt với trọng tải ba trăm năm mươi tấn, còn tôi sau khi đắn đo không lâu đã tiếp nhận đề nghị. Công việc hàng hải rất quen thuộc với tôi còn việc mổ xẻ đối với tôi đã quá chán ngấy. Bởi vậy, trong khi tôi từ chối đảm nhiệm công việc này tôi đã mời Robert Purefoy một người trẻ tuổi nhưng là một bác sỹ thạo việc làm bác sỹ trên tàu. Chúng tôi khởi hành từ Portsmouth ngày 7 tháng Chín năm 1710, ngày 14 chúng tôi gặp thuyền trưởng Pocock đi từ Bristol ở Teneriffe, ông đi Campechy để lấy gỗ đàn hương. Nhưng cơn bão nổi lên vào ngày 16 đã chia rẽ chúng tôi. Khi quay trở về Anh tôi được biết rằng con tàu của ông ta đã bị đắm, toàn thể thủy thủ đoàn chỉ có một thủy thủ tập sự sống sót. Đây là một thuyền trưởng giỏi và dũng cảm nhưng rất bướng bỉnh. Tôi không hề nghi ngờ gì khi cho rằng thiếu sót ấy đã làm ông ta bị tai nạn.

Trong thời gian hành trình, cơn sốt nhiệt đới đã giết chết một số thủy thủ trên con tàu chúng tôi. Để bổ sung thủy thủ đoàn tôi đã tuyển mộ những người ở Barbados và ở những đảo khác thuộc quần đảo Anti, nơi tôi đã ghé vào theo sự sắp xếp của chủ tàu. Nhưng ngay sau đó tôi thấy hối hận cay đắng vì điều này. Phần lớn những thủy thủ mà tôi chọn là những kẻ đáng ngờ và như sau này mới rõ, chúng là những tên cướp biển. Trên boong tàu của tôi có năm mươi người. Tôi được giao trách nhiệm tiến hành trao đổi buôn bán với những người da đỏ ở Nam Thái Bình Dương và tiến hành nghiên cứu các khu vực còn ít được biết đến trên các vĩ độ này.

Những tên vô lại mà tôi lấy lên tàu, đã nhanh chóng lôi kéo số thủy thủ còn lại theo chúng. Chúng quyết định bắt giam tôi và chiếm tàu. Âm mưu này cần phải thực hiện ngay lập tức. Một buổi sáng bọn chúng xông vào cabin, trói chân và tay tôi lại và dọa sẽ ném xuống biển nếu tôi có ý định chống cự. Tôi đành phải phục tùng và chịu làm tù binh của chúng. Bọn kẻ cướp bắt tôi phải thề rằng tôi sẽ không chống cự nữa. Khi tôi đã thực hiện yêu cầu của chúng, chúng cởi trói cho tôi nhưng lại xích tôi vào giường và đặt người gác có vũ khí sẵn sàng ở ngay cửa cabin, tên này được lệnh bắn khi tôi có bất kỳ ý đồ bỏ trốn nhỏ nhất nào. Chúng đưa thức ăn và nước uống đến cabin cho tôi còn chúng tự nắm quyền điều khiển con tàu.

Bọn cướp biển quyết định tìm kiếm và cướp bóc các con tàu Bồ Đào Nha. Nhưng để thực hiện các ý đồ đó thì lực lượng của chúng quá ít. Bởi thế chúng quyết định bán hết hàng hóa có trên tàu và hướng đến đảo Madagascar để bổ sung thủy thủ đoàn. Trong suốt mấy tuần lễ bọn cướp đã đi quanh vùng, tiến hành trao đổi buôn bán với những người da đỏ. Nhưng tôi không biết được hành trình của chúng bởi vì trong suốt thời gian bị nhốt và canh giữ trong cabin, tôi chờ đợi từng phút một hình phạt tàn bạo mà chúng thường đe dọa

tôi.

Ngày 9 tháng Ba năm 1711 một tên James Welch nào đó xuống khoang và tuyên bố thuyền trưởng ra lệnh cho hắn đưa tôi lên bờ. Tôi thử làm cho hắn nghĩ lại nhưng tất cả đều vô ích. Thậm chí hắn còn từ chối không nói cho tôi biết thuyền trưởng mới của chúng là ai nữa. Bọn kẻ cướp cho phép tôi mặc bộ quần áo tốt nhất và hầu như còn mới của tôi và cầm theo một tay nải quần áo nhỏ; trong số vũ khí chúng chỉ để lại cho tôi con dao găm. Sự tử tế của chúng đã đi xa tới mức chúng quên không khám các túi của tôi, trong đó còn tiền và một số thứ lặt vặt. Sau đó chúng đưa tôi xuống xuồng và hướng vào bờ nhìn thấy rõ cách con tàu chừng một hải lý. Khi đến bãi cạn bọn cướp thả tôi xuống và quay trở lại tàu. Tôi yêu cầu hãy nói xem đây là nơi nào. Nhưng những người này thề rằng chúng biết về nơi đây cũng không hơn gì tôi. Chúng kể lại rằng thuyền trưởng, như chúng gọi hắn như vậy, từ lâu đã quyết định tách tôi ra, còn khi tàu đã bán hết hàng hóa thì chúng sẽ bắt đầu đi tới Madagascar. Sau đó con xuồng rời bãi cạn. Lúc từ biệt, chúng chúc tôi mọi điều may mắn và khuyên tôi hãy nhanh chóng lội vào bờ khi nước triều chưa lên.

Lời khuyên thật đúng đắn và tôi lội qua bãi cạn lên bờ. Sau khi lên bờ tôi ngồi nghỉ trên một mô đất và bắt đầu suy nghĩ sắp tới sẽ làm gì. Tôi chẳng có một chút thức ăn dự trữ nào và cũng chẳng có phương tiện để kiếm thức ăn nữa. Tôi chỉ có một mình và không có một công cụ nào. Tôi chỉ có mỗi một cách là trao vào tay những thổ dân man rợ nào đó mà tôi gặp đầu tiên những vòng đeo tay, hạt thủy tinh nhiều màu và các thứ lặt vặt khác để dành cảm tình của họ. Các thủy thủ bao giờ cũng dự trữ các thứ này khi lên đường đi tới các đất nước xa xôi. Một số thứ lặt vặt ấy tôi đã kịp vơ cho vào túi trước khi rời khỏi cabin của tôi. Sau khi quyết định như vậy, tôi đứng dậy và đi sâu vào đất liền.

Trước mắt tôi một thung lũng rộng trải dài. Những hàng cây dài cắt ngang thung lũng. Nhưng những cây cối ấy không phải do bàn tay con người trồng lên. Giữa những cây ấy nổi bật lên những đồng cỏ xanh và những cánh đồng gieo yến mạch. Tôi tiến lên phía trước một cách cẩn thận vừa đi vừa nhìn tứ phía. Tôi luôn luôn sợ có ai đó bất thình lình tiến công tôi hoặc có những mũi tên từ phía sau hoặc bên sườn nhắm vào tôi.

Một lúc sau tôi bước ra con đường cái. Trên đường thấy có nhiều vết chân người, một số vết chân bò nhưng nhiều hơn cả là vết chân ngựa. Cuối cùng tôi cũng trông thấy trên đồng có những động vật nào đó. Dáng vẻ kỳ quái và đáng sợ của chúng khiến tôi e ngại. Tôi núp vào một bụi cây để có thể quan sát chúng tốt hơn. Một số con trong số đó tiến gần lại chỗ mà tôi đang núp khiến tôi có thể thấy rõ chúng. Đầu và ngực của chúng phủ lông rất dày - ở một số là lông xoăn, còn số khác thì là lông thẳng. Phần nhiều chúng có râu giống như râu dê. Dọc lưng và phần chân trước có các giải lông hẹp chạy dài. Nhưng thân thể của chúng trần trụi khiến tôi có thể thấy màu da nâu đen. Chúng không có đuôi. Các động vật cái nhỏ hơn các con đực một chút: trên đầu của chúng cũng có các lông dài nhưng mặt thì lại nhẵn nhụi còn toàn thân thì chỉ phủ một lớp lông thưa. Lông của các con đực và cái cũng có những màu sắc khác nhau: nâu, đen và hung hung. Chúng ít khi đứng yên tại chỗ, lúc nào cũng chạy, nhảy và phi với sự nhanh nhẹn lạ thường. Những móng dài ở chân trước và chân sau cho phép chúng nhanh như sóc khi leo lên các cây cao. Nói chung, trong các chuyến du lịch của tôi chưa bao giờ tôi gặp những động vật kỳ quái hơn và xấu xa ghê tởm hơn. Bởi thế tôi không dám nhìn chúng lâu. Sau khi thấy hết sự kinh tởm và gớm guốc, tôi vội vàng ra khỏi chỗ núp và tiếp tục đi theo con đường với hy vọng nó sẽ đưa tôi đến một túp lều của người da đỏ nào đấy.

Nhưng tôi chỉ mới đi được vài bước thì đã gặp một trong số các động vật gớm guốc ấy. Nó chạy thẳng đến chỗ tôi. Nhận thấy tôi, con vật ấy dừng lại và với bộ mặt nhăn nhó ghê sợ trố mắt ra nhìn tôi. Sau đó trong khi tiến gần tôi nó giờ chân trước lên - có thể vì tò mò hoặc có thể vì có ý định độc ác mà tôi không thể nào xác định được. Tôi nắm chặt con dao găm và giáng một đòn mạnh vào chân của con vật. Tôi không muốn sử dụng mũi nhọn con dao vì ngại rằng cư dân của hòn đảo sẽ nổi giận nếu như tôi giết hoặc làm què quặt con vật nuôi của họ. Cảm thấy đau, con vật bỏ chạy thục mạng và kêu ré lên to tới mức cả đàn, đông chừng gần bốn chục con như vậy từ cánh đồng bên cạnh lao đến cùng với tiếng rú và dáng vẻ gớm ghiếc vây lấy tôi. Tôi lao đến một cái cây, dựa lưng vào thân cây và vung dao găm lên để chúng không đến gần tôi được. Tuy nhiên tình thế của tôi hết sức tồi tệ. Một số con đã lao lên cây và sẵn sàng tấn công tôi từ trên cao. Số còn lại đứng sít lại với nhau và vây lấy tôi.

Tôi đã không có hy vọng được cứu thoát và sẵn sàng trả giá đắt cho sinh mệnh của mình, thì tôi bỗng nhiên nhận ra thấy có một nỗi kinh hoàng nào đó xuất hiện giữa các kẻ thù của tôi. Trong nháy mắt chúng bỏ chạy tán loạn. Vừa hoàn hồn một chút, tôi đánh bạo rời cái cây và tiếp tục lên đường. Khi nhìn sang bên trái tôi trông thấy một con ngựa đang thong thả đi trên đồng. Rõ ràng con ngựa này là nguyên nhân bỏ chạy của những kẻ đã bao vây tôi khi nhận ra nó trước tôi. Khi tiến lại gần tôi, con ngựa thở nhẹ ra nhưng nhanh chóng tự chủ và bắt đầu nhìn thẳng vào mặt tôi với vẻ hết sức ngạc nhiên. Nó nhìn vào tay và chân tôi và đi vòng quanh mấy lần. Tôi muốn tiếp tục lên đường nhưng con ngựa ngăn tôi lại, tiếp tục liếc nhìn tôi nhưng không biểu hiện ý định xúc phạm tôi một chút nào. Và thế là chúng tôi đứng một lúc nhìn vào mặt nhau.

Cuối cùng tôi đánh bạo giơ tay lên cổ ngựa định vuốt ve nó. Nhưng con vật tránh cử chỉ dịu dàng ấy của tôi với vẻ khinh bỉ, lắc đầu, cau mày và khéo léo đưa chân phải trước lên gạt tay tôi ra. Sau đó con ngựa hý lên một cách gợi cảm khiến cho tôi có ý nghĩ: phải chăng nó nói chuyện bằng ngôn ngữ của mình.

Ngay lập tức một con ngựa nữa đến chỗ chúng tôi. Cả hai con ngựa trao đổi với nhau những lời chào đúng nghi lễ nhất. Chúng khẽ động các móng chân phải trước vào nhau và bắt đầu lần lượt hý lên, thay đổi các âm theo các kiểu khác nhau bởi thế các âm dường như gần tách bạch rõ ràng. Sau đó chúng tách ra khỏi tôi một vài bước và đi dạo song song bên nhau giống như là những người cần phải quyết định một vấn đề quan trọng. Trong khi đó chúng vẫn quan sát tôi tựa hồ như không cho tôi chạy mất. Khi theo dõi tính cách của các động vật phi lý này bất giác tôi nghĩ rằng nếu những động vật bốn chân bình thường ở đất nước này còn như thế nữa thì những cư dân hai chân của nó còn đến thế nào nữa. Họ hẳn là một dân tộc thông minh nhất trên trái đất. Ý tưởng ấy đã động viên tôi rất nhiều và tôi quyết định lên đường cho đến khi nào còn chưa gặp được nơi có người ở hoặc chưa gặp được một thổ dân nào đấy. Nhưng con ngựa đầu tiên có đôi mắt xám nhận ra rằng tôi ra đi thì bắt đầu hý lên một cách tình cảm sau lưng tôi khiến tôi có cảm giác là tôi hiểu được nó muốn gì. Tôi quay lại ngay lập tức và tiến lại gần nó để xem sắp tới sẽ còn gì nữa. Cũng cần phải thừa nhận là tôi bắt đầu hơi e ngại một chút về kết cục của chuyện phiêu lưu này mặc dù tôi cố gắng giấu nỗi sợ hại của chính mình. Độc giả chắc cũng chẳng khó khăn gì để tự hình dung hoàn cảnh của tôi lúc đó thật chẳng dễ chịu chút nào.

Cả hai con ngựa đi lại gần tôi và hết sức chăm chú bắt đầu quan sát mặt và tay tôi. Con ngựa xám khẽ chạm móng chân phải trước vào mọi phía của cái mũ của tôi, dường như nó ngập ngừng muốn tôi bỏ mũ. Sau khi nhấc ra tôi lại đội nó vào. Cử động của tôi rõ ràng là làm

con ngựa xám và bạn của nó (có màu lông đen tuyền) hết sức ngạc nhiên. Con ngựa ô đụng vào vạt áo khoác của tôi, rõ ràng tình huống mà cả hai con đang sa vào đã gây cho cả hai sự bỡ ngỡ rất nhiều. Con ngựa ô vuốt ve bàn tay phải của tôi và rõ ràng là ngạc nhiên trước màu sắc và độ mịn màng của nó. Nó giữ chặt tay tôi giữa móng và cổ chân mạnh đến mức tôi phải kêu lên vì đau. Con ngựa lập tức buông tay tôi ra và sau đó cả hai bắt đầu đụng vào tôi hết sức thận trọng. Đôi giày và tất của tôi làm chúng ngơ ngác hoàn toàn. Chúng xem xét và sờ mó mãi các thứ ấy và thể hiện sự ngạc nhiên bằng tiếng hý và các cử chỉ. Nói chung mọi tính cách của các động vật này khác biệt bởi tính hợp lý và tính khôn ngoan cuối cùng đã khiến tôi nảy ra ý nghĩ: phải chăng đó là các sinh linh kỳ diệu mà do một nguyên nhân nào đó dần dần bị biến thành ngựa. Khi gặp trên đường một vật lạ, chúng quyết định đùa giỡn và dọa nó. Ngoài ra, cũng có thể chúng thật sự kinh ngạc trước hình dạng con người, quần áo ngoài, khuôn mặt và cơ thể hẳn là không giống với những người đang sống trên đất nước xa xôi này. Khi rút ra kết luận như vậy, tôi đánh bạo hướng vào chúng và nói các lời sau đây: “Thưa các ngài, nếu các ngài là những thầy phù thủy thật sự thì tôi có cơ sở để cho rằng các ngài hiểu mọi ngôn ngữ. Bởi vậy tôi xin mạo muội thưa với các ngài rằng, tôi là một người Anh bất hạnh. Số mệnh ác độc đã ném tôi lên bờ của đất nước các ngài. Tôi xin phép được cưỡi lên lưng của một trong số các ngài như là cưỡi lên lưng của một con ngựa thực sự và đi đến một căn lều hay một xóm làng nào đấy nơi tôi có thể được nghỉ ngơi và có chốn nương thân. Với tấm lòng biết ơn sự giúp đỡ này tôi xin biếu tặng các ngài con dao nhỏ hoặc chuỗi vòng này”. Lúc đó tôi rút cả hai vật ấy từ trong túi ra.

Trong khi tôi nói, cả hai con ngựa đứng im lặng với cái vẻ giống như là chúng nghe các lời của tôi hết sức chăm chú. Khi tôi kết thúc, chúng hý lên mấy lần và hướng vào nhau dường như tiến hành một cuộc trao đổi hết sức nghiêm túc. Khi đó tôi hoàn toàn thấy rõ là ngôn ngữ của chúng thể hiện tình cảm rất rõ ràng, và nó còn dễ hơn cả tiếng Trung Quốc khi phân tách thành từng từ và từng âm thanh.

Tôi nghe thấy rõ ràng từ Yahoo mà cả hai con ngựa nhắc lại mấy lần. Mặc dù tôi không thể hiểu ý nghĩa của nó nhưng trong khi chúng mải bận nói chuyện, tôi cũng cố gắng ghi nhớ từ này. Khi hai con ngựa vừa mới im lặng tôi liền kêu thật to từ “Yahoo”, “Yahoo” cố gắng mô phỏng tiếng hý của ngựa. Điều đó rõ ràng làm chúng rất lạ lùng và con ngựa xám hai lần nhắc lại từ này giống như muốn dạy tôi biết cách phát âm cho đúng. Tôi bắt đầu nhắc lại theo nó gắng sao cho chính xác hơn và cứ sau mỗi lần tôi lại thấy mình đạt được tiến bộ trông thấy mặc dù còn lâu mới có thể gọi là hoàn thiện. Sau đấy con ngựa ô thử dạy tôi một từ còn khó hơn nữa: Houyhnhnm. Phát âm từ này dường như khó không thể tả được nếu so với từ đầu tiên, nhưng sau hai ba lần thử, cuối cùng tôi đã nói được khá là rõ ràng. Cả hai con ngựa rõ ràng khâm phục khả năng hiểu biết của tôi.

Sau khi nói chuyện thêm chút nữa, hai con ngựa chia tay nhau, chúng gõ móng vào nhau như là khi mới gặp. Sau đó con ngựa xám ra dấu cho tôi đi lên trước. Tôi cũng đủ thông minh để thực hiện theo ý của nó trong khi chưa tìm được một người hướng dẫn tốt hơn. Thấy tôi đi chậm lại, con ngựa bắt đầu hý lên “hhuun hhuun”. Sau khi đoán ra tiếng hý ấy có nghĩa là gì tôi cố gắng giải thích cho nó biết là tôi đã quá mệt nên không thể đi nhanh hơn. Khi đó con ngựa dừng lại để tôi có thể nghỉ ngơi một chút.

Chú thích [1] Yahoo khởi đầu là "Jerry's Guide to the World Wide Web" (Cẩm nang của Jerry về mạng lưới), nhưng sau này được đổi tên. Tên Yahoo là một từ viết tắt cho "Yet Another Hierarchichal Officicious Oracle,"nhưng Filo và Yang nhất định rằng họ chọn tên này vì họ thích nghĩa của từ "yahoo" trong từ điển (một giống thú mang hình người trong quyểnNhững cuộc du hành của

GullivercủaJonathan Swift). Đầu tiên Yahoo chỉ ở trongmáy tínhlàm việc của Yang, trong khi phần mềm ở trong máy tính của Filo (Trích Lịch sử Yahoo! Inc - một công tyInternet củaHoa Kỳ - Wikipedia).

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 2

au khi đi chừng ba dặm, chúng tôi đã đến một căn nhà thấp và dài. Tường nhà được làm từ những cọc gỗ nhỏ đóng xuống đất và dùng các cành cây nhỏ bện lại, còn mái làm từ rơm rạ. Khi nhìn thấy căn nhà ở này tôi thở phào nhẹ nhõm và rút từ trong túi ra một số thứ lặt vặt. Tôi hy vọng rằng nhờ các thứ lặt vặt ấy mà chủ nhân căn nhà sẽ đối xử với tôi niềm nở hơn. Con ngựa mà tôi quen mời tôi bước vào trước và tôi thấy mình bước vào một căn phòng rộng có nền nhà bằng đất nện nhẵn; dọc theo một bên tường có một cái máng mắt cáo để cỏ khô. Ở đó có ba con ngựa đực và hai con ngựa cái con; chúng không đứng cạnh máng cỏ và cũng không ăn mà ngồi xổm như kiểu chó ngồi khiến tôi rất lấy làm lạ. Nhưng cái làm tôi ngạc nhiên hơn cả là khi tôi thấy các con ngựa khác đang bận các công việc nội trợ. Tất cả những điều đó cuối cùng đã củng cố giả thuyết ở tôi cho rằng một dân tộc biết huấn luyện các con vật không có lý trí đến như vậy thì hiển nhiên phải hơn hẳn các dân tộc khác trên trái đất về trí thông minh của mình. Con ngựa xám bước vào ngay sau tôi có lẽ để ngừa trước sự đón tiếp không được tử tế từ phía các con ngựa khác. Nó hý mấy lần với cái giọng sai khiến của ông chủ và những con ngựa khác ngay lập tức ngoan ngoãn vâng lời.

Ngoài căn phòng này, còn có ba căn phòng khác bố trí phòng nọ tiếp phòng kia dọc căn nhà. Chúng nối với nhau bằng các cửa ra vào rộng. Các cửa được đục vào tường cái nọ đối diện với cái kia do đó tạo nên một lối đi thẳng suốt từ phòng đầu tới phòng cuối cùng. Chúng tôi đi qua căn phòng thứ hai. Khi đó con ngựa xám ra dấu cho tôi đứng đợi còn bản thân đi vào phòng thứ ba. Tôi đứng lại ở phòng thứ hai và đã chuẩn bị quà tặng cho chủ nhân ngôi nhà: hai con dao, ba cái vòng có các hạt ngọc trai nhỏ, một cái gương con và chuỗi hạt cườm. Con ngựa bắt đầu hý lên ba hay bốn lần và tôi chú ý nghe hy vọng thấy có giọng người trả lời. Nhưng tôi chỉ nghe thấy cũng tiếng hý như thế chỉ có điều âm thanh của nó dịu dàng hơn và dễ nghe hơn. Tôi bất giác nghĩ: “ Hẳn ngôi nhà này thuộc một nhân vật rất quan trọng do đó cần phải chuẩn bị biết bao là nghi thức trước khi cho phép tôi vào gặp chủ nhân”. Nhưng chả lẽ nhân vật quan trọng ấy lại chẳng có một người hầu nào khác ngoài những con ngựa? Điều đó, tôi quả là không hiểu nổi. Tôi bỗng sợ hãi: phải chăng lý trí của tôi đã bị lầm lẫn sau những tổn thất và khổ đau mà tôi gặp phải? Tôi thu hết nghị lực quan sát cẩn thận xung quanh: căn phòng mà tôi đang đứng cũng được bố trí như căn phòng đầu tiên chỉ có cái là trông hoa lệ hơn nhiều. Tôi phải mấy lần giụi mắt - trước mặt tôi vẫn cũng chính các vật ấy. Tôi bắt đầu tự véo tay và hai bên sườn để mình tỉnh lại vì từng phút một tôi có cảm giác như đang trông thấy những thứ này trong mộng. Nhưng những cú véo cũng chẳng giúp được cho tôi: tôi vẫn thấy căn phòng ấy, cũng nền đất ấy và cũng cái máng cỏ ấy. Cuối cùng tôi dừng lại ở ý nghĩ là tất cả các điều đó chỉ là điều kỳ diệu và ma quái. Vào lúc ấy con ngựa xám lại xuất hiện ở cửa và ra dấu mời tôi vào phòng thứ ba theo nó, ở đấy tôi nhìn thấy một con ngựa cái rất đẹp và hai chú ngựa con. Chúng ngồi gập chân

sau xuống, dưới trèn một cái chiếu rơm được dệt rất đẹp và sạch sẽ.

Khi tôi bước vào, con ngựa cái ngay lập tức đứng dậy khỏi chiếu và tiến lại gần tôi. Nó chăm chú nhìn vào mặt và tay tôi và quay ngoắt lại với vẻ hết sức kinh tởm. Sau đó nó hướng vào con ngựa xám và tôi nghe thấy trong câu chuyện của chúng thường lặp đi lặp lại từ "Yahoo" mà ý nghĩa của nó cho đến giờ tôi vẫn chưa biết. Trời ơi! Chỉ khi tôi bị hạ nhục đến mức cực kỳ thì tôi mới nhanh chóng biết từ đó nghĩa là gì.

Con ngựa xám gật đầu với tôi và nhắc lại từ "guun", "guun" mà tôi thường nghe được trên đường về đây và từ đó có nghĩa là ra lệnh theo nó, và tôi được dẫn ra sân sau. Ở đây hơi cách xa căn nhà có một kho chứa đồ khá lớn. Chúng tôi bước vào đó và tôi nhìn thấy ba động vật gớm guốc giống như những con mà tôi phải chống đỡ dưới cái cây. Chúng đang hau háu ăn những củ cây và thịt sống trông chẳng đẹp mắt chút nào. Những thịt ấy cuối cùng tôi cũng nhận ra đó là thịt xác chết của chó, lừa và bò. Cả ba con đều có một cái vòng bằng cây liễu chắc chắn quấn quanh cổ và buộc vào một cây gỗ lớn. Chúng giữ thức ăn bằng các móng chân trước và dùng răng cắn xé.

Ngựa-chủ nhân ra lệnh cho người hầu của mình, một con ngựa tía con cởi dây buộc cho một con vật lớn nhất trong số ba con ấy và dẫn nó ra ngoài sân. Sau khi đặt nó đứng cạnh tôi cả chủ và tớ bắt đầu ngắm nghía so sánh chúng tôi sau đó mấy lần nhắc đi nhắc lại từ "Yahoo". Không thể nào tả được nỗi kinh khiếp và ngạc nhiên xâm chiếm tôi khi tôi nhận thấy rằng con vật ghê tởm ấy về hình dáng bên ngoài hoàn toàn giống con người. Thật vậy, mặt của nó nhẵn và to, mũi tẹt, môi dày và miệng rộng, mà những đặc điểm ấy thường gặp ở những người man rợ, bởi vì những người mẹ không bao giờ đặt con mình xuống đất mà cõng chúng trên lưng, do đó đứa trẻ thường xuyên cọ mũi vào vai của mẹ. Chân trước của Yahoo khác với tay của tôi chỉ ở các móng dài, da thô, lòng bàn tay màu nâu và cuối cùng là mu bàn tay có phủ lông. Chính xác là chân sau của Yahoo cũng không quá đặc biệt với chân tôi. Tôi nhận ra điều đó ngay lập tức mặc dù các con ngựa có thể không nhận thấy điều gì, bởi vì chân tôi mang giày và tất.

Hơn nữa rõ ràng cả hai con ngựa không có khái niệm gì về cái áo khoác dài của tôi. Chúng hoàn toàn không biết đó là cái gì mà chính nhờ vậy cơ thể của tôi hoàn toàn khác biệt với cơ thể của Yahoo.

Con ngựa tía đưa cho tôi một củ cây gì đó, được giữ giữa móng và cổ chân. Tôi cầm củ cây ấy, ngửi nó và rất lịch thiệp đưa trả lại. Khi đó nó đem lại một miếng thịt lừa từ căn nhà bẩn thỉu của Yahoo, nhưng miếng thịt có mùi khó chịu đến nỗi tôi kinh tởm quay đi. Con ngựa con bèn ném miếng thịt cho Yahoo và con vật này liền vồ ngay lấy. Sau đó nó đem cho tôi một ôm cỏ khô và một đấu đầy lúa kiều mạch nhưng tôi lắc đầu ra dấu rằng chẳng món ăn này hay món kia hợp với tôi cả. Ngay khi đó tôi thấy đây không phải là chuyện đùa, lần đầu tiên tôi có ý nghĩ rằng nếu như tôi không gặp ở đây một ai giống với mình thì có lẽ mình sẽ bị chết đói. Đương nhiên là loại động vật Yahoo không thể nào được tính vào đây. Chỉ nội ý nghĩ so sánh các động vật bẩn thỉu này với con người đã khiến tôi nổi giận và phẫn nộ cực điểm. Chưa bao giờ tôi nhìn thấy một sinh vật lại ghê tởm và đáng khinh hơn và càng được tiếp xúc thêm với chúng trong thời gian lưu lại đất nước này thì tôi càng trở nên căm ghét chúng hơn nữa. Sau đó con ngựa quay lại chỗ tôi và đưa móng chân trước lên miệng làm một số dấu hiệu khác như muốn biết tôi sẽ ăn gì. Nhưng tôi không biết câu trả lời như thế nào để cho nó hiểu được. Hơn nữa, nếu nó có hiểu được tôi thì liệu nó có thể giúp tôi trong việc này được chăng. Thực chất nó có thể lấy được từ đâu loại thức ăn hợp với tôi?

Trong lúc đó một con bò đi ngang qua chỗ chúng tôi. Tôi chỉ ngón tay vào con bò và biểu lộ ý muốn đến gần và vắt sữa nó. Người ta đã hiểu ý tôi và vì thế con ngựa xám đã đưa tôi quay trở lại ngôi nhà và ra lệnh cho một con ngựa cái-hầu cận mở cửa một căn phòng trong đó có vô số chai lọ bằng đất sét và bằng gỗ chứa đầy sữa được sắp xếp rất ngăn nắp. Con ngựa cái đưa cho tôi một bát sữa lớn và tôi vui lòng uống cạn, sau đó tôi cảm thấy mình khỏe và tỉnh hẳn ra.

Vào lúc gần trưa có một cỗ xe kéo giống như cỗ xe trượt đến nhà, cỗ xe này do bốn con Yahoo kéo. Trên cỗ xe có một con ngựa già ngồi, rõ ràng đó là một nhân vật quyền quý. Con ngựa già bước ra khỏi xe, đứng dựa trên chân sau bởi vì chân trước bên trái bị đau. Con ngựa này đến đây ăn trưa với chủ nhân của tôi và được chủ nhân đón tiếp rất long trọng. Chúng ăn trưa trong căn phòng đẹp nhất; món thứ hai là món kiều mạch nấu bằng sữa: vị khách ăn món này dưới dạng nóng sốt, còn những con ngựa khác thì lại ăn nguội. Máng cỏ thì đặt thành một vòng nhỏ ở chính giữa phòng trong đó đã chia thành từng phần theo số có mặt đang ngồi nghiêm chỉnh trên rơm. Trên máng cỏ treo một cái lưới lớn chứa cỏ khô, cũng được chia thành từng phần. Mỗi con ngựa ăn phần cỏ khô của mình cùng với suất cháo kiều mạch nấu sữa. Tất cả diễn ra rất đúng phép tắc và nghiêm chỉnh. Những con ngựa con xử sự rất khiêm tốn còn chủ nhân thì hết sức lịch thiệp và niềm nở với vị khách của mình. Con ngựa xám ra lệnh cho tôi lại gần nó và bắt đầu hý lên kể cho các bạn mình một câu chuyện dài về tôi. Tôi đoán ra điều này vì rằng vị khách thường đưa mắt nhìn tôi trong câu chuyện và nhiều khi thấy từ “Yahoo”. Đút tay vào túi tôi thấy có găng tay trong đó. Tôi sực nghĩ ra là đi găng tay và ra dấu hỏi cái gì đã xảy ra với hai chân trước của tôi. Mấy lần nó đụng móng vào chúng dường như để tôi hiểu cần làm cho chúng trở về như trước đây. Tôi vâng lời cất găng tay và đút nó vào túi.

Chuyện xảy ra này đã gây nên một cuộc tranh luận sôi nổi và tôi nhận thấy rằng hành động của tôi đã làm mọi cái có lợi cho tôi. Người ta ra lệnh cho tôi phát âm những từ mà tôi tiếp thu được. Trong bữa ăn trưa chủ nhân dạy tôi học cách gọi tên lúa kiều mạch, sữa, ngọn lửa, nước và một số đối tượng khác. Tôi học thuộc những từ này không có khó khăn gì lắm bởi vì ngay từ lúc còn trẻ tôi đã tỏ ra rất có khả năng về ngôn ngữ.

Sau bữa ăn trưa Ngựa-chủ nhân dẫn tôi ra một phía và biểu lộ bằng cử chỉ và bằng lời sự không yên lòng của mình về việc tôi không ăn gì. Cho đến giờ tôi vẫn chưa đụng đến kiều mạch. Nhưng tôi chợt nảy ra ý nghĩ rằng từ kiều mạch có thể làm ra một thứ gì đấy đại loại như bánh mỳ. Còn bánh mỳ và sữa tạo cho tôi khả năng tàm tạm sống cho đến khi có cơ hội đến được một đất nước nào khác có những người như tôi. Trong ngôn ngữ Houyhnhnm kiều mạch được gọi là hlunnh. Mấy lần tôi nhắc lại từ này. Vị chủ nhân ngay lập tức ra lệnh cho một con ngựa cái trắng hầu cận mang kiều mạch đựng trong một cái bát gỗ đến. Tôi mới đem rang qua kiều mạch trên bếp sau đó đem xát cho chúng tróc hết vỏ. Tôi tiếp tục nghiền hạt kiều mạch giữa hai hòn đá thành bột, hòa nước và làm thành bột nhão, đem nướng trên bếp và ăn nóng cùng với sữa. Thoạt tiên món ăn rất phổ biến ở nhiều nước châu Âu này đối với tôi thật chẳng ngon lành chút nào. Nhưng dần dần tôi đã quen với nó. Hơn nữa trong chuyến du lịch lần này tôi đã phải nhiều lần bằng lòng với món ăn thô lậu nhất và rốt cuộc tôi tin rằng dù có thế nào đi chăng nữa con người cũng cần phải sống.

Sự thật, đôi khi tôi cũng bắt được bằng bẫy làm từ tóc của Yahoo, một con thỏ hoặc một con chim nào đó; đôi khi tôi tìm được các thứ cỏ ăn được mà tôi nấu và ăn chúng dưới dạng gia vị vào món bánh nướng của tôi; thỉnh thoảng tôi tự làm bơ cho mình và uống nước sữa trong.

Thoạt đầu tôi rất khổ sở khi thiếu muối nhưng rồi tôi nhanh chóng làm quen với tình trạng này.

Xưa kia muối chỉ được sử dụng trong các bữa tiệc lớn để kích thích việc uống; dần dần mọi người mọi nơi quen dùng nó. Chính chúng ta cũng chẳng biết một loài động vật nào mà lại thích ăn muối. Bất luận thế nào đi nữa tôi cũng cần nói thêm rằng dù có hoàn toàn thiếu muối, dù thức ăn có thô lậu và nghèo nàn nhưng trong suốt thời gian tôi lưu lại trên đảo tôi chưa bao giờ bị ốm.

Lúc trời bắt đầu tối Ngựa-chủ nhân bố trí cho tôi một căn nhà đặc biệt cách nhà chủ nhân chừng sáu yard và tách biệt với chuồng Yahoo. Tôi tìm ở đó một ít rơm, trải áo khoác lên và ngủ rất say. Chẳng bao lâu sau tôi đã bố trí chỗ ở tiện nghi hơn mà độc giả sẽ biết trong câu chuyện kể chi tiết cuộc sống của tôi trên đất nước này.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift
www.dtv-ebook.com

Chương 3

ông việc chủ yếu hiện tại của tôi là học tốt tiếng; tất cả mọi người trong nhà, bắt đầu từ chủ nhân (từ giờ tôi sẽ gọi con ngựa xám như vậy) và con cái chủ nhân cho tới những ngựa hầu cận, đã tận tình giúp đỡ tôi trong việc này. Đối với chúng dường như là kỳ diệu khi ở một động vật thô lậu lại phát hiện thấy các tính chất của một sinh vật có trí tuệ. Tôi chỉ ngón tay vào vật này hay vật khác và hỏi xem nó như thế nào. Tôi có gắng học thuộc lòng tên gọi này còn sau đó trong trường hợp thuận lợi đầu tiên sẽ ghi vào nhật ký của mình. Mong muốn cách phát âm được tốt hơn tôi yêu cầu các thành viên của gia đình thường xuyên nhắc lại các từ này. Con ngựa tía hầu hạ của chủ nhân sẵn lòng giúp đỡ tôi trong học tập.

Sự phát âm của những Ngựa-người là giọng mũi hoặc trong cổ họng, trong tất cả các ngôn ngữ châu Âu mà tôi biết thì tiếng Houyhnhnm giống tiếng Thượng Hà Lan hoặc tiếng Đức hơn cả nhưng nó uyển chuyển và diễn cảm hơn nhiều.

Chủ nhân của tôi rất khao khát tôi có thể nhanh chóng học nói được tiếng ở đây và có thể kể cho ông về câu chuyện của mình. Hằng ngày ông dành ra vài giờ để dạy cho tôi ngôn ngữ ở đây. Ông vẫn nghĩ (như ông nói lại với tôi sau này) tôi là Yahoo. Nhưng ống lấy rất làm lạ trước hiểu biết, tính lịch thiệp và sự tươm tất của tôi bởi vì những tính cách tương tự hoàn toàn không có ở các động vật này. Ông rất muốn biết tôi từ đâu tới và tiếp thu được trí tuệ thể hiện trong các hành vi của mình ấy ở đâu. Ông muốn mau chóng được nghe các câu chuyện phiêu lưu của tôi. Ông hy vọng rằng sự chờ đợi của ông sẽ không lâu: tôi đã đạt được những tiến bộ trong việc học tiếng Houyhnhnm. Để cho dễ nhớ hơn tôi đã chép lại tất cả các từ mà tôi đã học thuộc theo thứ tự vần chữ cái tiếng Anh kèm theo phần dịch nghĩa tương ứng. Sau một thời gian tôi quyết định đọc những ghi chép này cho chủ nhân nghe. Tôi cũng chẳng khó khăn gì khi giải thích cho ông tại sao tôi làm như vậy, bởi vì những Người-ngựa không có một khái niệm nhỏ nào về sách vở và văn học.

Sau khoảng một chục tuần lễ tôi đã hiểu đa số các câu hỏi của chủ nhân tôi và sau ba tháng tôi đã trả lời ông một cách trôi chảy. Chủ nhân tôi đặc biệt quan tâm xem tôi từ đất nước nào đến đây và bằng cách nào tôi học được cách bắt chước các sinh vật có trí tuệ, bởi vì Yahoo (mà theo ý kiến ông tôi giống một cách lạ lùng các sinh vật ấy) mặc dù có tính láu cá nhưng việc học tập lại tồi hơn tất cả các động vật khác.

Tôi trả lời rằng tôi từ đất nước rất xa xôi có nhiều sinh vật giống như tôi đến đây. Chúng tôi đã bơi rất lâu trên biển trong một cái thùng rỗng lớn được làm từ các cây gỗ. Cuối cùng những người đồng hành của tôi đã thả tôi lên bờ biển ở đây phó mặc cho quyền lực của số mệnh. Khó khăn lắm nhờ các dấu hiệu và các cử chỉ khác nhau tôi cũng làm chủ nhân hiểu được tôi.

Sau khi nghĩ một lúc ông trả lời rằng có lẽ tôi nhầm hoặc là tôi nói điều gì đó không có thật. (Trong ngôn ngữ của Ngựa-người hoàn

toàn không có các từ lừa gạt và giả dối). Ông cho rằng không thể nào có chuyện bên kia biển cả có vùng đất nào đó và một đám thú rừng đi lại trên biển nhờ con tàu gỗ và đi đâu tùy ý. Ông tin rằng chẳng có ai trong số các Ngựa-người lại đóng được con tàu như thế mà hơn thế nữa không thể nào tin chuyện Yahoo lại điều khiển được nó. Từ "Houyhnhnm" bằng tiếng địa phương có nghĩa là đỉnh cao của sự sáng tạo; đấy dân tộc Ngựa-người, một dân tộc trí tuệ nhất của đất nước này tự gọi mình như vậy.

Tôi bảo với chủ nhân là tôi còn chưa nắm vững ngôn ngữ của ông và tôi thật khó trả lời tất cả các câu hỏi của ông; tôi biểu lộ hy vọng cùng với thời gian tôi sẽ đủ sức kể cho ông tất cả những gì mà ông quan tâm.

Rất nhanh tin tức về việc xuất hiện một Yahoo kỳ lạ có thể nói được như Ngựa-người và trong lời nói cũng như trong cử chỉ thể hiện những tia sáng của trí tuệ đã lan khắp các vùng lân cận. Những con ngựa đực và cái quyền quý bắt đầu thường xuyên đến thăm chủ nhân tôi. Họ đã có niềm vui lớn khi nói chuyện với tôi: họ đặt cho tôi nhiều câu hỏi mà tôi trả lời chừng nào có thể được. Nhờ đó mà tôi có những tiến bộ trong việc học tập tiếng địa phương, sau năm tháng đến đây tôi đã hiểu tất cả những gì mà người ta nói với tôi và có thể tự mình giải thích cũng tàm tạm.

Những Ngựa-người đến thăm chủ nhân tôi với mục đích trông thấy tôi và nói chuyện với tôi thật khó tin được rằng tôi là một Yahoo thật sự. Họ rối trí hơn cả trước quần áo của tôi. Họ không thể nào lý giải được là nó có thuộc một bộ phận của cơ thể tôi hay không. Còn tôi tuyệt nhiên không vội làm tiêu tan nỗi băn khoăn của họ. Chính họ sẽ hiểu thật chất khi họ nhìn thấy tôi không có quần áo, khi đó họ sẽ coi tôi như một con Yahoo thực sự là điều mà tôi không muốn chút nào. Thông thường tôi chỉ cởi áo dài khi trong nhà mọi người đã ngủ cả và tôi mặc nó từ lúc tinh mơ, khi trong nhà chưa có ai dậy.

Nhưng có một lần lúc sáng sớm chủ nhân phái người hầu phòng của mình, con ngựa tía con đến tìm tôi.

Khi nó đến thì tôi vẫn đang ngủ cởi bỏ áo khoác. Bị tỉnh giấc do sự hiện diện của con ngựa tía, tôi nhận thấy là nó hết sức bối rối. Nó làm qua quít cho xong việc và vội vã quay về với chủ của mình. Sau khi chào hỏi, chủ nhân hỏi tôi ngay là câu chuyện của người hầu phòng ấy nghĩa là thế nào, dường như trong lúc ngủ tôi hoàn toàn không như lúc bình thường.

Tôi hiểu rằng việc tôi tiếp tục cố giữ cái bí mật của mình thật hoàn toàn vô nghĩa, hơn nữa quần áo và giày dép của tôi đã bị sờn rách và trong tương lai không xa chúng cần phải thay thế bằng một chế phẩm nào đó bằng da của Yahoo hoặc của các động vật khác. Bởi thế tôi nói cho chủ nhân rằng ở đất nước mà từ đó tôi đến đây, có thói quen che cơ thể bằng lông thú lấy từ một số động vật. Người ta làm như vậy chủ yếu là để bảo vệ cơ thể khỏi lạnh và nóng bức, một phần cũng vì lịch sự. Để khẳng định các lời nói của mình tôi cởi áo sơ mi trước mắt chủ nhân.

Chủ nhân quan sát tất cả các hành động của tôi với sự tò mò và kinh ngạc hết sức. Ông cầm hết thứ này đến thứ khác trong trang phục của tôi giữa móng chân và cổ chân và xem chúng rất chăm chú. Sau đó ông xem xét tôi khắp mọi phía và tuyên bố rằng không còn nghi ngờ gì nữa tôi là một Yahoo thật sự và khác biệt với các đại diện của giống nòi của tôi ấy ở chỗ da tôi mềm, trắng và nhẵn nhụi, ở hình dạng và chiều dài của móng chân trước và sau, cuối cùng là tôi thường xuyên đi trên hai chân sau. Nhận thấy tôi run lên vì lạnh, ông đề nghị tôi mặc lại quần áo.

Trong khi mặc quần áo tôi giải thích cho chủ nhân là tôi khó chịu đến chừng nào khi người ta thường xuyên gọi tôi là Yahoo, bởi vì tôi

rất ghê tởm và khinh ghét các động vật bẩn thỉu ấy. Tôi thành khẩn xin ông đừng gọi tôi như thế và cấm chỉ người nhà của mình điều này. Ngoài ra tôi biểu lộ nguyện vọng xin ông giữ bí mật vỏ bọc nhân tạo cơ thể tôi và ra lệnh cho con ngựa hầu cận im lặng về điều nó nhìn thấy.

Chủ nhân hứa thực hiện yêu cầu của tôi và về phía mình cũng bày tỏ mong muốn tôi hãy cố gắng sao cho nắm được ngôn ngữ của họ càng nhanh càng tốt.

Theo lời ông, ông hết sức ngạc nhiên và quan tâm tới trí thông minh của tôi và khả năng nói khúc chiết hơn là vẻ ngoài của tôi, ông rất tha thiết được sớm nghe câu chuyện mà tôi đã hứa về các điều kỳ diệu khác nhau.

Từ ngày hôm ấy chủ nhân tận tình gấp bội trong việc quan tâm tới học hành của tôi. Ông thường đưa tôi ra tiếp khách. Ông yêu cầu tất cả những người láng giềng đối xử với tôi lịch thiệp bởi vì điều đó sẽ làm tôi có tâm trạng tốt hơn và tôi trở nên cởi mở hơn rất nhiều.

Thật là buồn tẻ nếu tôi mô tả sự tiến bộ từng bước một của tôi trong ngôn ngữ của ngựa người. Tôi chỉ nói vắn tắt là nhờ có sự quan tâm của chủ nhân và khả năng tốt mà tôi nhanh chóng có thể thỏa mãn phần nào sự tò mò vô tận của chủ nhân và có thể kể cho ông nghe khá chi tiết tôi là ai, tôi đến đây như thế nào và đất nước quê hương tôi ra sao. Trước hết tôi nhắc lại một lần nữa những gì mà trước đây tôi cố giải thích cho ông.

Tôi đến đây, tôi bắt đầu câu chuyện của tôi như vậy, từ đất nước rất xa xôi cùng với năm mươi người cũng như tôi. Chúng tôi bơi trên biển trong một cái thùng gỗ lớn, kích thước lớn hơn rất nhiều ngôi nhà của ông. Tôi đã mô tả con tàu cho chủ nhân như vậy. Trải khăn mùi xoa ra tôi cố giải thích cho ông cái buồm là thế nào và điều khiển sự chuyển động của con tàu ra sao. Sau cuộc cãi lộn giữa tôi và những người đồng hành, tôi tiếp tục kể, tôi bị buộc phải lên bờ. Tôi không biết mình phải quyết định thế nào, tôi hướng vào nội địa và ngay lập tức bị các con Yahoo khinh tởm tấn công. Đến đây chủ nhân ngắt lời tôi bằng câu hỏi: ai đã làm con tàu này và điều đó sẽ xảy ra thế nào nếu các Người-ngựa của đất nước tôi lại giao quyền điều khiển cho các động vật hoang dã như vậy. Tôi trả lời ông rằng tôi quyết định tiếp tục câu chuyện nếu ông đưa ra lời hứa danh dự với tôi là không tự ái trước những gì mà ông nghe thấy. Ông đồng ý. Khi đó tôi kể với ông rằng con tàu được các sinh vật giống như tôi đóng. Những sinh vật này cả ở tổ quốc tôi, cả ở mọi đất nước khác mà tôi đã từng đến thăm, là những sinh vật thông minh nhất và vì thế thống trị tất cả các động vật khác còn lại. tôi thú thật với ông rằng tôi kinh ngạc trước tính cách trí tuệ của những Người-ngựa giống như bản thân ông và những người bạn của ông kinh ngạc trước những sắc thái trí tuệ của chính sinh vật mà họ vẫn quen gọi là Yahoo. Tôi nói, tôi công nhận có sự giống nhau hoàn toàn giữa cơ thể tôi với cơ thể của những động vật này, nhưng tôi không hiểu nguyên nhân của sự suy thoái và biến thành dã thú của chúng. Tôi thêm vào, nếu như số mệnh cho phép tôi khi nào đấy quay trở về được Tổ quốc và tôi sẽ kể về chuyến du lịch này thì sẽ chẳng có ai tin tôi và từng người sẽ nghĩ rằng tôi đã đã bịa ra câu chuyện phiêu lưu này từ đầu đến cuối. Tôi xin chủ nhân của tôi hãy giữ lời hứa và đừng mếch lòng đối với tôi. Nhưng bất chấp cả sự kính nể của tôi đối với ông, gia đình và bè bạn của ông, tôi cũng cần phải nói rằng những người cùng Tổ quốc với tôi không bao giờ tin là ngựa lại trở thành kẻ thống trị ở đâu đó còn người lại là một súc vật bẩn thỉu.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift
www.dtv-ebook.com

Chương 4

hái niệm của Người-ngựa về chân lý và sự giả dối. - Câu chuyện của tác giả dẫn tới sự công phẫn của chủ nhân. - Chuyện kể chi tiết hơn của tác giả về mình và các chuyến đi của mình.

Chủ nhân nghe tôi với biểu lộ rất bất mãn trên nét mặt. Sự nghi ngờ và sự không tin cậy không được biết đến ở đất nước này tới mức những Ngựa-người hoàn toàn không biết họ nên xử sự như thế nào trong các trường hợp ấy. Tôi nhớ rằng trong lúc trò chuyện với chủ nhân về những con người, những phong tục tập quán của họ có lần tôi nhắc tới sự gian dối và lường gạt, thì ông mặc dù đã vận dụng hết sự hiểu biết của mình vẫn khó khăn lắm mới hiểu tôi muốn nói gì. Ông suy luận như sau: khả năng của ngôn ngữ giúp cho chúng ta hiểu được nhau và thông báo cho nhau những kiến thức có ích về các đối tượng khác nhau. Bởi thế nếu như ai đó khẳng định rằng không có cái gì đó thì sự ấn định của ngôn ngữ chúng ta hoàn toàn bị bóp méo. Còn ai nói chuyện với người đó thì sẽ không thể hiểu được người cùng tiếp chuyện của mình. Anh ta sẽ không tiếp thu được kiến thức mới nào mà còn trong tình trạng hết sức tồi tệ vì người ta cố tình làm anh ta tin rằng trắng là đen, dài là ngắn. Điều đó cũng hạn chế tất cả khái niệm của anh ta đối với khả năng dối trá mà khả năng này được mọi người vận dụng phổ biến.

Nhưng chúng ta hãy quay về câu chuyện của chúng tôi. Sau khi nghe Yahoo chiếm vị trí thống trị ở Tổ quốc tôi ông muốn biết là có ngựa ở đất nước tôi không và chúng có vai trò gì. Tôi trả lời ông rằng chúng có rất nhiều ở chỗ chúng tôi. Mùa hè chúng được gặm cỏ trên các đồng cỏ, còn mùa đông chúng được giữ trong các căn nhà đặc biệt, người ta cho chúng ăn cỏ khô, dùng bàn chải kỳ cọ chúng sạch sẽ, chải bờm cho chúng, rửa chân, bỏ thức ăn và dọn chuồng.

- Bây giờ thì tôi hiểu các anh, - chủ nhân của tôi nhận xét, - từ các điều mà anh nói tôi thấy rõ mặc dù Yahoo của các anh tự coi mình là sinh vật thông minh nhất, dù sao Ngựa-người vẫn là kẻ thống trị ở chỗ các anh.

Khi đó tôi bắt đầu yêu cầu ông hãy gia ân cho tôi không phải tiếp tục câu chuyện và tôi báo trước cho ông là những tiểu tiết mà ông muốn biết sẽ không dễ chịu chút nào đối với ông. Nhưng ông vẫn khăng khăn muốn biết tất cả - cả tốt lẫn cả xấu. Tôi chẳng còn nói gì hơn ngoài việc vâng lời.

Trước tiên tôi mở rộng chi tiết về chủ đề này, rằng các Ngựa-người của chúng tôi, được chúng tôi gọi là ngựa là những động vật đẹp nhất, tốt nhất và thông minh nhất trong số các động vật. Chúng nỗi bật bởi sức mạnh và chạy nhanh. Nếu những chủ nhân của chúng là những người giàu có và quyền quý thì người ta đối xử với chúng rất chăm chút và dịu dàng, người ta giữ gìn chúng; chúng không phải làm việc nhiều lắm; người ta cho chúng chạy đua, thắng vào xe ngựa, dùng chúng trong các cuộc du lịch. Nhưng nếu chúng già nua và

yếu đi thì người ta bán chúng cho người khác. Khi đó người ta bắt chúng làm mọi việc nặng nhọc và bẩn thỉu có thể được cho đến khi chúng hết cả sức lực. Sau khi chúng chết người ta lột da và bán với giá rẻ mạt, còn xác thì ném ra cho chó và chim ăn thịt ăn. Còn số mệnh của các con ngựa có nòi giống tầm thường còn xấu hơn. Phần lớn những con ngựa như thế thuộc về các trại chủ, các xà ích và những người khác mà họ buộc chúng phải làm các công việc nặng nhọc hơn nữa và cho ăn tồi tệ hơn.

Tôi mô tả chi tiết cho ông phương pháp đi ngựa của chúng ta, hình thức và sự sử dụng dây cương, yên, cựa giày, roi, bộ đồ thắng và bánh xe.

Tôi thêm rằng đối với móng các con ngựa của chúng tôi, chúng tôi gắn thêm một tấm mỏng bằng vật chất đặc biệt mà chúng tôi gọi là sắt để chúng không bị mòn khi đi trên các con đường đá.

Chủ nhân mấy lần ngắt câu chuyện của tôi bằng các tiếng kêu phẫn nộ. ông kinh ngạc hơn cả là chúng tôi cả gan cưỡi trên lưng các con ngựa. Ông tin chắc là ngay một người hầu yếu nhất của ông cũng có thể quật nhào tên Yahoo mạnh nhất hoặc là sau khi cùng nó ngã xuống đất thì cưỡi lên lưng và giày xéo con vật ấy. Để trả lời tôi mô tả chi tiết cho ông việc luyện các con ngựa của chúng ta như thế nào, ngay từ lúc ba tuổi người ta đã đánh chúng và làm chúng đau đớn cuối cùng chỉ nhằm khuất phục chúng; chúng được dạy quen với việc thưởng và sợ bị trừng phạt như thế nào. Điều chủ yếu, tôi nhấn mạnh thêm, ông cần lưu ý là giống như các Yahoo ở đây những con ngựa của chúng tôi cũng không có chút trí tuệ nào.

Không thể nào mô tả được sự công phẫn chính đáng của chủ nhân gây nên bởi câu chuyện của tôi về sự đối xử thô bạo với những con ngựa ở đất nước chúng ta. Tuy nhiên ông cũng thừa nhận, nếu như ở đất nước chúng ta chỉ có Yahoo mới may mắn có trí tuệ thì hợp lý hơn cả là chúng cần phải thống trị đối với các động vật còn lại, bởi vì trí tuệ bao giờ cũng chiến thắng bạo lực. Cái đáng sợ chỉ ở chỗ, chẳng có một động vật nào mà cấu tạo cơ thể lại kém thích nghi như tôi trong việc sử dụng trí tuệ này để thỏa mãn nhu cầu sống hằng ngày. Các Yahoo ở đây hơn đứt tôi về phương diện này.

Thực chất, những cái móng của tôi hoàn toàn chẳng có ích; những cái chân trước của tôi nói nghiêm túc ra là, không thể nào gọi là chân được vì khi đi lại tôi không bao giờ dựa vào chúng; mắt của tôi được cấu tạo sao cho nếu tôi không quay đầu thì không thể nhìn mọi phía được; da của tôi thì quá mềm mại và hoàn toàn không chống lại được nóng bức và giá lạnh, còn tôi cứ phải làm việc buồn tẻ và mệt mỏi: hằng ngày cởi ra và mặc vào quần áo. Hơn nữa, hiện tại ông không muốn đi sâu thảo luận vấn đề này. Điều ông quan tâm hơn cả là nghe câu chuyện của cuộc đời tôi, muốn biết tôi sinh ra ở đâu và cái gì đã xảy ra với tôi trước khi tôi đến đây.

Tôi cam đoan với ông rằng tôi rất sẵn lòng thỏa mãn sự tò mò của ông. Nhưng tôi cũng rất e ngại là câu chuyện của tôi sẽ không hoàn toàn dễ hiểu với chủ nhân, bởi vì sẽ nói về các nhân vật mà ông hoàn toàn chẳng có một khái niệm nào về chúng. Bởi thế, tôi xin ông đừng giận tôi, hỏi lại tôi bất cứ cái gì mà ông chưa rõ.

Tôi nói với ông rằng, tôi được bố mẹ khả kính của tôi sinh ra trên một hòn đảo gọi là nước Anh. Hòn đảo ấy ở cách xa đây đến mức một người hầu khỏe mạnh của ông chạy đến được đấy cũng phải mất một năm. Cai trị hòn đảo này là một con vật cái cùng loài với tôi mà chúng tôi gọi nó là nữ hoàng. Trong những năm tuổi trẻ tôi nghiên cứu môn phẫu thuật, nghĩa là chữa khỏi một cách khéo léo các thương tổn ngẫu nhiên hoặc do bàn tay kẻ khác gây nên. Nhưng công việc này cho tôi thu nhập quá ít và tôi phải đi đến các nước xa lạ làm việc

thêm để về đủ sống với vợ con. Trong chuyến đi cuối cùng tôi làm thuyền trưởng của một con tàu, dưới sự chỉ huy của tôi có gần năm mươi Yahoo. Nhiều người trong số họ bị chết dọc đường và tôi buộc phải thay thế họ bằng những người khác từ các dân tộc khác nhau. Trong chuyến đi này con tàu của chúng tôi đã hai lần bị nguy hiểm suýt chết: lần thứ nhất trong thời gian bão mạnh, lần thứ hai do va phải đá ngầm.

Lúc đó chủ nhân ngắt lời tôi và hỏi tại sao tôi lại có thể thỏa thuận được với những người xa lạ liều mạng tiếp tục cuộc hành trình sau những tổn thất đem lại cho tôi và những hiểm nguy đã trải qua. Tôi giải thích cho ông đó là những con người tuyệt vọng sẵn sàng làm mọi chuyện. Sự nghèo khổ và tội phạm buộc họ rời Tổ quốc. Một số bị phá sản vì các vụ kiện tụng liên miên, số khác đã phung phí hết tài sản của mình vào việc nghiện ngập, chơi bời phóng đãng và trò cờ bạc. Nhiều người đã bị buộc tội phản bội, giết người, ăn cắp, đầu độc, cướp bóc, tội bội lời thề, làm tiền giả, đào ngũ. Phần lớn họ đã chạy trốn khỏi nhà tù. Không một ai trong số họ có ý định về Tổ quốc, vì sợ sẽ bị treo cổ hoặc bỏ tù, bởi thế họ buộc phải tìm phương tiện để sống ở các miền đất xa lạ.

Trong lúc kể chuyện này chủ nhân mấy lần ngắt lời tôi bằng các câu hỏi của mình. Tôi buộc phải nghĩ ra những so sánh và các ví dụ khác nhau để giải thích rõ hơn cho ông là chính các thủy thủ của tôi làm bậy, và vì sao họ buộc phải rời bỏ Tổ quốc của mình. Cần phải mất mấy ngày ông mới hiểu được vấn đề là ở chỗ nào. Nhưng dù thế nào đi nữa ông cũng không hình dung được là có thể xúi giục hoặc buộc những người ấy sa ngã vào các thói hư tật xấu. Tôi cố gắng tạo cho ông một số khái niệm của bản thân mình về sự khao khát vô độ đối với quyền lực và sự giàu có, về những hậu quả kinh khủng của sự không biết kiềm chế, độc ác và hằn thù ghen ghét. Tất cả những cái này chỉ thể hiện được nhờ định nghĩa và mô tả bằng các ví dụ và so sánh. Trong ngôn ngữ của Ngựa-người không có các từ chỉ ý nghĩa của các thứ như quyền lực, chính phủ, chiến tranh, luật pháp, sự trừng phạt và hàng nghìn thứ khác. Bởi thế tôi đã phải nỗ lực hết sức mới có thể làm cho chủ nhân hiểu được tôi nói gì. Tuy nhiên nhờ có bản chất thông minh và kiên trì cuối cùng ông cũng tự mình hiểu khá rõ bản chất con người ở đất nước chúng ta thường như thế nào và ông mong tôi sẽ mô tả cho ông chi tiết hơn phần thế giới mà chúng ta gọi là châu Âu và đặc biệt là Tổ quốc của tôi.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 5

in độc giả có thiện chí hãy chú trọng tới những gì sau đây tôi sẽ trình bày - hơn nữa nói một cách vắn tắt - chỉ cái gì cốt yếu nhất trong số những điều mà chúng tôi thảo luận trong các cuộc trò chuyện khá lâu của tôi với chủ nhân. Ngoài ra cần nhận xét thêm rằng phải chăng tôi có đủ sức và độ chính xác truyền đạt sang ngôn ngữ thô lậu của chúng ta tất cả các thứ luận cứ và suy luận hết sức rõ ràng và đơn giản về hình thức và thông thái về nội dung của chủ nhân. Chỉ có rào trước đón sau như thế tôi mới dám trình bày cuộc trò chuyện của tôi với đại diện của dân tộc Ngựa-người cao thượng.

Thế là thể theo nguyện vọng của chủ nhân, tôi kể về cuộc cách mạng Anh gần đây diễn ra trong thời kỳ hoàng tử Orange, và về cuộc chiến tranh nhiều năm với Pháp do hoàng tử này bắt đầu và được khởi xướng trở lại bởi người kế tục, nữ hoàng hiện nay - cuộc chiến tranh có sự tham gia của các cường quốc Cơ đốc giáo vĩ đại nhất và nó tiếp tục cho đến ngày nay. Theo yêu cầu của chủ nhân, tôi thử tính trong cả cuộc chiến tranh này có không ít hơn một triệu Yahoo chết, gần một trăm thành phố bị chiếm đóng và đốt cháy hoặc đánh đắm hơn ba trăm tàu thuyền.

Chủ nhân hỏi tôi những nguyên nhân nào mà một quốc gia gây chiến với một quốc gia khác. Tôi trả lời là những nguyên nhân như thế không thể tính xuể, nhưng tôi chỉ hạn chế kể ra một số ít quan trọng nhất. Đôi khi nguyên cớ chỉ là tính hiếu danh và lòng tham lam của các nhà vua, mà những nhà vua này không bao giờ thỏa mãn và thường xuyên muốn mở rộng lãnh địa và tăng số lượng thần dân của mình; đôi khi sự đồi bại của các thượng thư cũng lôi cuốn nhà vua của mình vào chiến tranh chỉ để trấn áp và làm xao lãng những ca thán của các thần dân vì sự cai trị tồi tệ. Nhiều máu đã tuôn chảy chỉ vì sự bất đồng quan điểm. Các cuộc tranh cãi đôi khi chỉ ở chỗ thân thể là bánh hay bánh là thân thể; cái gì tốt hơn; hôn một mẩu gỗ hay là ném nó vào lửa; màu sắc quần áo ngoài cần phải là màu gì; đen, trắng, đỏ hay là xám và v. v..., - đáng giá bằng nhiều triệu sinh mạng[1].

Đôi khi sự tranh cãi giữa hai đức vua bùng lên chỉ vì việc giải quyết vấn đề: ai trong họ cần phải phế truất người thứ ba, mặc dù chẳng có ai trong số họ có quyền ấy. Đôi khi một đức vua này tấn công đức vua khác chỉ vì sợ nếu không thì đức vua kia sẽ tấn công trước; đôi khi chiến tranh nổ ra chỉ vì kẻ địch quá mạnh còn đôi khi ngược lại vì kẻ địch quá yếu. Thỉnh thoảng ở láng giềng của chúng ta không có cái mà chúng ta có, hoặc ngược lại có cái mà chúng ta không có. Khi đó chiến tranh nổ ra và kéo dài cho đến khi họ chưa lấy được cái mà ta có hoặc họ không cho ta cái của họ có. Người ta cho là hợp lý nếu cuộc tấn công vào một đất nước mà dân cư của nó đang bị kiệt quệ vì đói kém, đang bị dịch bệnh hoành hành hoặc đang bị lôi cuốn vào các cuộc bất hòa nội bộ. Cũng đúng như vậy người ta coi cuộc chiến tranh là chính nghĩa với một đồng minh thân cận nhất nếu như một thành phố nào đó của đồng minh ấy phân bố tiện lợi cho chúng

ta hoặc một mẩu lãnh thổ nào đó của nó làm hoàn chỉnh lãnh địa của chúng ta. Nếu đức vua phái quân đội của mình vào một nước mà dân chúng nghèo và dốt nát thì một nửa nước đức vua có thể bị tiêu diệt một cách hợp pháp còn một nửa khác thì bị nô dịch. Điều đó được gọi là đưa dân tộc thoát khỏi sự man rợ và đưa họ đến các phúc lợi của nền văn minh. Cũng khá phổ biến cách hành động của vua chúa và quý tộc như sau: đức vua xin nước láng giềng giúp đỡ chống lại kẻ địch đang xâm phạm biên giới của ngài, sau khi đuổi được kẻ thù, ngài bèn chiếm luôn lãnh địa của nước đồng minh còn bản thân nhà vua kia hoặc bị giết, hoặc bị bỏ ngục hoặc bị đuổi đi. Quan hệ huyết thống hoặc các liên kết hôn nhân là nguyên nhân rất thường xuyên của chiến tranh giữa các nhà vua và họ càng có quan hệ họ hàng gần gũi thì họ càng thù ghét nhau mạnh hơn. Các dân tộc nghèo thì tham lam, các dân tộc giàu thì kiêu căng, mà tính kiêu căng và tham lam luôn luôn xung khắc nhau. Bởi thế chiến tranh của chúng ta không bao giờ ngừng và nghề lính được xem là vinh dự nhất. Những Yahoo mà chúng tôi gọi là lính được người ta thuê mướn để anh ta có thể giết số lượng các sinh linh giống như anh ta càng nhiều càng tốt một cách bình tĩnh mà anh ta không bị buộc tội là tàn ác chút nào.

Ngoài ra ở châu Âu còn có nhiều tiểu vương do sự nghèo đói nên không thể tiến hành chiến tranh một cách độc lập. Những tiểu vương nghèo ấy đem quân đội của mình cho các nước láng giềng giàu có thuê để lấy tiền công nào đó. Ba phần tư số tiền trả này họ giữ trong túi mình và sống nhờ thu nhập này[2].

- Tất cả những gì mà anh kể cho tôi nghe về nguyên nhân chiến tranh, - chủ nhân của tôi trầm ngâm nói, - chỉ rõ trí tuệ ấy là thế nào mà các anh có tham vọng chiếm đoạt nó. Nhưng may thay các anh không thể gây nên quá nhiều tội ác. Bản thân tự nhiên đã quan tâm tới điều đó, tạo ra các anh yếu hơn tất cả các động vật còn lại. Thực chất, các anh có bộ mặt rất phẳng, còn hàm thì hoàn toàn không nhô ra phía trước. Bởi thế các anh chưa hẳn là có thể cắn xé lẫn nhau. Móng chân trước và chân sau của các anh ngắn và yếu ớt. Mỗi một Yahoo của chúng tôi có thể so sánh được với người lực lưỡng trong số các anh em của anh. Nhưng đừng giận, - chủ nhân thêm vào để kết luận, - tôi cảm thấy rằng cái gọi là số người bị giết trong các trận đánh như anh nói thật chẳng là cái gì hết.

Khi nghe những lời này tôi không thể không mỉm cười. Tôi cũng khá là hiểu biết trong lĩnh vực quân sự và vì thế có thể giải thích cho ông thế nào là đại bác, súng cối, mìn, mousqueton[3], carbine [4], súng lục, đạn, thuốc súng, gươm, lưỡi lê. Tôi mô tả tỉ mỉ cho ông các trận chiến đấu, sự đắm của con tàu với cả thủy thủ đoàn. Tôi cố vẽ cảnh tượng trận đánh trước mắt ông: khói, tiếng nổ, sự rối loạn, tiếng rên rỉ của người sắp chết, cái chết dưới vó ngựa, sự truy đuổi những người đang chạy trốn. Tôi kể về các cánh đồng phủ đầy xác chết, bị bỏ cho chó sói và các loài chim ăn thịt ăn, về sự cướp bóc, cưỡng đoạt, bạo lực đối với dân chúng vô tội, về những cánh đồng bị bỏ hoang và các thành phố tan hoang. Muốn khoe khoang lòng dũng cảm của những người cùng tổ quốc kính yêu của tôi, tôi nói rằng, tôi đã từng chứng kiến khi vây hãm một thành phố, họ đã tức giận tung xác của hàng trăm địch quân lên không trung và tất cả khán giả rất hả lòng khi thấy những mẩu thân thể người rơi lả tả xuống đất.

Tôi còn định mô tả các chi tiết tiếp theo, nhưng chủ nhân ra lệnh cho tôi dừng lại.

- Bất kỳ ai có biết về những Yahoo, - ông nói, - thì chẳng khó khăn gì cũng thấy rằng, động vật ghê tởm này có thể làm mọi việc mà anh đã mô tả, nếu việc đó hợp với nó.

Nhưng câu chuyện của tôi đã gây cho ông nỗi lo lắng mà từ trước đến giờ chưa bao giờ ông trải qua. Ông bao giờ cũng khinh miệt các

Yahoo sống trên đất nước này, nhưng ông cũng không quy kết mọi thiếu sót cho chúng hơn là những con gnnayh (chim ăn thịt) về tính tàn bạo của nó hoặc ăn năn, vì ông đã giày xéo chúng dưới vó mình. Nhưng chính các câu chuyện của tôi, những tội ác kinh khủng nhất lại được các sinh linh có khả năng trí tuệ lớn lao nhất thực hiện. Điều đó dẫn dắt ông tới ý nghĩ cho rằng, trí tuệ khi đã đồi bại đi có lẽ còn tệ hại hơn sự đần độn thú vật. Theo ý kiến ông, đó không thể coi là trí tuệ, mà khả năng đặc biệt nào đó thúc đẩy sự phát triển các thói xấu tự nhiên của chúng ta.

Cuối cùng, ông bảo tôi là ông đã nghe quá đủ về chiến tranh. Giờ đây, ông quan tâm đến cái khác. Trong câu chuyện, tôi có nhắc đến một ai đó trong số các thủy thủ trên con tàu rời bỏ tổ quốc, bởi vì họ đã bị khánh kiệt bởi luật pháp. Biểu hiện này khiến cho chủ nhân rất ngạc nhiên. Ông không thể nào hiểu được, bằng cách nào đó luật pháp lại có thể đưa ai đó - như trong câu chuyện của tôi - đến khánh kiệt. Bởi thế, ông yêu cầu tôi giải thích cho đạo luật ấy là thế nào và ai là nạn nhân của nó. Theo ý kiến ông, sự thống trị thiên nhiên và trí tuệ là khá đủ cho các sinh vật thông minh như chúng tôi tự đánh giá mình. Tôi trả lời ông rằng tôi sẽ hết sức cố gắng để thỏa mãn nguyện vọng của ông, mặc dù luật pháp và quyền lực là các đối tượng mà tôi rất ít hiểu biết.

Tôi giải thích cho ông rằng, ở đất nước chúng tôi có một tầng lớp người khá đông đúc mà ngay từ lúc còn trẻ họ đã học chứng minh rằng đen là đen và trắng là trắng, tùy theo đấy mà người ta trả công cho họ nhiều hơn. Tầng lớp ấy đã kìm hãm cả dân tộc trong tình cảnh nô lệ.

Ví dụ như, nếu người láng giềng thích con bò của tôi thì người ấy thuê luật sư để chứng minh theo luật, người láng giềng ấy có quyền tước con bò của tôi. Khi đó, để bảo vệ các quyền của tôi về con bò, tôi phải đi thuê một luật sư thứ hai bảo vệ, bởi vì luật pháp không cho bất kỳ ai được bảo vệ cá nhân mình ở tòa án. Thêm vào đó: với tính cách là người sở hữu theo luật và người sở hữu thật sự, tôi sẽ rơi vào tình trạng bất lợi ở tòa án. Vấn đề ở chỗ, mỗi một luật sư hình như ngay từ lúc còn trong nôi đã quen bảo vệ điều sai sự thật. Bởi thế, khi bảo vệ hành vi đúng đắn, ông ta thường xuyên cảm thấy mình rất vụng về và không thể nào thể hiện được hết nghị lực và nghệ thuật của mình. Hơn nữa trong một lúc ông ta cực kỳ cẩn thận: sau khi phát biểu nhiệt tình quá mức để bảo vệ một công việc đúng đắn ông ta đã liều để bị khiển trách từ phía các quan tòa và làm giảm phẩm giá tầng lớp của mình.

Nói một cách nghiêm khắc, tôi chỉ có hai phương pháp giữ con bò của mình: thứ nhất - mua chuộc luật sư của phía đối địch để ông ta làm cho tòa hiểu là dường như ông ta đang bảo vệ một công việc đúng đắn; thứ hai - làm cho người bảo vệ của tôi mô tả những yêu sách của tôi về con bò hiển nhiên là không chính đáng, ám chỉ rằng thực chất con bò thuộc về đối thủ của tôi. Và trong trường hợp này và cũng như trong trường hợp khác cũng không có gì khác nhau, tòa án sẽ công nhận sự thật thuộc về phía đối thủ hoặc những yêu sách của tôi không hợp pháp - tôi có hy vọng thắng kiện.

Tôi tiếp tục nói cho ông biết rằng các quan tòa của chúng tôi là những người có trách nhiệm giải quyết mọi cuộc tranh cãi về quyền sở hữu và phán xét các tội phạm. Người ta chọn họ trong số các luật sư khéo léo, khi họ trở nên già đi và lười nhác ra. Những luật sư trước khi được bổ nhiệm làm quan tòa là những người quen dung túng sự lừa dối, tội vi phạm lời thề và bạo lực. Tôi được biết không ít vị quan tòa đáng kính đã cương quyết chối từ các khoản hối lộ lớn do bên hữu đưa ra, không muốn góp phần vào chiến thắng của bên hữu và như vậy lại xúc phạm đến giá trị tầng lớp của mình.

Khi xét xử các vụ kiện tụng khác nhau, họ tránh đi vào thực chất công việc một cách thận trọng thay vào đó họ kêu gào, làm ầm ào và ba hoa đến mệt nhoài chỉ vì các việc mà nói một cách nghiêm túc chẳng liên quan chút nào đến công việc. Chẳng hạn như đối với ví dụ mà tôi đưa ra họ không hỏi đối thủ của tôi có quyền gì đối với con bò ấy của tôi mà sẽ nói dài dòng vô tận nào là con bò lông màu hung hay màu đen; sừng của nó dài hay ngắn; người ta vắt sữa nó ở nhà hay ở ngoài bãi chăn; nó mắc các bệnh nào và vân vân và vân vân.

Cần phải chú ý thêm là những người này sính sử dụng trong ngôn ngữ của mình những từ và thành ngữ chuyên môn đến mức những người bình thường hầu như không hiểu ngôn ngữ của họ nữa. Các đạo luật cũng được biên soạn ra như vậy. Những đạo luật như thế rất nhiều và thật khó hiểu, mâu thuẫn tới mức căn cứ vào đó không thể xác định một cách hoàn toàn chính xác là hành vi nào thì hợp pháp, còn hành vi nào thì không, thế nào là hợp lý còn thế nào là bất hợp lý, đâu là sự thật và đâu là giả dối. Thật chẳng khôn ngoan chút nào nếu cũng với các đạo luật và quan tòa ấy cần phải ba mươi hoặc bốn mươi năm để làm sáng tỏ cánh đồng mà tổ tiên của tôi đã khai phá sử dụng suốt sáu thế hệ có thuộc quyền sở hữu của tôi hay không, hay thuộc quyền sở hữu của một chủ đất xa lạ sống cách tôi ba trăm dặm.

Việc xét xử đối với các nhân vật bị buộc có trọng tội quốc gia thì lại diễn ra rất nhanh. Các quan tòa chỉ đơn giản thực hiện theo ý chính quyền muốn kẻ bị buộc tội bị đưa ra xét xử hay là tha bổng.

Còn sau đó theo mệnh lệnh nhận được hoặc là xử kẻ đó vào tội treo cổ hoặc là tha bổng. Nhưng có lẽ trong trường hợp này hoặc trường hợp khác họ tuân theo pháp luật một cách nghiêm ngặt[5].

Đến giờ tôi xin kết thúc câu chuyện của mình chắc hẳn ngài, chủ nhân của tôi tự hiểu "bị khánh kiệt bởi luật pháp" nghĩa là gì.

Chú thích [1] Ở đây nói về các nghi lễ tôn giáo và các thánh lễ mà cuộc tranh cãi về chúng đã mở đầu cho sự chia rẽ giáo hội và là các nguyên cớ bên ngoài cho việc xuất hiện các cuộc chiến tranh tôn giáo đẫm máu giữa các tín đồ Cơ đốc giáo và tín đồ Tin lành.

[2] Phương pháp kiếm thu nhập mô tả trên đặc biệt phổ biến rộng ở nước Đức, vào thế kỷ XVIII bị chia xẻ manh mún thành nhiều tiểu vương quốc. Vua Anh George I cũng nhờ cậy sự trợ giúp của lính đánh thuê Đức để bảo vệ thế lực của mình. Việc buôn bán lính trong quân đội nước ngoài bị lên án như là một hành vi tội lỗi ô nhục cũng có cả trong các tác phẩm của các nhà văn tiến bộ thế kỷ XVIII.

[3] Súng nòng dài thường dùng từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 19 (nay thay bằng súng trường). (http://tratu. baamboo. com).

[4] Súng trường loại ngắn và nhẹ, thường trang bị cho bộ đội đổ bộ đường không, pháo binh, kị binh. Xuất hiện từ thế kỉ 15. CB hiện đại là súng tự động, tốc độ bắn thực tế 35 - 40 phát/phút, tầm bắn hiệu quả khoảng 400 m, hộp đạn chứa 10 - 30 viên. (http://dictionary. bachkhoatoanthu. gov. vn).

[5] Trong đoạn mô tả thói hoạnh họe của tòa án này Swift tiếp tục phê phán kịch liệt những tệ hại của công việc tư pháp của Anh mà ông đề cập tới nhiều trong phần hai.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 6

hưng bây giờ lại xuất hiện chỗ khó hiểu mới: chủ nhân của tôi không làm sao hiểu nổi cái gì đã thúc đẩy khiến tất cả các quan tòa ấy lại nỗ lực lớn lao như thế để làm hại và xúc phạm đến những người gần gũi của mình. Mà cái chủ yếu, ông hoàn toàn khó hiểu thành ngữ “vì tiền”.

Để trả lời các vấn đề thắc mắc của ông tôi cần phải giải thích thế nào là tiền, chúng được làm bằng gì và giá trị của kim loại quý như thế nào. Nếu Yahoo, tôi nói, có một lượng lớn vật chất quý giá này, nó có thể có tất cả những gì mà nó nghĩ tới: quần áo đẹp, nhà cửa tráng lệ, thái ấp rộng rãi, đồ gỗ xa hoa, những món ăn và đồ uống quý nhất. Và vì chỉ có tiền mới có thể có tất cả mọi thứ, bởi thế Yahoo của chúng tôi mới đánh giá tiền cao hơn tất cả mọi thứ trên đời, muốn càng có nhiều tiền càng tốt. Nhờ ý nghĩa to lớn của tiền nên những người giàu có mới khiến những người nghèo lệ thuộc mình và sử dụng các thành quả lao động của họ. Có hàng nghìn người nghèo đi làm thuê cho một người giàu. Có thể nói thẳng ra rằng đại đa số nhân dân chúng tôi kéo lê cuộc sống vất vưởng và đau khổ vì lao động cực nhọc, trong khi nhận được số tiền trả công rất ít ỏi chỉ cốt để cho một thiểu số có thể sống thừa thãi. Điều đó thật khó hiểu đối với chủ nhân của tôi, người cho rằng mọi động vật chỉ có quyền nhận lượng hoa lợi của tự nhiên cho mình, kể cả những kẻ thống trị số còn lại.

Sau khi hỏi tôi những Yahoo giàu có của chúng tôi sống như thế nào, ông quan tâm tới bếp nấu ăn của chúng tôi và hỏi những món ăn đắt tiền ấy như thế nào mà lại đòi hỏi chi phí lớn đến thế. Tôi liệt kê tất cả các món sơn hào hải vị mà tôi còn nhớ được và mô tả các phương pháp chế biến chúng. Tôi nói rằng người ta cho tàu đi các biển tới các nước trên thế giới chỉ để kiếm đồ gia vị cho các món ăn ấy, kiếm đồ uống và vô số các thứ linh tinh khác. Khi cần người ta cũng có thể đi vòng quanh thế giới ba lần chỉ để kiếm thực phẩm cho bữa ăn sáng của một gia đình quyền quý nào đó của Yahoo chúng tôi hoặc bát đĩa cần để bày các món ăn ấy.

- Tuy nhiên, thật tội nghiệp cho cái đất nước, - người tiếp chuyện tôi nói, - không thể nuôi nổi dân chúng của mình!.

Điều khiến ông hết sức kinh ngạc là trong đất nước chúng ta thậm chí không có đủ nước ngọt và dân chúng phải đi kiếm đồ uống ở các miền bên kia biển cả.

Tôi giải thích cho ông rõ là chúng tôi uống những đồ uống của các nước ngoài không phải vì chúng tôi không đủ nước uống. Những đồ uống này được chế từ dịch các loại quả đặc biệt, chúng tôi uống để trở nên vui vẻ, làm say sưa, xua đuổi các ý nghĩa buồn chán, để quên mọi lo toan và buồn phiền đầy ắp cuộc sống của chúng tôi. Sự thật, vì chúng mà chúng tôi trở nên bơ phờ, nhu nhược, chán chường và bệnh hoạn. Nhưng điều đó không làm chúng tôi dừng lại: chúng tôi chấp nhận tất cả chỉ để cảm thấy mình vui vẻ và vô lo nghĩ chốc lát.

- Đất nước Anh thân yêu của tôi, - tôi nói, - theo tính toán khiêm nhường nhất, có thể sản xuất các loại thực phẩm khác nhau nhiều gấp ba lần số dân cư của nó sử dụng. Nhưng Yahoo của chúng tôi không thỏa mãn với các sản phẩm này và vận chuyển bằng đường biển các loại hoa quả quý hiếm, rau cỏ, những thứ gia vị cay gắt các loại và những vật khác để mơn trớn khẩu vị khó hiểu của mình. Và để đổi lấy cái này chúng tôi gửi ra nước ngoài những thực phẩm và sản phẩm cần thiết. Thật dễ hiểu tại sao vô số người đồng hương của tôi buộc phải kiếm sống bằng hành khất, ăn cướp, ăn cắp, nịnh hót, tội phản bội lời thề, gian dối, hối lộ, man trá, bài bạc, tôi tớ, thói khoe khoang, buôn bán cử tri, viết lách ba lăng nhăng, chiêm tinh, đạo đức giả, vu khống và những việc đại loại như thế.

Độc giả có thể tự hình dung thấy biết bao khó nhọc để giải thích cho Ngựa-người mỗi một từ trong số các từ này.

- Nhưng với những điều kiện như thế, - chủ nhân nhận xét, - những người sống trên đất nước của anh phải lao động cung phụng cho bọn giàu có suốt từ sáng cho đến tối mịt.

- Ngài hoàn toàn đúng, - tôi nói, - Chẳng hạn như khi tôi sống ở nhà và mặc quần áo thì tôi có thể cho rằng mang trên người thành quả lao động của hàng trăm thợ thủ công. Việc xây dựng nhà của tôi còn đòi hỏi nhiều thợ hơn thế nhiều, còn để dệt quần áo cho vợ tôi thì cần số thợ gấp năm lần.

Tôi còn định kể cho ông về những người mà phương tiện sinh nhai của mình là đi chữa bệnh, nhưng hình như điều này hoàn toàn không thể hiểu được đối với chủ nhân của tôi. Ông cho rằng hoàn toàn tự nhiên nếu mỗi một Ngựa-người yếu đi và ốm nặng, mấy ngày trước khi chết hoặc ngẫu nhiên làm mình bị thương. Nhưng đối với ông thật khó hiểu bản chất, các hoạt động của ai đó thấm nhuần tính chất trí tuệ lại có thể gây nên những bệnh tật trên cơ thể chúng ta. Tôi trả lời la vô số bệnh tật của chúng ta do sự tham ăn và tham uống vô độ, rằng chúng ta ăn khi không đói và chúng ta uống khi cảm thấy không khát một chút nào. Đôi khi suốt đêm chúng ta uống rượu mạnh. Điều đó khiến chúng ta lười nhác, làm viêm các nội quan của chúng ta, làm hỏng hệ tiêu hóa. Còn vô số các bệnh tật khác có liên quan với vô số tật xấu đang thịnh hành trên đất nước chúng ta. Cần phải mất nhiều thời gian để liệt kê tất cả các bệnh mà cơ thể con người mắc phải. Kể cũng cần nói thêm là một tầng lớp đông đảo chỉ làm mỗi việc là chữa bệnh cho đồng bào của mình. Tôi kể chi tiết về các thầy thuốc của chúng ta, về các phương pháp của họ chữa các bệnh khác nhau, về thói man trá và trục lợi của họ.

Tầng lớp này đặc biệt giỏi trong nghệ thật tiên đoán hậu quả của bệnh tật. Nhưng họ phạm phải các sai lầm không ít. Khi họ cảm thấy rằng người bệnh ốm nặng thì họ thường tiên đoán cái chết. Chính họ thường xuyên có thể làm chết người bệnh, bởi vì sự khỏi bệnh không phụ thuộc vào họ. Nhưng bất chấp sự chữa trị của họ, thình trạng của bệnh dù sao vẫn bắt đầu có chuyển biến tốt thì họ dễ dàng làm những người thân thích của người bệnh tin rằng đều đó xảy ra là do sự chăm lo khéo léo của họ.

Về điều này cần nói thêm rằng, thường họ rất có ích cho các người chồng hoặc vợ, nếu nếu những người này chán nhau, cho các cậu con trưởng đang trông chờ di sản, cho các thượng thư đang có các địch thủ cạnh tranh nguy hiểm và đôi khi cho nhà vua đang muốn loại bỏ những thượng thư của mình[1]. Khi nghe những lời này, chủ nhân hẳn đã chán ngấy những nghị luận của tôi về tầng lớp "lang băm", đã ngắt lời tôi bằng câu hỏi:

- Anh đã mấy lần nhắc tới các thượng thư, - ông nói, - tôi rất muốn biết, bằng những từ này, anh muốn chỉ loại Yahoo nào?

Tôi trả lời ông rằng, thủ tướng hoặc tể tướng, người đứng đầu các thượng thư là một sinh vật hoàn toàn xa lạ với các tình cảm vui

buồn, tình yêu và hận thù, tình thương và giận dữ. Ít nhất, ở ông ta chẳng có các say mê nào ngoài sự khao khát điên cuồng với giàu sang, quyền lực và danh vị. Ông ta sử dụng lời nói cho các mục đích khác biệt nhất, nhưng chỉ có điều không để biểu lộ các ý tưởng của mình. Ông ta chỉ nói sự thật khi nào muốn người ta tiếp nhận nó là sự giả dối, và ông ta giả dối chỉ chỉ trong những trường hợp khi muốn mạo nhận sự giả dối của mình là sự thật. Về những người mà ông ta nói xấu sau lưng, thì có thể tin rằng họ đang trên đường đi tới danh dự, còn những người được ông ta khen ngợi, thì có thể xem là đồ bỏ đi. Hãy cẩn thận nếu ông ta đưa ra lời hứa thực hiện yêu cầu của anh và khẳng định nó bằng thề thốt. Sau điều đó thì anh sẽ chẳng còn chút hy vọng gì để đạt được điều mong muốn và đối với anh, thông minh hơn cả là nên từ bỏ điều đó.

- Có nhiều phương pháp để trở thành thủ tướng, - tôi tiếp tục. - Thông thường nhất là sự vu khống một cách nghệ thuật, sự cáo giác khéo léo và sự phản bội. Đôi khi sự cáo giác công khai và phẫn nộ ở cung đình lại đổ đốn theo cả những thói xấu khác. Nhà vua khôn ngoan thường ưa thích hơn cả đối với kẻ sử dụng phương thức sau cùng, bởi vì những kẻ cáo giác này bao giờ cũng có thái độ hết sức xu nịnh sẽ cưng chiều mọi thói đỏng đảnh và ham muốn của ông chủ của mình.

Sau khi giành được quyền lực, ông ta sẽ củng cố vị trí của mình bằng cách mua chuộc đại đa số các nguyên lão nghị viện hoặc các thành viên của hội đồng. Cuối cùng, sau khi giành được sự giàu sang tột đỉnh nhờ ăn hối lộ, nhờ các mánh khóe gian lận khéo léo với tiền của quốc gia và sự ăn cắp trắng trợn, các thượng thư sẽ xa rời hoạt động xã hội.

Cung điện của thủ tướng sẽ trở thành nơi nuôi dưỡng để đào tạo những người tương tự ông ta. Những thị đồng, các nô bộc và các người canh cửa sẽ noi gương ông chủ của mình, cũng sẽ trở thành các thủ tướng trong môi trường hoạt động của mình và trong việc hoàn thiện học tập ba tiền đề nghệ thuật chủ yếu của ông ta: sự trắng trợn, sự giả dối và sự hối lộ. Kết quả là mỗi một kẻ trong số ấy sẽ có một cung đình nhỏ của mình hình thành từ những người trong xã hội quyền quý. Đôi khi nhờ sự khéo léo và sự trơ tráo mà họ thành đạt dần dần được nâng lên từng bậc một và trở thành kẻ thừa kế ông chủ của mình”.

Một lần sau khi nghe tôi nhắc tới giới quyền quý của đất nước tôi, chủ nhân ban cho tôi một lời khen tặng mà tôi hoàn toàn chẳng xứng đáng chút nào. Ông nói rằng hẳn tôi sinh ra trong một gia đình quý tộc, bởi vì về thể chất, màu da và sự thanh cao thì tôi hơn rất xa tất cả các Yahoo của đất nước ông. Ngoài ra, tôi không chỉ có thiên hướng ngôn ngữ mà còn có cả những mầm mống trí tuệ mà tất cả những người quen của ông đều xem là kỳ diệu.

Tôi biểu lộ với ông lòng biết ơn tầm thường nhất vì ý kiến tốt đẹp ấy về tôi. Nhưng đồng thời tôi cũng làm ông tin rằng xuất thân của tôi thật chẳng cao sang gì, bởi vì thân sinh của tôi là những con người khiêm tốn, trung thực, chật vật lắm mới có khả năng tạo cho tôi một sự giáo dục tàm tạm. Tôi thua với ông rằng giới quyền quý của chúng tôi hoàn toàn không phải như ông tự hình dung. Ngay từ thời thơ ấu, các thanh niên quyền quý đã được giáo dục trong sự vô công rồi nghề và xa hoa. Sau khi học xong một trưởng nào đó, những con người trẻ tuổi này thực hành ăn chơi trác táng, trong bài bạc và các trò tiêu khiển khác. Sau khi vung phí phần lớn tài sản của mình, họ lao vào các cuộc hôn nhân vì tiền với các phụ nữ xuất thân hèn hạ chẳng có gì nổi bật vì sắc đẹp hay sức lực mà bản thân họ cũng khinh rẻ và căm ghét. Thật dễ hiểu nếu từ các cuộc hôn nhân ấy sinh ra những đứa trẻ bệnh hoạn, còi cọc và dị dạng. Dù thế nào đi nữa ở đất nước ta những cơ thể bệnh hoạn, yếu đuối, còm nhom và bộ mặt xám xịt là những nét đặc trưng của dòng máu quyền quý. Thể tạng

khỏe mạnh và rắn rỏi đối với con người quyền quý được coi là hoàn toàn thô bỉ. Những khiếm khuyết tâm thần của những con người này hoàn toàn tương ứng với thể tạng và là sự phối hợp khó coi của sự chán chường, sự ngu ngốc, sự thô bạo, sự độc đoán và kiêu ngạo.

Chú thích [1] Trong lời chế nhạo của Swift với các bác sỹ, được lý giải bằng trình độ y học còn thấp kém thời bấy giờ, đội danh bác sỹ có vô số kẻ lừa gạt và trục lợi.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 7

ũng có thể độc giả ngạc nhiên bằng cách nào tôi lại quyết định phơi bày những thiếu sót của dòng giống chúng ta trước một sinh vật lại xem tôi giống với Yahoo, mà không có cái đó cũng đã có ý kiến không phải hay ho gì lắm về loài người nói chung. Nhưng tôi cũng phải thành tâm thừa nhận rằng: việc so sánh vô số những phẩm hạnh của các động vật bốn chân tốt bụng này với sự đồi bại của con người đã làm thay đổi đến tận gốc rễ quan điểm của tôi đối với bản chất con người. Tôi rút ra kết luận là hoàn toàn không cần phải thương xót thanh danh đồng loại. Hơn nữa, khi trông vào chủ nhân và những thân của ông, ở tôi xuất hiện sự căm ghét sâu sắc đối với tính giả dối và thói lường gạt. Ngay cả giờ đây, khi nhớ lại những gì tôi đã kể về các đồng bào của mình, tôi vẫn bằng lòng khi thấy mình thương hại những khiếm khuyết của họ bao nhiêu thì mình càng cố gắng kiên trì biểu hiện cuộc sống và các tập quán của họ dưới ánh sáng có lợi nhất bấy nhiêu. Tuy nhiên, tôi cũng chẳng tự cho mình có công lao đặc biệt gì. Bởi vì chẳng lẽ tìm được một người mà lại không có nhược điểm và không có định kiến đối với nơi sinh thành ra mình hay sao?

Tôi trình bày ở đây chỉ một điều căn bản nhất trong vô số cuộc trò chyện của tôi, với chủ nhân. Cuối cùng sự tò mò cũng được thỏa mãn một phần nào. Một buổi sáng, ông mời tôi đến và sau khi mời ngồi, (thú thật, chưa bao giờ tôi được tiếp đón như vậy) ông bắt đầu nói chuyện với tôi. Ông nói rằng, ông đã bắt đầu suy nghĩ nhiều về tất cả những điều tôi nói về bản thân cũng như về Tổ quốc của tôi, và ông đi đến kết luận khá bi đát sau đây:

- Các anh là một giống động vật đặc biệt, - chủ nhân tuyên bố, - có một phần tý tẹo trí tuệ. Nhưng bằng trí tuệ ấy, các anh chỉ dùng để phát triển các thói xấu bản chất của các anh và tập nhiễm các thói xấu mới. Làm ngơ trước thiên hướng mà tự nhiên đã tạo cho các anh, các anh chỉ thấy mục tiêu tồn tại duy nhất, của mình ở chỗ tăng thêm nhu cầu của mình và nghĩ ra các phương thức đáng sợ nhất chỉ để thỏa mãn chúng. Nhưng về mặt thể lực, nếu chỉ xét đoán riêng các anh, dân tộc của các anh thua xa các Yahoo của chúng tôi. Các anh đứng trên hai chân sau không phải là chắc chắn lắm; các móng vuốt của các anh hoàn toàn vô ích để bảo vệ và tấn công. Các anh không thể chạy nhanh và leo cây như các đồng loại (trong suốt quá trình nói chuyện ông gọi chúng như vậy) Yahoo địa phương của các anh.

Sự tồn tại chính thể và pháp luật của các anh, chứng tỏ sự không hoàn thiện của trí tuệ cũng như các đức tính của các anh. Để điều khiển mọi cái, thì ai thật sự khôn ngoan cũng cảm thấy chỉ cần trí tuệ là đủ. Nhưng trái lại, tất cả cái gì mà các anh làm, chứng tỏ rõ ràng các anh không có khát vọng trí tuệ.

- Để kiểm tra các kết luận này, tôi xin so sánh, - chủ nhân tiếp tục, - cách sống, phong tục và tập quán của các anh với cách sống của các Yahoo của chúng tôi. Điều đó rốt cuộc đã làm cho tôi tin rằng, về mặt thông minh, giữa dân tộc các anh và Yahoo có sự hết sức giống

nhau.

Các Yahoo căm ghét nhau hơn các tất cả các động vậy còn lại. Thường người ta cho rằng, nguyên nhân của sự căm ghét này nằm trong sự quái gở của chúng, mỗi một Yahoo thấy rõ sự khác quái gở của người anh em của mình, nhưng lại không nhận thấy ở bản thân mình. Nhưng bây giờ, tôi cảm thấy sự giải thích này là sai lầm. Những nguyên nhân của sự hiềm khích giữa các súc vật này cũng chính là nguyên nhân của những hiềm khích giữa những đồng loại các anh. Thực chất, nếu như anh cho năm Yahoo lượng thức ăn đủ cho năm mươi Yahoo, thì thay cho việc bình tĩnh đi vào ăn uống, chúng lại xông vào ẩu đả lẫn nhau. Mỗi một Yahoo cố gắng chiếm tất cả cho mình. Bởi thế, khi cho chúng ăn ngoài đồng, thường người ta phải phải người canh. Còn trong chuồng, thì người ta buộc chúng cách xa nhau một chút. Đôi khi, chúng tôi không kịp lựa chọn các con bò đã chết trên đồng cho Yahoo của mình. Khi đó hàng đàn Yahoo hoang dại từ các vùng phụ cận chạy đến và lao vào con mồi của mình. Giữa chúng, bấy giờ bắt đầu một trận đánh nhau như tôi đã kể. Chúng dùng móng vuốt gây những vết thương trầm trọng cho nhau, nhưng ít khi dẫn đến tử vong. Bản thân chúng không có các vũ khí gây nên chết chóc như thứ mà các anh chế tạo ra. Đôi khi, những cuộc ẩu đả giữa những động vật hoang dã ấy chẳng có một nguyên nhân rõ rệt nào. Các Yahoo sống ở các rừng rậm hoặc rừng thưa nào đó tấn công các láng giềng của chúng cố sao cho thật bất ngờ. Khi bị thất bại, chúng quay về nhà để trút giận dữ vào nhau, sinh sự lẫn nhau và gây nên cái mà các anh gọi là cuộc chiến thương tàn.

Ở đất nước chúng tôi, người ta có thể gặp ở đâu đó, những hòn đá nhỏ sáng lấp lánh nhiều màu sắc. Các Yahoo có sự ham muốn thật sự với các hòn đá nhỏ đó. Nếu những hòn đá đó gắn chặt vào đất thì chúng sẵn sàng làm việc suốt cả ngày chỉ để tách lấy mó. Chúng đem vật kiếm được đó về ổ và chôn sâu xuống đất. Trong khi làm việc đó chúng quan sát xung quanh một cách hết sức cẩn thận, lúc nào cũng cảnh giác nhìn bốn phía giấu giếm, dường như chỉ sợ các Yahoo bên cạnh thấy chúng giấu kho báu ở đâu.

Chủ nhân nói thêm:

- Tôi không thể nào hiểu được và không sao giải thích được tại sao Yahoo có sự say mê với các hòn đá nhỏ lấp lánh ấy. Nhưng bây giờ thì tôi nghĩ rằng, nguồn gốc của nó chính là lòng tham vô độ, giống như anh đã diễn tả ở loài người. Một lần để thí nghiệm, tôi bí mật mang một vốc các hòn đá ấy từ chỗ cất, mà một Yahoo đã cất chúng. Con vật tham lam này phát hiện ra các báu vật của mình bị mất liền rống lên to đến mức cả đàn Yahoo chạy xô lại. Con Yahoo bị mất của liền xô vào đồng bọn cắn xé và cào cấu chúng. Mấy ngày sau nó vẫn không thể nào quên sự mất mát ấy đến nỗi không ăn, không ngủ và cũng không làm việc. Cuối cùng tôi phải bảo người hầu bí mật đặt các hòn đá ấy vào chỗ cũ. Tìm được của báu, Yahoo ngay lập tức tươi tỉnh lại và vui mừng. Nó lại giấu rất cẩn thận những hòn đá nhỏ ấy vào nơi mới chắc chắn hơn và từ đó đến giờ lại ngoan ngoãn và chịu làm như trước.

Chủ nhân của tôi cũng khẳng định:

- Một lần chính mắt tôi thấy một cuộc đánh nhau khốc liệt nhất giữa các Yahoo trên cánh đồng có rất nhiều hòn đá lấp lánh. Khi hai Yahoo, - chủ nhân tiếp tục, - tìm thấy trên cánh đồng những hòn đá như thế và bắt đầu lao vào đả nhau, thì Yahoo thứ ba xuất hiện ngay cạnh và lợi dụng hai con kia đang đánh nhau, nó thó hòn đá và mang đi mất.

Chủ nhân cũng thấy ở đó có sự giống nhau một chút nào đấy với sự tranh chấp của chúng ta. Tôi không làm ông thay đổi ý kiến ngay. Điều đó có nghĩa là bôi xấu danh tiếng tốt đẹp của chúng ta. Chính bản thân tôi cũng thừa nhận là cách giải quyết tranh cãi như thế

hợp lý hơn nhiều các phán quyết tòa án của chúng ta. Thực chất, ở đây những kẻ theo đuôi cuộc tranh chấp chẳng mất cái gì ngoài cái, mà vì nó chúng đả nhau. Hơn nữa các quan tòa chúng ta chẳng bao giờ ngừng công việc khi chưa làm khánh kiệt hoàn toàn cả hai bên hầu kiện.

Tiếp theo chủ nhân của tôi nhận xét thật chẳng có gì đáng ghét hơn là tính háu ăn của Yahoo. Chúng tham lam vô cùng khi vồ lấy tất cả những gì lọt vào mắt chúng và chén tuốt không chọn lựa cỏ, rễ, củ, quả cây, thịt đang thối. Chúng coi các thức ăn lấy trộm được hoặc cướp được ngon hơn nhiều thức ăn chuẩn bị cho chúng ở nhà.

Thực ra khá hiếm khi tìm được loại rễ ngọt. Các Yahoo cố gắng tìm kiếm loại rễ này và hết sức khoái trá được mút nó. Rễ ngọt ấy tác động đến chúng cũng giống như rượu vang đối với chúng ta. Do ảnh hưởng của nó, mà chúng lúc thì hôn nhau, lúc thì đánh nhau, nhăn nhó mặt mày, làu bàu cái gì đó, loạng choạng, ngã xuống đất và ngủ thiếp đi.

Nhưng những gì có liên quan tới khoa học, nghệ thuật và công nghệp thì chủ nhân của tôi thừa nhận rằng, về mặt này ông chẳng thấy có gì tương tự giữa các Yahoo của đất nước ông và của chúng ta. Sự thực, ông cũng nghe thấy qua một số Ngựa-người ham hiểu biết là, trong đại đa số các đàn Yahoo cũng có một loại cầm quyền, thường bao giờ cũng là những Yahoo kỳ quái và độc ác nhất trong cả bầy Yahoo. Ở mỗi con đầu đàn ấy, bao giờ cũng có con sủng ái. Con sủng ái bao giờ cũng giống con bảo hộ. Nghĩa vụ của nó là liếm chân con đầu đàn và quan tâm tới tiện nghi của nó. Thỉnh thoảng, để thưởng cho việc làm này, con đầu đàn lại ban cho nó một mẩu thịt lừa. Cả đàn ghét con sủng thần này, bởi vì khi có nguy hiểm, bao giờ nó cũng đứng cạnh con đầu đàn. Thường con đầu đàn giữ nó lại cho đến khi chưa tìm được con nào xấu hơn. Còn khi con sủng ái bị thải loại, thì tất cả Yahoo của vùng này, cả già cả trẻ, đứng đầu là con thay thế, vây nó vào giữa và đả cho một trận tơi bời. Việc này nên áp dụng cho cung đình chúng ta như thế nào, đối với các sủng thần cũng như các thượng thư, thì chủ nhân để cho tôi tự xác định lấy.

Chủ nhân còn nhận xét với tôi rằng ở Yahoo còn có một số đặc điểm mà nói chúng tôi hoàn toàn không nhắc tới trong các câu chuyện của mình về loài người, hoặc tôi chỉ nói lướt qua. Đập ngay vào mắt, trước nhất đó là tính ham thích chỗ bẩn thỉu của Yahoo, trong khi đó tất cả các động vật còn lại có bản chất ưa sạch sẽ.

Nếu như trong đất nước của các Ngựa-người, người ta có nuôi lợn, thì tôi cũng chẳng khó khăn gì mà bác bỏ lời buộc tội đối với những đồng loại của tôi, dường như một mình chúng khác biệt bởi tính ưa bẩn thỉu. Nhưng thật không may cho tôi ở đây không có lợn. Mặc dù các động, vật bốn chân này còn trông khá hơn nhiều Yahoo, nhưng cũng không thể ca tụng chúng ở chỗ ưa sạch sẽ được. Chủ nhân của tôi hẳn sẽ đồng ý với tôi nếu trông thấy chúng ăn uống và thích lăn lộn, ngủ trong bùn đất, bẩn một cách kinh tởm như thế nào.

Còn một đặc điểm khác khó giải thích hơn, mà những người hầu của chủ nhân phát hiện thấy ở một số Yahoo. Đôi khi các Yahoo nảy ra ý ngông chui vào một xó, nằm xuống đất, than vãn, rên rỉ và xua đuổi tất cả ai đến gần mình. Thường đó là những con vật được nuôi béo tốt trẻ trung và khỏe mạnh; chúng không đụng tới thức ăn và nước uống, hiển nhiên chúng không bị đau đớn gì cả. Cái gì xảy ra với chúng, thật là khó hiểu. Biện pháp chữa trị duy nhất đối với kẻ đỏng đảnh này là công việc nặng nhọc, nó sẽ nhanh chóng đưa Yahoo đang vật vã ấy trở lại trạng thái bình thường.

Tôi không trả lời chủ nhân điều gì về nhận xét này. Vì lòng kính trọng với các đồng bào của mình, tôi không muốn giải thích cho ông rằng, tôi thấy trong các cơn động kinh này của Yahoo, những mầm mống của sự chán chường và rầu rĩ, thường hay có trong số những người giàu có và quyền quý của đất nước ta. Nhưng tôi cũng hoàn toàn đồng ý với chủ nhân của tôi phương pháp chữa trị căn bệnh này.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 8

ất nhiên tôi hiểu rõ hơn chủ nhân của tôi nhiều về bản chất con người và vì thế tôi chẳng khó khăn gì trình bày những đặc điểm của Yahoo mà ông đã nhận xét, đối với chính bản thân và các đồng bào của mình. Nhưng tôi vẫn tin rằng các quan sát độc lập sẽ giúp tôi có những kết luận còn thú vị hơn nhiều. Bởi thế, tôi xin phép ông cho tôi đi thăm nơi tụ họp của các Yahoo láng giềng. Ông đồng ý một cách nhã nhặn bởi vì ông không có một chút nghi ngờ nào về sự kinh tởm vô hạn của tôi đối với các động vật này sẽ bảo vệ tôi tránh bất kỳ ảnh hưởng xấu nào từ phía chúng. Ông ra lệnh cho một trong các người hầu của mình, con ngựa tía con khỏe mạnh, rất nổi danh và tốt bụng đi kèm tôi. Không có sự bảo vệ của nó thì tôi không đủ can đảm để thực hiện chuyến viếng thăm như thế. Tôi đã kể cho độc giả nghe các động vật đáng ghét ấy đón tiếp tôi ra sao khi tôi vừa mới đặt chân lên đất nước này. Chính sau này mấy lần tôi cũng suýt rơi vào móng vuốt của chúng.

Tôi có cơ sở để nghĩ rằng các động vật này ngờ tôi là một đồng loại của chúng. Chúng luôn luôn cố gắng đi gần lại phía tôi, càng gần càng tốt và bắt chước các hành động của tôi như khỉ. Nhưng chúng cũng thường xuyên biểu hiện thái độ căm ghét hoang dại nhất đối với tôi. Những con vật hoang dã ấy theo dõi một sinh vật đã thuần dưỡng đội mũ chụp không vành đi tất dài khi nó ngẫu nhiên rẽ vào đàn của chúng.

Ngay từ thơ ấu, Yahoo tỏ ra hết sức nhanh nhẹn, nhưng mặc dù vậy tôi cũng bắt được một Yahoo đực ba tuổi. Tôi thử dỗ dành nó bằng các cử chỉ âu yếm, nhưng con vật nhỏ này đã kêu gào một cách tuyệt vọng, cào cấu, cắn tôi khi tôi vừa kịp buông nó ra. Tiếng ồn ào này đã làm cả đàn chạy lại. Tất cả bọn chúng đều hết sức điên cuồng, nhưng khi thấy rằng con Yahoo con vẫn nguyên vẹn và vô hại và con ngựa tía đứng bên cạnh tôi thì chúng không dám tiến đến gần.

Theo như tôi nhận xét thì Yahoo là một trong số các động vật khó dạy và huấn luyện nhất. Cái việc mà chúng có thể làm quen được là mang vác và chở vật nặng. Nguyên nhân chủ yếu của điều này là tính bướng bỉnh và đa nghi của chúng. Tuy nhiên, không phải vì thế mà không thừa nhận tính láu cá và ranh ma của chúng. Chúng độc ác, phản phúc và hay thù hằn. Chúng khỏe mạnh và hỗn xược, đồng thời lại nhát gan, do đó chúng trở nên trâng tráo, hèn hạ và tàn bạo.

Những Ngựa-người nhốt các Yahoo được sử dụng vào các công việc nhà trong các chuồng không xa nơi ở của họ, số còn lại, họ đuổi ra ngoài đồng. Tại đó, chúng đào rễ cây, ăn các loại cỏ khác nhau, tìm bới xác súc vật, đôi khi bắt giết chuột đồng. Mỗi Yahoo đào cho mình một hang sâu ở đâu đó trên sườn đồi và sống đơn độc tại đấy. Các hang Yahoo cái rộng hơn, bởi vì ở đó thường có hai đến ba Yahoo con. Yahoo bơi lội rất giỏi và có thể ở lâu dưới nước. Chúng thích việc bắt cá, mà Yahoo cái thường đưa con cái đi theo.

Bởi vì tôi sống ở đất nước này ba năm trời, hẳn độc giả cũng mong tôi noi gương các nhà du lịch khác kể lại chi tiết phong tục và tập quán của thổ dân ở đây.

Những Ngựa-người cao nhã và bản chất có khuynh hướng với mọi đức hạnh và không có một chút khái niệm nào về cái ác. Nguyên tắc sống cơ bản của họ là hành vi chịu sự điều khiển của trí tuệ của mình. Đặc biệt họ có khả năng tuyệt vời phân định ngay lập tức bằng lý trí và tình cảm, cái gì hợp lý, cái gì không. Còn khi nhận thức được điều gì đó thì không có dao động gì, họ làm theo lương tri và phủ nhận những gì đối lập với trí tuệ. Bởi thế, các cuộc tranh cãi dài, những tranh chấp căng thẳng, ngoan cố bênh vực cho các ý kiến giả dối hoặc đáng nghi ngờ, là thói xấu không thể có ở Ngựa-người.

Sự trung thành trong tình bạn và thiện ý là hai đức tính tốt chủ yếu của Ngựa-người, không chỉ biểu lộ đối với những người thân thích hoặc người quen mình, mà với toàn thể nòi giống nói chung. Người nước ngoài từ miền xa xôi tới đây cũng được đón tiếp như đối với các láng giềng gần gũi. Dù anh ta có bước chân đi đâu đi chăng nữa, anh ta vẫn cảm thấy như sống ở nhà. Những Ngựa-người tuân thủ nghiêm khắc phép lịch sự và nhã nhặn, nhưng họ hoàn toàn không quen thuộc với những gì mà ta gọi là nghi thức xã giao. Họ không nuông chiều con cái của mình nhưng quan tâm tới chúng và tạo cho chúng tất cả những gì mà nguyên tắc giáo dục trí tuệ đòi hỏi. Tôi nhận thấy rằng, chủ nhân của tôi đối xử dịu dàng với con cái láng giềng cũng như đối với con cái của chính mình. Các Ngựa-người cho rằng trí tuệ và thiên nhiên sẽ dạy họ tình yêu giống nhau đối với mọi cái tương tự. Hệ thống giáo dục thanh thiếu niên của họ quá là kỳ lạ và hoàn toàn nên noi theo. Khi Ngựa-người trẻ chưa tròn mười tám tuổi, người ta cho cho nó một ít kiều mạch, cứ như thế hàng ngày; người ta chỉ cho chúng uống sữa trong những trường hợp hết sức hiếm. Mùa hè chúng được đem chăn hai giờ buổi sáng và hai giờ buổi chiều giống như bố mẹ chúng. Còn người hầu chỉ được chăn một giờ. Thức ăn cho chúng được đem về nhà và chúng ăn uống lúc rỗi rãi sau giờ làm việc.

Tính điều độ, tình yêu lao động, sự rèn luyện thể lực và sự chỉnh tề là bắt buộc đối với thanh niên cả hai giới. Lúc từ các Ngựa-người phát triển thể lực, sức chạy nhanh và lòng dũng cảm. Các Ngựa-người non phải tập chạy lâu theo các sườn đồi dốc và các cánh đồng sỏi đá. Khi chúng mệt và thở sùi cả bọt mép người ta buộc chúng vục đầu xuống ao hoặc sông. Cứ bốn lần trong một năm mỗi vùng tổ chức thi tài cho thanh niên.

Các thanh niên biểu diễn thành tích của mình, trong chạy nhảy và các bài tập luyện khác đòi hỏi sức khỏe và sự khéo léo. Phần thưởng cho người thắng cuộc là một bài hát long trọng được biểu diễn làm cho người ấy được vinh dự. Trong ngày lễ như vậy, những người hầu đuổi hàng đàn Yahoo chở lên sân khấu cỏ khô, kiều mạch và sữa dê, để chiêu đãi các Ngựa-người. Nhưng ngay sau đó, những con vật này bị đuổi đi xa hơn để hình dạng của chúng không làm những người tham gia cuộc hội thấy gớm.

Cứ bốn năm một lần, vào tiết xuân phân, tiến hành họp Hội đồng của cả dân tộc. Chỗ họp là một thung lũng, cách nhà chủ nhân của tôi chừng hai mươi dặm. Trong Hội đồng này, người ta thảo luận tình hình các vùng khác nhau: họ có được cung cấp đủ cỏ khô, kiều mạch, bò và Yahoo hay không. Nếu ở một vùng nào đó còn thiếu thốn cái gì đó, thì Hội đồng sẽ cung cấp đủ cho vùng ấy, lấy từ các vùng khác. Các nghị quyết này luôn được nhất trí thông qua.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 9

ột trong những hội nghị lớn như thế diễn ra trong thời gian tôi lưu lại đất nước này, khoảng ba tháng trước khi tôi ra đi. Chủ nhân của tôi tham gia hội nghị với tư cách đại diện cho vùng chúng tôi. Trong hội nghị này đã thảo luận một vấn đề rất quan trọng. Vấn đề này đã được thảo luận nhiều lần trong cách cuộc họp chung và là vấn đề duy nhất gây tranh cãi giữa các Ngựa-người. Khi về nhà, chủ nhân của tôi đã kể chi tiết cho tôi những gì đã diễn ra ở đấy.

Vấn đề là ở chỗ có nên quét sạch Yahoo khỏi mặt đất hay không?

Một trong số những người tham gia hội nghị cho rằng điều đó hiển nhiên là cần thiết, và đưa ra một số nguyên cớ để bảo vệ ý kiến của mình. Ông khẳng định Yahoo không chỉ là những động vật bẩn, xấu xa và kỳ quái nhất trên trái đất mà còn hết sức bướng bỉnh, không vâng lời, độc ác và hay hận thù. Ông nói, mọi người đều biết cần phải giữ các động vật này dưới sự giám sát chặt chẽ. Nếu không chúng sẽ bú sữa bò của các Ngựa-người, bắt và ăn thịt mèo của họ, ăn trộm kiều mạch và cỏ rồi lại làm hàng nghìn điều đê tiện khác.

Ông nhắc lại cho hội nghị một truyền thuyết xa xưa về nguồn gốc của Yahoo. Theo truyền thuyết thì từ ngày xưa người ta không biết đến Yahoo ở đất nước này. Nhưng nhiều năm trước đây, trên một ngọn núi xuất hiện một đôi động vật. Chúng từ đâu tới không ai biết. Chúng xuất hiện từ lớp rong sình lầy, hoặc bùn đất dưới tác động của nhiệt lượng mặt trời, hoặc sinh ra từ bùn và bọt biển thì cho đến nay cũng chưa có ai biết [1]. Cặp này bắt đầu sinh sản và con cháu của chúng trở nên vô số bắt đầu tràn ngập và làm nhơ nhớp cả nước. Để tránh khỏi tai họa này những Ngựa-người đã tiến hành một cuộc vây bắt khổng lồ: họ đã bao vây được tất cả các đàn của những con vật này. Sau khi tiêu diệt các con lớn tuổi, mỗi Ngựa-người chọn lấy hai Yahoo con, nuôi chúng trong chuồng và dạy chúng mang vác và chở nặng.

Trong truyền thuyết này rõ ràng có một phần lớn sự thật trong đó.

Sự căm thù đối với Yahoo không chỉ ở các Ngựa-người mà ở tất cả các động vật nói chung lớn đến mức thật khó mà chấp nhận chúng là ilgnismshi (cư dân cơ bản của đất nước). Tất nhiên Yahoo hoàn toàn đáng bị căm ghét, nhưng dù sao sự đối địch của chúng chưa bao giờ đạt được phạm vi lớn, nên chúng vẫn sống mãi ở đây. Nói khác đi chúng đáng phải tiêu diệt từ lâu rồi.

Để kết luận diễn giả tuyên bố rằng những Ngựa-người đã xử sự hết sức nông cạn khi nghĩ ra việc thuần dưỡng Yahoo và coi thường lừa. Đó là các động vật đẹp và ngoan ngoãn, hiền lành và tốt tính hơn Yahoo rất nhiều. Sự thực, chúng thua Yahoo ở tính khéo léo, nhưng dù sao chúng cũng khá khỏe và dai sức để mang vác nặng. Tiếng kêu của chúng không phải êm tai cho lắm nhưng dù sao còn hay hơn tiếng rú kinh khủng của Yahoo.

Chủ nhân của tôi phát biểu sau diễn giả này, có ý định bổ sung thông báo của người ấy. Ông không nghi ngờ vào tính chân thực của truyền thuyết đã được trình bày ở đây do một thành viên danh dự của hội nghị, nhưng ông khẳng định rằng hai Yahoo lần đầu tiên xuất hiện ở đất nước này đã đi từ ngoài biển vào.

Có thể chúng rời bỏ đồng loại và sau khi lên bờ đã ẩn náu trong núi. Con cháu của chúng dần dần sinh sôi ra.

Cuối cùng chúng hoàn toàn trở thành hoang dại và mất đi phần trí tuệ vốn có ở tổ tiên của chúng và ở tất cả cư dân của đất nước này. Để củng cố thêm ý kiến của mình ông đã dẫn chứng chuyện cách đây không lâu có một Yahoo kỳ lạ (ông ám chỉ tôi) đã đến sống ở chỗ ông. Đa số hội nghị hẳn đã nghe về chuyện này và nhiều người thậm chí đã trông thấy. Khi đó chủ nhân kể ông đã tìm thấy tôi như thế nào. Ông thông báo rằng toàn bộ cơ thể tôi được phủ bởi một lớp vỏ nhân tạo hình thành từ da và lông mao của các động vật khác; rằng tôi có thiên hướng ngôn ngữ và đã nghiên cứu ngôn ngữ của Ngựa-người tới mức hoàn thiện; rằng tôi đã trình bày cho ông các sự kiện đã dẫn dắt tôi đến đây; rằng ông đã nhìn thấy tôi không có vỏ bọc và thấy rõ tôi giống Yahoo như đúc chỉ có điều da tôi trắng hơn, tóc mảnh hơn và móng chân ngắn hơn.

Ông còn truyền đạt thêm nữa cho hội nghị, nào là tôi đã làm ông tin rằng ở Tổ quốc tôi và ở các đất nước khác Yahoo là động vật thông minh và thống trị, còn Ngựa-người bị sống trong nô lệ. Ông đã quan sát thấy tôi có tất cả các tính cách của Yahoo, mặc dù vậy chắc chắn tôi vẫn hơn hẳn chúng nhờ tôi có phần trí tuệ.

Hơn nữa về phương diện này tôi thua kém các Ngựa-người bao nhiêu thì tôi lại hơn hẳn các Yahoo địa phương bấy nhiêu.

Đó là tất cả những gì mà chủ nhân đã tìm được đúng lúc thông báo cho tôi về cuộc thảo luận ở Đại hội đồng. Ông đã giấu một số chi tiết có liên quan tới cá nhân tôi. Hiển nhiên ông không muốn làm tôi buồn. Bất luận thế nào đi chăng nữa, độc giả hẳn sẽ hiểu tại sao tôi lại coi ngày hôm đó là bắt đầu cho tất cả các bất hạnh liên tục của đời tôi.

Ở Ngựa-người không có chữ viết. Bởi thế mọi kiến thức của họ được truyền đạt bằng con đường truyền thuyết. Nhưng cũng bởi vì trong cuộc sống của một dân tộc vốn có bản chất hiền lành, có khuynh hướng vươn tới đạo đức, trí tuệ giữ vai trò chủ đạo và bị cách ly không giao tiếp với các dân tộc khác, có rất ít các sự kiện lớn xảy ra thì lịch sử của nó dễ dàng duy trì trong ký ức.

Tôi cũng kể rằng những Ngựa-người không bị bất cứ bệnh tật nào và vì vậy không cần đến các bác sỹ. Hơn nữa họ có các loại thuốc rất tuyệt vời chế tạo từ các loại cỏ được sử dụng chữa trị khi ngẫu nhiên bị chấn thương.

Họ tính toán năm và tháng theo vòng quay của mặt trời và mặt trăng. Họ hiểu biết khá tốt về chuyển động của hai thiên thể này và bản chất của nhật thực và nguyệt thực. Đó là những thành tựu thiên văn học cao nhất của họ.

Hơn nữa cùng cần phải thừa nhận rằng về mặt thi ca họ hơn đứt tất cả các cư dân thông thường của trái đất: tính chuẩn xác khi so sánh của họ, tính chi tiết và độ chính xác của những mô tả của họ thật sự có một không hai. Chủ đề của các bài thơ thường là mô tả tình bạn hoặc ca ngợi những người chiến thắng trong các cuộc chạy đua hoặc các cuộc thi khác.

Các công trình xây dựng của họ thô thiển và đơn giản nhưng không mất tiện nghi và rất thích hợp để chống nóng bức và giá lạnh. Họ có một loại cây sống đến bốn mươi năm sau đó bắt đầu thối rễ và đổ xuống từ cơn bão đầu tiên. Sau khi mài nhọn thân cây hoàn toàn thẳng thớm này bằng các hòn đá được đẽo gọt (họ chưa biết sử dụng sắt), những Ngựa-người cắm các cọc này cách đều nhau chừng một

chục inch và bện chúng bằng các sợi dây hoặc bằng rơm kiều mạch. Mái được làm bằng rơm.

Những Ngựa-người sử dụng chỗ lõm giữa cổ chân và móng nhân trước giống như chúng ta sử dụng tay. Khi đó họ thể hiện sự khéo léo mà thoạt đầu tôi hoàn toàn không tin. Tôi đã được nhìn thấy con ngựa cái trong nhà chúng tôi đã biến một cái que nhỏ thành cái kim (tôi đã đưa cho nó một cái kim để làm mẫu). Họ vắt sữa, gặt kiều mạch và thực hiện mọi công việc giống như chúng ta làm bằng tay. Nhớ có các hòn đá lửa rất cứng, họ đẽo gọt các hòn đá khác và chế tạo ra các nêm, rìu và búa. Bằng các công cụ được chế tạo từ những hòn đá lửa này mà họ cắt cỏ và gặt kiều mạch mọc trên các cánh đồng ở đây như là cỏ. Các Yahoo chở các lượm lúa trên các xe kéo còn những người hầu cận thì đập kiều mạch bằng chân trong các căn nhà đặc biệt kín. Hạt kiều mạch được cất trong các vựa. Họ chế các chén bát thô thiển bằng đất sét và phơi chúng dưới ánh nắng mặt trời.

Những Ngựa-người thông thường sống đến bảy mươi hoặc đến bảy mươi lăm tuổi. Mấy tuần lễ trước khi chết họ cảm thấy sức lực bị suy sút dần dần nhưng chẳng bị đau khổ chút nào. Các bè bạn đặc biệt thường đến thăm họ vào thời gian đó bởi vì chính họ cũng đã khó ra khỏi nhà. Tuy nhiên vào ngày thứ mười trước khi chết - thời hạn mà họ rất ít khi xác định sai, - những Ngựa-người làm một chuyến viếng thăm vĩnh biệt. Để thực hiện mục đích này người ta đưa một xe trượt tiện lợi do các Yahoo kéo đến.

Sau khi từ biệt như thế với các bạn bè, các Ngựa-người quay về nhà mình và cho đến lúc chết không rời nhà nữa. Người ta chôn các Ngựa-người ở những nơi xa xôi hẻo lánh và bình thường nhất mà họ tìm được. Bạn bè và những người thân thích của người quá cố khi đó chẳng biểu lộ vui hay là buồn. Ngay cả bản thân người chết cũng chẳng thấy có chút gì nuối tiếc khi từ bỏ thế giới này, giống như họ vừa đi chơi rồi quay về nhà. Tôi nhớ có một lần chủ nhân của tôi đã mời gia đình một người bạn đến chơi nhân có một việc quan trọng. Đến ngày đã định mãi đến chiều tối người vợ bạn và hai đứa con mới xuất hiện. Bà xin lỗi thay cho chồng mình, người theo lời bà sáng hôm nay đã “tịch”. Từ này rất diễn cảm theo ngôn ngữ địa phương đấy, nhưng dịch nó cũng không hẳn là dễ; đúng nguyên văn nó có nghĩa là: “quay về với ông bà ông vải”. Sau đó bà xin lỗi cho mình và nói rằng chồng đã mất sáng hôm nay và bà đã phải bàn bạc với những người hầu về việc đặt thi thể của ông ấy ở đâu là hơn cả. Tôi nhận thấy là bà vẫn vui vẻ như những người có mặt lúc đó. Ba tháng sau bà mất giống như đã đi đến một đất nước xa xôi nơi họ quyết định sống nốt quãng đời còn lại.

Tôi không biết có cần nhắc thêm là trong ngôn ngữ của Ngựa-người không có những từ để chỉ một cái gì đấy độc ác và xấu xa, trừ những từ chỉ những thiếu sót và những nét quái đản của Yahoo. Bởi thế, nếu họ cần nhắc tới cái gì đó không hay ho lắm trong lúc nói chuyện thì họ sử dụng từ “Yahoo” kèm theo với từ khác. Chẳng hạn để chỉ tính đãng trí hay lười nhác của những người hầu, lỗi của con trẻ, hòn đá làm đứt chân, thời tiết xấu và các thứ tương tự họ thường thêm vào từ tính ngữ Yahoo. Đó chính là hhnm Yahoo, whnaholm Yahoo, ynlhmndwihlma Yahoo, còn nhà mà làm tồi thì họ gọi là ynholmhnmrohlnw Yahoo.

Tôi rất vui lòng mô tả chi tiết hơn nữa những phong tục và phẩm hạnh của dân tộc kỳ lạ này. Nhưng trong tương lai gần tới đây tôi có ý định xuất bản một cuốn sách riêng chỉ đề cập tới một lĩnh vực này mà tôi sẽ gửi cho độc giả.

Còn bây giờ tôi sẽ trình bày những tai họa bi thảm mà tôi sắp trải qua.

Chú thích [1] Ám chỉ học thuyết sự sống tự sinh phổ biến ở thế kỷ XVIII

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift
www.dtv-ebook.com

Chương 10

ôi đã tự thiết kế chỗ ở nhỏ của tôi theo sở thích của mình. Chủ nhân ra lệnh xây cho tôi một căn nhà theo kiểu địa phương cách nhà ông chừng sáu yard. Tường và sàn nhà tôi trát đất sét và phủ bằng một cái chiếu sậy tự tay đan lấy. Tôi hái cây gai dại và lấy từ các xơ của nó một cái gì đại loại như sợi: từ các sợi này tôi đã dệt một cái bao cho tấm nệm. Tôi nhét đầy bao những lông chim mà tôi bắt được bằng bẫy làm từ tóc của Yahoo. Còn bản thân các con chim tôi làm món chim rán khá ngon. Nhờ có sự giúp sức của con ngựa tía tôi đã làm được phần việc nặng nhọc nhất, tôi tự đóng cho mình hai cái ghế. Khi áo khoác của tôi bị rách tôi đã tự khâu cho mình cái áo mới từ da thỏ và da của các con thú nhỏ đẹp khác có kích thước tương tự gọi là nnuhnoh. Cũng từ các da lông ấy tôi đã làm cho mình đôi tất đi rất vừa. Tôi cũng lắp cho đôi giày của mình những cái đế gỗ, còn khi đôi giày đã tã, tôi tự khâu cho mình một đôi mới.

Trong các bọng cây tôi thường kiếm được mậtong mà tôi pha vào nước và ăn cùng với bánh kiều mạch. Chẳng có ai hiểu rõ hơn tôi chân lý của hai câu châm ngôn: “thiên nhiên hài lòng với một số ít” và “cần phải học làm tất cả”.

Tôi đã có được một sức khỏe tuyệt vời và sự yên tâm hoàn toàn. Tôi chẳng cần phải sợ sự phản bội hay tính nết bất thường của bạn bè và sự phật lòng của kẻ thù bí mật hay công khai. Tôi chẳng cần phải đi đút lót hay nịnh bợ để xin ân huệ của các bậc vĩ đại của thế giới và các sủng thần của họ. Tôi cũng chẳng cần bảo vệ mình khỏi sự lừa dối và bạo lực. Ở đây không có bác sỹ để có thể làm hại cho cơ thể tôi, không có các luật sư để làm khánh kiệt tôi, không có những kẻ tố giác chỉ vì tiền mà đưa ra những lời điêu ngoa buộc tội tôi. Ở đây không có những kẻ thích chế nhạo, những kẻ vu khống, những kẻ cắp móc túi, những tên trộm bẻ khóa, những kẻ ba hoa, những kẻ thích cãi cọ, những tên giết người và bịp bợm. Không có các thủ lĩnh và các thành viên của các đảng phái chính trị, không có nhà tù, máy chém, giá treo cổ, roi vọt và cột nhục hình. Không có những tên buôn bán gian lận và những thợ thủ công bịp bợm. Không có các công tử bột và những kẻ ưa gây ồn ào, những kẻ nát rượu; không có những người bạn hay quấy nhiễu, bẩn tính, hay la thét và trống rỗng. Không có những tên vô lại được lôi lên khỏi bùn đen nhờ những đức tính xấu xa và không có những người lương thiện bị ném vào bùn nhơ chỉ vì những phẩm hạnh của mình; không có các quan đại thần, quan tòa, nhạc sĩ vĩ cầm và các thầy dạy múa.

Tôi cho mình có vinh dự được hòa hợp với các Ngựa-người. Khi chủ nhân tôi có khách ông bao giờ cũng có nhã ý cho phép tôi ở lại trong phòng và nghe họ trò chuyện. Ông và các vị khách đặt cho tôi nhiều câu hỏi và lắng nghe các câu trả lời của tôi một cách độ lượng. Khi đến chơi nhà ai đôi khi chủ nhân cũng đưa tôi đi cùng. Tôi không bao giờ cho phép mình can thiệp vào cuộc trò chuyện và chỉ trả lời các câu hỏi đặt ra cho tôi. Nhưng tôi có được niềm khoái cảm vô tận khi đóng vai người nghe chuyện khiêm tốn trong các cuộc trò chuyện mà ở đó người ta chỉ nói tới công việc và tư tưởng được thể hiện trong các từ ngữ không nhiều những chính xác, nơi những người

cũng tiếp chuyện không ngắt lời nhau, không buồn tẻ, không tham gia vào các cuộc tranh giành kịch liệt. Các Ngựa-người cho rằng cuộc trò chuyện trong xã hội nên được ngắt quãng bằng các lúc nghỉ ngắn ngủi. Tôi nhận thấy họ hoàn toàn đúng vì trong những phút im lặng họ sinh ra các ý tưởng mới làm cho cuộc trò chuyện sinh động. Thường chủ đề của các cuộc trò chuyện ấy là tình bạn, lòng tốt, trật tự và tiện nghi xã hội; đôi khi là những hiện tượng thiên nhiên đáng để ý nào đấy hoặc các truyền thuyết cổ. Thường hơn cả là người ta nói về bản chất của phẩm hạnh và các quy luật trí tuệ hoặc thảo luận về các quyết nghị chắc chắn sẽ được thông qua trong các cuộc đại hội gần đây. Thỉnh thoảng câu chuyện đề cập tới thi ca.

Sự có mặt của tôi cũng là một đề tài phong phú cho câu chuyện. Chủ nhân của tôi kể cho bạn bè câu chuyện cuộc đời tôi và mô tả Tổ quốc tôi. Sau khi nghe ông kể, họ biểu hiện không kính trọng lắm đối với loài người. Bởi thế tôi không muốn nêu ra ở đây những nhận xét của họ. Tôi chỉ cho phép mình nhận xét là tôi rất ngạc nhiên khi chủ nhân nắm rõ bản chất của Yahoo tại tất cả các nước tốt hơn tôi rất nhiều. Sau khi liệt kê những tật xấu và phi lý của chúng ta, ông còn chỉ ra những cái mà tôi chưa bao giờ kể cho ông. Ông đã đoán ra những điều ấy khi suy luận về việc các Yahoo địa phương có thể sẽ như thế nào nếu có được một phần nhỏ của trí tuệ. Không phải không có cơ sở mà ông cho rằng các động vật như vậy thật đáng khinh bỉ và hèn kém.

Tôi cũng chẳng có một chút phóng đại nào khi nói rằng tất cả những gì tôi biết thật ra rất có ích đã được lĩnh hội từ trong ngôn ngữ thông minh của chủ nhân tôi và trong các cuộc trò chuyện của ông với bạn bè. Nếu như cho phép tôi lựa chọn thì tôi luôn luôn xin làm thính giả khiêm tốn của những nhà thông thái ấy hơn là làm một diễn giả có thế lực của nghị viện châu Âu sáng láng và vĩ đại nhất.

Tôi ngạc nhiên trước sức mạnh, vẻ đẹp và sự nhanh nhẹn của cư dân của đất nước này. Sự phối hợp kỳ lạ của những đức tính tốt khác nhau như tôi thấy ở những sinh linh phúc hậu này đã khiến tôi kính trọng sâu sắc đối với họ. Sự thật lúc đầu tôi tuy không có sự kinh sợ đối với họ giống như tình cảm của Yahoo và các động vật khác nhưng dần dần tình cảm kính trọng họ đã xâm chiếm tôi.

Nhờ có tiếp xúc thường xuyên với các Ngựa-người và sự ngưỡng mộ phấn khích đối với họ tôi bắt đầu bắt chước cách đi và vận động thân thể của họ. Dần dần điều đó trở thành thói quen ở tôi. Ngay cả bây giờ bạn bè chẳng cần rào đón gì mà nói thẳng với tôi là tôi chạy như ngựa. Tôi tiếp nhận những lời này giống như những lời tâng bốc. Nhưng tôi cũng không phủ nhận là trong khi nói chuyện tôi vẫn còn bắt chước ngữ điệu và phong cách của những Ngựa-người và tôi chẳng hổ thẹn chút nào khi nghe những lời chế giễu của bạn bè trước những điều này.

Thế đấy cuộc sống của tôi diễn ra một cách hạnh phúc và êm ả và tôi chỉ muốn có mỗi một điều: cho đến ngày tận số vẫn còn được ở lại đất nước tuyệt diệu này. Bỗng nhiên một buổi sáng, chủ nhân gọi tôi lên gặp ông sớm hơn thường lệ. Qua vẻ mặt của ông, tôi nhận ra ngay lập tức ông đang băn khoăn và suy nghĩ nên bắt đầu câu chuyện từ đâu. Sau khi im lặng không lâu cuối cùng ông quyết định nói với tôi là trong cuộc họp hội đồng mới đây, khi thảo luận vấn đề về Yahoo, các thành viên của hội đồng cảm thấy bị xúc phạm sâu sắc cho dòng giống của mình khi ông nuôi trong nhà một Yahoo và đối xử với nó giống như đối xử với Ngựa-người. Họ còn được biết rằng ông thường nói chuyện với tôi và rõ ràng tỏ ra thích thú đối với xã hội của tôi. Tính cách ấy hoàn toàn đối lập với trí tuệ và bản chất của họ. Bởi thế hội nghị khuyên ông hoặc đối xử với tôi giống như đối với một Yahoo bình thường, hoặc ra lệnh cho tôi bơi trở lại nơi mà từ đó tôi đã đến đây. Nhưng trong số đó, các Ngựa-người đã từng gặp và nói chuyện với tôi đã cực lực phản đối, quyết nghị thứ nhất. Họ sợ

rằng trong khi có một số mầm mống trí tuệ và tính xấu bẩm sinh của các Yahoo này, tôi hoàn toàn có khả năng dụ dỗ Yahoo chiếm cứ vùng núi rừng của đất nước này và đêm đêm cả đàn sẽ tấn công các gia súc của Ngựa-người. Chủ nhân của tôi thêm rằng các Ngựa-người của vùng hàng ngày nhắc nhở ông thực hiện lời khuyên của cuộc họp và ông không thể từ chối hơn nữa. Nhưng ông e ngại rằng để tôi có đủ sức bơi đến một đất nước nào khác ông muốn tôi cần trang bị cho mình một cái "xe tải" đi trên biển giống như những cái mà tôi đã mô tả cho ông nghe. Trong công việc này, bản thân những người hầu của ông và cả của hàng xóm sẽ giúp đỡ tôi. Để kết luận chủ nhân tôi nói rằng cá nhân ông sẵn sàng giữ tôi ở lại với ông và phục vụ ông suốt đời vì ông thấy rằng tôi đang bắt chước các Ngựa-người, trong khi tôi từ bỏ được nhiều thói quen và thiên hướng xấu đặc trưng cho Yahoo.

Lời nói của chủ nhân đã khiến tôi ở trong tình trạng tuyệt vọng hoàn toàn. Chấn động này đã mạnh tới mức làm tôi ngã lăn bất tỉnh nhân sự dưới chân ông. Bởi vì các Ngựa-người chưa từng chịu tình cảm yếu đuối như thế bao giờ nên chủ nhân cho rằng tôi đã chết. Ông thừa nhận với tôi như vậy khi tôi tỉnh lại. Tôi trả lời ông bằng giọng thều thào rằng cái chết lại là niềm hạnh phúc đối với tôi. Tất nhiên tôi chẳng lên án hội nghị điều gì về lời khuyên này, nhưng dù sao đi nữa tôi vẫn cảm thấy quyết nghị có thể bớt nghiêm khắc hơn. Đến một lục địa hoặc các hòn đảo gần nhất cũng phải trên một trăm hải lý. Nhiều tài liệu cần cho việc đóng một con tàu nhỏ để tôi có thể vượt biển lại hoàn toàn không có ở đất nước này. Bởi thế tôi cho rằng chủ trương này thật là vô vọng và tôi chỉ trông vào bản thân mình như là vào người bị kết tội chết. Hơn nữa, cái chết đối với tôi là lối thoát mong muốn. Thực chất nếu có thể cho rằng tôi có thể cứu sống mình bằng cách tôi sống chung với các Yahoo ở đây và lại mắc các tật xấu cũ được chăng? Hơn nữa tôi khâm phục nghị quyết của hội nghị vì tôi tin rằng nó có đủ cơ sở đúng đắn. Sau đó tôi biết ơn chủ nhân về đề nghị giúp đỡ tôi trong việc đóng thuyền và tôi nói rằng nếu như quay trở được về Anh, tôi sẽ có ích biết bao cho đồng bào của mình khi ca ngợi những Ngựa-người tốt bụng và nêu những phẩm hạnh của họ như là tấm gương cho loài người bắt chước.

Chủ nhân trả lời tôi rất lịch thiệp và dự định hai tháng để đóng thuyền. Ông ra lệnh cho con ngựa tía giúp đỡ tôi trong công việc và thực hiện mọi mệnh lệnh của tôi. Tôi biết rằng con ngựa tía là một thợ rất giỏi, và rất vâng lời tôi.

Trước hết tôi cùng với nó đi ra bờ biển nơi các thủy thủ của tôi bỏ tôi lại. Ở đó tôi leo lên một ngọn đồi và quan sát mặt biển. Tôi có cảm giác là ở phía Đông Bắc thấy có một hòn đảo nhỏ. Tôi rút kính viễn vọng ra nhìn và thấy rõ nó. Theo nhận định của tôi hòn đảo ở cách tôi khoảng năm hải lý. Nhưng đối với con ngựa tía thì hòn đảo chỉ đơn giản là một đám mây xanh xanh. Nó chẳng có một chút khái niệm nào về sự tồn tại của các đất nước khác và không thể phân biệt các đối tượng trên biển với một nghệ thuật như chúng ta, những người từ lâu đã quen với môi trường này.

Khám phá ra hòn đảo tôi hoàn toàn bằng lòng với điều này và quyết định chọn nó làm trạm nghỉ đầu tiên trong chuyến đày ải của tôi. Còn sau đó tôi phó mặc cho ý chí của số mệnh.

Tôi quay về nhà và theo lời khuyên của con ngựa tía, tôi cùng nó đi vào khu rừng rậm gần nhất. Ở đó tôi dùng dao, còn nó dùng một hòn đá sắc gắn rất khéo lên một cán gỗ để đẽo những cành sồi to bằng cái gậy và một số cành lớn hơn. Tôi sẽ không làm mệt độc giả bằng việc mô tả tỉ mỉ công việc của chúng tôi. Nhưng có thể nói là trong vòng sáu tuần lễ với sự giúp sức của con ngựa tía, nó đảm đương phần việc nặng nhọc nhất, tôi đã làm ra một cái giông giống một khúc dồi chỉ có điều kích thước lớn hơn rất nhiều và bọc da thú

khâu rất chắc bằng các sợi gai do chính tay tôi chuẩn bị. Cũng chính từ vật liệu này tôi làm cả buồm, nhưng chọn từ các bộ da của các động vật non, bởi vì da của động vật già thô và dày. Tôi đã làm bốn mái chèo, chuẩn bị thức ăn dự trữ từ thịt thỏ nước và thịt gia cầm và đem theo hai bình: một bình đựng đầy sữa, còn bình kia là nước ngọt.

Tôi thử con thuyền của mình trong một cái đầm lớn ở cạnh nhà chủ nhân của tôi và sửa chữa mọi hư hỏng phát hiện ở nó, trát mỡ vào các khe hở. Sau đó tôi đặt con thuyền lên xe trượt và dưới sự trông coi của con ngựa tía và một con ngựa hầu cận khác nó được Yahoo kéo rất cẩn thận ra ngoài bờ biển.

Khi mọi thứ đã sẵn sàng và đã đến ngày lên đường, tôi từ biệt với chủ nhân, vợ ông ta và toàn thể gia đình. Mắt tôi đẫm lệ và trái tim tôi thắt lại vì đau khổ. Nhưng chủ nhân của tôi một phần cũng vì tò mò, và cũng có thể vì thiện cảm với tôi (nếu tôi có thể nói đúng là như vậy) muốn biết tôi ra khơi trên con thuyền của tôi thế nào đã đề nghị ai đó trong số láng giềng đi cùng với ông. Tôi đợi nước triều lên chừng gần một giờ. Ngay sau đó một cơn gió thuận nhẹ nổi lên. Nhận thấy như vậy tôi quyết định lên đường ngay lập tức và vội vã từ giã lần thứ hai với chủ nhân. Tôi định cúi thấp xuống hôn móng chân ông, nhưng ông dành cho tôi vinh dự khi ông nâng nó lên ngang môi tôi. Tôi biết những lời đả kích mà tôi phải chịu khi tối nhắc đến chi tiết này. Những kẻ vu khống tôi cho rằng thật khó mà tin được một nhân vật quyền quý như thế mà lại có lòng hạ cố đến thế đối với tôi, một sinh vật hèn hạ. (Tôi còn nhớ cả thói xấu của một vài nhà du lịch thích khoe khoang những ân huệ kỳ lạ mà họ được hưởng). Nhưng nếu những kẻ thích phê phán này hiểu rõ lòng tốt và sự lịch thiệp của những Ngựa-người thì hiển nhiên họ phải thay đổi ý kiến của mình.

Sau khi kính chào các Ngựa-người còn lại đi cùng với chủ nhân, tôi lên thuyền và rời bến.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift

Chương 11

ôi bắt đầu chuyến du hành tuyệt vọng này ngày 15 tháng Hai năm 1714 vào lúc chín giờ sáng. Gió thuận. Hơn nữa tôi đã bắt đầu chèo. Nhưng sau khi thấy là việc chèo sẽ nhanh chóng làm tôi mất sức, còn gió thì có thể thay đổi, tôi đánh bạo dương cánh buồm nhỏ của mình lên. Bằng cách này cùng với tác động của nước triều đang rút theo tính toán của tôi, tôi đi với tốc độ chừng một hải lý rưỡi một giờ. Chủ nhân của tôi và bạn bè của ông vẫn còn lại trên bờ khi tôi chưa hoàn toàn khuất dạng. Thỉnh thoảng vọng đến tai tôi tiếng kêu của con ngựa tía con (nó bao giờ cũng yêu quý tôi): "Hnuy illa nyha, majah Yahoo" (Yahoo thân yêu, hãy gìn giữ cẩn thận nhé).

Tôi hướng đến hòn đảo mà trước đó tôi đã thấy nhờ kính viễn vọng từ trên bờ. Tôi hi vọng rằng ở đó tôi sẽ tìm thấy được phương tiện để sống bằng lao động của chính mình. Tôi cảm thấy kinh sợ khi thoáng nghĩ tới việc quay về với xã hội của Yahoo và sống dưới sự cai trị của chúng. Vì trong tình trạng cô đơn mà tôi mong ước, ít ra tôi cũng có thể suy tưởng về những phẩm hạnh của các Ngựa-người có một không hai, tôi không muốn mình lại mạo hiểm lần nữa trong những thói hư tật xấu của giống nòi mình.

Hẳn độc giả còn nhớ câu chuyện tôi kể về việc các thủy thủ đã âm mưu chống lại tôi thế nào và đã cầm tù tôi trong buồng thuyền trưởng. Sự cầm cố này như tôi nhớ lại kéo dài mấy tuần lễ, trong khi tôi không biết con tàu đi theo hành trình nào.

Các thủy thủ sau khi thả tôi lên bờ với sự thề thốt thực lòng hay là vờ vĩnh cốt làm tôi là bản thân họ không biết chúng tôi đang ở vùng nào của trái đất. Tuy nhiên, tôi tính toán là chúng tôi hành trình theo tuyến cách mũi Hảo vọng chừng mười độ về phía Nam hay là ở gần vĩ tuyến 450 Nam. Tôi đã kết luận về điều này trên cơ sở nghe lỏm những câu chuyện của các thủy thủ về ý định của thuyền trưởng của chúng đi đến Madagascar và về việc chúng tôi ở vị trí Tây Nam của hòn đảo này. Mặc dù điều đó chỉ là phỏng đoán, nhưng dù thế nào tôi cũng giữ hành trình về phía Đông, hy vọng sẽ cập được bờ biển Tây Nam của New Zealand. Cạnh bờ biển này tôi dự tính tìm cho mình một hòn đảo nào đó phù hợp.

Trong suốt thời gian đó gió luôn luôn thổi theo hướng Tây và vào lúc sáu giờ chiều theo tính toán của tôi, tôi đã đi được về phía Đông ít nhất là mười tám hải lý, tôi nhận thấy cách tôi chừng nửa dặm có một hòn đảo nhỏ.

Đó là một ghềnh đá nhẵn nhụi với một cái vịnh nhỏ được nước thủy triều rửa sạch. Sau khi ghé thuyền vào đây, tôi leo lên ghềnh đá và phân biệt rõ một dải đất nằm ở phía Đông kéo dài từ Nam lên Bắc. Tôi ngủ đêm trên thuyền và sáng tinh mơ hôm sau tôi lại lên đường và chừng bảy giờ sáng tôi cập bờ Đông Nam của New Zealand Bờ biển nơi tôi ghé vào hoàn toàn trống trải và không có người ở. Nhưng bởi vì tôi không có vũ khí nên tôi không dám đi sâu vào đất liền. Trên bờ tôi tìm được một số con sò và đem chúng ăn sống. Tôi sợ nếu mình đốt lửa thì sẽ gây sự chú ý của những thổ dân. Ba ngày liền tôi ăn hàu và các con sò khác mong muốn giữ số lương thực dự trữ

nghèo nàn của mình càng lâu càng tốt. May mắn thay tôi tìm thấy một con suối nước ngọt, điều này củng cố lòng tin của tôi rất nhiều.

Sang ngày thứ tư tôi quyết định đi sâu một chút vào đất liền. Bất thình lình tôi nhìn thấy một nhóm thổ dân trên một ngọn đồi không cao cách tôi chừng năm trăm yard. Tất cả họ - những người đàn ông, đàn bà và trẻ con - đều hoàn toàn trần truồng và đứng ngồi cạnh đống lửa. Một người trong số họ nhìn thấy tôi và chỉ tôi cho những người khác. Năm người đàn ông lao ra khỏi chỗ và hướng về phía tôi, để những người đàn bà và trẻ em lại. Tôi chạy ba chân bốn cẳng ra bờ, leo lên thuyền và ra khơi. Những thổ dân thấy tôi bỏ chạy liền đuổi theo tôi và trước khi tôi kịp ra xa bờ ở khoảng cách đủ xa thì họ bắn một mũi tên đuổi theo tôi, mũi tên đâm sâu vào đầu gối trái của tôi. Tôi sợ đây là một mũi tên tẩm thuốc độc. Khi tôi cảm thấy đã ra ngoài tầm tên bắn, tôi vội vã hút vết thương một cách cẩn thận và sau đó buộc chặt nó lại.

Tôi không biết quyết định phải làm gì. Tôi sợ quay lại chỗ đổ bộ ban đầu. Bởi thế tôi chọn hành trình lên phía Bắc, mặc dù phải chèo bằng tay. Trong khi nhìn xung quanh tìm một nơi thuận tiện để cập bến, tôi phát hiện một cánh buồm ở hướng Bắc Đông Bắc, mỗi lúc càng thấy nó rõ hơn. Tôi dao động mất một lúc không biết là nên đợi nó hay là không. Nhưng cuối cùng sự căm thù của tôi với giống Yahoo đã lấn át mọi toan tính khác. Tôi quay thuyền, hướng về phía Nam và đi vào cái vịnh mà ban sáng tôi đã rời đấy đi. Tôi dự tính thà nộp mình cho các thổ dân man rợ còn hơn là sống giữa các Yahoo châu Âu. Tôi lôi thuyền lên bờ còn bản thân thì trốn sau tảng đá ở bên con suối nước ngọt.

Con tàu biển tiến gần vào vịnh đến cự ly chừng nửa hải lý và phái một chiếc xuồng mang theo thùng lấy nước ngọt tiến vào bờ. Rõ ràng trên con tàu này người ta biết rất rõ chỗ này. Tôi nằm giữa các tảng đá và cũng đã quá muộn để tìm một nơi ẩn náu khác. Sau khi cập bờ, các thủy thủ ngay lập tức phát hiện ra chiếc thuyền của tôi. Họ quan sát nó rất kỹ càng và chẳng khó gì cũng đoán ra chủ nhân của nó đang ở đâu đó gần đây. Bốn người trong số họ bắt đầu quan sát cẩn thận từng khe đá, từng bụi cây và cuối cùng đã tìm thấy tôi trốn sau các tảng đá. Họ ngạc nhiên quan sát tôi trong bộ dạng kỳ quặc và vụng về mất một lúc; áo khoác bằng da thỏ, giày đế gỗ và tất lông thú. Hơn nữa theo bộ dạng này họ kết luận tôi không phải là thổ dân, bởi vì tất cả các thổ dân đều trần truồng. Một trong các thủy thủ ra lệnh bằng tiếng Bồ Đào Nha cho tôi đứng dậy và hỏi tôi là ai. Tôi hiểu anh ta rất rõ (vì tôi biết tiếng này) và trong khi tôi đứng dậy tôi nói tôi là một Yahoo bất hạnh, bị đuổi khỏi đất nước của các Ngựa-người và nài xin cho tôi được đi khỏi đây. Các thủy thủ ngạc nhiên khi nghe thấy tôi nói bằng tiếng Bồ Đào Nha. Qua sắc da mặt, họ nhận ra tôi là người châu Âu. Nhưng họ không thể nào hiểu tôi nói các từ "Yahoo" và "Ngựa-người" để chỉ cái gì. Đồng thời kiểu cách nói của tôi giống như tiếng ngựa hý đã khiến họ buồn cười. Run lên vì sợ hãi và căm thù, tôi lại một lần nữa xin đi khỏi đây và nhẹ nhàng rút lui về phía con thuyền của tôi. Nhưng họ giữ tôi lại và muốn biết tôi là người nước nào và tôi từ đâu tới đây. Tôi trả lời họ là tôi sinh ra ở Anh và tôi rời nơi đó cách đây năm năm, khi đất nước họ và đất nước tôi vẫn hữu hảo với nhau. Bởi thế tôi hy vọng rằng họ sẽ không đối xử với tôi như với kẻ thù; hơn nữa tôi không muốn độc ác với họ một chút nào. Tôi chỉ là một Yahoo bất hạnh và đi tìm một nơi trống vắng nào đó để sống nốt quãng đời còn lại.

Khi họ bắt đầu trò chuyện thì tôi có cảm giác chưa bao giờ nghe thấy và chưa bao giờ trông thấy một cái gì phản tự nhiên hơn. Điều này đối với tôi cũng kỳ quái như ở Anh nếu người ta thấy chó và bò bắt đầu trò chuyện, hoặc ở đất nước Ngựa-người - các Yahoo bắt đầu trò chuyện. Những người Bồ Đào Nha đáng kính cũng không kém phần ngạc nhiên trước bộ quần áo kỳ quái của tôi và cách nói

không bình thường mặc dù họ hiểu tôi rất tốt. Họ đối với tôi rất lịch thiệp và tuyên bố rằng thuyền trưởng của họ hẳn sẽ chở tôi về Lisbon và từ đó tôi có thể tự về Tổ quốc mình.

Hai thủy thủ quyết định quay trở lại tàu để báo tin cho thuyền trưởng về những gì mà họ thấy và nhận mệnh lệnh của ông. Họ cảnh cáo tôi là nếu tôi không cam đoan với họ sẽ không bỏ chạy thì họ sẽ buộc phải dùng bạo lực đối với tôi. Tôi tính tốt hơn cả là đồng ý với đề nghị của họ. Họ rất muốn biết các chuyến phiêu lưu của tôi nhưng tôi lại biểu hiện hết sức trầm mặc. Khi đó họ cho rằng sự bất hạnh đã làm tổn thương trí tuệ của tôi.

Sau hai giờ chiếc xuồng chở thùng nước ngọt lúc nãy quay trở lại với mệnh lệnh của thuyền trưởng đưa tôi lên boong. Tôi quỳ gối xuống và van xin hãy tha cho tôi tự do. Nhưng tất cả đều công toi: các thủy thủ trói tôi lại và ném lên thuyền, chở tôi về tàu và đưa tôi vào buồng của thuyền trưởng.

Thuyền trưởng tên là Pedro de Mendez. Đó là một người tốt bụng và lịch thiệp. Ông yêu cầu tôi kể một ít về bản thân mình và cam đoan rằng trên tàu họ sẽ đối xử với tôi giống như đối với ông và nói rất nhiều điều lịch sự đối với tôi đến nỗi tôi kinh ngạc thấy sự lịch sự đến như thế có ở Yahoo. Tuy nhiên tôi vẫn im lặng và làm bộ ngờ nghệch và tôi suýt ngất chỉ vì mùi của thuyền trưởng này và các thủy thủ của ông. Cuối cùng tôi xin đem lại cho tôi đồ ăn trong số dự trữ lương thực trên thuyền của tôi. Nhưng thuyền trưởng ra lệnh đem lại cho tôi một con gà giò và rượu vang rất ngon. Ông cũng ra lệnh chuẩn bị cho tôi chăn chiếu trong một cabin rất sạch sẽ. Tôi không muốn cởi quần áo và cứ để nguyên thế đi nằm. Sau nửa giờ theo ước tính của tôi, thủy thủ đoàn đi ăn trưa, tôi lén lút bò khỏi cabin của mình và lẻn lên boong tàu, có ý định sẽ lao xuống biển và bơi đi trốn chỉ vì không muốn ở lại với các Yahoo. Nhưng một số thủy thủ đã ngăn cản tôi và báo cáo mưu đồ của tôi cho thuyền trưởng. Ông ra lệnh nhốt tôi trong cabin.

Sau ăn trưa Don Pedro đến chỗ tôi và muốn biết những nguyên nhân khiến tôi quyết định có hành vi tuyệt vọng như thế. Ông an ủi tôi là nguyện vọng duy nhất của ông là giúp đỡ tôi hết lòng theo khả năng của ông. Ông nói thật cảm động và tin tưởng khiến tôi dù thế nào cũng phải đồng ý tiếp xúc với ông như với một động vật có một chút trí tuệ. Tôi kể vắn tắt cho ông về các chuyến du lịch của tôi, về sự nổi loạn của thủy thủ đoàn trên con tàu của tôi, về đất nước mà những kẻ phiến loạn đã bỏ tôi lên và về ba năm lưu lại đấy của tôi. Thuyền trưởng tưởng nhầm câu chuyện của tôi là chuyện nhảm nhí hay ảo giác thì thật hết sức xúc phạm tôi. Tôi hoàn toàn bỏ thói dối trá vốn có ở một Yahoo và đã quên bẵng những khuynh hướng thông thường của chúng là hoài nghi đối với lời nói của đồng loại.

Tôi hỏi ông:

- Phải chăng ở Tổ quốc ông có phong tục ăn không nói có hay không?

Tôi cam đoan với ông là tôi hầu như quên hết ý nghĩa của từ “dối trá” và dù tôi có sống ở đất nước Ngựa-người hàng nghìn năm tôi sẽ chẳng bao giờ nghe thấy một điều dối trá ở chính những người hầu bét nhất. Hơn nữa, tôi hoàn toàn không phân biệt được ông có tin lời tôi hay không, tuy nhiên do biết ơn tấm lòng lịch thiệp của ông tôi sẵn sàng khoan dung đối với các thói xấu vốn có của ông và trả lời mọi câu hỏi và ý kiến phản bác của ông, những gì mà ông sẽ thích đặt ra cho tôi.

Thuyền trưởng là một con người thông minh, sau vô số ý định vạch ra những mâu thuẫn trong câu chuyện của tôi, ông đã rút ra ý kiến tốt hơn về sự trung thực của tôi. Nhưng ông tuyên bố, nếu tôi tha thiết như thế đối với chân lý thì phải đưa ra một lời hứa danh dự là

sẽ không bao giờ mưu hại đến cuộc sống của bản thân một lần nữa trong suốt cuộc hành trình này, nếu khác đi ông sẽ giam tôi lại cho đến tận Lisbon. Tôi đưa ra lời hứa mà ông yêu cầu, nhưng sau đó tôi lại tuyên bố rằng sẵn sàng chịu nỗi bất hạnh nặng nề nhất chỉ có điều đừng quay về với xã hội Yahoo.

Trong thời gian hành trình của chúng tôi không xảy ra điều gì đáng kể. Do biết ơn thuyền trưởng mà tôi đôi khi chịu nhượng bộ trước yêu cầu chính đáng của ông và đồng ý ngồi nói chuyện với ông, cố gắng không biểu lộ sự khinh miệt của mình đối với con người. Nhưng dù sao điều đó thường xuyên lộ ra ở tôi còn thuyền trưởng làm ra vẻ chẳng nhận ra điều gì. Gần như cả ngày tôi ngồi trong cabin của mình để tránh không gặp bất cứ ai trong số thủy thủ. Thuyền trưởng nhiều lần thuyết phục tôi bỏ bộ quần áo lông thú đi. Ông đề nghị tôi mặc bộ quần áo tốt nhất của ông, nhưng tôi kiên quyết từ chối tất cả, không muốn mặc lên người mình những vật có đụng chạm tới cơ thể Yahoo. Tôi chỉ xin ông hai chiếc áo sơ-mi sạch. Chúng được giặt thật sạch để không thể nào dấy bẩn lên người tôi nữa. Tôi thay chúng hàng ngày và tự tay giặt.

Chúng tôi đến Lisbon ngày 15 tháng Mười một năm 1715. Trước khi lên bờ thuyền trưởng quàng lên vai tôi chiếc áo mưa của mình để đám đông đường phố không tụ tập lại quanh tôi. Ông đưa tôi đến nhà mình và theo yêu cầu khẩn khoản của tôi, ông thu xếp tôi ở trong một căn phòng ở tầng thượng, có cửa sổ trông xuống sân. Thuyền trưởng khuyên tôi đặt cho bản thân một cái áo khoác mới. Nhưng tôi không bao giờ chịu cho thợ may đo cơ thể tôi. Bởi vì Don Pedro có tầm vóc gần giống như tôi do đó cái áo khoác may cho ông cũng vừa với tôi. Ông còn cũng cấp cho tôi cả những thứ cần thiết khác. Tất cả chúng hoàn toàn mới nhưng dù sao tôi vẫn đem chúng ra phơi suốt cả một ngày trước khi mặc vào người.

Thuyền trưởng chưa có vợ và ông chỉ giữ có ba người hầu. Ông cấm họ phục vụ chúng tôi ở bàn. Nói chung, ông đối xử với tôi hết sức chu đáo, ông biểu hiện tính cách chân thành và hiểu rằng tôi đang dần dần làm quen với xã hội của ông. Cuối cùng ông đã thuyết phục được tôi nhìn ra cửa sổ trông ra vườn ở sau nhà. Sau đó tôi bắt đầu đi sang phòng khác. Có lần tôi nhìn ra cửa sổ trông xuống phố nhưng ngay sau đó sợ hãi giật bắn người lên. Một tuần sau thuyền trưởng đã khuyên được tôi cùng ông xuống dưới ngồi chơi ở cửa ra vào. Nỗi sợ hãi của tôi dần dần giảm đi, nhưng sự thù ghét và khinh miệt đối với mọi người dường như lại tăng lên. Cuối cùng tôi đã đánh bạo cùng với thuyền trưởng đi ra ngoài phố.

Chừng mười ngày sau khi tôi đến đây, Don Pedro người được tôi kể gì đó về gia đình tôi và các công việc trong gia đình, tuyên bố với tôi rằng nghĩa vụ của tôi là quay về Tổ quốc và sống ở nhà với vợ con. Ông nói rằng ngoài cảng có một con tàu chuẩn bị đi Anh đang đậu và biểu lộ sẵn sàng cung cấp cho tôi mọi thức cần thiết cho chuyến đi. Thật chán nếu kể tất cả những nguyên cớ ông đưa ra và những lời phản bác của tôi. Ông nói rằng hoàn toàn không thể nào tìm được một hoang đảo mà tôi mơ ước. Nhưng tại chính nhà mình tôi có thể làm gì mà tôi muốn và sống ẩn dật hoàn toàn.

Cuối cùng tôi chấp thuận sau khi thấy rằng chẳng có phương sách nào tốt hơn nữa. Tôi rời Lisbon ngày 24 tháng Mười một trên một con tàu buôn của Anh, nhưng ai là chủ nhân của nó tôi cũng không hỏi. đon Peđro tiễn tôi ra tàu và cho tôi vay hai mươi bảng Anh. Lúc tạm biệt ông ôm tôi thân thiết nhưng điều đó đối với tôi lại chẳng dễ chịu gì. Dọc đường tôi chẳng nói chuyện với thuyền trưởng cũng như các thủy thủy và chỉ ngồi suốt ngày trong cabin của mình như là bị ốm. Ngày 5 tháng Mười hai năm 1715 gần chín giờ sáng chúng

tôi thả neo ở Downs, và khoảng ba giờ chiều tôi đã đến nhà mình ở Redriff.

Vợ và con tôi đón tôi hết sức ngạc nhiên và vui mừng. Từ lâu họ cho rằng tôi đã chết. Nhưng tôi cũng phải thừa nhận thẳng thắn rằng khi trông thấy họ tôi chỉ cảm thấy căm ghét, ghê tởm và khinh miệt.

Khi tôi vừa bước vào nhà, vợ tôi ôm chầm lấy tôi và hôn. Do sự va chạm này tôi ngã ra bất tỉnh suốt hơn một giờ. Khi tôi viết những dòng này thì đã năm năm trôi qua kể từ khi tôi quay về Anh. Trong suốt năm đầu tiên tôi không thể nào chịu được hình dáng của vợ và các con tôi. Nhưng cả cho đến giờ vợ con tôi vẫn không dám đụng đến bánh mì hoặc cốc uống nước của tôi, cho đến giờ tôi vẫn không thể nào cho phép họ nắm tay tôi.

Số tiền dôi ra đầu tiên tôi chỉ ngay để mua hai con ngựa con mà tôi nuôi trong một chuồng ngựa tuyệt đẹp. Sau chúng, người tôi yêu quý nhất là người chăn ngựa bởi vì từ người anh ta bao giờ cũng bốc mùi chuồng ngựa dễ chịu. Những con ngựa hiểu tôi khá tốt. Tôi trò chuyện với chúng ít nhất bốn giờ một ngày. Chúng không biết thế nào là yên, là cương nhưng rất nghe lời tôi và đối với nhau rất hòa thuận.

GULLIVER DU KÝ

Jonathan Swift
www.dtv-ebook.com

Chương 12

hế là độc giả thân mến, tôi đã mô tả cho bạn một cách chân thực các chuyến du lịch của tôi kéo dài mười sáu năm và hơn bảy tháng. Trong miêu tả này tôi không chỉ thêu dệt mà còn nói phần nào sự thật. Cũng có thể giống như các nhà du lịch khác, tôi có lẽ làm bạn kinh ngạc và khó tin những chuyện tôi kể, nhưng tôi có ý đồ trình bày chỉ những sự kiện bằng cách hành văn đơn giản nhất. Mục đích của tôi là thông báo cho bạn biết thật nhiều những tri thức mới nhưng không hoàn toàn quên bẵng bạn.

Đối với chúng tôi, những nhà du lịch đến các nước xa xôi, đôi khi là người Anh hay những người châu Âu khác, chẳng khó gì khi biên soạn loại sách mô tả các động vật kỳ lạ ở dưới biển hay trên cạn. Dù sao mục đích chủ yếu của du khách là giáo dục con người, giáo dưỡng các đức tính tốt ở họ, hoàn thiện trí óc họ nhờ những tấm gương tốt hoặc xấu trong đời sống của các nước ngoài. Với tất cả tấm lòng, tôi mong muốn ra đời đạo luật, buộc mỗi một du khách trước khi nhận được giấy phép công bố cuốn sách về các chuyến du lịch của mình thề trước các nhà quý tộc của thượng nghị viện là tất cả những gì mà anh ta định công bố - là sự thật một trăm phần trăm. Khi đó sẽ không có ai lừa dối công chúng cả tin như một số nhà văn làm điều ấy. Trong khi muốn tạo cho cuốn sách của mình hay ho cuốn hút hơn, họ đã đưa cho độc giả những chuyện bịa đặt thô thiển nhất[1].

Ngay từ tuổi thơ tôi đã háo hức đọc không ít sách về các chuyện phiêu lưu. Nhưng sau khi đi gần như vòng quanh thế giới tôi dựa trên cơ sở những quan sát của chính mình thấy rõ ràng có biết bao là chuyện hoang đường trong các cuốn sách ấy và tôi hết sức chán đọc các loại như vậy.

Tôi biết rõ rằng tác phẩm không đòi hỏi tài năng, kiến thức và nói chung năng khiếu gì đó ngoài trí nhớ tốt hay là ghi nhật ký một cách cẩn thận thì không thể nào làm tác giả của nó nổi danh một cách đặc biệt được. Rất có thể những du khách đến thăm những đất nước sau này trong tập sách này sẽ phát hiện những sai sót của tôi và đưa ra nhiều phát kiến mới, sẽ đẩy tôi xuống hàng thứ hai còn bản thân họ sẽ chiếm vị trí của tôi thì thế giới sẽ quên bẵng là đã từng có một nhà văn như thế vào lúc nào đó. Nếu như tôi viết vì vinh quanh thì điều đó làm tôi rất buồn, nhưng bởi vì mối quan tâm duy nhất của tôi là phúc lợi xã hội, thì tôi chẳng có cơ sở nào để chán ngán.

Thú thật, tôi tự nhủ dù sao nghĩa vụ của tôi, của một thần dân Anh buộc tôi giờ đây phải quay về Tổ quốc và đệ trình một trong số các đại thần bản ghi chép về các khám phá của tôi, bởi vì tất cả các đất đai được các thần dân khám phá thuộc về đức vua của nó.

Nhưng tôi ngờ rằng để chinh phục các nước mà tôi đã kể cũng không dễ dàng với chúng ta như sự chinh phục của Ferdinando Cortez[2] đối với những người châu Mỹ không có gì tự vệ. Theo ý kiến tôi, có đáng cử quân đội và hạm đội đi chinh phục đất nước Lilliput của những người tí hon hay không. Đồng thời tôi không nghĩ tấn công vào đất nước Brobdingnag của những người khổng lồ là

thông minh và an toàn, hoặc binh lính Anh cảm thấy mình hoàn toàn bình tĩnh khi trên đầu họ đảo Laputa đang bay liệng. Sự thật, những Ngựa-người cũng dường như không chuẩn bị tốt như thế cho chiến tranh. Tuy nhiên nếu tôi có là bộ trưởng tôi cũng không bao giờ khuyên tấn công vào các đất nước ấy. Sự thông thái, sự nhất trí, nhiệt huyết và tình yêu đối với Tổ quốc của binh lính Anh dù có thừa cũng không thể nào bù được chỗ dốt nát của họ trong nghệ thuật chiến tranh. Hãy thử hình dung hai chục nghìn Ngựa-người bất thình lình xông vào giữa quân đội châu Âu, làm rối loạn hàng ngũ, làm tan rã các đoàn xe, biến bộ mặt của các binh lính thành món thịt băm do cú đá đáng sợ của mình.

Thật ra tốt hơn cả nếu chúng ta thay cho việc thực hiện các mưu đồ chiến tranh chống lại dân tộc tao nhã này, hãy, yêu cầu họ cử một số khá đủ các công dân của mình đến để nâng cao trình độ văn minh của châu Âu, dạy chúng ta tuân theo các nguyên tắc của danh dự; chính nghĩa, trung thực, sự tự kiềm chế, sự đoàn kết, sự dũng cảm, tình bạn, lòng tốt và lòng chung thủy. Tên gọi của những phẩm hạnh này còn duy trì ở đại đa số các ngôn ngữ châu Âu và chúng có thể thấy cả ở các nhà văn đương thời cũng như cổ đại. Tôi có thể khẳng định điều đó mặc dù tôi không thuộc số các nhà bác học chuyên nghiệp.

Nhưng còn có một nguyên nhân khác ngăn cản tôi ủng hộ sự chiếm đoạt của đức vua đối với các đất nước mà tôi khám phá. Sự thật tôi có nghi ngờ vào sự chính nghĩa mà đức vua biểu lộ trong các trường hợp như vậy. Chẳng hạn: bão đưa một bọn cướp biển đi theo một hướng mà chúng không biết rõ. Cuối cùng từ trên đỉnh cột buồm thủy thủ tập sự phát hiện thấy một dải đất. Bọn cướp biển lên bờ để lao vào cướp bóc. Chúng ở giữa những cư dân hiền lành tiếp đón chúng tử tế. Chúng đặt tên mới cho đất nước này, mang tên tuổi của đức vua, chúng dựng lên một tấm ván mục hoặc một hòn đá để đánh dấu, giết hai hoặc ba chục thổ dân, cưỡng bức đưa lên tàu một số người làm con tin, chúng quay về Tổ quốc và được hưởng sự ân xá. Thế là xuất hiện một thuộc địa mới, thuộc quyền thượng đế. Khi có khả năng đầu tiên, người ta phái các tàu tới đó. Những thổ dân hoặc bị xua đuổi, hoặc bị tiêu diệt, thủ lĩnh của họ bị nhục hình để buộc phải nộp vàng của mình ra. Tất cả được tự do hoàn toàn để thực hiện bất kỳ hành vi vô nhân đạo nào, đất bị nhuộm đỏ máu của con em mình. Và bè lũ những tên hàng thịt đê tiện ấy đã lao vào công việc sáng danh để hình thành một thuộc địa hiện đại, ấn định để gieo rắc văn minh giữa những người mọi rợ theo ngẫu tượng giáo và biến cải họ đi theo Cơ đốc giáo.

Nhưng sự mô tả này có lẽ không có liên quan chút nào tới dân tộc Anh. Dân tộc này có thể là tấm gương cho toàn thế giới nhờ trí thông minh, tính cần mẫn và chính nghĩa của mình trong việc vun trồng các thuộc địa. Nó hoạt động không biết mệt mỏi cho sự phồn vinh của tôn giáo và khai hóa: nó chọn lựa các giáo sĩ có năng lực nhất để truyền bá Cơ đốc giáo; nó di dân một cách cực kỳ cẩn thận đến các thuộc địa của mình và dạy dân chúng lương thiện và biết chừng mực theo ngôn ngữ mẫu quốc; nó cho tấm gương tuyệt vời của sự kính trọng nghiêm khắc nhất đối với chính nghĩa, trong khi thay thế các cương vị hành chính trong tất cả các thuộc địa của mình bằng các quan chức có thiên bẩm xuất chúng hoàn toàn xa lạ với mọi thói xấu và thói bất lương; và thêm nữa - nó bổ nhiệm các thống đốc có đức hạnh và tỉnh táo, quan tâm nồng nhiệt đến sự cai trị dân chúng của họ và tuân thủ chặt chẽ thanh danh của đức vua của mình.

Nhưng bởi vì cư dân của các nước mà tôi mô tả rõ ràng chẳng có chút nguyện vọng nào để bị chinh phục, bị đối xử nô lệ, bị tiêu diệt hoặc bị bọn thực dân xua đuổi và bởi vì chính các đất nước này chẳng giàu vàng hoặc bạc, chẳng có đường, chẳng có thuốc lá, thì theo ý kiến khiêm tốn của tôi chúng rất không thích hợp với những biểu hiện nhiệt huyết và lòng dũng cảm của chúng ta. Tuy nhiên nếu có ai đi

sâu hơn về vấn đề này cho rằng cần có ý kiến khác thì tôi sẵn sàng xác nhận bằng lời thề rằng chẳng có một người châu Âu nào đến thăm các đất nước này trước tôi. Có thể có một số nghi vấn xuất hiện đối với hai Yahoo mà theo truyền thuyết, người ta nhìn thấy từ nhiều thế kỷ trước trên một ngọn núi ở đất nước Ngựa-người và từ chúng, như truyền thuyết nêu ra, phát sinh dòng giống súc vật bẩn thỉu này. Hai Yahoo này cũng có thể là người Anh - tôi thiên về kết luận này trên cơ sở nét mặt của các con cháu của chúng biến đổi rất nhiều. Nhưng có bao sự kiện có thể khẳng định điều này tôi xin nhường cho các bậc am hiểu các đạo luật thuộc địa phán xét.

Những gì có liên quan tới sự chiếm đoạt hợp lệ các đất nước được khám phá nhân danh đức vua của tôi thì suy nghĩ ấy chưa bao giờ nảy ra trong đầu của tôi. Hơn nữa, nếu như tôi có suy nghĩ về điều này thì sau khi thấy rõ tình trạng của tôi hiện thời có lẽ tôi rút lui là thông minh hơn cả, nhường cho việc thực hiện thể thức này cho đến lúc có điều kiện thuận lợi hơn.

Như vậy, sau khi trả lời điều trách cứ với tôi như một du khách, tôi xin tạm biệt hoàn toàn với mọi độc giả yêu quý của tôi và trở về với mảnh vườn của mình ở Redriff. Ở đó tôi sẽ theo đuổi các hồi tưởng về đất nước Ngựa-người tốt đẹp, sẽ cố gắng khai hóa Yahoo, bởi vì những động vật này nói chung dễ được khai hóa; sẽ thường xuyên nhìn hình phản chiếu của mình trong gương và như vậy có thể dần dần tạo cho mình mang dáng vẻ con người; sẽ buồn phiền về tính hoang dã của các con ngựa trên Tổ quốc tôi, nhưng luôn luôn đối xử kính trọng với chúng vì chủ nhân cao quý của tôi, vì gia đình ông và các bè bạn và toàn thể giống Ngựa-người mà các con ngựa của chúng ta có cấu tạo cơ thể hoàn toàn giống họ nhưng thua kém họ về khả năng trí tuệ.

Tuần lễ trước tôi bắt đầu cho phép vợ tôi ngồi ăn trưa cùng với tôi trên đầu đằng kia của cái bàn dài và trả lời (càng ngắn càng tốt) các câu hỏi của tôi. Và mặc dù đối với người lớn tuổi thật khó bỏ các thói quen cũ, tuy nhiên tôi vẫn không mất hy vọng sau một thời gian nữa tôi sẽ có khả năng hòa hợp với xã hội của các Yahoo-láng giềng và thôi không ghê sợ răng và móng của họ.

Tôi đáng lẽ cam chịu dễ hơn nhiều đối với tất cả giống Yahoo nếu như chúng thỏa mãn với các thói xấu và điên rồ mà thiên nhiên phú cho chúng. Tôi chẳng tức giận chút nào trước dáng vẻ của tên bồi bếp, tên kẻ cắp móc túi, thằng hề, thị đồng, con bạc, chính khách, kẻ mai mối, thầy lang băm, kẻ làm chứng gian, kẻ quyến rũ, kẻ phản bội, và những kẻ đại loại chúng: sự tồn tại của tất cả chúng theo thứ tự đồ vật. Những khi tôi thấy một con vật ngoài tất cả các thói hư tật xấu còn có thêm tính kiêu căng và tự mãn thì tôi không chịu được nữa. Tôi không thể nào hiểu được loại động vật ấy lại có tính tự cao tự đại. Ở các Ngựa-người thông minh và tốt bụng được phú cho mọi đức tính tốt chỉ có thể có ở các sinh vật trí tuệ thì lại không có một từ nào để chỉ các thói xấu này. Nhưng theo kinh nghiệm của bản thân, tôi phân biệt rõ được một số mầm mống tự cao tự đại trong các Yahoo hoang dã. Tuy nhiên các Ngựa-người sống dưới ảnh hưởng của trí tuệ lại rất ít tự hào về những tính cách tốt của mình giống như tôi tự hào mình có hai tay; chẳng một người có đầu óc lành mạnh nào lại làm bộ làm tịch về điều này mặc dù có thể sẽ rất đau khổ nếu như mất một tay. Tôi nói nhiều về điều này như vậy cũng do xuất phát từ mong muốn làm hết sức mình cho xã hội Yahoo Anh dễ chịu hơn đối với tôi. Bởi thế tôi rất mong ai đó bị mắc phải thói xấu tự cao tự đại ở mức độ nào đó xin hãy tha thứ cho tôi.

HẾT

Chú thích [1] Ở Anh vào thế kỷ XVIII thật sự có vô số những truyện mô tả các cuộc phiêu lưu ra đời, tác giả của chúng cùng với các câu chuyện thật về các đất nước xa xôi và hẻo lánh, để cuốn hút sự chú ý của công chúng đã đưa thêm rất nhiều chuyện bịa đặt và tưởng

tượng vào câu chuyện của mình. Rõ ràng Swift trước hết nhằm vào Daniel Defoe địch thủ văn học số một của mình, mà trong tiểu thuyết "Các chuyện phiêu lưu của Robinson Crusoe" có nhiều sai sót và không chính xác.

[2] Ferdinando Cortez (1485 – 1547) – kẻ đi xâm lược Mehico và đưa đất nước này thuộc quyền cai trị của Tây Ban Nha.